BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

TRẦN NGỌC DUNG

PHÁP LUẬT VỀ CHỐNG BÁN HÀNG ĐA CẤP BẤT CHÍNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

HÀ NỘI – 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

TRẦN NGỌC DUNG

PHÁP LUẬT VỀ CHỐNG BÁN HÀNG ĐA CẤP BẤT CHÍNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã số: 9.38.01.07

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS. TS. BÙI NGUYÊN KHÁNH

HÀ NỘI – 2021

MỤC LỤC

Trang phụ bìa **Trang**

Lời cam đoan

Lời cảm ơn

Mục lục

Danh mục các từ viết tắt

Danh mục bảng biểu, biểu đồ

Danh mục các phụ lục

PHẦN MỞ ĐẦU……... 1

PHẦN TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU……..... 7

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án…… 7

1.1. Nghiên cứu lý luận về bán hàng đa cấp, bán hàng đa cấp bất chính và pháp luật chống bán hàng đa cấp bất chính ……..... 8

1.1.1. Nghiên cứu lí luận về Bán hàng đa cấp và bán hàng đa cấp bất chính..... 8

1.1.2. Nghiên cứu lí luận về pháp luật chống bán hàng đa cấp bất chính…..... 18

1.2. Nghiên cứu về thực trạng quy định của pháp luật chống bán hàng đa cấp bất chính…... 19

1.3. Nghiên cứu đề xuất giải pháp và kiến nghị hoàn thiện pháp luật chống bán hàng đa cấp bất chính…….……... 25

2. Đánh giá kết quả các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án……..... 29

2.1. Những vấn đề đã được làm sáng tỏ, luận án có thể tiếp thu kế thừa…….. 29

2.2. Những vấn đề nghiên cứu được triển khai trong Luận án……..... 31

3. Cơ sở lý thuyết nghiên cứu của đề tài…… 31

3.1. Lý thuyết nghiên cứu…… 31

3.2. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu của đề tài……..……... 32

Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BÁN HÀNG ĐA CẤP BẤT CHÍNH VÀ PHÁP LUẬT CHỐNG BÁN HÀNG ĐA CẤP BẤT CHÍNH 34

1.1. Những vấn đề lý luận về bán hàng đa cấp bất chính……..... 34

1.1.1. Bán hàng đa cấp bất chính……...……..... 34

1.3.2.1.Khái niệm bán hàng đa cấp…….... 34

1.1.1.2. Khái niệm bán hàng đa cấp bất chính…….... 39

1.1.2. Vai trò của bán hàng đa cấp và sự tác động của bán hàng đa cấp bất chính…..... 46

1.2. Những vấn đề lý luận về pháp luật chống bán hàng đa cấp bất chính……..…. 54

1.2.1.Khái niệm pháp luật chống bán hàng đa cấp bất chính…….. 54

1.2.2. Nguyên tắc của pháp luật chống bán hàng đa cấp bất chính…….…...…. 58

12.3. Nội dung pháp luật chống bán hàng đa cấp bất chính…….. 61

1.2.4. Vai trò của pháp luật trong việc chống bán hàng đa cấp bất chính……...….. 66
1.3. Kinh nghiệm điều chỉnh pháp luật về chống bán về chống bán hàng đa cấp bất chính của một số nước trên thế giới……. 68
1.3.1. Kinh nghiệm của một số nước trên thế giới……... 68
1.3.1.1 Kinh nghiệm tại Hoa Kỳ……..... 68
1.3.1.2. Kinh nghiệm tại Canada..... 71
1.3.1.3. Kinh nghiệm tại Nhật Bản..... 72
1.3.1.4. Kinh nghiệm tại Hàn Quốc..... 73
1.3.1.5. Kinh nghiệm tại Trung Quốc…… 75
1.3.2. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam……..... 76
Kết luận chương 1……..... 80
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ CHỐNG BÁN HÀNG ĐA CẤP BẤT CHÍNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY…… 81
2.1. Thực trạng quy định pháp luật về chống bán hàng đa cấp bất chính…… 81
2.1.1. Dấu hiệu nhận diện hành vi bán hàng đa cấp bất chính theo quy định của pháp luật……..... 81
2.1.2. Quy định về điều kiện đăng ký kinh doanh theo phương thức đa cấp…….. 87
2.1.2.1. Về chủ thể và đối tượng được phép bán hàng đa cấp……. 88
2.1.2.2. Về vốn điều lệ và ký quỹ của doanh nghiệp bán hàng đa cấp……..…. 90
2.1.2.3. Về quy định tài liệu tham gia bán hàng đa cấp……. 92
2.1.2.4. Về hệ thống thông tin tham gia quản lý bán hàng đa cấp và trang thông tin điện tử của doanh nghiệp……. 95
2.1.3. Chế tài xử phạt bán hàng đa cấp bất chính……. 96
2.1.3.1. Chế tài hành chính…… 96
2.1.3.2. Chế tài Dân sự…….. 98
2.1.3.3. Chế tài Hình sự……..... 94
2.1.4. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi bán hàng đa cấp bất chính….. 103
2.2. Thực tiễn xử lý vi phạm bán hàng đa cấp bất chính ở Việt Nam hiện nay..... 105
2.3. Đánh giá thực trạng quy định của pháp luật chống bán hàng đa cấp bất chính. 112
2.3.1. Những điểm đạt được của pháp luật về chống bán hàng đa cấp bất chính…….. 112
2.3.2. Một số hạn chế của pháp luật trong việc chống bán hàng đa cấp bất chính…..... 114
Kết luận chương 2……..... 120
CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP NHẰM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHỐNG BÁN HÀNG ĐA CẤP BẤT CHÍNH……..... 121

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật chống bán hàng đa cấp bất chính……... 121

3.1.1. Nhận diện chính xác những hạn chế của pháp luật Việt Nam về chống bán hàng đa cấp bất chính…… 122

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật chống bán hàng đa cấp bất chính xuất phát từ yêu cầu tất yếu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam……..... 117

3.1.3. Hoàn thiện pháp luật chống bán hàng đa cấp bất chính nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người tham gia bán hàng đa cấp và người tiêu dùng…… 122

3.1.4. Hoàn thiện pháp luật nhằm đảm bảo tính đồng bộ của pháp luật, chặt chẽ trong quản lý nhà nước của các cơ quan có thẩm quyền hướng tới mục tiêu chống bán hàng đa cấp bất chính…… 124

3.2. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả cho việc thực hiện pháp luật chống bán hàng đa cấp bất chính…….. 126

3.2.1. Nhóm giải pháp sửa đổi bổ sung và hoàn thiện các quy định pháp luật về chống bán hàng đa cấp bất chính……..... 126

3.2.1.1. Bổ sung quy định về bán hàng đa cấp bất chính…… 127

3.2.1.2. Về chất lượng, giá cả hàng hóa của doanh nghiệp bán hàng đa cấp……. 130

3.2.1.3. Hoàn thiện một số quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh nhằm chống bán hàng đa cấp bất chính ……. 132

3.2.1.4. Về địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bán hàng đa cấp tại phương…….. 138

3.2.1.5. Hoàn thiện quy định pháp luật về chế tài xử phạt bán hàng đa cấp bất chính…… 141

3.2.2. Nhóm giải pháp tổ chức quản lý Nhà nước trong hoạt động bán hàng đa cấp 151

3.2.2.1. Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động bán hàng đa cấp..... 151

3.2.1.2. Xây dựng văn bản hướng dẫn chi tiết hơn để đảm bảo tính khả thi của Nghị định 40/2018/NĐ-CP chống bán hàng đa cấp bất chính…… 147

3.2.3. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả chống bán hàng đa cấp bất chính…….. 154

3.2.3.1. Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý và xử lý các vi phạm bán hàng đa cấp bất chính……. 154

3.2.3.2. Tích cực tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thực xã hội về quản lý bán hàng đa cấp nhằm chống bán hàng đa cấp bất chính..... 158

Kết luận chương 3…… 160

KẾT LUẬN……..... 161

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN LUẬN ÁN

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu và trích dẫn trong luận án đảm bảo tính chính xác, trung thực, có nguồn gốc rõ ràng, được trích dẫn đúng theo quy định.

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Luận án.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến PGS.TS Bùi Nguyên Khánh, người thầy đã luôn tận tình truyền đạt kiến thức, hướng dẫn và giúp đỡ tôi hoàn thành Luận án. Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới quý thầy cô giáo trường Đại học Luật Hà Nội và các nhà khoa học đã đóng góp nhiều ý kiến quý báu, chỉ bảo, động viên, khuyến khích tôi hoàn thành Luận án này.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Trần Ngọc Dung

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

STT	TỪ VIẾT TẮT	GIẢI THÍCH
1	BHĐC	Bán hàng đa cấp
2	TNHC	Trách nhiệm hành chính
3	TNDS	Trách nhiệm dân sự
4	TNHS	Trách nhiệm hình sự
5	BTTH	Bồi thường thiệt hại
6	BLDS	Bộ luật Dân sự
7	BLHS	Bộ luật Hình Sự
8	NĐ	Nghị định
9	DN	Doanh nghiệp
10	QHXH	Quan hệ xã hội
11	QPPL	Quy phạm pháp luật
12	QHPL	Quan hệ pháp luật
13	CT& BVNTD	Cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng
14	CTKLM	Cạnh tranh không lành mạnh
15	WFDSA	(World Federation of Direct Selling Association) Hiệp hội bán hàng trực tiếp thế giới
16	US- FTC	Ủy ban Thương mại Hoa Kỳ
17	KDTPTĐC	Kinh doanh theo phương thức đa cấp
18	Nghị định số 110/2005/NĐ-CP	Nghị định số 110/2005/NĐ-CP của chính phủ về quản lý hoạt động BHĐC
19	Nghị định số 42/2014/NĐ-CP	Nghị định số 42/2014/NĐ-CP quy định về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp
20	Nghị định số 40/2018/NĐ-CP	Nghị định số 40/2018/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp
21	Nghị định 141/2018/NĐ-CP	
22	LCT	Luật Cạnh tranh
23	BCT	Bộ Công Thương
24	UBND	Uỷ ban nhân dân
25	SCT	Sở Công Thương
26	BVQLNTD	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

DANH MỤC BẢNG BIỂU, BIỂU ĐỒ

Bảng biểu 2.1: Bảng thống kê số liệu Cục CT &BVNTD xử phạt về hành vi bán hàng đa cấp bất chính trong các năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019 (*(Nguồn Số liệu: Cục quản lý cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng)*

Biểu đồ 2.1: Biểu đồ thể hiện số lượng các DN bị xử lý vi phạm BHĐC bất chính trong các năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019 *(Nguồn Số liệu: Cục quản lý cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng)*

Biểu đồ 2.2: Biểu đồ thể hiện mức tiền phạt của các DN bị xử lý vi phạm BHĐC bất chính trong các năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019 (*Nguồn Số liệu: Cục quản lý cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng)*

DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC

Phụ lục 1	Sơ đồ hệ thống cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh đa cấp
Phụ lục 2	Danh sách các doanh nghiệp bán hàng đa cấp ở Việt nam tính đến tháng 12 năm 2020
Phụ lục 3	Sơ đồ bán hàng đơn cấp và bán hàng đa cấp
Phụ lục 4	Mô hình bán hàng đa cấp bất chính: Pozi và kim tự tháp
Phụ lục 5	Các thị trường dẫn đầu về doanh thu kinh doanh đa cấp năm 2019
Phụ lục 6	Cơ cấu phân bổ người tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp toàn cầu năm 2019
Phụ lục 7	Các thị trường thế giới lớn nhất về người tham gia bán hàng đa cấp năm 2019
Phụ lục 8	Sản phẩm được bán bởi các doanh nghiệp đa cấp trên thế giới
Phụ lục 9	Biểu đồ thể hiện tăng trưởng của ngành bán hàng đa cấp từ 2017 đến 2020
Phụ lục 10	Doanh số bán hàng đa cấp năm 2020 trên toàn thế giới
Phụ lục 11	Số lượng người tham gia bán hàng đa cấp trên toàn thế giới tính đến năm 2020
Phụ lục 12	Bộ quy tắc ứng xử của liên đoàn các hiệp hội bán hàng trực tiếp thế giới (WFDSA)

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

BHĐC được biết đến như một phương thức kinh doanh đạt hiệu quả cao trong hoạt động tiếp thị, phân phối cũng như tiêu thụ sản phẩm trong nền kinh tế thị trường hiện đại.

John Milton Fogg từng nói: *"Thế kỷ 19 là thế kỷ của khai khoáng, thế kỷ 20 là thế kỷ của sản xuất, thế kỷ 21 là thế kỷ của phân phối. Sau hai thế kỷ là cơ hội kinh tế cho những nhà tiên phong trong sản xuất, chế tạo, chúng ta đã bước vào kỷ nguyên phân phối. Bây giờ 80-85% giá sản phẩm ở khâu phân phối, chỉ còn 15-20% ở trong khâu sản xuất"*[99].

Kể từ khi được hình thành tới nay, BHĐC đã có mặt ở hầu khắp các nước trên thế giới. Trong thập niên 1980, phương thức này phát triển mạnh tại các nước như Mỹ, Canada, Mexico, Brazil, Anh, Pháp, Đức, Thụy Điển, Australia… Bước sang thập niên 1990, BHĐC phát triển mạnh ở nhiều nước châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Malaysia, Indonesia, Trung Quốc, Thái Lan, v.v. Cuối thế kỷ 20, BHĐC bắt đầu được du nhập vào thị trường Việt Nam và đạt được tổng doanh thu không ngờ trong hai, ba năm đầu. Tuy nhiên, do mới vào Việt Nam trong một thời gian ngắn, lịch sử hoạt động còn non trẻ, BHĐC bị một số chủ thể lợi dụng để thực hiện các hành vi lừa đảo, biến tướng thành BHĐC bất chính để trục lợi gây dư luận xấu trong xã hội và ảnh hưởng lớn đến uy tín của ngành. BHĐC bất chính là một hành vi tiêu cực ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của con người và toàn xã hội. Hành vi này đang xuất hiện ngày càng nhiều ở Việt Nam, hoạt động này diễn ra trên diện rộng và tập trung ở các vùng quê với nhiều chiêu thức tinh vi. Hiện nay, nhắc đến BHĐC không ít người tỏ ra thiếu thiện cảm và quan niệm đó là một lĩnh vực kinh doanh không lành mạnh. Việc ngăn chặn và xử lý kịp thời hành vi bất chính này trong giai đoạn hiện nay là vấn đề cấp thiết được đặt ra.

BHĐC phát triển quá mạnh mẽ khiến cho lợi nhuận từ việc quảng cáo của báo đài, truyền hình bị ảnh hưởng, cộng thêm nhiều công ty lừa đảo núp bóng kinh doanh đa cấp và một bộ phận không nhỏ nhà phân phối đa cấp thực hiện những hành vi sai trái đã làm cho dư luận bắt đầu lên tiếng phản đối BHĐC. Để hòa nhập với xu hướng chung của thế giới cũng như đáp ứng tình hình thực tế tại Việt Nam, khuôn khổ pháp lý về kinh doanh đa cấp đã dần được hình thành và mở đầu bằng các quy định về BHĐC của Luật Cạnh tranh năm 2014. Ngày 24 tháng 8 năm 2005 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 110/2005/NĐ-CP về quản lý hoạt động BHĐC, nghị định này phần nào đã tạo ra một hành lang pháp lý để điều chỉnh hoạt động BHĐC tại Việt Nam. Sau 8 năm thực thi, nghị định này do được soạn thảo lần đầu tiên mặc dù đã tham khảo kinh nghiệm nhiều quốc gia trên thế giới nhưng chưa có kinh nghiệm về thực

tiễn quản lý tại Việt Nam nên nội dung Nghị định số 110/2005/NĐ-CP đã bộc lộ nhiều bất cập, không đáp ứng được sự phát triển nhanh chóng của ngành kinh doanh này. Vì vậy, nghị định này đã được thay thế bởi Nghị định số 42/2014/NĐ-CP *quy định về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.* Tuy nhiên, do hoạt động BHĐC ở Việt Nam ngày một phức tạp với những chiêu thức biến tương gây thiệt hại nghiệm trọng đến xã hội nên sau 4 năm thực thi Nghị định số 42/2014/NĐ-CP đã được thay thế bằng Nghị định số 40/2018/NĐ-CP*"về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp"* nhằm hoàn thiện công tác quản lý về BHĐC. Tính đến thời điểm này, các văn bản trên đã góp phần quan trọng vào việc đưa hoạt động BHĐC tại Việt Nam đi vào khuôn khổ. Hơn nữa trong những năm gần đây BHĐC không những gây ra nhiều bức xúc trong dư luận xã hội mà còn gây ra nhiều vấn đề cho các cơ quan quản lý Nhà nước. Các phương tiện thông tin đại chúng liên tục phản ánh các hành vi lừa đảo của DN thực hiện BHĐC bất chính. Nhiều đại biểu Quốc hội còn đưa vấn đề BHĐC bất chính ra chất vấn cơ quan quản lý nhà nước trước Quốc hội. Có ý kiến cho rằng nên cấm hoàn toàn hoạt động BHĐC tại Việt Nam. Xuất phát từ những khó khăn đó, các cơ quan quản lý cũng như cộng đồng DN BHĐC đều có kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện khung quy định pháp luật về quản lý hoạt động BHĐC. Để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định pháp luật quản lý hoạt động kinh doanh đa cấp cũng như làm rõ bản chất của phương thức BHĐC và BHĐC bất chính thì việc nghiên cứu làm rõ lý luận về BHĐC và BHĐC bất chính, đồng thời đưa ra các biện pháp pháp lý nhằm hoàn thiện pháp luật về chống bất chính ở Việt Nam hiện nay là việc làm có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

Trong bối cảnh đó, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài*: "Pháp luật về chống bán hàng đa cấp bất chính ở Việt Nam hiện nay"* để làm đề tài nghiên cứu trong khuôn khổ của một luận án tiến sĩ luật học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của Luận án là nhằm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về BHĐC bất chính và pháp luật về chống BHĐC bất chính; phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thực thi pháp luật về chống BHĐC bất chính; trên cơ sở đó đề xuất các phương hướng, giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về chống BHĐC bất chính ở Việt Nam hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích nghiên cứu trên, Luận án có các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể như sau:

Thứ nhất, nghiên cứu những vấn đề về lý luận BHĐC bất chính và lý luận pháp luật chống BHĐC bất chính và nhận diễn rõ hơn về bản chất của BHĐC bất chính. Nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về chống BHĐC bất chính. Từ đó, góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận về pháp luật chống BHĐC bất chính ở Việt Nam phù hợp với sự phát triển của quốc gia trong bối cảnh hội nhập với quốc tế.

Thứ hai, nghiên cứu thực trạng quy định của pháp luật về chống BHĐC bất chính ở Việt Nam hiện nay bằng việc phân tích, bình luận các quy định hiện hành và thực tiễn thực hiện các quy định về chống BHĐC bất chính đối với DN, người tham gia BHĐC bất chính. Làm rõ quy định về thẩm quyền của cơ quan quản lý nhà nước. Tập trung vào các hạn chế và chỉ ra các nguyên nhân của những hạn chế đó làm cơ sở đề xuất những giải pháp, kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

Thứ ba, chỉ ra sự cần thiết và các định hướng hoàn thiện pháp luật chống BHĐC bất chính trong bối cảnh hiện nay, đề xuất các kiến nghị và giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật chống BHĐC bất chính ở Việt Nam.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề tài

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận án là những vấn đề lý luận về BHĐC bất chính và pháp luật về chống BHĐC bất chính; các quy định pháp luật về chống BHĐC bất chính của Việt Nam và thực tiễn thực thi pháp luật về chống BHĐC bất chính của Việt Nam trong thời gian qua.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung:

Luận án tập trung nghiên cứu lý luận pháp luật chống BHĐC bất chính, thực trạng pháp luật chống BHĐC bất chính ở Việt Nam thông qua quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Đối tượng của BHĐC bất chính theo pháp luật Việt Nam chỉ là hàng hóa. Luận án cũng nghiên cứu đến quy định pháp luật quốc tế và pháp luật một số quốc gia trên thế giới về chống BHĐC bất chính, tuy nhiên nội dung này không được bàn luận sâu sắc mà chỉ nhằm làm cơ sở dữ liệu để đối chiếu, so sánh, phân tích, đánh giá quy định của pháp luật chống BHĐC bất chính Việt Nam hiện nay đảm bảo tính khách quan, bao quát trong nhận định, bình luận.

Luận án nghiên cứu pháp luật về chống BHĐC bất chính với tư cách là một chế định pháp luật nhằm đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp BHĐC, những người tham gia BHĐC chân chính, người tiêu dùng và các chủ thể có liên quan.

Về không gian:

Luận án nghiên cứu thực tiễn xử lý BHĐC bất chính của các DN đăng ký kinh doanh BHĐC tại thị trường Việt Nam.

Về thời gian:

- Liên quan đến các quy định của pháp luật là từ năm 2004 đến nay.

- Về thực tiễn BHĐC bất chính và thực tiễn xử lý vi phạm BHĐC bất chính từ năm 2015 đến nay.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của đề tài

4.1. Về phương pháp luận

Có nhiều quan điểm, trường phái lý thuyết khác nhau về vai trò của nhà nước đối với quản lý kinh tế, cùng với đó sẽ có sự nhìn nhận và quan điểm khác nhau về tính chính đáng, mức độ quản lý của nhà nước đối với doanh nghiệp nói chung và đối với doanh nghiệp BHĐC nói riêng. Tuy nhiên, nghiên cứu sinh sẽ dựa trên thế giới quan, nhân sinh quan của Chủ nghĩa Mác-Lênin, của Đảng Cộng sản Việt Nam về vai trò của Nhà nước và mối quan hệ của Nhà nước đối với thị trường, về Nhà nước pháp quyền, về kinh tế thị trường đinh hướng xã hội chủ nghĩa để làm quan điểm chỉ đạo trong nghiên cứu, phân tích, đánh giá các vấn đề, hiện tượng, sự kiện và đưa ra kiến nghị, giải pháp. Tất nhiên, những giá trị chung mang tính phổ biến của nhà nước pháp quyền, kinh tế thị trường sẽ được tham khảo, chú ý trong nghiên cứu.

Đối với cách tiếp cận nghiên cứu, khi triển khai nghiên cứu, nghiên cứu sinh sẽ tiếp cận dưới góc độ pháp luật kinh tế và các quy định của pháp luật có liên quan về chống BHĐC bất chính ở Việt Nam.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên nền tảng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, Luận án đã sử dụng phương thức tiếp cận dựa trên quyền, hệ thống, đa ngành và liên ngành. Đồng thời, Luận án còn sử dụng các phương pháp cụ thể như: phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống, luật học so sánh, liên ngành và dự báo qua các tài liệu thứ cấp để làm sáng tỏ các vấn đề được nghiên cứu trong Luận án.

- Phương pháp phân tích được sử dụng trong suốt quá trình thực hiện đề tài tại phần tổng quan, Chương 1, 2, 3 để phân tích cơ sở lý luận của về hành vi BHĐC bất chính, phương diện lý thuyết của pháp luật về chống hành vi BHĐC bất chính. Phương pháp này cũng dùng để đánh giá, bình luận các quy định pháp luật, thực tiễn và hiệu quả áp dụng pháp luật về tính

pháp lý trong việc chống BHĐC bất chính và phân tích các đề xuất hoàn thiện pháp luật chống BHĐC bất chính.

- Phương pháp hệ thống hóa, tổng hợp được sử dụng để đánh giá nhằm rút ra những kết luận phần tổng quan, những quan điểm, các đề xuất, kiến nghị cụ thể liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của đề tài tại Chương 3.

- Phương pháp logic được sử dụng khi đánh giá thực trạng pháp luật ở Chương 2, xem xét tính thống nhất, tính đồng bộ phát hiện mâu thuẫn trong quy định pháp luật về chống BHĐC bất chính, từ đó làm cơ sở cho các đề xuất kiến nghị, giải pháp.

Ngoài các phương pháp nghiên cứu phổ quát nói trên, luận án còn sử dụng các số liệu thứ cấp, các tài liệu, báo cáo của Chính phủ, Cục CT & BVNTD…

5. Những đóng góp mới của luận án khi nghiên cứu đề tài

Là công trình khoa học nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống về pháp luật chống BHĐC bất chính, Luận án có những đóng góp mới như sau:

Một là, Luận án làm sâu sắc thêm những vấn đề lý luận về hành vi BHĐC bất chính và pháp luật chống BHĐC bất chính, góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận về pháp luật chống BHĐC bất chính ở Việt Nam phù hợp với sự phát triển của quốc gia và xu hướng thay đổi chính sách pháp luật về BHĐC đang diễn ra trên thế giới.

Hai là, Luận án làm rõ thực trạng quy định pháp luật chống BHĐC bất chính ở Việt Nam thông qua việc phân tích, bình luận các quy định hiện hành. Những luận giải cụ thể cùng sự so sánh, đối chiếu pháp luật chống BHĐC bất chính với pháp luật tương ứng trong pháp luật quốc gia những giai đoạn trước và pháp luật quốc tế giúp nêu bật những điểm tiến bộ và hạn chế trong các quy định hiện nay.

Ba là, Luận án cung cấp những thông tin mang tính thời sự về tình hình thực tiễn thực hiện các quy định pháp luật về BHĐC và vi phạm về BHĐC bất chính.

Bốn là, Luận án đánh giá những thành công, hạn chế của pháp luật và quá trình tổ chức thực hiện pháp luật chống BHĐC bất chính; làm rõ những tồn tại, bất cập chỉ ra các nguyên nhân của hiện trạng đó làm cơ sở đề xuất kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

Năm là, Luận án nêu rõ sự cần thiết và các định hướng hoàn thiện pháp luật chống BHĐC bất chính trong bối cảnh hiện nay.

Sáu là, Luận án đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật chống BHĐC bất chính ở Việt Nam hiện nay trên cơ sở khoa học, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

Luận án góp phần củng cố, hoàn thiện cơ sở lý luận khoa học về BHĐC bất chính và pháp luật chống BHĐC bất chính trong bối cảnh BHĐC trên thế giới đang có nhiều thay đổi mạnh mẽ. Luận án cung cấp những kiến thức mới về lý luận và thực tiễn pháp luật chống BHĐC bất chính tại một số quốc gia trên thế giới và làm rõ thực trạng quy định và thực tiễn thực hiện pháp luật chống BHĐC bất chính ở Việt Nam hiện hành, chỉ ra những thành công, hạn chế và các nguyên nhân của thực trạng đó. Luận án cũng đóng góp một số kiến nghị hoàn thiện hệ thống pháp luật chống BHĐC bất chính ở Việt Nam trên cơ sở khoa học.

Đồng thời, ở mức độ nhất định luận án cung cấp những kiến thức hữu ích cho người làm công tác thực tiễn trong lĩnh vực BHĐC để áp dụng pháp luật chống BHĐC bất chính một cách hiệu quả. Luận án có giá trị là một tài liệu tham khảo cho các cơ quan lập pháp, hành pháp trong quá trình hoạch định, xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật về BHĐC nói chung và chống BHĐC bất chính nói riêng. Những kết quả nghiên cứu của luận án cũng có thể được sử dụng để tham khảo trong công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập tại các cơ sở đào tạo luật học, kinh tế...và cho các tổ chức, cá nhân quan tâm đến lĩnh vực BHĐC, pháp luật chống BHĐC bất chính.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận án gồm các nội dung chính là tổng quan tình hình nghiên cứu và 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về bán hàng đa cấp bất chính và pháp luật chống bán hàng đa cấp bất chính

Chương 2: Thực trạng pháp luật về chống bán hàng đa cấp bất chính ở Việt Nam

Chương 3: Phương hướng, giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả chống bán hàng đa cấp bất chính.

PHẦN TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án

BHĐC bất chính là một trong những hành vi biến tướng của BHĐC. Trong bản chất của hành vi BHĐC bất chính luôn hàm chứa tác động tiêu cực tới cả kinh tế và xã hội. Do đó, hành vi BHĐC bất chính là vấn đề được quan tâm nghiên cứu cả trong kinh tế học và một số lĩnh vực khoa học xã hội.

Trong khoa học pháp lý, nghiên cứu về BHĐC bất chính là nghiên cứu xây dựng và thực thi pháp luật đảm bảo quyền và lợi ích của các chủ thể có liên quan khi quyền lợi của họ bị xâm phạm bởi các hành vi BHĐC bất chính. Các Nhà nước khác nhau, hay một Nhà nước trong những thời kỳ khác nhau có phạm vi, mức độ bảo vệ quyền khác nhau. Điều đó phụ thuộc vào các điều kiện khách quan, chủ quan của mỗi quốc gia trong những giai đoạn cụ thể. Hệ thống pháp luật BHĐC nói chung và chống BHĐC bất chính nói riêng luôn phải vận động để nâng cao vai trò bảo vệ quyền và lợi ích của chủ thể liên quan và môi trường kinh doanh, môi trường cạnh tranh của DN BHĐC phù hợp với từng bối cảnh lịch sử, giai đoạn phát triển kinh tế.

Trong điều kiện Việt Nam những năm gần đây đang chuyển mình mạnh mẽ về kinh tế - xã hội, Nhà nước nâng cao việc bảo vệ quyền con người, quyền lợi của người tham gia BHĐC, quyền lợi của DN BHĐC và quyền lợi của người tiêu dùng. Nghiên cứu hoàn thiện pháp luật chống BHĐC bất chính là một nhu cầu tất yếu khách quan và vẫn đang còn nhiều khoảng trống. Nghiên cứu hoàn thiện pháp luật chống BHĐC bất chính ở Việt Nam hiện hành cần tập trung vào các khía cạnh pháp lý quy định về BHĐC, đồng thời khảo sát và tiếp thu một cách có chọn lọc những kết quả nghiên cứu cơ bản về khía cạnh kinh tế, xã hội về tác động, ảnh hưởng của hành vi BHĐC và BHĐC bất chính. Việc nghiên cứu lý luận pháp luật về BHĐC bất chính, thực trạng pháp luật chống BHĐC bất chính ở Việt Nam hiện hành và kiến nghị hoàn thiện pháp luật chống BHĐC bất chính cũng cần đặt ra trong tổng thể xu hướng phát triển của pháp luật BHĐC để hạn chế hành vi BHĐC bất chính nhưng bảo đảm được quyền lợi của các chủ thể có liên quan, tránh tình trạng không quản lý được là cấm.

Xuất phát từ những tiền đề trên, nghiên cứu sinh tiến hành nghiên cứu, rà soát các công trình khoa học trong và ngoài nước liên quan đến BHĐC, BHĐC bất chính và pháp luật chống BHĐC bất chính ở Việt Nam, tập trung trong lĩnh vực khoa học pháp lý để đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài Luận án.

1.3. Nghiên cứu lý luận về bán hàng đa cấp, bán hàng đa cấp bất chính và pháp luật chống bán hàng đa cấp bất chính

1.3.1. Nghiên cứu lí luận về bán hàng đa cấp và bán hàng đa cấp bất chính

Những vấn đề lý luận về BHĐC và BHĐC bất chính được nghiên cứu trong nhiều ngành khoa học như luật học, kinh tế học…ở trong và ngoài nước. Mỗi công trình khoa học như luận án, luận văn, sách chuyên khảo, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, bài báo…có cách tiếp cận và luận giải riêng về BHĐC và BHĐC bất chính, có thể kể đến một số nghiên cứu tiêu biểu:

Về bán hàng đa cấp

Ở cấp độ nghiên cứu của luận án tiến sĩ, Luận án tiến sĩ "*Pháp luật về chống cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam"* của tác giả Lê Anh Tuấn (2008). Tác giả tiếp cận BHĐC dưới góc độ của pháp LCT và ghi nhận khái niệm BHĐC lần đầu tiên được quy định trong LCT 2004. Tác giả đưa ra những quan niệm khác nhau về hình thức bán hàng này như: "*truyền tiêu đa cấp*", "*kinh doanh theo mạng*", "*tiếp thị đa tầng*". Tác giả đi từ khái niệm đến lịch sử hình thành BHĐC và đưa ra khái niệm BHĐC: Theo cách hiểu của các nước trên thế giới kinh doanh đa cấp là phương thức phân phối lẻ hàng hóa, dịch vụ, thông qua một mạng lưới những cá nhân phân phối gồm nhiều tầng khác nhau trong đó mỗi người đều có trách nhiệm bán lẻ sản phẩm và có quyền tuyển dụng, đào tạo người mới tham gia mạng lưới của mình, mỗi phân phối viên được nhận tiền hoa hồng tiền thưởng hoặc các lợi ích kinh tế khác từ kết quả sản phẩm của mình và của mạng lưới do mình trực tiếp tổ chức và được DN thừa nhận. Tác giả Lê Anh Tuấn cho rằng pháp luật Việt Nam không nhìn nhận như vậy và dẫn chứng bằng quy định tại Theo Khoản 11 Điều 3 LCT 2004.Từ đó tác giả đã rút ra các đặc điểm của BHĐC [70].

Luận án tiến sĩ: *"Quản lý nhà nước đối với hoạt động bán hàng đa cấp ở Việt Nam hiện nay"* - Lê Bí Bo (2016) là đề tài nghiên cứu tập trung nhất viết về lý luận BHĐC. Tuy nhiên, tác giả chỉ đề cấp đến sự hình thành và phát triển của BHĐC ở Việt Nam. Về khái niệm BHĐC tác giả đề cập dưới các góc độ khác nhau, từ góc độ phương thức kinh doanh đến góc độ maketing và dưới quan điểm của nhà kinh doanh mạng nổi tiếng người Mỹ Donfaila. Cuối cùng tác giả chốt khái niệm dưới góc độ pháp lý bằng cách trích dẫn quy định BHĐC tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định 42/2014/NĐ-CP và Khoản 11 Điều 3 LCT 2004 [33].

Luận án tiến sĩ quản trị kinh doanh: *"Strategies for Building and Retaining a Productive Multilevel Marketing Downline"* - Ranelli Williams (2018), tạm dịch: Các chiến lược để xây dựng và duy trì một tuyến dưới tiếp thị đa cấp hiệu quả. Trong Luận án tác giả đã đưa ra BHĐC là hình thức bán hàng trực tiếp *"face-to-face"* hay còn được gọi là kinh doanh theo

mạng, là một loại cấu trúc kinh doanh và chiến lược tiếp thị mà mỗi nhà phân phối (chủ DN) tuyển dụng mạng lưới các nhà phân phối (tuyến dưới), những người được trả công không chỉ cho doanh số bán hàng cá nhân mà còn trên doanh số bán hàng của tuyến dưới [103].

Ở cấp độ luận văn thạc sỹ trên phương diện luật học, trong nhiều luận văn thạc sỹ cũng đã đặt nền tảng lý thuyết cho công trình nghiên cứu của mình bằng việc trình bày những vấn đề cơ bản về BHĐC như nguồn gốc ra đời, khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của BHĐC như: Đề tài "*Pháp luật bán hàng đa cấp bất chính ở Việt Nam"* của tác giả Ninh Thị Minh Phương (2012) đã đưa ra khái quát về BHĐC. Dựa vào các dấu hiệu pháp lý trong LCT 2004 tác giả tổng quát khái niệm như sau*:"Bán hàng đa cấp là một phương thức bán hàng trực tiếp, theo đó doanh nghiệp bán hàng hoá thông qua mạng lưới những người tham gia ở nhiều cấp, nhiều nhánh khác nhau, trong đó người tham gia sẽ nhận được tiền hoa hồng, tiền thưởng hoặc lợi ích kinh tế khác từ kết quả bán hàng của mình và của người tham gia khác do mình tổ chức ra và được doanh nghiệp chấp nhận"*[64].

Luận văn thạc sĩ: "*Hoàn thiện pháp luật về bán hàng đa cấp tại Việt Nam theo kinh nghiệm một số nước trên thế giới"* của tác giả Vũ Văn Tú đã đi từ khái niệm BHĐC đến pháp luật BHĐC. Với khái niệm BHĐC tác giả diễn giải hành vi là phương thức bán lẻ tiếp thị sản phẩm với đội ngũ bán hàng được trả thưởng không chỉ từ doanh số bán hàng của họ mà còn của nhà phân phối phía dưới của họ. Tác giả đi sâu vào phân tích hành vi này và chốt lại khái niệm BHĐCđược quy định tại LCT 2004 từ đó đưa ra một số đặc điểm của BHĐC [73].

Luận văn thạc sĩ "*Pháp luật về kiểm soát bán hàng đa cấp ở Việt Nam"* của Trần Thị Thu, tác giả tiếp cận dưới phương thức giải thích thuật ngữ BHĐC là phương thức tiếp thị sản phẩm, là hoạt động kinh doanh bán hàng trực tiếp đến tay người tiêu dùng mà không phải thông qua các đại lý hoặc các nhà bán lẻ. Việc lưu hành, bán và phân phối sản phẩm được thực hiện qua một cơ cấu nhiều tầng bao gồm những cá nhân riêng biệt hoạt động độc lập. Những cá nhân này không phải người lao động của công ty, họ là đối tác phân phối hàng hóa cho công ty đóng vai trò như những đại lý, giới thiệu sản phẩm và thu hút khách hàng thông qua những kết quả sử dụng của bản thân và những người quen biết và có khoản thu nhập nhất định. Ngoài ra, họ còn hướng dẫn những người khác tham gia DN BHĐC, hướng dẫn họ xây dựng mạng lưới phân phối của riêng mình. Tác giả chốt lại khái niệm BHĐC được quy định tại Khoản 11 Điều 3 LCT 2004 và phân tích một số đặc điểm của BHĐC [74].

Trên phương diện luật học trong nhiều luận văn thạc sỹ, các tác giả cũng đặt nền tảng lý thuyết cho công trình nghiên cứu bằng việc trình bày những vấn đề cơ bản về BHĐC như

nguồn gốc ra đời, khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của BHĐC... Trong mối tương quan với các luận án đã được khảo cứu, những luận điểm được đưa ra tại các luận văn này nhìn chung chưa có điểm mới đột phá trong nghiên cứu lý luận về BHĐC.

BHĐC trước đây được coi là hành vi cạnh tranh theo quy định của LCT 2004 nên hành vi này luôn được đề cập đến trong các tài liệu học tập ở các trường Đại học có chuyên ngành Luật như: *Giáo trình Luật cạnh tranh* của trường Đại học Luật Hà Nội [52- Tr 349], *Giáo trình Luật cạnh tranh* của trường Đại học Kinh tế - Luật Thành phố Hồ Chí Minh [53-Tr 189], *Giáo trình pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại* của trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình pháp luật cạnh tranh* của trường Đại học Ngoại thương (2003) [54-Tr 287] … các giáo trình này đã phân tích về lý luận bản chất của hành vi BHĐC. Các tài liệu nhìn chung thừa nhận khái niệm, đặc điểm của BHĐC dựa trên định nghĩa quy định về hành vi này trong văn bản pháp luật có hiệu lực ở thời điểm giáo trình được viết.

Một số bài viết đăng trên các tạp chí cũng đã luận bàn ở những khía cạnh khác nhau về lý luận BHĐC như: Trong bài viết "*Quá trình hình thành phương thức bán hàng đa cấp"* của Đặng Long năm 2006, tác giả đưa ra Nghị định số 110/2005/NĐ-CP là văn bản đầu tiên thừa nhận phương thức BHĐC tại Việt Nam và sự ra đời của hình thức này lần đầu tiên xuất hiện tại Mỹ. Tác giả có đưa ra quan điểm rằng, đây là phương thức bán lẻ hàng hóa mà tiêu chí là mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm tốt nhất đến tay họ. Bài viết này, tác giả chưa làm rõ về khái niệm, bản chất của hành vi BHĐC [58]. Bài *viết "Pháp luật về bán hàng đa cấp ở Việt Nam – một số vấn đề cần hoàn thiện"* của các tác giả Đoàn Văn Bình và Đoàn Trung Kiên" (2007) cũng khẳng định BHĐC là phương thức bán hàng trực tiếp mà theo đó DN bán hàng hóa thông qua mạng lưới những người tham gia bán hàng ở nhiều cấp, nhiều nhánh khác nhau [32-Tr 3]. Tiếp cận BHĐC dưới góc độ là hành vi thương mại, trong bài viết "*5 bí kíp trong kinh doanh đa cấp"* của TS. Nguyễn Minh Phong (2010) đã đưa ra quan điểm: kinh doanh đa cấp là một loại hình kinh doanh phân phối hàng hóa thương mại đặc thù du nhập vào nước ta và được hợp pháp hóa bằng nghị định chính phủ số 110/2005/NĐ-CP *về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp*. Ngoài một số ưu thế trong tổ chức kinh doanh thương mại truyền thống, như không cần chi phí lớn cho đầu tư cửa hàng, quảng cáo thì BHĐC đặc biết dễ gây phong trào bột phát "người người tham gia, nhà nhà tham dự' với nhiều tác động mặt trái và hệ lụy cười ra nước mắt nhờ sử dụng một số bí kíp và thủ thuật lắt léo [63-Tr39]. Với việc đi từ lịch sử hình thành trên thế giới và thời gian du nhập và phát triển BHĐC tại Việt Nam, tác giả Nguyễn Văn Vinh (2016) với bài viết "*Thực trạng vi phạm pháp luật về kinh doanh đa cấp ở*

Việt Nam và giải pháp khắc phục" đã đưa ra quan niệm và phân tích về hành vi BHĐC. Nghiên cứu sinh cho rằng, BHĐC hay còn gọi là kinh doanh đa tầng, kinh doanh theo mạng là việc bán lẻ hàng hóa thông qua mạng lưới người tham gia gồm nhiều cấp, nhiều nhánh khác nhau. Người tham gia vừa là thành viên của công ty, vừa là khách hàng, họ sẽ hưởng lợi từ tiền hoa hồng của sản phẩm bán được và những cấp dưới của họ. Việc phát triển mô hình này sẽ khiến cho các công ty tiết kiệm được rất nhiều chi phí như nhà kho, bến bãi, các chi phí cho quảng cáo, marketing, chi phí cho các đại lý… Nhờ vậy, phần hoa hồng của các thành viên (tùy theo cấp) khi bán được hàng và phần lợi nhuận của công ty sẽ cao hơn so với bình thường, tác giả chốt khái niệm bằng quy định của pháp luật về BHĐC tại Điều 3 LCT 2004 [79]. Bài viết "*Về việc hoàn thiện pháp luật và cơ chế quản lý về kinh doanh đa cấp"* của hai tác giả Dương Xuân Phúc & Nguyễn Thị Xuân (2018) đề cấp đến BHĐC xuất phát từ cụm từ "*Multi Level Marketing*" trong tiếng Anh. Các tác giả phân tích ưu điểm của hình thức kinh doanh này theo quan điểm của các chuyên gia trong các lĩnh vực: Kinh tế, marketing, truyền thông và đánh giá đây là phương pháp marketing thông minh bởi nó giúp DN xây dựng được hệ thống đại lý gắn kết, bán hàng hiệu quả, tiện lợi vì giúp người mua hàng có thể trực tiếp mua hàng mà không thông qua cửa hàng bán lẻ hay đại lý trung gian. Thêm vào đó, người mua hàng có thể trở thành kênh phân phối trực tiếp và thu được lợi nhuận thông qua việc giới thiệu sản phẩm cho người thân, bạn bè, mọi người xung quanh, BHĐC có ưu điểm là tiết kiệm được một khoản chi phí khổng lồ vào việc quảng cáo trên các phương tiện truyền thông. Bài viết chốt lại khái niệm: *"BHĐC là hình thức phân phối sản phẩm một cách trực tiếp từ nhà sản xuất đến người tiêu dùng không thông qua các cửa hàng bán lẻ, đại lý trung gian"* [65].

Với bài viết liên quan đến lý luận BHĐC, trên thế giới cũng có công trình khoa học, đáng lưu ý trong số đó có thể kể đến:

Richard Peo (2003), *Làn sóng thứ ba và kỉ nguyên mới trong ngành kinh doanh theo mạng*. Theo tác giả, ông là người đầu tiên đưa ra khái niệm*"kinh doanh theo mạng"* hay còn gọi là BHĐC. Vì trước đó, kinh doanh theo mạng không được ghi nhận trong bất kì cuốn từ điển thương mại chuẩn mực nào. Chính các nhà hoạt động trong kinh doanh theo mạng còn chưa đi đến khái niệm này. Theo hiểu biết của mình ông đã đưa ra khái niệm kinh doanh theo mạng, theo ông kinh doanh theo mạng cho phép một cá thể được kinh doanh độc lập tiếp nhận vào công việc của mình cá thể khác và lấy ra được các khoản hoa hồng công việc kinh doanh của các cá thể mà họ thu hút được [66]. Don và Nancy Failla (2005-Mỹ) "*kinh doanh theo mạng từ A đến Z"* có dịch về khái niệm BHĐC như sau*:"BHĐC là hình thức kinh doanh sử*

dụng những người hợp thành một tổ chức để lưu hành hàng hóa và dịch vụ từ điểm sản xuất đến tay người tiêu dùng bằng phương pháp tiếp xúc trực tiếp giữa con người với con người" [47 Tr99], Don và Nancy Failla cho rằng: "*BHĐC dựa trên sự giao tiếp giữa mọi người với nhau. Bạn càng thích sản phẩm bao nhiêu và bạn càng dễ kể cho mọi người nghe về các ưu điểm của nó bấy nhiêu. Khi bạn xem một cuốn phim hay đọc một cuốn sách hay, thế nào bạn cũng muốn kể với bạn bè và mọi người trong gia đình về chúng…bạn đừng quên làm điều đó với sản phẩm và dịch vụ của công ty mình*" [49 Tr19]. Jame A Muncy -*Tiến sĩ Đại học Công nghệ Texas* (2004) *"Ethical Issues in MLM Marketing: Is it a Legitimate Business or just Another Pyamid Scheme".* Tạm dịch: *Những vấn đề đạo đức trong tiếp thị trong BHĐC, nó có phải là kế hoạch kinh doanh hợp pháp hay BHĐC bất chính.* Trong bài viết tác giả đề cập đến khái niệm BHĐC bằng cách trích dẫn khái niệm BHĐC của các tác giả như Peterson và Wotruba (1996): define direct selling as "face-to-face selling away from a fixed retail location". Tạm dịch: đây là hình thức mà người bán hàng trực tiếp đến bán cho người tiêu dùng không phải bán hàng tại một địa điểm cố định. Theo tác giả không phải ngành bán hàng trực tiếp nào cũng là BHĐC, bán hàng trực tiếp được coi là BHĐC khi DN tuyển dụng người tham gia vào mạng lưới đa cấp được hưởng hoa hồng từ việc bán hàng và được phép tuyển dụng thêm người vào mạng lưới của họ. Ngoài được hưởng hoa hồng do chính số lượng hàng hóa mình bán ra, còn được hưởng hoa hồng từ việc bán hàng của cấp dưới được tuyển dụng vào mạng lưới, điều này được hiểu là mạng lưới bán hàng được phân ra nhiều cấp khác nhau. [98]. Dr. Abdul Assis Koroth và Dr. A.K.Sarada (2012) "*Significance of Relationship in Multi level Marketing and its effect on Business Outcome"*, tạm dịch: Tầm quan trọng của mối quan hệ trong BHĐC và ảnh hưởng của nó đến kết quả kinh doanh. Theo các tác giả, BHĐC là hình thức tiếp thị qua mạng, là một phương pháp phân phối sản phẩm. Sản phẩm được vận chuyển thông qua nhà phân phối độc lập. Các nhà phân phối được trao cơ hội giới thiệu các nhà phân phối khác cho DN. DN không phải quảng cáo trên phương tiện truyền thông nên tiết kiệm được chi phí khổng lồ. Khoản tiết kiệm này được chuyển cho người tiêu dùng thực hiện hành vi phân phối [83]. Prof. Bogdan Gregor, PhD Aron-Axel Wadlewski -M.Sc. University of Lodz, Poland (2013) "*Multilevel Marketing as a business model"*. Bài viết này, các tác giả không đưa ra khái niệm cụ thể về BHĐC chỉ đưa quan điểm BHĐC là hình thức bán hàng trực tiếp cung cấp hàng hóa và dịch vụ tới tay người tiêu dùng trên cơ sở địa chỉ liên lạc cá nhân, thường là ở nhà của khách hàng. BHĐC cho phép người bán hàng tạo mạng lưới riêng và được hưởng hoa hồng từ việc bán hàng trong mạng lưới của mình [84]. William W. Keep và Peter J. Vander Nat (2014) *"Mulitil level Marketing and pyramid schemes in the united*". Tạm dịch:

BHĐC và BHĐC bất chính ở Hoa Kỳ. Các tác giả đều nhấn mạnh BHĐC là một hình thức bán hàng trực tiếp nhưng lại không đưa ra khái niệm cụ thể về BHĐC mà chỉ phân tích bản chất của hành vi này [95]. Ciongradi, I. M. (2017) *"Multilevel Marketing for everybody is not forever"*. Tạm dịch: BHĐC dành cho mọi người không phải là mãi mãi. Tác giả đã đưa ra BHĐC là một cấu trúc kinh doanh và tiếp thị chiến lược mà mỗi nhà phân phối (doanh nhân) tuyển dụng một mạng lưới các nhà phân phối (tuyến dưới) họ không chỉ hưởng hoa hồng từ doanh số bán hàng cá nhân của họ và được hưởng hoa hồng từ cho doanh thu của tuyến dưới [86]. Theo Dai, Teo và Wang (2017) trong bài viết "*Network marketing businesses and Chinese ethnicity immigrants in Australia"*.Tạm dịch: DN BHĐC và người nhập cư Trung Quốc tại Úc. Các tác giả cho rằng kinh doanh đa cấp là một trong những con đường trở thành doanh nhân cho những người không có cơ hội vì những hạn chế về tài chính và kinh tế [101]. Susan Ward (2017) "*Learn to Distinguish between Multi – Level Marketing and Pyramid Schemes"*. Tạm dịch: Học cách phân biệt giữa BHĐC và BHĐC bất chính. Tác giả cho rằng BHĐC là hình thức kinh doanh hấp dẫn đối với nhiều người. Nó cung cấp cơ hội để tham gia vào một hệ thống phân phối sản phẩm tới người tiêu dùng. Không giống như người bắt đầu kinh doanh từ đầu , người tham gia tiếp thị nhiều cấp có sự hỗ trợ từ một DN bán hàng trực tiếp cung cấp sản phẩm và đôi khi cũng đào tạo cách tiếp thị bán hàng người tham gia mạng và đánh giá đây là mô hình kinh doanh tốt hơn so với bán hàng truyền thống "*Multilevel Marketing Can Be a Good Thing*"[104].

Các bài báo, tạp chí được liệt kê và phân tích ở trong và ngoài nước theo khảo cứu của tác giả với những công trình nghiên cứu trên đây một số nghiên cứu đã đưa ra các quan niệm từ các phương diện kinh tế, xã hội và pháp lý, đồng thời cũng nêu lên đặc trưng, ý nghĩa của BHĐC. Với các nghiên cứu từ trước đến nay hầu hết các tác giả đều đưa ra định nghĩa BHĐC và các dấu hiệu về BHĐC gần như có sự tương đồng và xác định BHĐC là một hình thức của bán hàng trực tiếp.

Về bán hàng đa cấp bất chính

Ở cấp độ tiến sĩ, luận án tiến sĩ: "*Pháp luật về chống cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam"* của tác giả Lê Anh Tuấn (2008) đã tiếp cận BHĐC bất chính là hành vi CTKLM theo quy định tại Điều 48 của LCT 2004. Với kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về chống BHĐC bất chính, tác giả Lê Anh Tuấn đã trình bày một số quy định của pháp luật ở Hoa Kỳ, Singapore, Canada. Đây cũng là điểm để tác giả có thể tham khảo và kế thừa [70].

Luận án tiến sĩ: *"Quản lý nhà nước đối với hoạt động bán hàng đa cấp ở Việt Nam hiện nay"* của tác giả Lê Bí Bo (2016) không đưa ra khái niệm BHĐC bất chính mà chỉ tiếp cận bằng cách so sánh dấu hiệu của BHĐC và BHĐC bất chính. Luận án cũng đã đề cập đến nguồn gốc ra đời hành vi BHĐC bất chính [34].

Luận án tiến sĩ quản trị kinh doanh: *"Strategies for Building and Retaining a Productive Multilevel Marketing Downline"* của Ranelli Williams (2018) đã đưa ra quan điểm BHĐC bất chính là một kế hoạch mà người tham gia mạng lưới bán hàng được tiền hoa hồng cho việc tuyển dụng người khác ngay cả khi không bán sản phẩm và dịch vụ [103-Tr45].

Ở cấp độ luận văn thạc sỹ , một số vấn đề lí luận về BHĐC bất chính đã được đề cập ở một số các nghiên cứu như: Đề tài "*Pháp luật bán hàng đa cấp bất chính ở Việt Nam"* của tác giả Ninh Thị Minh Phương (2012) đã đưa ra khái quát về BHĐC bất chính. Tác giả liệt kê dấu hiệu BHĐC bất chính được xác định ở Điều 48 LCT năm 2004 và rút ra đặc điểm của BHĐC bất chính. Tác giả đã đưa ra kinh nghiệm điều chỉnh BHĐC ở một số nước trên thế giới như: Hoa Kỳ, Canada, Singapore ở phần lý luận và chốt lại bằng khái niệm BHĐC bất chính do tác giả đưa ra, tuy nhiên khái niệm này vẫn chưa thể hiện tổng quát về BHĐC bất chính [64].

Trong Luận văn của tác giả Trương Văn Bảo (2012) "*Pháp luật về bán hàng đa cấp bất chính ở Việt Nam hiện nay – Thực trạng và nhu cầu hoàn thiện"*. Tác giả chỉ mới dùng lại ở việc đã đề cấp đến quan niệm của một số quốc gia trên thế giới và với khái niệm BHĐC bất chính tác giả cũng mới dừng ở việc phân tích dấu hiệu quy định tại Điều 48 LCT 2004 [30].

Gần đây nhất là Luận văn luật học của Bùi Thị Ánh Tuyết (2020) với đề tài:*"Kiểm soát hành vi bán hàng đa cấp bất chính theo pháp luật Việt Nam*". Tác giả đưa ra khái niệm về BHĐC bất chính như sau: *"BHĐC bất chính là hành vi bán hàng nhiều tầng trái với pháp luật và đạo đức kinh doanh. Ở đó, DN kinh doanh đa cấp và những người tham gia tầng trên trong mạng lưới nhiều người tham gia hưởng các lợi ích kinh tế không dựa trên sản phẩm do những người tham gia tiêu thụ được mà dựa trên khoản tiền đóng góp của mỗi người tham gia bị lôi kéo vào mạng lưới kinh doanh"*. Tác giả đưa ra đặc điểm BHĐC bất chính mang bản chất của sự chiếm dụng vốn và phản ánh chiến lược dồn hàng cho người tham gia thông qua việc lừa dối. BHĐC đưa ra những thông tin sai công dụng của sản phẩm. BHĐC bất chính tập trung chủ yếu vào việc lôi kéo, dụ dỗ người tham gia và BHĐC bất chính mang tính lừa dối. Việc lừa dối của DN được thể hiện qua việc lừa dối đối với người tham gia và người tiêu dùng. Đây cũng là những đặc điểm mà Ninh Thị Minh Phương trình bày trong luận văn của tác giả. Điểm

nổi bất trong Luận văn của tác giả Bùi Thị Ánh Tuyết là đã đưa ra các hình thức BHĐC bất chính phổ biến hiện nay là mô hình kim tự tháp và mô hình Ponzi [77].

Trong các Luận án và luận văn thạc sỹ được liệt kê ở trên, một số tác giả cũng đề cấp đến BHĐC bất chính. Tuy nhiên những luận điểm và phân tích được đưa ra tại các luận án và luận văn này nhìn chung chưa có điểm mới đột phá trong nghiên cứu lý luận về BHĐC bất chính. Các quan điểm dường như tương đồng nhau, hầu như vẫn dựa trên quy định của pháp luật về BHĐC bất chính được quy định tại LCT 2004.

BHĐC bất chính là một trong những nội dung quan trọng trong Luật cạnh tranh của Việt Nam trước kia và được xếp vào nhóm hành vi CTKLM. Vì vậy hành vi này cũng được đề cấp và phân tích trong giáo trình LCT của một số trường Đại học như: *Giáo trình Luật cạnh tranh* của trường Đại học Luật Hà Nội (2018) [50-Tr349], *Giáo trình Luật cạnh tranh* của trường Đại học Kinh tế - Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2010) [53-Tr189], *Giáo trình pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại* của trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình pháp luật cạnh tranh* của trường Đại học Ngoại thương (2003) [54-Tr287] … các Giáo trình này đã phân tích về mặt lý luận bản chất của BHĐC bất chính. Các tài liệu nhìn chung đều phân tích hành vi BHĐC bất chính dựa quy định của LCT 2004 và văn bản hướng dẫn có liên quan. Những tri thức khoa học trong các tài liệu học tập chính thống này cung cấp nền tảng lý luận cơ bản về BHĐC bất chính cho người học. Tuy nhiên, những luận giải sâu sắc xoay quanh các vấn đề lý luận BHĐC bất chính không thuộc phạm vi mà các giáo trình đề cập. Dù vậy, những kiến thức cơ bản đó hết sức có ý nghĩa giúp cho người học có được nền tảng tri thức để có thể tiếp tục nghiên cứu sâu, rộng hơn về BHĐC bất chính.

Một số bài viết đăng trên các tạp chí cũng đã luận bàn về những khía cạnh khác nhau về lý luận BHĐC bất chính. Bài viết "*Điều chỉnh pháp luật đối với hành vi bán hàng đa cấp bất chính*" của tác giả Lê Anh Tuấn (2006) đã đưa ra khái niệm BHĐC bất chính là phương thức kinh doanh trong đó DN và những tầng trên trong mạng lưới người tham gia bán hàng được hưởng các khoản lợi ích kinh tế chủ yếu từ tiền đóng góp của những người mới tham gia chứ không phải từ lợi nhuận của việc bán lẻ sản phẩm cho người tiêu dùng. Tác giả đưa ra dấu hiệu nhận diện BHĐC bất chính bằng cách trình bày quy định của pháp luật tại Điều 48 của LCT 2004. Từ đó, tác giả rút ra và phân tích các đặc điểm của hành vi BHĐC bất chính [71]. Với việc đi từ lịch sử hình thành trên thế giới và thời gian du nhập phát triển BHĐC tại Việt Nam trong bài viết "*5 bí kíp trong kinh doanh đa cấp*" của TS. Nguyễn Minh Phong (2010), tác giả không đưa ra khái niệm BHĐC bất chính mà phân tích những "bí kíp" để nhận dạng hành vi BHĐC bất chính: *Thứ nhất,* quảng cáo quá mức hoặc nhập nhằng các tác dụng của sản phẩm

(chất lượng sản phẩm là một, hai thì quảng cao lên đến chín mười); *Thứ hai*, tạo ép buộc người tham gia kinh doanh mạng trở thành người tiêu thụ bất đắc dĩ; *Thứ ba,* treo tỉ lệ hoa hồng cao do giá bán quá cao; *Thứ tư*, lợi ích thụ hưởng hoa hồng của các phân phối viên là không chắc chắn*; Thứ năm,* giữ bí mật nội bộ và thi hành luật im lặng. Với những bí kíp này, có thể hiểu tác giả đang phân tích đặc điểm của BHĐC bất chính để phân biệt với BHĐC [63-Tr39, Tr40,Tr41]. Tác giả Nguyễn Văn Vinh (2016) với bài viết "*Thực trạng vi phạm pháp luật về kinh doanh đa cấp ở Việt Nam và giải pháp khắc phục"*, tác giả không đề cấp đến thuật ngữ BHĐC bất chính nhưng tác giả có đề cấp đến hành vi BHĐC bị cấm được quy định tại khoản 10 Điều 3 Nghị định số 42/2014/NĐ-*CP ngày 14 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động BHĐC* với thuật ngữ "*kinh doanh theo mô hình kim tự tháp*" mô hình kinh doanh biến tướng của BHĐC [79]. Trong bài viết "*Tính không lành mạnh của hành vi bán hàng đa cấp bất chính"* của Nguyễn Ngọc Sơn đã đề cấp đến BHĐC bất chính bằng cách đưa ra dấu hiệu nhận biết hoạt động BHĐC bất chính: *Một*, thực hiện một trong các hành vi mà luật liệt kê; *hai*, nhằm thu lợi bất chính từ việc tuyển dụng người tham gia mạng lưới. Tác giả đã đi sâu vào phân tích làm rõ bản chất của phương thức BHĐC bất chính so với mô hình BHĐC được pháp luật thừa nhận [68]. Hay với bài viết "*Điều chỉnh hành vi bán hàng đa cấp bất chính dưới góc độ Luật Cạnh tranh"* của Nguyễn Phương Liên (2017) với khái niệm BHĐC bất chính, tác giả đi từ quan niệm ở một số nước trên thế giới như Hoa Kỳ, Canada. Tác giả chỉ ra Pháp luật Hoa Kỳ xác định BHĐC hợp pháp và bất hợp pháp trên cơ sở nguyên tắc: Nếu DN trả tiền cho người tham gia nhờ việc bán hàng của người mà họ tuyển dụng và cả những người do mạng lưới của họ tuyển dụng, thì đó là BHĐC chân chính; ngược lại, nếu DN trả tiền cho những người tham gia (trực tiếp hoặc gián tiếp) chỉ vì người này giới thiệu hay tuyển dụng người mới tham gia vào mạng lưới thì đó là BHĐC bất chính. Ở Canada, pháp luật có quy định về mô hình kim tự tháp ảo (tên gọi khác của BHĐC bất chính) là các DN BHĐC lấy tiền của người tham gia và dùng người tham gia để tuyển dụng những người dễ lừa gạt khác. Tác giả chốt khái niệm BHĐC bất chính bằng việc cho rằng: pháp luật Việt Nam định nghĩa về kinh doanh theo mô hình "kim tự tháp" tại khoản 10 Điều 3 Nghị định số 42/2014/NĐ-CP về quản lý BHĐC và với khái niệm này có thể nhận diện, ngăn chặn hành vi BHĐC cấp bất chính [56-Tr32]. Luật sư Phạm Tuấn Anh, với bài viết "*kinh doanh đa cấp bất chính và những tác động tiêu cực"*, tác giả phân tích BHĐC bất chính dưới hai góc độ, góc độ pháp luật Việt Nam và pháp luật thế giới: Dưới góc độ pháp luật Việt Nam BHĐC bất chính được nhìn nhận Hoạt động này là một trong số những hành vi CTKLM bị cấm trong LCT 2004. Pháp luật cạnh tranh nước ta không đưa ra một định nghĩa khái quát về BHĐC bất chính như trong pháp luật Hoa Kỳ và không chỉ ra các đặc điểm của mô hình tháp ảo như trong pháp luật Singapore mà

đánh mạnh vào việc liệt kê ra những hành vi bị cấm trong hoạt động BHĐC bất chính tại Điều 48 LCT 2004 và được cụ thể hóa tại Điều 5 Nghị định số 42/2014/NĐ-CP *về quản lý hoạt động BHĐC* và nhằm mục đích sinh lợi thì được coi là hành vi BHĐC bất chính. Qua quy định pháp luật của một số nước tác giả cho rằng BHĐC bất chính là hành vi kinh doanh mà DN và những người tầng trên trong mạng lưới người tham gia hưởng các lợi ích kinh tế không dựa trên lượng sản phẩm do những người tham gia tiêu thụ được mà dựa trên khoản tiền đóng góp của mỗi người tham gia bị lôi kéo vào mạng lưới kinh doanh. BHĐC bất chính hành vi không lành mạnh, vi phạm đạo đức kinh doanh, pháp luật các quốc gia đều chống lại hành vi này. Tác giả cũng đã phân tích đặc điểm của BHĐC bất chính với nhiều dấu hiệu khác nhau [27]. Trong bài viết: *"Hành vi bán hàng đa cấp bất chính theo Luật cạnh tranh năm 2004 và kiến nghị*" của tác giả Lê Văn Sua đã thể hiện quan điểm BHĐC bất chính là hành vi BHĐC *"không lành mạnh*". BHĐC bất chính mang bản chất chiếm dụng vốn, gian dối, hoạt động chủ yếu của các DN BHĐC là dụ dỗ lôi kéo người tham gia mạng lưới bán hàng và được hưởng lợi ích kinh tế từ việc dụ dỗ lôi kéo đó. Thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm với những thông tin về tính chất công dụng gây ra sự nhầm lẫn cho khách hàng [69]...

Về lý luận BHĐC bất chính trên thế giới cũng có nhiều tác giả đề cập đến như: Trong bài viết "*Mulitil level Marketing and pyramid schemes in the united"* hai tác giả William W. Keep và Peter J. Vander Nat, giả không đưa ra các khái niệm cụ thể về BHĐC bất chính mà tiếp cận từ lịch sử hình thành BHĐC đến sự phát triển để phân biệt nó với những hành vi BHĐC bất chính thông qua việc phân tích các thực tiễn BHĐC ở Mỹ [100].

Ở bài viết "*Learn to Distinguish between Multi – Level Marketing and Pyramid Schemes"* Susan Ward đã đề cập đến BHĐC bất chính bằng cách đưa ra dấu hiệu nhận biết hành vi BHĐC bất chính. Các dấu hiệu các tác giả trình bày tương đồng với hành vi BHĐC bất chính được liệt kê tại Điều 48 LCT 2004 của Việt Nam[1][104]. Ngoài ra với bài viết: *"Mulitil level Marketing versus pyramid schemes",* tác giả Radha Rani và Dr. Narender Kumar Maharshi (Ấn Độ) cũng cho rằng BHĐC bất chính là hình thức kinh doanh gian lận tổ chức theo mô hình kim tự tháp. Lợi nhuận phụ thuộc vào việc lôi kéo thành viên tham gia mạng lưới. Thành viên mới tham gia phải đóng một khoản tiền khá cao…[105]. Bài viết*"Multilevel Marketing for everybody is not forever"* của Ciongradi cũng đưa ra quan điểm BHĐC bất chính là cơ chế kinh doanh mô hình kim tự tháp được xây dựng với cấu trúc

[1] "Checklist for Recognizing a Pyramid Scheme: Are you required to "invest" a large amount of money up front to become a distributor? This investment request may be disguised as an inventory charge.Legitimate MLM businesses do not require large start up costs; If you do have to pay for inventory, will the company buy back unsold inventory? Legitimate Multilevel – marketing companies will offer and stick to inventory buy-backs for at least 80% of what you paid; Is there any mention of or attention paid to a market for the product or service?Multilevel marketing depends on establishing a market for the company's products. If the company doesn't seem to have any interest in consumer demand for its products, don't sign up; Is there more emphasis on recruitment than on selling the product or service? Remember, the difference between multilevel marketing and a pyramid scheme is in the focus. The pyramid scheme focuses on fast profits from signing people up and getting their money. If recruitment seems to be the focus of the plan, run; These next two questions will help you determine what the focus of the company is: Is the plan designed so that you make more money by recruiting new members rather than through sales that you make yourself? This is the signature of a pyramid scheme operation; Are you offered commissions for recruiting new members? Another pyramid scheme trademark. It's the number of people who are willing to sign up that matters in a pyramid scheme, not the products or services being offered"

hình chóp có đáy. Trong đó các lớp của kim tự tháp được tạo thành từ những người tham gia và trả một số tiền nhất định để tham gia mạng lưới". Nguyên tắc chung về thu nhập: Những người dẫn đầu kim tự tháp không thể kiếm được tiền trừ khi có nhiều người tham gia ở đáy dưới của kim tự tháp. Mỗi người phải trả phí tham gia và phải tuyển những người khác, những người cũng sẽ trả phí tham gia mạng lưới BHĐC với họ thu nhập của họ bao gồm tổng phí đóng vào của những người ở chân kim tự tháp. Vì thế những người ở chân kim tự tháp đưa tiền cho một số người phía trên [86].

1.3.2. Nghiên cứu lí luận về pháp luật chống bán hàng đa cấp bất chính

Với những đề tài nghiên cứu về BHĐC bất chính được đề cập ở mục 1.1.1 từ các luận án, luận văn và các bài viết nghiên cứu về BHĐC bất chính hầu như rất ít công trinh đề cập về lý luận pháp luật chống BHĐC bất chính. Chỉ có một vài công trình tiêu biểu đề cập tới như:

Luận văn: "*Pháp luật bán hàng đa cấp bất chính ở Việt Nam"* của tác giả Ninh Thị Minh Phương (2012) là một trong những công trình tới nay nghiên cứu cụ thể về pháp luật BHĐC bất chính nhưng ở phần lý luận tác giả chỉ đề cập đến nhu cầu của pháp luật về việc điều chỉnh BHĐC bất chính và kinh nghiệm quốc tế về quy định về BHĐC bất chính [64].

Luận văn thạc sĩ: "*Kiểm soát hành vi bán hàng đa cấp bất chính theo pháp luật Việt Nam"* của tác giả Bùi Thị Ánh Tuyết (2020) là công trình duy nhất đã đưa ra lý luận về pháp luật BHĐC bất chính với thuật ngữ sử dụng "*Pháp luật về kiểm soát hành vi bán hàng đa cấp bất chính".* Tác giả đưa ra khái niệm pháp luật về kiểm soát hành vi BHĐC bất chính là: *"Tổng hợp một cách có hệ thống các quy tắc xử sự chung mang tính bắt buộc do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận để điều chỉnh các hành vi bán hàng đa cấp bất chính bằng sức mạnh cưỡng chế của mình, nhằm định hướng các hành vi của các chủ thể theo những quỹ đạo, mục tiêu nhất định đảm bảo sự phát triển hài hòa và bền vững của xã hội".* Tác giả cũng đưa ra về mặt lý luận nội dung pháp luật về kiểm soát hành vi BHĐC bất chính bao gồm: Dấu hiệu xác định hành vi BHĐC bất chính; cơ chế phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước trong việc kiểm soát hành vi BHĐC bất chính; biện pháp xử lý đối với hành vi BHĐC bất chính. Nếu xét về bản chất những nội dung mà tác giả đề cập trong phần lý luận pháp luật về kiểm soát hành vi BHĐC cấp bất chính cũng gần tương đồng với pháp luật chống BHĐC bất chính [77].

Hiện nay đã có nhiều đề tài, bài viết về BHĐC bất chính. Tuy nhiên theo khảo cứu của nghiên cứu sinh mới chỉ có hai đề tài nêu trên có đề cấp tới lí luận về pháp luật BHĐC bất chính và chưa có đề tài nào đến này nghiên cứu một cách toàn diện về pháp luật chống BHĐC bất chính.

1.4. Nghiên cứu thực trạng quy định pháp luật chống bán hàng đa cấp bất chính

Các quy định về chống BHĐC bất chính được quy định khá muộn so với sự ra đời của hình thức bán hàng này tại Việt Nam. Lần đầu tiên BHĐC được quy định trong LCT 2004 và được điều chỉnh cụ thể bởi Nghị định số 110/2005/NĐ-CP *về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp*. Các văn bản pháp quy về BHĐC cũng liên tục được sửa đổi, bổ sung, thay thế để tạo lập cơ sở pháp lý ngày càng khoa học, hiệu quả hơn phù hợp hơn cho hoạt động BHĐC. Sau gần 10 năm thực hiện, các văn bản QPPL về quản lý BHĐC đã bộc lộ một số bất cập, hoạt động BHĐC xuất hiện nhiều biến tướng theo chiều hướng tiêu cực Nghị định số 42/2014/NĐ-CP *về quản lý hoạt động BHĐC,* được ban hành thay thế cho Nghị định số 110/2005/NĐ-CP *về quản lý hoạt động BHĐC* với những thay đổi cơ bản, quan trọng theo hướng thắt chặt quản lý đối với hoạt động BHĐC như nâng cao điều kiện gia nhập, nâng cao trách nhiệm của DN đối với hoạt động của người tham gia, bổ sung nhiều quy định cấm, tăng cường sự tương tác giữa DN với cơ quan quản lý cũng như giữa các cơ quan quản lý, kiểm soát chặt chẽ hơn công tác đào tạo người tham gia của DN. Với sự phát triển mạnh mẽ của phương thức BHĐC và sự biến tướng của hình thức bán hàng này ngày càng tinh vi hơn. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 40/2018/ NĐ-CP *về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp* thay thế cho Nghị định số 42/2014/NĐ-CP *về quản lý hoạt động BHĐC.* Để siết chặt, hạn chế hoạt động BHĐC bất chính tại Việt Nam hiên nay Chính Phủ đã ban hành Nghị định 141/2018/ NĐ – CP *sửa đổi các Nghị định xử phạt vi phạm trong BHĐC* nâng mức phạt của các vi phạm trọng hoạt động BHĐC và vi phạm BHĐC bất chính. Ngoài ra, một bước tiến mới của pháp luật Việt Nam về chống BHĐC bất chính là BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực ngày 01/01/2018 bổ sung nhiều tội phạm mới trong đó có tội vi phạm quy định về kinh doanh đa cấp. Điều này thể hiện thái độ nghiệm khắc của Nhà nước với hành vi BHĐC biến tướng đang ngày một tinh vi, phức tạp có ảnh hưởng xấu tới XH.

Ở cấp độ Luận án tiến sĩ, Luận án tiến sĩ của tác giả Lê Anh Tuấn (2008), *Pháp luật về chống cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam* đã đề cập đến hành vi BHĐC bất chính được quy định tại điều 48 LCT 2004. Tác giả so sánh quan điểm điều chỉnh của pháp luật đối với hành vi BHĐC bất chính ở Việt Nam và một số nước trên thế giới. Đối với thực tiễn BHĐC bất chính tác giả nêu từ năm 2002 đã bắt đầu có những dấu hiệu gây hại cho xã hội và đến đầu năm 2003 đã có nhiều báo, đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh có phản ánh nhiều về hành vi BHĐC bất chính. Luận án nêu lên những mặt hàng thường được các DN BHĐC bất chính phân phối là những mặt hàng mới lạ, có liên quan đến sức khỏe của con người, mĩ phẩm và thực phẩm dinh dưỡng, thiết bị khử trùng, máy tạo ozone và lấy ví dụ một số DN BHĐC bất chính. Về xử lý vi phạm, tác giả không có mục viết riêng dành cho hành vi này [70].

Trong Luận án tiến sĩ của tác giả Lê Bí Bo (2016) *"Quản lý Nhà nước đối với hoạt động bán hàng đa cấp"* mặc dù tiếp cận dưới góc độ về quản lý nhà nước nhưng cũng đã đánh giá quy định của pháp luật về "tiền kiểm" và hậu kiểm đối với BHĐC nhằm hạn chế BHĐC bất chính, vi phạm pháp luật. Tác giả có đánh giá các quy định pháp luật tại thời điểm đó không còn phù hợp và đủ tính răn đe với tình hình thực tế và cần phải sửa đổi [33].

Ở cấp độ thạc sỹ, luận văn "*Pháp luật bán hàng đa cấp bất chính ở Việt Nam hiện nay"* của tác giả Ninh Thị Minh Phương (2012). Về nghiên cứu thực trạng pháp luật cũng đã trình bày, phân tích quy định pháp luật về BHĐC bất chính. Tác giả đã liệt hệ thống các văn bản pháp luật xác định hành vi BHĐC bất chính tại thời điểm đó. Luận văn cũng đã luận giải về các nội dung điều chỉnh của pháp luật về BHĐC bất chính như: Các quy định của pháp luật xác định hành vi BHĐC bất chính [61-Tr30]; Thủ tục xử lý hành vi CTKLM nói chung và BHĐC bất chính nói riêng [61-Tr.35]. Từ đó đưa ra những nhận xét về hạn chế của pháp luật BHĐC trong việc chống BHĐC bất chính như dấu hiệu của hành vi không cần xác định đến mục đích mà chỉ cần xác định biểu hiện của hành vi, thiếu quy định của pháp luật về cơ chế thực thi, hiệu quả xử lý các hành vi BHĐC bất chính còn ở mức thấp. Về thực tiễn tác giả có thống kê số lượng DN BHĐC, một số DN trong thực tế đã có hành vi BHĐC bất chính và thực tiễn xử lý các hành vi BHĐC bất chính trong thời gian đó [64-Tr46].

Luận văn "*Pháp luật điều chỉnh bán hàng đa cấp ở Việt Nam – Lý luận và thực tiễn"* của Hoàng Đào Thu Thủy (2012) đã trình bày thực trạng pháp luật về hoạt động BHĐC gồm các vấn đề: Về hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp; cơ chế tiền kiểm hậu kiểm đối với BHĐC; hành vi được coi là BHĐC bất chính, trách nhiệm của các bên tham gia BHĐC và thực tiễn hoạt động BHĐC, BHĐC bất chính ở Việt Nam [72].

Luận văn "*Hoàn thiện pháp luật về bán hàng đa cấp tại Việt Nam theo kinh nghiệm một số nước trên thế giới"* của Vũ Văn Tú (2014) đã trình bày thực trạng quy định pháp luật về BHĐC với nội dung: *Một là,* chủ thể của quan hệ pháp luật; *Hai là*, quản lý nhà nước với hoạt động BHĐC; *Ba là*, các hiệp hội có liên quan đến BHĐC; *Bốn là*, hợp đồng tham gia BHĐC; Năm là kiểu soát BHĐC. Tác giả đưa ra những đánh giá vướng mắc trong quá trình quản lý BHĐC tại Việt Nam và không đi sâu về quy định về pháp luật BHĐC bất chính [73].

Luận văn của tác giả Trần Thị Thu (2014), *Pháp luật về kiểm soát bán hàng đa cấp ở Việt Nam"* phần thực trạng pháp luật của luận văn, tác giả đã trình bày về nhu cầu cần kiểm soát hoạt động BHĐC và các đối tượng kiểm soát BHĐC theo quy định của pháp luật như: Các chủ thể kiểm soát hoạt động BHĐC (quyền và nghĩa vụ); Hợp đồng trong BHĐC (đây là công cụ chủ yếu để kiểm soát BHĐC); nhà nước với vai trò điều tiết trên thị trường về vấn

đề kiểm soát BHĐC. Từ đó, đánh giá một số vấn đề bất cập của pháp luật về kiểm soát BHĐC, đưa ra nguyên nhân và định hướng hoàn thiện [74].

Luận văn của tác giả Bùi Thị Ánh Tuyết (2020), *"Pháp luật về kiểm soát hành vi bán hàng đa cấp bất chính"* đã trình bày thực trạng pháp luật về kiểm soát hành vi BHĐC bất chính với các nội dung: Xác định hành vi BHĐC bất chính; quy định pháp luật về phối hợp của các cơ quan quản lý Nhà nước trong việc kiểm soát hành vi BHĐC bất chính; chế tài hành chính xử phạt đối với hành vi BHĐC bất chính. Tác giả nghiên cứu và phân tích các vấn đề nêu trên xoay quanh Nghị định số 40/2018/NĐ-CP và Nghị định số 141/2018/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung Điều 36 của Nghị định số 71/2014/NĐ-CP về quy định chi tiết LCT về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh [77].

Mỗi luận văn có những cách tiếp cận đối với thực trạng pháp luật BHĐC của Việt Nam và có những đóng góp nhất định trong việc đánh giá quy định pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật BHĐC và kiểm soát BHĐC bất chính trong từng giai đoạn Nhà nước sửa đổi, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về BHĐC và gợi mở hướng nghiên cứu đối với các nghiên cứu về pháp luật BHĐC và kiểm soát BHĐC bất chính trong các giai đoạn tiếp theo.

Pháp luật chống BHĐC bất chính cũng là một trong nhưng nội dung quan trọng của pháp luật BHĐC. Trước đây hành vi BHĐC thường được tiếp cận là hành vi cạnh tranh và được điều chỉnh bởi pháp luật cạnh tranh và hành vi BHĐC bất chính được xếp vào hành vi CTKLM. Vì vậy, nội dung về BHĐC bất chính cũng được *giáo trình Luật cạnh tranh* của trường Đại học Luật Hà Nội (2018) [50-Tr349], *giáo trình Luật cạnh tranh* của trường Đại học Kinh tế - Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2010) [53-Tr189], *giáo trình pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại* của trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, *giáo trình pháp luật cạnh tranh* của trường Đại học Ngoại thương (2003) [54-Tr287] … đã dành một phần riêng để phân tích về hành vi này theo quy định của pháp luật. Các tài liệu này là tư liệu chính thống để người học trong mỗi cơ sở đào tạo tiếp cận, tìm hiểu quy định pháp luật Việt Nam về BHĐC và BHĐC bất chính được tiếp cận dưới góc độ pháp luật Cạnh tranh.

Bên cạnh những Luận án, Luận văn, Giáo trình tiêu biểu trên, thực trạng pháp luật BHĐC và BHĐC bất chính cũng được nghiên cứu trong một số cuốn sách chuyên khảo và các bài báo như: cuốn sách *"Bình luận khoa học Luật cạnh tranh*" của Tiến sĩ Lê Hoàng Oanh là một trong những tài liệu đắt giá có thể tham khảo trong quá trình học tập. Tác giả cũng đã phân tích cụ thể hành vi BHĐC bất chính một cách chi tiết cụ thể theo quy định của

pháp luật Việt Nam dưới góc độ của pháp luật cạnh tranh, phân biệt giữa BHĐC được pháp luật thừa nhận và BHĐC bất chính [61-Tr143].

Pháp luật về chống BHĐC bất chính qua mỗi giai đoạn luôn là đề tài được nhiều tác giả của các bài báo, tạp chí khai thác. Dưới góc độ Pháp luật cạnh tranh bài viết *"Bán hàng đa cấp theo pháp luật cạnh tranh Việt Nam*" của Tiến sĩ Trần Thị Bảo Ánh trên tạp chí Luật học năm 2006 có phân tích mô hình kinh doanh "kim tự tháp" có bề ngoài rất giống với kinh doanh theo mạng thông thường nên dễ gây nhầm lẫn. Vì vậy, tác giả đã đưa ra bốn tiêu chí để nhận diện BHĐC bất chính dựa trên các dấu hiệu được liệt kê tại Điều 48 LCT 2004 [25]. Trong bài viết của tác giả Nguyễn Văn Vinh (2016) về "*Thực trạng vi phạm pháp luật về kinh doanh đa cấp ở Việt Nam và giải pháp khắc phục"* đã đưa ra thông cụ thể về thực hoạt động BHĐC ở Việt Nam từ năm 1998 đến 2016 ở Việt Nam. Từ thực tiễn đó, tác giả đã nghiên cứu các vi phạm pháp luật về BHĐC để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người bị hại và rút ra một số thủ đoạn của các DN BHĐC bất chính và đưa ra nguyên nhân là do sự lỏng lẻo và xử lý vi phạm thiếu nghiêm khắc của pháp luật dẫn đến việc các DN BHĐC dễ dàng biến tướng hành vi BHĐC của mình trở thành bất chính. Đặc biệt trong những năm gần đây, các bài viết đăng tải trên tạp chí tập trung khá nhiều vào chủ đề phân tích những điểm mới, tiến bộ dưới góc độ cụ thể hơn về pháp luật chống BHĐC bất chính [79]. Trong bài viết "*Về việc hoàn thiện pháp luật và cơ chế quản lý về kinh doanh đa cấp"* của tác giả Dương Xuân Phúc & Nguyễn Thị Xuân trên tạp chí toàn án (2018) đã tiếp cận những quy định cấm tại Tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 42/2014/NĐ-CP *về quản lý hoạt động BHĐC*. Từ đó các tác giả phân tích các quy định cấm và đưa ra chế tài xử phạt những hành vi BHĐC bất chính theo nghị định số 71/2014/NĐ-CP *quy định chi tiết Luật Cạnh tranh về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh.* Các tác giả đã đánh giá mức phạt chưa đủ mạnh với vi phạm. Đồng thời, lợi ích thu được từ người khác là quá cao quá dễ dàng nên nhiều người đã bất chấp tất cả. Bài viết đưa ra một trong những nguyên nhân dẫn đến "tình trạng lộng hành" của những DN BHĐC là sự quản lý lỏng lẻo thiếu chuyên nghiệp của cơ quan chức năng với hoạt động của các DN BHĐC; chưa thực sự thanh tra, kiểm tra theo dõi quan tâm đúng mức. Về chế tài xử phạt hành vi BHĐC bất chính [65]. Trong bài viết *"Tội vi phạm về kinh doanh đa cấp"* của tác giả Trần Văn Hùng (tòa án quân sự khu vực 1 quân khu 4) trên tạp chí Tòa án (2018) đã phân tích các dấu hiệu vi phạm quy định kinh doanh theo phương thức đa cấp tại Điều 217a BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Từ đó, tác giả đánh giá BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đưa tội vi phạm quy định về kinh doanh theo phương thức đa cấp là hợp lý…[48]

Về nghiên cứu pháp luật chống BHĐC bất chính nước ngoài có một số bài viết nổi bật ở một số quốc gia như Ấn Độ với bài viết:*"Multi-level marketing:comparative perspectives and indian dilemma"* (BHĐC: quan điểm so sánh về thế tiến thoái lưỡng nan ở Ấn Độ) của *Giáo sự Dipa Dube trường Luật sở hữu trí tuệ Rajiv Gandhi IIT Kharagpur và Girish S. N. sinh viên trường Luật sở hữu trí tuệ Rajiv Gandhi IIT Kharagpur* đăng trên tạp chí quốc tế về nghiên cứu tiên tiến trong quản lý và khoa học xã hội năm 2015 tập 4 [87]. Trong bài viết các tác giả đã so sánh pháp luật về BHĐC ở Ấn Độ và Hòa Kỳ. Từ đó là sáng tỏ vị trí của pháp luật về BHĐC ở Ấn Độ. Trong bài viết các tác giả có đưa ra khái niệm BHĐC bất chính hay còn gọi là bán hàng theo mô hình kim tự tháp tại Mỹ được cơ quan quản lý Nhà nước FTC (Uỷ ban thương mại Hoa Kỳ) và một số luật của các tiểu bang xác định như sau: *"Kế hoạch kim tự tháp" có nghĩa là bất kỳ thiết bị hoặc kế hoạch bán hàng nào mà một người đưa ra cân nhắc cho người khác để đổi lấy tiền bồi thường hoặc quyền nhận tiền bồi thường chủ yếu bắt nguồn từ việc giới thiệu người khác vào thiết bị bán hàng hoặc lập kế hoạch chứ không phải từ việc bán hàng hóa, dịch vụ hoặc tài sản khác.* Trong bài viết này các tác giả chỉ rõ BHĐC bất chính là hành vi kinh doanh gian lận và bị cấm tại Hoa Kỳ. FTC là một trong số các cơ quan có thẩm quyền xử ngăn chặn hành vi gian lận này. Ngoài ra, SEC (Uỷ ban giao dịch và chứng khoán Hoa Kỳ) được giao nhiệm vụ theo dõi các kế hoạch, đưa ra các biện pháp chống lại cái gọi là "mạng lưới phân phối tài chính" thực hiện theo phương thức đa cấp vi phạm pháp luật. Bộ Tư Pháp Hoa Kỳ và cơ quan điều tra FBI phối hợp cùng cơ quan cơ quan kiểm tra Bưu chính Hoa Kỳ truy tố hình sự các kế hoạch BHĐC bất chính về gian lận thư, gian lận chứng khoán, gian lận thuế và rửa tiền. Còn tại Ấn Độ, mặc dù hành vi BHĐC bất chính xuất hiện rất nhiều nhưng cơ quan lập pháp không ban hành quy định để xác định hành vi BHĐC bấy chính. Dẫn đến tòa án ở nước này cũng không thể phân biệt được hành vi BHĐC hợp pháp và bất hợp pháp dẫn đến khó khăn trong quán trình xử lý. Khi có dấu hiệu bất chính trong BHĐC cơ quan quản lý nhà nước sẽ xác định là hành vi gian lận được quy định ở một số văn bản pháp luật khác nhau như: *Đạo luật về giải thưởng và lược đồ lưu thông tiền* (Cấm 1978) (The Prize Chits and Money Circulation Schemes (Banning) Act, 1978), Mục 420 Bộ Luật Hình Sự 1860 (Indian Penal Code 1860). Bộ Luật Hình Sự 1860 của Ấn Độ mô tả hành vi gian lận và đưa ra mức xử phạt như sau: *Người nào gian lận, không trung thực khiến người bị lừa phải giao bất kỳ tài sản cho bất kỳ ai, hoặc làm thay đổi hoặc phá hủy một phần hoặc toàn bộ bảo mật có giá trị hoặc bất kỳ thứ gì được ký, đóng dấu và có khả năng được chuyển đổi thành một bảo đảm có giá trị sẽ bị phạt tù tối đa là bảy năm, và phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại* (420. Cheating and dishonestly inducing delivery of property — Indian

Penal Code 1860) [90]. Các tác giả cũng đưa ra tại thời điểm đó, Kerala là Bang đầu tiên ở Ấn Độ đưa ra dự thảo "*Tiếp thị đa cấp Kerala (Kiểm soát và Quy định) 2013*" (Kerala Multi-level Marketing (Control and Regulation) Bill, 2013). Trong dự thảo này đưa ra rất nhiều vấn đề về kiểm soát BHĐC và cấm các DN BHĐC không được phép tuyển người vào để kinh doanh (thu phí từ việc họ tham gia mạng lưới) [124].

Ngoài nghiên cứu trên, còn có bài viết nghiên cứu pháp luật chống BHĐC bất chính ở nước ngoài khá sâu sắc, đó là bài viết *"On the Legal and Market Analysis of "Direct Selling" in China"* tạm dịch là *"Phân tích thị trường và vấn đề pháp lý của bán hàng trực tiếp tại Trung Quốc"* của tác giả Yutian của trường Đại học Northwest University of Politics and Law đăng trên tạp chí quốc tế International journal of business and management năm 2008. Trong bài viết tác giả đã phân tích vấn đề thị trường và pháp lý về "Bán hàng Trực tiếp" ở Trung Quốc bằng cách khám phá nguồn gốc và cách dịch nghĩa đen của "bán hàng trực tiếp", "BHĐC" và "BHĐC bất chính" và phân tích các nguyên tắc của pháp luật, các nguyên tắc của kinh tế thị trường và mối quan hệ giữa pháp luật và các quy định và các nguyên tắc thị trường. Bài viết cũng khẳng định BHĐC là hành vi thương mại được pháp luật thừa nhận và có đóng góp lớn cho nên kinh tế Trung Quốc. Tác giả Yutian đã có những phân tích đánh giá các quy định của pháp luật về quản lý bán hàng trực tiếp và so sánh với quy tắc bán hàng trực tiếp thế giới được ban hành bởi hiệp hội bán hàng trực tiếp thế giới (WFDSA). Tác giả đã đề cấp đến hành vi BHĐC bất chính là một loại hành vi bán hàng gian lận bị cấm theo pháp luật Trung Quốc. Bài viết kết luận những ý nghĩa tích cực và những điểm chưa khoa học của Luật Quản lý Bán hàng Trực tiếp & Luật cấm bán hàng đa cấp bất chính năm 2005 của Trung Quốc với mong đợi tạo nên cơ sở lý thuyết đúng đắn cho việc sửa đổi, hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực bán hàng trực tiếp tại Trung Quốc. Tác giả đã đánh giá hai đạo luật nêu trên là công cụ giúp cho cơ quản quản lý nhà nước quản lý hoạt động BHĐC đi đúng hướng khi đã quy định cụ thể về điều kiện được phép kinh doanh đa cấp, điều kiện tham gia BHĐC và điều kiện được trích hoa hồng… khi kinh doanh đa cấp Trung Quốc. Theo tác giả, để hạn chế việc bán hàng đa cấp bất chính, pháp luật Trung Quốc phải có các biện pháp kiểm soát và chế tài xử lý nghiêm minh [102].

Như vậy, ở mức độ khác nhau các công trình nghiên cứu trên đã ít nhiều đóng góp trong việc trình bày, phân tích, bình luận có giá trị về các quy định pháp luật về chống BHĐC bất chính và thực tiễn thực hiện tại Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới. Trong đó, có đề tài đề cập tới pháp luật BHĐC bất chính như là một phần của nghiên cứu về pháp luật BHĐC, có tài liệu trình bày về pháp luật BHĐC bất chính là một nội dung nghiên cứu độc lập; có công trình chỉ khai thác một khía cạnh nhỏ về vi phạm BHĐC. Với các nghiên cứu về pháp luật

BHĐC nói chung, pháp luật chống BHĐC bất chính mặc dù giữ một vị trí quan trọng song mức độ đề cập còn hạn chế. Có nghiên cứu về pháp luật BHĐC bất chính lại chủ yếu được thực hiện và công bố trước thời điểm mà các nghị định, văn bản luật hiện nay đã thay thế, được bổ sung. Do đó thực trạng quy định pháp luật chưa cập nhật được hệ thống văn bản hiện hành. Một số bài viết đăng tải trên các tạp chí trong thời gian gần đây mặc dù đã cập nhật những nội dung quy định mới, nhưng thường chỉ khai thác một vài khía cạnh mà chưa nghiên cứu một cách tổng quát về toàn bộ hệ thống pháp luật chống BHĐC bất chính. Các công trình khoa học cũng đã trình bày, phân tích những thành công, hạn chế trong thực tiễn thực hiện pháp luật chống BHĐC bất chính của Việt Nam. Có thể nhận thấy một số phát hiện tương đồng trong kết quả nghiên cứu của nhiều tác giả. Tuy nhiên, do góc độ và mức độ tiếp cận, các vấn đề đó dường như chưa được luận giải một cách sâu sắc, toàn diện. Thêm vào đó, một số vấn đề mang tính thời sự hiện nay như: kinh doanh tiền ảo, bất động sản theo phương thức đa cấp mới chỉ được bàn tới khá tản mạn trong một số bài viết đăng tải trên các tạp chí thời gian gần đây.

Có thể nói, qua những công trình khoa học đã được công bố, các nhà nghiên cứu đã phác họa lên những nét vẽ cơ bản cho "bức tranh" thực trạng pháp luật chống BHĐC ở Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, để "bức tranh" ấy được sắc nét hơn, ý nghĩa hơn, rất cần có thêm những nghiên cứu sâu sắc và toàn diện về hệ thống pháp luật chống BHĐC bất chính và thực trạng thực hiện các quy định đó.

1.3. Nghiên cứu đề xuất giải pháp và kiến nghị hoàn thiện pháp luật chống bán hàng đa cấp bất chính

Theo khảo cứu của nghiên cứu sinh, các công trình nghiên cứu đề cập tới sự cần thiết hoàn thiện pháp luật BHĐC từ trước tới nay chưa có công trình nghiên cứu nào dành một nội dung độc lập để tập trung trình bày sự cần thiết của việc hoàn thiện pháp luật chống BHĐC bất chính. Mặc dù vậy, trong những năm gần đây, ở các mức độ khác nhau, mỗi luận án, luận văn, cuốn sách hay bài viết đăng trên tạp chí… khi phân tích, đánh giá pháp luật về BHĐC đều đã chứa đựng những thông tin cho thấy sự cần thiết hoàn thiện lĩnh vực pháp luật BHĐC để kiểm soát hành vi BHĐC bất chính. Hầu hết các công trình nghiên cứu đều đề cập đến sự cần thiết hoàn thiện pháp luật BHĐC xuất phát từ nhu cầu khắc phục những khiếm khuyết, hạn chế của pháp luật hiện hành nhằm quản lý chặt chẽ BHĐC đi đúng hướng và đảm bảo các quan điểm, định hướng của Đảng và Nhà nước trong môi trường kinh doanh. Trong một nghiên cứu đưa ra giải pháp kiến nghị hoàn thiện pháp luật BHĐC đều đề cập đến nội dung chống BHĐC bất chính. Điều này khẳng định pháp luật chống BHĐC bất chính là một bộ phận quan trọng và cần thiết trong hệ thống các quy định pháp luật về BHĐC.

Về giải pháp hoàn thiện pháp luật chống BHĐC bất chính Luận án tiến sĩ "*Pháp luật về chống cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam"*(2008) của tác giả Lê Anh Tuấn đã đề xuất một số các giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định về BHĐC và BHĐC bất chính trong pháp luật cạnh tranh. Tác giả cho rằng, vẫn sử dụng khái niệm BHĐC theo quy định của pháp luật và đề nghị mở rộng đối tượng của việc mua bán trong BHĐC không chỉ là hàng hóa hữu hình mà còn phải là hàng hóa vô hình (như dịch vụ). Tác giả cũng đưa ra những đề xuất hoàn thiện thủ tục xử lý đối với những hành vi BHĐC bất chính [70]. Luận văn thạc sĩ "*Pháp luật bán hàng đa cấp bất chính ở Việt Nam"* (2012) tác giả Ninh Thị Minh Phương chia thành giải pháp pháp lý và giải pháp hỗ trợ. Giải pháp về mặt pháp lý tác giả đề xuất hoàn thiện các quy định của pháp luật về BHĐC bất chính; hoàn thiện các quy định về tài chính, hoàn thiện các quy định về khiếu nại hành vi CTKLM. Về giải pháp hỗ trợ, tác giả đề xuất nâng cao năng lực, hiệu lực trong quá trình thực thi nhiệm vụ của các cơ quan quản lý cạnh tranh, chú trọng tuyên truyền pháp luật về chống CTKLM; nâng cao sự hiểu biết của người tham gia mạng lưới BHĐC và người tiêu dùng [64]. Luận văn thạc sĩ "*Hoàn thiện pháp luật về bán hàng đa cấp tại Việt Nam theo kinh nghiệm một số nước trên thế giới"* (2014), tác giả Vũ Văn Tú đã đưa ra một số nét chính có thể học hỏi trong kinh nghiệm các nước để hoàn thiện pháp luật Việt Nam về BHĐC. Từ đó tác giả đưa ra các giải pháp cụ thể để hoàn thiện quy định của pháp luật Việt Nam về BHĐC: Tiếp tục thừa nhận phương thức BHĐC và siết chặt quản lý; điều chỉnh lại tên gọi của phương thức; Tội phạm hóa hành vi BHĐC vi phạm pháp luật; thừa nhận một cách chính thức BHĐC đối với dịch vụ; điều chỉnh các quy định về giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC [73]. Luận văn "*Pháp luật về kiểm soát bán hàng đa cấp ở Việt Nam" (2014)* Trần Thị Thu đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về BHĐC: Điều chỉnh sửa đổi nhóm các quy định về "tiền kiểm"; điều chỉnh sửa đổi nhóm quy định quản lý liên quan đến điều chỉnh quá trình hoạt động của DN BHĐC [74].

Trong các bài báo, bài viết khoa học liên quan đến BHĐC các tác giả cũng đã đưa ra một số giải pháp để hoàn thiện pháp luật BHĐC và chống BHĐC bất chính. PGS.TS Nguyễn Thừa Lộc với bài viết "*Phương hướng phát triển kinh doanh ở Việt Nam"* (2012) đã đề ra một số phương hướng như sau: Cần mở rộng đợt tuyên truyền vận động trong BHĐC; cần hoàn thiện môi trường kinh doanh nhất là môi trường luật pháp để bảo vệ người kinh doanh chân chính; trừng phạt nghiêm khắc với DN lợi dụng kẽ hở của pháp luật để thu lợi bất chính; tăng cường hậu kiểm sau đăng ký kinh doanh đối với DN BHĐC; phối hợp nhịp nhàng giữa các Bộ ngành, cơ quan chức năng giữa trung ương và địa phương [59-Tr17]. Tác giả Nguyễn Sỹ Anh với bài viết "*Một số đề xuất đối với hoạt động kinh doanh đa cấp ở Việt Nam hiện nay*" (2016)– Tạp chí Dân chủ pháp luật (online) 07/6/2016 đã đưa ra một số đề xuất đối với hoạt

động kinh doanh đa cấp như sau: *Một là,* từ hàng loạt các văn bản pháp luật mới được ban hành, thay thế, các cơ quan chức năng cần giám sát, quản lý và xử lý hoạt động kinh doanh đa cấp hiện tại ở Việt Nam để những văn bản pháp luật có cơ sở thực thi, áp dụng rộng rãi trên thực tế; *Hai là,* cần xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm có liên quan đến hoạt động kinh doanh đa cấp. *Ba là,* tích cực tuyên truyền, phổ biến về pháp luật trong hoạt động kinh doanh đa cấp tới người dân, đặc biệt những người ở vùng sâu, vùng xa để họ có thể hiểu rõ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia các DN kinh doanh đa cấp [26]. Trong bài viết "*Thực trạng bán hàng đa cấp ở Thành phố Hồ Chí Minh" (2016),* tác giả Lê Bí Bo đã đưa một số kiến nghị cơ quan quản lý sớm có những biện pháp khắc phục, điều chỉnh về hoạt động BHĐC theo hướng như sau: *Thứ nhất,* soạn thảo và ban hành cơ chế kiểm tra, giám sát định kỳ và thông tin rộng rãi về DN, hành vi vi phạm cũng như mức xử phạt tương ứng; quy định DN định kỳ 6 tháng, 1 năm báo cáo cho BCT, SCT về số liệu kinh doanh; cơ quan quản lý cũng phải có chế độ kiểm tra, thanh tra đầy đủ và đều đặn không bỏ sót, không nương nhẹ bất kì DN nào và phải có biện pháp xử lý mạnh, tránh "giơ cao đánh khẽ", bao che. *Thứ hai,* tăng cường và quy định thêm chế tài và biện pháp xử lý người tham gia vi phạm các điều cấm. Cơ chế quản lý và giám sát hoạt động đào tạo cơ bản của DN cần chuẩn hóa ngay từ đầu, tránh tình trạng DN thực hiện công tác đào tạo đối phó hoặc không tổ chức đào tạo mà cấp chứng chỉ đào tạo cơ bản cho người tham gia. *Thứ ba*, cần chứng minh sự liên hệ giữa DN BHĐC và nhà sản xuất sản phẩm thì mới được đăng ký mặt hàng BHĐC; phải có thư ủy quyền cộng với cam kết về trách nhiệm, chất lượng hàng hóa, kênh phân phối chính thống, phạm vi địa lý và dòng sản phẩm để xác định sự đầu tư lâu dài của DN khi được cấp phép BHĐC. *Thứ tư*, tăng cường các hoạt động thi đua, quan hệ quốc tế và vị thế của các tổ chức xã hội nghề nghiệp nhằm đảm bảo vai trò giúp sức, giám sát các chuẩn mực đạo đức kinh doanh của người tham gia và DN có liên quan tạo nên một cộng đồng lành mạnh, có sức thuyết phục trong nền kinh tế - xã hội [34]. Tác giả Nguyễn Văn Vinh (2016) trong bài viết "*Thực trạng vi phạm pháp luật về kinh doanh đa cấp ở Việt Nam và giải pháp khắc phục"* đã đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước và góp phần hạn chế, ngăn chặn hoạt động BHĐC biến tướng, lừa đảo như: sửa đổi quy định của pháp luật cho phù hợp với thực tiễn BHĐC hiện nay; tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực BHĐC; cơ quan chức năng tăng cường tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và hoạt động BHĐC nói riêng trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong các chuyên đề, chuyên mục liên quan đến hoạt động kinh doanh đa cấp; lực lượng Cảnh sát nhân dân, trực tiếp là lực lượng Cảnh sát kinh tế các cấp làm tốt công tác điều tra cơ bản nắm vững tình hình hoạt động của các DN kinh doanh đa cấp, sớm phát hiện những biểu hiện, dấu hiệu kinh doanh biến tướng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản [79]. Nguyễn Phương Liên (2017) với bài viết "*Điều chỉnh hành vi bán*

hàng đa cấp bất chính dưới góc độ Luật Cạnh tranh" đã kiến nghị cần phải nhận diện BHĐC là hành vi thương mại đặc thù được điều chỉnh bởi Luật Thương Mại năm 2005 và khi hành vi này có tính bất chính, thì cần phải cấm như một số hành vi bị cấm trong Luật Thương mại năm 2005, chứ không thể coi là hành vi CTKLM và bị xử lý theo LCT. Theo tác giả, chủ thể thực hiện hành vi BHĐC bất chính đã không trực tiếp cạnh tranh và cũng không trực tiếp xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể cạnh tranh khác hay người tiêu dùng. Ngoài ra tác giả cũng đưa ra kiến nghị cần có sự quy định thống nhất giữa khoản 3 Điều 48 LCT 2004 và điểm đ Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 42/2014/NĐ-CP. Trong khi Nghị định đặt ra quy định cấm tuyệt đối "cho người tham gia BHĐC nhận tiền hoa hồng, tiền thưởng, lợi ích kinh tế khác từ việc dụ dỗ người khác tham gia BHĐC" thì LCT 2004 chỉ cấm "cho người tham gia nhận tiền hoa hồng, tiền thưởng, lợi ích kinh tế khác chủ yếu từ việc dụ dỗ người khác tham gia mạng lưới BHĐC". Độ vênh của 2 văn bản pháp luật khi quy định về cùng một vấn đề tạo ra sự không thống nhất trong việc giải thích và gây khó khăn trong áp dụng pháp luật [56 -Tr32]. Trong bài viết "*Về việc hoàn thiện pháp luật và cơ chế quản lý về kinh doanh đa cấp"*(2018) của nhóm tác giả Dương Xuân Phúc & Nguyễn Thị Xuân đã đề xuất các giải pháp như sau: Pháp luật cần quy định cụ thể các mặt hàng được phép được kinh doanh đa cấp hơn là quy định loại trừ những mặt hàng không được phép kinh doanh như trong Nghị định số 42/2014/NĐ-CP; cơ quan chức năng cũng cần thắt chặt hoạt động quản lý giám sát về khâu nhập khẩu và sản xuất hàng hoá để đảm bảo tốt về chất lượng sản phẩm; cần thành lập một cơ quan hay tổ chức riêng chuyên về kiểm định chất lượng sản phẩm để đảm bảo được quyền lợi của người tiêu dùng đồng thời tránh được hiện tượng lừa đảo [65]. Trong bài viết: "*Bán hàng đa cấp và những vấn đề pháp lý đặt ra"* (2018), tác giả Trương Văn Dũng (Viện Nghiên cứu Con người -Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) đưa ra một số giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật về BHĐC trong đó có đề cập đến vấn đề hoàn thiện pháp luật chống BHĐC bất chính: Để bảo vệ quyền lợi cho người tiêu dùng, các chế tài hình sự, hành chính đối với các hành vi sai phạm cần triệt để đồng bộ hơn; đổi mới hình thức và thủ tục cấp chứng chỉ cho người tham gia mạng lưới BHĐC; tăng cường hoạt động giám sát, quản lý nhà nước đối với các DN BHĐC, đẩy mạnh các hoạt động thanh kiểm tra. Bên cạnh vai trò của cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương trong kiểm tra giám sát thường xuyên hơn; khi phát hiện DN có dấu hiệu vi phạm, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của người tiêu dùng và người tham gia BHĐC thì phải kịp thời xử lý bằng các biện pháp nghiêm khắc nhất, thậm chí là đình chỉ, rút giấy phép kinh doanh, tích cực phối hợp với cơ quan Công an khẩn trương điều tra DN có dấu hiệu lừa đảo; tăng cường hơn nữa hoạt động giám sát, phản ánh tiêu cực của cơ quan báo chí, kịp thời phán ánh, tố giác các hành vi lừa đảo, vi phạm pháp luật của

DN hoạt động BHĐC; yêu cầu bắt buộc các DN phải xây dựng bộ quy chuẩn đạo đức kinh doanh khi thành lập DN BHĐC[43].

Về nghiên cứu đề xuất, kiến nghị, giải pháp hoàn thiện pháp luật trong việc chống hành vi BHĐC bất chính ở nước ngoài, trong bài viết *"Significance of Relationship in Multilevel Marketing and its effect on Business Outcome"*(2012), tác giả Dr.Abdul Assis Korot và Dr.A.K.Sarada sau khi trình bày và phân tích các vấn đề như số lượng, chất lượng các DN BHĐC ở Ấn Độ; trình độ học vấn, kinh nghiệm của những người tham gia BHĐC; những người có ảnh hưởng tới người tham gia BHĐC. Các tác giả đã đưa một số kiến nghị như sau: *Một là,* để xây dựng hình ảnh ngành công nghiệp sạch và lành mạnh, chính phủ có thể hợp pháp hóa kinh doanh đa cấp thông qua việc ban hành pháp luật phù hợp trong nước để điều chỉnh hoạt động của các DN BHĐC; *Hai là*, cần phải quản lý chặt chẽ từ chính phủ đối với các công ty kinh doanh với phương thức BHĐC bằng các quy định của pháp luật để bảo về quyền lợi của người tiêu dùng; *Ba là*, Chính phủ cần có những quy định pháp luật nghiêm ngặt đối với người bán hàng trong mạng lưới BHĐC để bảo về quyền lợi cho người tiêu dùng; *Bốn là,* do những người tham gia vào mạng lưới BHĐC là người mới và thiếu kinh nghiệm, các DN nên có những buổi tập huấn và xác định mức hoa hồng thưởng cho họ một cách xứng đáng; *Năm là*, chính phủ nên thực hiện các bước cần thiết để giám sát hoạt động của các DN BHĐC [83].

2. Đánh giá kết quả các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án

2.1. Những vấn đề đã được làm sáng tỏ, luận án có thể tiếp thu kế thừa

Qua việc khảo cứu tổng quan các công trình nghiên cứu trong các Luận án, luận văn, các đề tài nghiên cứu, bài viết liên quan đến lĩnh vực BHĐC và BHĐC bất chính trong và ngoài nước, có thể nhận thấy có một số nội dung liên quan đến BHĐC bất chính đã được giải quyết và được sự thống nhất cao, nghiên cứu sinh có thể tiếp thu như sau:

Trên phương diện lí luận:

- Về quá trình hình thành và phát triển hình thức BHĐC, hầu hết các công trình nghiên cứu, bài viết cũng làm rõ lịch sử hình thành và phát triển của phương thức BHĐC là do nhà hóa học người Mỹ Karl Renborg (1887 – 1973) sáng tạo và phát triển từ khoảng năm 1920 của thế kỉ trước và sự du nhập, phát triển của ngành BHĐC tại Việt Nam vào khoảng cuối thế kỉ 20 (năm 1998).

- Về cách tiến cận hành vi BHĐC các tác giả đã tiếp cận với nhiều cách khác nhau. Từ góc độ kinh tế, đến góc độ pháp lý, dù tiếp cận ở góc độ nào thì các tác giả đều ủng hộ phương thức BHĐC và cho rằng đây là phương thức bán hàng hiện đại, hiệu quả, tiết kiệm chi phi cho DN, tạo công ăn việc làm cho người dân trong XH có thêm thu nhập và tiện lợi

cho người tiêu dùng hơn so với bán hàng truyền thống hiện nay. Hầu hết các quan điểm đưa ra rằng hình thức bán hàng này đang dàn xóa bỏ hình thức bán hàng truyền thống, thay bằng việc hàng hóa ở trên kệ tại của hàng, siêu thị thì sẽ được bán đến tận tay người tiêu dùng. Đây là quan điểm đúng phù hợp với thời đại và được nghiên cứu sinh tiếp thu phát triển trong Luận án.

- Về quan điểm BHĐC bất chính có nhiều cách lý giải khác nhau nhưng tựu chung lại nội hàm của khái niệm về hành vi này gồm những dấu hiệu: lôi kéo dụ dỗ người tham gia vào mạng lưới BHĐC bằng những thông tin gian dối không trung thực về thu nhập, lợi ích kinh tế, cách thức bán hàng không đúng với bản chất của BHĐC hợp pháp; Yêu cầu người tham gia bán hàng phải đặt cọc một khoản tiền để được tham gia mạng lưới, điều này thể hiện bản chất chiếm dụng vốn một cách bất hợp của DN; Nói sai, nói quá về công dụng của hàng hóa, sản phẩm của DN và giá bán cao hơn gấp nhiều lần so với giá trị hàng hóa thực tế; BHĐC bất chính chủ yếu dựa việc yêu cầu người tham BHĐC dụ dỗ thêm người tham gia vào mạng lưới để chiếm dụng tài chính của người mới tham gia.

Trên phương diện thực tiễn:

- Các công trình nghiên cứu đều thống nhất quan điểm cần phải hoàn thiện quy định pháp luật về quản lý hoạt động BHĐC và việc xử lý nghiêm đối với các hành vi BHĐC biến tướng, bất hợp pháp là rất cần thiết. Đây là quan điểm đúng đắn và được nghiên cứu sinh tiếp thu, phát triển trong quá trình nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề hoàn thiện pháp luật chống BHĐC bất chính. Đây được coi là nhiệm vụ cấp bách hiện nay khi mà các hoạt động BHĐC bất chính đang ngày càng diễn ra tinh vi hơn.

- Các công trình nghiên cứu trước đều đã nêu lên yêu cầu của thực tiễn đang đặt ra hiện nay là cần phải tăng cường pháp chế, xử lý nghiêm đối với các trường hợp BHĐC bất chính. Điều này là hoàn toàn phù hợp với thực tiễn đang diễn ra hiện nay. Trong quá trình nghiên cứu Luận án cần tiếp thu và phát triển nội dung này nhằm xây dựng các giải pháp để hoàn thiện pháp luật về chống BHĐC bất chính để quản lý hoạt động BHĐC hiệu quả hơn.

Trên phương diện đề xuất giải pháp kiến nghị:

- Quan điểm về hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến khiếu nại đối với các DN có hành vi BHĐC bất chính
- Tội phạm hóa hành vi BHĐC bất chính
- Để chống hành vi BHĐC bất chính cần kiểm soát chặt chẽ bởi các biện pháp quản lý nhà nước khi các DN BHĐC ra nhập thị trường và quy định chặt chẽ về các chế tài.

- Với việc nâng cao hiệu quả chống BHĐC bất chính, cần tăng cường hoạt động giám sát và tuyên truyền của cơ quan báo chí một cách kịp thời về DN BHĐC đa cấp bất chính và những hành vi BHĐC biến tướng đang diễn ra trong XH.

2.2. Những vấn đề nghiên cứu được triển khai trong Luận án

Có thể nhận thấy về tổng quan tình hình nghiên cứu đã phân tích ở trên, chưa có một công trình nghiên cứu nào liên quan đến đề tài ở Việt nam hiên nay nghiên cứu cụ thể về pháp luật chống BHĐC bất chính.Vì vậy, việc hoàn thiện pháp luật về chống BHĐC bất chính ở Việt Nam hiện nay là cơ sở, nền tảng cho việc quản lý hoạt động BHĐC đi đúng hướng và nâng cao việc phát huy hiệu quả của phương thức kinh doanh tiến bộ này trong nền kinh tế hiện nay. Xuất phát từ sự phân tích thực trạng tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài đã nêu và trên cơ sở mục tiêu nghiên cứu của đề tài, Luận án sẽ kế thừa và tiếp tục nghiên cứu, làm rõ một cách có hệ thống các vấn đề liên quan đến đề tài như sau:

- Tiếp tục nghiên cứu làm sáng tỏ khái niệm BHĐC bất chính và pháp luật chống BHĐC bất chính về mặt lý luận cụ thể ở hai khía cạnh là kiểm soát về điều kiện kinh doanh và chế tài xử lý vi phạm;
- Nhận diện bản chất, đặc điểm, các dấu hiệu đặc trưng của BHĐC bất chính
- Phân tích kinh nghiệm chống BHĐC bất chính ở một số quốc gia trên thế giới;
- Hệ thống hóa đầy đủ các văn bản pháp luật về BHĐC và chống BHĐC bất chính ở Việt Nam hiện nay; Phân tích nội dung quy định của pháp luật về BHĐC bất chính ở Việt Nam hiện nay với các quy định về điều kiện kinh doanh bán hàng đa cấp và các chế tài xử lý vi phạm BHĐC bất chính.
- Đánh giá quy định của pháp luật chống BHĐC bất chính thông qua thực tiễn ở Việt Nam hiện nay;
- Đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về chống BHĐC bất chính nâng cao hiệu qủa trong việc chống BHĐC bất chính.

3. Cơ sở lý thuyết nghiên cứu của đề tài

3.1. Lý thuyết nghiên cứu

Với lí thuyết nghiên cứu thực hiện Luận án, nghiên cứu sinh nghiên cứu trước hết dựa trên cơ sở học thuyết Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về các thành phần kinh tế, hoạt động kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế.

Luận án được triển khai trên nền tảng những lý thuyết liên quan đến kinh tế thị trường, tự do kinh doanh trong nền kinh tế thị trường và lí thuyết kinh doanh BHĐC nhằm

đảm bảo công bằng trật tự trên thương trường. Cụ thể: Lý thuyết mà Luận án tiếp cận nghiên cứu là lý thuyết về quyền tự do kinh doanh với tính cách là một quyền cơ bản của công dân được ghi nhận từ Hiến pháp 1992 đến Hiến pháp 2013, và đảm bảo thực thi thuộc trách nhiệm của Nhà nước. Lý thuyết về dân chủ và trách nhiệm trong kinh tế thị trường mà ở đó, quyền lực Nhà nước bị giới hạn bởi tinh thần Nhà nước pháp quyền và khi đó, Nhà nước xuất hiện trong kinh tế thị trường như một tác nhân kiến tạo phát triển, không cai trị thị trường và doanh nghiệp mà tạo cơ hội và khuyến khích các nhà đầu tư tham gia thị trường, bảo hộ quyền tự do kinh doanh theo nguyên tắc minh bạch và ngăn ngừa rủi ro pháp lý. Tiếp nữa, Luận án cũng sử dụng lý thuyết về nền kinh tế hỗn hợp của Samuelson thể hiện việc tự do kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và có sự điều tiết của Nhà nước.

Ngoài ra, nghiên cứu sinh còn tham khảo các quan niệm về BHĐC, quan niệm về BHĐC bất chính, đặc điểm nhận dạng hành vi. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, nghiên cứu sinh mở rộng tìm hiểu về quy định pháp luật về chống BHĐC bất chính của một số quốc gia trên thế giới, việc tham chiếu này được đặt trong bối cảnh cụ thể ở Việt Nam.

Thông qua đó, nghiên cứu sinh xác định chủ thuyết làm nền tảng xuyên suốt trong toàn bộ quá trình nghiên cứu thực hiện luận án tiến sĩ là bảo vệ thương mại công bằng, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia BHĐC và của người tiêu dùng trong nền kinh tế thị trường .

Luận án tiếp cận các vấn đề theo hướng từ cơ sở lý luận pháp luật BHĐC bất chính. Đưa ra thực trạng pháp luật trong việc chống hành vi BHĐC bất chính, thực tiễn BHĐC bất chính ở Việt Nam hiện nay. Từ đó đưa ra đánh giá quy định của pháp luật trong việc quản lý hoạt động BHĐC và chống hành vi BHĐC bất chính.

3.2. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu của đề tài

Thứ nhất, câu hỏi nghiên cứu

Để hướng tới mục tiêu nghiên cứu của đề tài, trên cơ sở của tình hình nghiên cứu đề tài, nghiên cứu sinh xác định một số câu hỏi nghiên cứu chính mang tính chất xuất phát điểm cho việc nghiên cứu của luận án cụ thể như sau:

- Hình thức BHĐC có mang bản chất lừa đảo? Sự khác biệt của BHĐC với bán hàng truyền thống?

- BHĐC bất chính là gì? Sự tác động của hành vi BHĐC bất chính trong môi trường kinh doanh và trật tự công cộng? Vai trò gì của pháp luật trong việc chống BHĐC bất chính?

- Cơ sở pháp lý về chống BHĐC bất chính là gì? Làm thế nào để nhận diện hành vi BHĐC bất chính?

- Làm thế nào để kiểm soát và chống hành vi BHĐC bất chính? Hành vi BHĐC bất chính nào cần phải tội phạm hóa? Thực tiễn chống BHĐC bất chính diễn ra hiện nay như thế nào? Các biện pháp xử lý vi phạm BHĐC bất chính được thực hiện như thế nào?

- Định hướng và giải pháp nào để hoàn thiện pháp luật chống BHĐC bất chính? Làm thế nào để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong việc chống hành vi BHĐC bất chính hiện nay?

Thứ hai, giả thuyết nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu các vấn đề lý luận về bán hàng đa cấp bất chính và pháp luật về chống bán hàng đa cấp bất chính cũng như thực trạng quy định pháp luật và thực tiễn xử lý vi phạm hành vi bán hàng đa cấp bất chính ở Việt Nam hiện nay, Luận án đặt ra giả thuyết nghiên cứu như sau:

- Xuất phát từ bản chất của phương thức BHĐC trong hoạt động kinh doanh, BHĐC và BHĐC bất chính đang có nhiều quan niệm khác nhau chưa thống nhất. Có ý kiến cho rằng nên cấm hình thức kinh doanh này vì đây là hình thức kinh doanh mang tính chất chộp giật, lừa đảo.

- Hậu quả của hành vi BHĐC bất chính là hành vi tiêu cực ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường kinh doanh và để lại hậu quả rất lớn tới xã hội.

- Pháp luật quy định về chống BHĐC bất chính đang còn lỏng lẻo, chưa thống nhất, chưa hiệu quả dẫn đến việc các DN kinh doanh theo phương thức đa cấp dễ lách luật để thực hiện hành vi BHĐC bất chính.

- Trên thực tế hiện nay nở rộ các hình vi huy động vốn, tín dụng đen, đầu tư kinh doanh bất động sản theo phương thức đa cấp. Đây là một dạng của hành vi BHĐC bất chính.

CHƯƠNG 1.
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BÁN HÀNG ĐA CẤP BẤT CHÍNH VÀ PHÁP LUẬT CHỐNG BÁN HÀNG ĐA CẤP BẤT CHÍNH

1.1. Những vấn đề lý luận về bán hàng đa cấp bất chính

1.1.1. Bán hàng đa cấp bất chính

1.1.1.1. Khái niệm bán hàng đa cấp

Carl Rehnborg sinh năm 1887 tại St. Augustine, bang Florida, Hoa Kỳ, là con trai của một nhà kinh doanh kim hoàn người Mỹ gốc Thụy Điển. Ông đến Trung Quốc vào năm 1915 và dành phần lớn thời gian cuộc đời tại đây. Chính nơi đây đã tạo cho ông cảm hứng về việc bổ sung dinh dưỡng từ thực vật. Trong suốt thời gian sinh sống và làm việc tại Trung Quốc ông đã tìm hiểu về văn hóa và y học cổ truyền của Trung Quốc. Với óc quan sát nhạy bén, Carl phát hiện ra sức khỏe con người phụ thuộc vào chế độ ăn phối hợp từ nhiều loại thực phẩm khác nhau, và trong cây cỏ thiên nhiên tồn tại rất nhiều dưỡng chất cần thiết cho sức khỏe con người. Năm 1927, Carl về Mỹ và bắt đầu thực hiện các ý tưởng của mình bằng cách chế biến các chất bổ sung dinh dưỡng. Ban đầu, do chưa có kinh phí để tiếp thị sản phẩm, ông đưa ra ý tưởng mà đó có thể là nguyên lý cơ bản cho ngành kinh doanh theo mạng sau này. Carl đề nghị người thân của ông giới thiệu các sản phẩm bổ sung dinh dưỡng này cho người quen của họ, và nếu người quen của họ mua sản phẩm thì ông sẽ trả một khoản hoa hồng cho người giới thiệu. Cứ thế, với mô hình một giới thiệu hai, hai giới thiệu bốn,…hàng hóa càng bán được nhiều, những người giới thiệu càng có lợi. Khi mô hình này được triển khai, chính Carl Rehnborg cũng không thể ngờ được kết quả thành công ngoài sức tưởng tượng. Đây chính là thời điểm đánh dấu sự ra đời của ngành kinh doanh theo mạng. Carl Rehnborg sáng lập ra công ty Vitamin Products Company năm 1935, đến đầu năm 1940 ông đổi tên công ty thành Nutrilite Products, Inc. Theo đó, những nhà phân phối độc lập của ông tự tìm người mới, chỉ cho người mới đầy đủ thông tin về sản phẩm và hướng dẫn cho người mới phương pháp xây dựng mạng lưới. Từ đó, mô hình lan rộng tạo thành đội ngũ phân phối đông đảo và chuyên nghiệp. Công ty đảm bảo cho tất cả nhà phân phối độc lập có đủ sản phẩm và nhận hoa hồng không chỉ dựa trên số lượng sản phẩm họ bán ra mà còn trả hoa hồng cho lượng sản phẩm do những người trong mạng lưới của họ tiêu thụ được. Người tham gia mạng lưới của công ty nhận được sự giúp đỡ hướng dẫn tận tình của người bảo trợ. Phương pháp phân phối hàng hoá của Carl Rehnborg được cho là cơ sở của phương thức BHĐC ra đời và phát triển [120].

Học thuyết giá trị thặng dư là một trong những học thuyết kinh tế quan trọng của chủ nghĩa Mác Lênin. Theo quy luật giá trị trong nền sản xuất hàng hóa thì giá trị thặng dư không thể do lưu thông mà có, vì lưu thông hàng hóa chỉ là việc trao đổi ngang giá, do đó nó không có khả năng làm tăng thêm giá trị mới trong quá trình trao đổi. Muốn có giá trị thặng dư, người

có tiền phải tìm ra được trên thị trường một loại hàng hóa đặc biệt, đó là loại hàng hóa mà khi sử dụng nó có thể tạo ra một giá trị lớn hơn nó - đó là hàng hóa sức lao động. Trong lịch sử phát triển kinh tế của các nước phương Tây, loại hàng hóa đặc biệt này bắt đầu phát triển từ thế kỷ XV - XVI. Sức lao động là toàn bộ những năng lực (thể lực và trí lực) tồn tại trong một con người lao động và được người đó sử dụng vào sản xuất hàng hoá.

Giá trị hàng hoá sức lao động là toàn bộ những tư liệu sinh hoạt cần thiết để sản xuất và tái sản xuất ra sức lao động. Giá trị hàng hoá sức lao động bao gồm: giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết đủ để duy trì sức khoẻ của người lao động ở trạng thái bình thường; chi phí đào tạo tuỳ theo tính chất phức tạp của lao động; giá trị tư liệu sinh hoạt cho những người thay thế. Trên thực tế, giá trị của hàng hóa sức lao động được thể hiện bằng tiền công, tiền lương. Tiền công hay tiền lương chỉ là sự biểu thị bằng tiền giá trị sức lao động, hay là giá cả của sức lao động. Giá trị sử dụng của hàng hoá sức lao động thể hiện ra trong quá trình tiêu dùng sức lao động để sản xuất ra một loại hàng hoá nào đó. Trong quá trình lao động, người công nhân có thể tạo ra một lượng giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân nó, phần giá trị dôi ra so với giá trị sức lao động là giá trị thặng dư. Như vậy, giá trị thặng dư chính là phần giá trị dôi ra ngoài giá trị sức lao động do người công nhân sáng tạo ra trong quá trình lao động của họ nhưng trong phạm vi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, nó không thuộc về người công nhân mà thuộc về nhà tư bản, tức bị nhà tư bản chiếm không. Bởi vì, trên thực tế nhà tư bản trả cho người bán sức lao động một lượng tiền công (hay tiền lương) để người đó làm việc cho nhà tư bản trong một khoảng thời gian nhất định, sản phẩm lao động của người làm thuê ấy đương nhiên thuộc về nhà tư bản. Khi nhà tư bản đem bán các sản phẩm do người công nhân làm ra họ thu về một lượng tiền (giá trị) lớn hơn tiền công đã trả cho người công nhân. Học thuyết giá trị thặng dư là biểu hiện mẫu mực của việc nghiên cứu và vận dụng quan điểm duy vật biện chứng và quan điểm duy vật lịch sử vào sự phân tích các quá trình kinh tế trong xã hội tư bản.

Hình thức BHĐC là một trong những biểu hiện của học thuyết này, bởi các nhà kinh doanh trong lĩnh vực này không phải trả chi phí cho lao động tham gia mạng lưới bán hàng. Giá trị tiền công của nhân công bán hàng chính là hiệu suất bán hàng và doanh số bán hàng của lực lượng lao động này được trích hoa hồng từ doanh thu có được bằng việc bán hàng. DN không phải mất chi phí bỏ ra để thuê lực lượng bán hàng. Đây là một ưu điểm của phương thức BHĐC, nó đem lại hiệu quả tối đa hóa lợi nhuận đối với DN.

Theo quan niệm cổ điển: *"Bán hàng là hoạt động thực hiện sự trao đổi sản phẩm hay dịch vụ của người bán chuyển cho người mua để được nhận lại từ người mua tiền, vật phẩm hoặc giá trị trao đổi đã thỏa thuận"*.

Theo quan điểm hiện đại bán hàng được hiểu theo một số định nghĩa như: Bán hàng là nền tảng trong kinh doanh , là sự gặp gỡ của người bán và người mua ở những nơi khác nhau

giúp DN đạt được mục tiêu nếu cuộc gặp gỡ thành công trong cuộc đàm phán về việc trao đổi sản phẩm; bán hàng là quá trình liên hệ với khách hàng tiềm năng để tìm hiểu nhu cầu khách hàng, trình bày và chứng minh sản phẩm, đàm phán mua bán, giao hàng và thanh toán; bán hàng là sự phục vụ, giúp đỡ khách hàng nhằm cung cấp cho khách hàng những thứ mà họ muốn…

Bán hàng có 2 hình thức cơ bản là:

Direct selling (Bán hàng trực tiếp): Người bán trực tiếp gặp khách hàng.

Retail selling (Bán lẻ): Các sản phẩm được bán cho người tiêu dùng qua kênh phân phối, hình thức này được coi là hình thức bán hàng truyền thống.

BHĐC hiện nay trên thế giới có nhiều tên gọi khác nhau như "*tiếp thị đa cấp*", "*kinh doanh đa cấp*", "*bán hàng theo mạng*" (network selling); tại Hàn Quốc BHĐC được biết với tên gọi là *"bán hàng tận cửa*" (door to door selling**)** …

Tác giả Susan Ward (Mỹ) cho rằng "*tiếp thị đa cấp là hình thức kinh doanh hấp dẫn đối với nhiều người, cung cấp cơ hội tham gia vào hệ thống phân phối sản phẩm tới người tiêu dùng. Không giống như người bắt đầu kinh doanh từ đầu, người tham gia tiếp thị nhiều cấp có sự hỗ trợ từ một DN bán hàng trực tiếp cung cấp sản phẩm và đôi khi cũng đào tạo cách tiếp thị bán hàng người tham gia mạng lưới"* [104].

Theo Giáo sư Bogdan Gregor và Tiến sĩ Aron-Axel Wadlewski, M.Sc. University of Lodz, (Poland)*, "Bán hàng đa cấp là hình thức bán hàng trực tiếp cung cấp hàng hóa và dịch vụ tới tay người tiêu dùng trên cơ sở địa chỉ liên lạc cá nhân, thường là ở nhà của khách hàng. Bán hàng đa cấp cho phép người bán hàng tạo mạng lưới riêng lẻ cho mình và được hưởng hoa hồng từ việc bán hàng trong mạng lưới của mình"* [84].

Tiến sĩ Abdul Assis Koroth và Tiến sĩ A.K.Sarada cho rằng: BHĐC là hình thức tiếp thị qua mạng, là một phương pháp phân phối sản phẩm. Sản phẩm được vận chuyển thông qua các nhà phân phối độc lập, các nhà phân phối được trao cơ hội giới thiệu các nhà phân phối khác cho DN. Thay vì phải quảng cáo trên phương tiện truyền thông với chi phí cho quảng cáo khổng lồ, số tiền này được tiết kiệm và chuyển cho người phân phối. Đồng thời, sản phẩm có sẵn cho người tiêu dùng tại giá bán buôn" [83].

Theo quan điểm của Radha Rani và tiến sĩ Narender Kumar Đại học Maharshi Dayanand, Rohtak - Ấn Độ, trong bài viết *"Bán hàng đa cấp và bán hàng theo mô hình kim tự tháp"* cho rằng BHĐC có nguồn gốc từ bán hàng trực tiếp. Bán hàng trực tiếp theo truyền thống chỉ có một cấp hoặc là người được trả lương hoặc đại lý dựa trên hoa hồng được sử dụng để bán sản phẩm trực tiếp cho người tiêu dùng, BHĐC là phiên bản mở rộng của bán hàng trực tiếp [105].

Theo pháp luật Việt Nam, BHĐC lần đầu tiên chính thức được ghi nhận tại khoản 11 Điều 3 LCT 2004. Luật này không định nghĩa BHĐC mà thay vào đó là đưa ra các điều kiện để xác định ranh giới "chân chính" hay "bất chính", tức là xác định tính hợp pháp hay bất hợp pháp của hoạt động bán hàng này.

Hiện nay, hành vi BHĐC được điều chỉnh trong văn bản riêng biệt là Nghị định số 40/2018/NĐ-CP. Theo quy định của nghị định này, BHĐC được hiểu là *"hoạt động kinh doah sử dụng mạng lưới người tham gia gồm nhiều cấp, nhiều nhánh, trong đó, người tham gia được hưởng hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác từ kết quả kinh doanh của mình và của những người khác trong mạng lưới"* Khoản 1 Điều 3 [20].

Trước hết phải khẳng định BHĐC là phương thức tiếp thị để bán lẻ hàng hoá. Nghĩa là, trong phương thức kinh doanh này phải có sự luân chuyển hàng hóa từ người kinh doanh tới tay người tiêu dùng. Tuy nhiên sự vận động của hàng hóa tới tay người tiêu dùng có điểm khác biệt so với bán hàng truyền thống: *Thứ nhất,* việc tiếp thị để bán lẻ hàng hóa được thực hiện thông qua mạng lưới người tham gia BHĐC gồm nhiều cấp, nhiều nhánh khác nhau; *Thứ hai,* hàng hóa được bán trực tiếp tới tay người tiêu dùng không thông qua những địa điểm bán lẻ cố định; *Thứ ba,* thù lao mà những người tham gia được hưởng xuất phát từ hai nguồn: Hoa hồng trực tiếp (được tính trên doanh số bán hàng trực tiếp của người tham gia, và của những người tham gia cấp dưới được DN BHĐC chấp thuận) và hoa hồng gián tiếp (là khoản tiền thưởng cho công sức xây dựng mạng lưới tiêu thụ của người tham gia).

Xuất phát từ những bản chất và nguyên lý hoạt động theo quy định của pháp luật nói trên. BHĐC có thể hiểu là một dạng của *bán hàng trực tiếp*.

Bán hàng trực tiếp[2] là phương thức bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ trực tiếp tới người tiêu dùng thông qua người bán hàng độc lập tại địa điểm bán hàng không phải là điểm bán lẻ thường xuyên. Điểm nổi bật của của phương thức bán hàng này là người bán hàng độc lập tìm đến người tiêu dùng cuối cùng để tiêu thụ sản phẩm chứ không phải người cần mua hàng đến tìm nhà phân phối như bán truyền thống. Phương thức này có lợi thế về khả năng phát tán quan hệ rất lớn, nhờ vậy có thể tăng doanh thu nhanh chóng. Thu nhập của người tham gia bán hàng trực tiếp sẽ tăng lên cùng với lượng hàng hoá, dịch vụ mà họ bán ra. Vì vậy nó tận dụng được nỗ lực của mỗi cá nhân cố gắng bán thật nhiều hàng để có nguồn thu nhập cao tương ứng. Có hai hình thức bán hàng trực tiếp chủ yếu là bán hàng đơn cấp và BHĐC:

Bán hàng đơn cấp (Single level Sale): Là hình thức bán hàng trực tiếp mà nhân viên bán hàng bán lẻ sản phẩm trực tiếp cho người tiêu dùng và hưởng hoa hồng trên số lượng sản phẩm do mình tiêu thụ được. Hình thức này thường được sử dụng cho cả mục đích quảng cáo,

[2] Mặc dù gọi là Bán hàng trực tiếp (Direct Selling) nhưng hoạt động này bao gồm cả việc môi giới để cung ứng dịch vụ, do vậy những nội dung liên quan đến Direct Selling có thể được hiểu như Direct Marketing (Multi Level Marketing)

tiếp thị bên cạnh mục đích bán hàng. Vì vậy hình thức này thường được sử dụng kết hợp với các phương thức bán hàng truyền thống. Để triển khai bán hàng đơn cấp, DN thường phải có khả năng tài chính để tổ chức được mạng lưới nhân viên và cộng tác viên bán hàng hoạt động nhanh nhạy ở từng thị trường địa lý. Nhân viên bán hàng thường đến tận nhà, công sở... để tiếp cận trực tiếp người tiêu dùng cùng với các chương trình quảng cáo, khuyến mại... ***(Sơ đồ số 1)***

Bán hàng đa cấp (Multi levelMarketing): BHĐC là hình thức bán hàng trực tiếp về bản chất cũng giống với bán hàng đơn cấp. Tuy nhiên điểm khác biệt của hình thức này so với bán hàng đơn cấp là người phân phối ban đầu có quyền bảo trợ thêm người tham gia mới vào mạng lưới bán hàng và hưởng hoa hồng trên khối lượng hàng hóa hoặc dịch vụ mà người được bảo trợ tiêu thụ được. Chính nhờ có đặc điểm này mà việc mở rộng mạng lưới phân phối diễn ra nhanh chóng. BHĐC tập hợp đội ngũ các nhà phân phối độc lập, họ tự do hoạch định kế hoạch làm việc cũng như thời gian thực hiện, lại không cần phải bỏ vốn lớn nên không chịu sự mạo hiểm về tài chính, không cần văn phòng, không trả lương người làm thuê…chính vì thế mà số người tham gia vào đội ngũ các nhà phân phối ngày càng gia tăng. ***(Sơ đồ số 2)***

Từ những tìm hiểu và phân tích các quan điểm và quy định của pháp luật nêu trên có thể hiểu: *Bán hàng đa cấp là một dạng của bán hàng trực tiếp, được chia thành nhiều cấp, nhiều nhánh khác nhau. Người tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp được hưởng hoa hồng từ việc bán hàng của mình và của mạng lưới bán hàng cấp dưới do mình quản lý.*

Với nhưng phân tích trên, có thể thấy hành vi BHĐC có đặc trưng sau:

Thứ nhất, BHĐC là loại hình bán hàng trực tiếp, là phương thức tiếp thị để bán lẻ hàng hóa. Đây là phương thức bán lẻ hàng hóa, nói cách khác, thông qua mạng lưới tiếp thị, DN tổ chức BHĐC sẽ thiết lập được mối quan hệ mua bán sản phẩm trực tiếp với người tiêu dùng cuối cùng mà không tốn phí các khoản đầu tư thành lập, duy trì mạng lưới phân phối dưới dạng cửa hàng giới thiệu sản phẩm hoặc các đại lý phân phối theo pháp luật thương mại. Đồng thời, người tiêu dùng có cơ hội mua được sản phẩm từ gốc sản xuất, tránh những rủi ro có thể phát sinh trong quá trình phân phối như hàng giả, hàng kém chất lượng, giá cả không trung thực... Do đó, DN BHĐC có thể là DN trực tiếp sản xuất hàng hóa được tiếp thị và bán lẻ bằng phương thức đa cấp hoặc chỉ là DN phân phối hàng hóa do DN khác sản xuất.

Thứ hai, DN BHĐC tiếp thị hàng hóa thông qua những người tham gia được tổ chức ở nhiều cấp khác nhau. Người tham gia BHĐC được hiểu đơn giản là những cộng tác viên trong việc tiếp thị, bán lẻ hàng hóa cho DN dù họ được gọi với những tên gọi như đại lý, nhà phân phối độc lập,...Trong hoạt động của mình, người tham gia thực hiện việc giới thiệu, bán hàng hóa trực tiếp cho người tiêu dùng mà không nhân danh DN. Như vậy, khi giới thiệu và bán lẻ sản phẩm, DN đã không phải là người trực tiếp thiết lập quan hệ với người tiêu dùng mà thực

hiện thông qua mạng lưới người tham gia nên họ độc lập trong quan hệ với khách hàng. Người tham gia BHĐC cũng không là nhân viên của DN.Vì vậy, DN không phải chịu trách nhiệm về hành vi của người tham gia trước khách hàng tiêu thụ sản phẩm. Trách nhiệm của DN chỉ giới hạn trong phạm vi chất lượng sản phẩm và các thông tin liên quan đến sản phẩm họ cung cấp.

Mặt khác, khi tham gia mạng lưới BHĐC người tham gia không phải là các đại lý phân phối theo quy định của Luật Thương mại, không là các cửa hàng tiêu thụ sản phẩm do DN thành lập. Theo đó, người tham gia trực tiếp gặp gỡ người tiêu dùng để giới thiệu và bán lẻ sản phẩm, họ không phải đăng ký kinh doanh khi tham gia BHĐC. Bên cạnh đó, người tham gia được tổ chức thành những cấp khác nhau theo phương thức: mỗi người tham gia tổ chức một mạng lưới phân phối mới, khi được DN chấp nhận. Mạng lưới mới tạo ra cấp phân phối tiếp sau cấp phân phối của người đã tạo ra chúng. Vì thế số người tham gia ở cấp sau luôn nhiều hơn so với cấp trước nó. Vì vậy, phương thức kinh doanh này đã tạo ra một hệ thống phân phối theo hình tháp. Trong quan hệ nội bộ, người tham gia ở cấp trên có vai trò tổ chức và điều hành hoạt động của những người trong mạng lưới cấp dưới.

Thứ ba, người tham gia được hưởng tiền hoa hồng, tiền thưởng, lợi ích kinh tế khác từ kết quả bán hàng của mình và của người tham gia khác trong mạng lưới do họ tổ chức ra.Cách thức phân chia lợi ích như trên không chỉ kích thích người tham gia tích cực tiêu thụ hàng hóa mà còn kích thích họ tích cực tạo lập hệ thống phân phối cấp dưới. BHĐC có thể đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho người tiêu dùng như: mua được hàng trực tiếp từ nhà sản xuất nên tránh được nạn hàng giả, hàng kém chất lượng. Đối với DN, BHĐC tiết kiệm được chi phí quảng cáo, cắt giảm được hàng loạt các chi phí khác như chi phí thuê mặt bằng trưng bày, chi phí vận chuyển; mặt khác, do mạng lưới phân phối được tổ chức để đưa hàng hóa trực tiếp đến người tiêu dùng nên có nhiều thuận lợi trong việc quảng bán hàng hóa một cách trực tiếp và hữu hiệu. Bên cạnh đó, BHĐC còn tạo ra nhiều việc làm cho xã hội vì cơ chế hoạt động của phương thức kinh doanh này không giới hạn số lượng người tham gia.

Có thể nhận thấy BHĐC là phương thức kinh doanh tiến bộ, phù hợp với xã hội hiện đại hiện nay. Phương thức này đem lại nhiều lợi ích cho DN cũng như người tiêu dùng. Ngoài ra, đây là một hình thức mang lại công việc, thu nhập cho nhiều người dân mà không cần bị ràng buộc bởi bằng cấp trình độ.

1.1.1.2. Khái niệm bán hàng đa cấp bất chính

BHĐC hiện nay được xem như là một phương thức kinh doanh hiện đại, được rất nhiều các nhà kinh doanh sử dụng với những ưu thế vượt trội so với hình thức bán hàng thông thường. Tuy nhiên, vì cách thức vận hành của mô hình BHĐC có những đặc thù riêng và sự hiểu biết về hình thức kinh doanh này đối với đại bộ phận người dân còn hạn chế, dẫn đến một

số DN kinh doanh đa cấp lợi dụng, lừa đảo, biến tướng tiêu cực để nhằm thu lời bất chính, hiện tượng kinh doanh không chỉ xảy ra ở Việt Nam mà còn phát triển mạnh trên thế giới.

Thuật ngữ BHĐC bất chính trên thế giới được sử dụng với các tên gọi khác nhau như: *illegal Multi – Level Marketing (bán hàng đa cấp bất chính), illegal polyhierarchy* (*đa cấp bất chính)* hay *Pyamid Scheme* (mô hình kim tự tháp).

BHĐC bất chính xuất hiện vào những năm 60 của thế kỉ trước tại Mỹ, Glen Turner là người thành lập ra công ty Glen W.Turner Enterpises. Ông đã làm chấn động nước Mỹ bởi hai tập đoàn lớn nhất có tên Koscot Interplanetary và Dare to Be Great. Bị cuốn hút bởi cơ hội kiếm tiền mở ra, hàng nghìn người đã quy tụ về Turner. Rất nhiều chủ DN đã chịu ơn ông về thành công của họ. Nhờ nỗ lực của Glen Terner-một người đã hướng dẫn nhiều những kỹ năng làm việc mới vào kinh doanh mạng, kinh doanh theo mạng đã mang bản chất mới. Ông nhận thấy rõ vai trò của thành đạt cá nhân trong cuộc sống con người. Ông chỉ cho mọi người thấy những chân trời mới trong cuộc sống và khẳng định rằng mỗi người đều có tiềm năng lớn lao để đạt được mọi mục đích. Ông thành lập công ty và dạy cho mọi người kỹ năng thành đạt, giúp cho họ khai thác khả năng tiềm ẩn rất lớn trong mỗi con người. Rất nhiều người nhờ áp dụng chương trình huấn luyện của ông đã tìm thấy và đánh thức được những bản chất tốt đẹp nhất và đạt nhiều thành quả lớn. Chương trình huấn luyện của ông vẫn được áp dụng cho đến ngày nay. Tuy nhiên, Glen W.Turner Enterprises cũng chính là người đã hoàn tất cơ chế làm việc kiểu *"Kim tự tháp lừa bịp-mô hình hình tháp ảo".* Các nhà phân phối của Turner kiếm tiền bằng việc tuyển mộ, lôi kéo dụ dỗ người khác vào hệ thống bán hàng [81-Tr45].

Để lí giải mô hình Pyamid Scheme (mô hình kim tự tháp), trong bài viết *Pyramid scheme* đã đưa ra mô hình và phân tích:

Sơ đồ kim tự tháp (sơ đồ bán hàng đa cấp bất chính)

1

10

100

1,000

10,000

100,000

1,000,000

10,000,000

100,000,000

1,000,000,000

10,000,000,000

Một kế hoạch bán hàng theo mô hình kim tự tháp là hệ thống kiếm tiền gian lận, đòi hỏi dòng tuyển dụng vô tận để thành công. Các tân binh đưa tiền cho các nhà tuyển dụng và tranh thủ những tân binh mới để cho họ tiền. Gọi là sơ đồ kim tự tháp vì hình dạng của kim tự tháp: hình tam giác ba chiều. Nếu một kim tự tháp được bắt đầu bởi một người ở trên đỉnh chỉ có 10 người bên dưới anh ta, và 100 người bên dưới họ, và 1000 người bên dưới họ, v.v. Đây là một sơ đồ kim tự tháp đơn giản, nhà tuyển dụng được yêu cầu đưa một khoản tiền, ví dụ 100 đô la, cho một nhà tuyển dụng. Tuyển dụng mới sau đó thêm 10 người tham gia, để bỏ 100 đô la mỗi người. Trong ví dụ mỗi nhà tuyển dụng đưa ra 100 đô la để đổi lấy 900 đô la (100 đô la từ mỗi người trong số 10 người tham gia mạng lưới của anh ta trừ đi 100 đô la mà anh ta đã cho nhà tuyển dụng của mình). Để không ai mất tiền, việc tuyển dụng phải tiếp tục mãi mãi [118].

Dưới góc độ kinh tế BHĐC bất chính được một số các nhà nghiên cứu đưa ra như sau:

Tác giả Susan Ward (Mỹ),trong bài viết *Learn to Distinguish between Multi – Level Marketing and Pyramid Schemes* đưa ra các dâu hiệu để nhận biết hành vi BHĐC bất chính như: Phải đóng một khoản tiền trước khi tham gia mạng lưới đa cấp, không mua lại hàng hóa với giá trị ban đầu ít nhất là 80%, tiền hoa hồng được hưởng không phải từ việc bán hàng mà từ việc dụ dỗ người khác tham gia vào mạng lưới đa cấp, chất lượng hàng hóa bán không đúng như quảng cáo [104].

Với quan điểm của Radha Rani - Học giả nghiên cứu, Khoa thương mại, Đại học Maharshi Dayanand, Rohtak, Ấn Độ và Narender Kumar -Giáo sư, Khoa thương mại, Đại học Maharshi Dayanand, Rohtak, trong bài viết:*"BHĐC và bán hàng theo mô hình kim tự tháp"*. Hai nhà nghiên cứu cho rằng: Bán hàng theo mô hình kim tự tháp về cơ bản là gian lận.Trong kế hoạch bán hàng này, việc làm thế nào có nhiều các thành viên trong hệ thống được chú trọng hơn chứ việc bán sản phẩm. DN không có sản phẩm hoặc sản phẩm không có giá trị hoặc đôi khi sản phẩm được định giá quá cao so với chất lượng. Lợi nhuận có được phụ thuộc vào việc tiếp nhận thành viên mới. Các thành viên mới muốn tham gia mạng lưới bán hàng này phải đóng một khoản tiền khá cao. Trong hệ thống này, mạng lưới được tổ chức là một chuỗi vô tận của các thành viên mới. Nhưng cuối cùng bão hòa thị trường xảy ra, không thể tiếp nhận thêm thành viên mới và những người mới ở tầng đáy sẽ là những người thiệt hại, các thành viên trên đỉnh kim tự tháp là những người duy nhất đạt được nguồn lợi tài chính [105].

Theo Hiệp hội bán hàng trực tiếp của Hoa Kỳ thì: "*kinh doanh đa cấp bất chính là một chuỗi người (gồm nhiều tầng) mà trong đó những người thuộc tầng cuối cùng trả tiền cho một vài người ở tầng cao nhất*".

Như vậy, định nghĩa của hiệp hội bán hàng trực tiếp Hoa Kỳ cho thấy cấu trúc của mô hình BHĐC bất chính cũng giống như BHĐC chân chính, phân phối viên tham gia mạng lưới có quyền tuyển thêm phân phối viên mới và nhờ đó quy mô mạng lưới ngày càng mở rộng. Tuy nhiên trong BHĐC bất chính những người cấp dưới sẽ trả tiền cho những người thuộc cấp trên dưới hình thức các khoản đóng góp phát sinh từ việc tham gia mạng lưới.

Dưới góc độ pháp lý, có rất nhiều các văn bản luật ở các quốc gia đã định nghĩa, đưa ra các dấu hiệu nhận dạng hành vi BHĐC bất chính:

Luật chống mô hình tháp ảo của Hoa Kỳ định nghĩa: "*kinh doanh đa cấp bất chính (pyramid promotional shemes) là một kế hoạch mà trong đó người tham gia quan tâm đến quyền được nhận tiền hoa hồng chủ yếu từ việc tuyển người mới tham gia vào mạng lưới hơn là từ tiền bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ cho những người tham gia khác hoặc bởi những người tham gia cho người khác*" [125].

Luật Bảo vệ người tiêu dùng Bang Illinois (Mỹ) định nghĩa BHĐC bất chính là "*bất kỳ kế hoạch hoặc sự tổ chức kinh doanh trong đó một cá nhân trả tiền có cơ hội nhận được lợi ích bằng tiền hoặc bằng các giá trị khác, mà những lợi ích này chủ yếu dựa vào việc giới thiệu, dụ dỗ người khác tham gia vào kế hoạch hoặc mô hình kinh doanh này, không tính đến số lượng người tham gia; lợi ích họ nhận được không phụ thuộc vào số lượng hoặc doanh số bán hàng hóa, dịch vụ đã bán cho người khác để sau đó bán tiếp cho người tiêu dùng"* [116].

Ngoài ra, các cơ quan có thẩm quyền ở Hoa Kỳ thường dẫn chiếu về BHĐC bất chính trong phán quyết của Ủy Ban thương mại Liên bang đối với vụ kiện công ty Koscot Interplanetery, Inc: *"Kinh doanh đa cấp bất chính là mô hình mà trong đó người tham gia phải trả một khoản tiền cho công ty để được quyền bán sản phẩm và được quyền nhận tiền thưởng từ việc tuyển những người khác tham gia vào chương trình mà những khoản thu nhập đó không liên quan đến việc bán sản phẩm cho người tiêu dùng thực sự"* [126].

Ở Việt Nam, thuật ngữ BHĐC bất chính lần đầu tiên được ghi nhận tại Điều 48 của LCT 2004 và được coi là hành vi CTKLM. Nhưng điều này không đưa ra định nghĩa mà chỉ đưa ra dấu hiệu nhận diện BHĐC nhằm *thu lợi bất chính*. Đây chính là các điều kiện để xác định ranh giới "*chân chính*" hay "*bất chính*", tức là xác định tính hợp pháp hay bất hợp pháp của BHĐC.

Trong Nghị định 42/2010/NĐ-CP *về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp* không sử dụng thuật ngữ BHĐC bất chính mà sử dụng thuật ngữ BHĐC theo mô hình kim tự tháp (là hình thức BHĐC bất chính) tại Khoản 10 Điều 3: "*Kinh doanh theo mô hình kim tự tháp là việc tiến hành hoạt động KDTPTĐC, trong đó thu nhập của người tham gia xuất phát chủ yếu từ việc tuyển dụng người tham gia mới; việc gia hạn hợp đồng của người đã tham gia; phí, tiền đặt cọc hoặc khoản đầu tư của người tham gia trong mạng lưới".*

Với quy định này có thể nhận diễn rõ kinh doanh theo mô hình kim tự tháp là hành vi BHĐC bất chính bởi các dấu hiệu được liệt kê trong định nghĩa này đều đi ngược lại với hành vi BHĐC chân chính xâm phạm vào lợi ích của các chủ thể có liên quan.

Tuy nhiên hiện nay, LCT 2004 và Nghị định số 42/2010/NĐ-CP đã hết hiệu lực thi hành. Quản lý KDTPTĐC được thực hiện theo Nghị định số 40/2018/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Trong nghị định này không đưa khái niệm BHĐC bất chính mà chỉ quy định hành vi bị cấm đối với BHĐC. Quy định cấm này có khá nhiều hành vi được nhận diện là hành vi BHĐC bất chính tương đồng trong LCT 2004.

Ngoài những quy định của pháp luật và quan niệm của một số tác giả về BHĐC bất chính. Để giải thích thuật ngữ "bất chính" có một số từ điển lý giải như sau:

Theo từ điển Black's Law dictionary từ *"illicit"* được giải thích là *illegal or improper* nghĩa là bất chính, không chính đáng, trái đạo đức, trái pháp luật [85-tr815]. Từ điển Tiếng Việt từ "*bất chính"* được giải nghĩa là không chính đáng, không ngay thẳng [31-tr27], hay Theo Đại Từ điển Tiếng Việt, "bất chính" là không chính đáng, trái với đạo đức luật pháp[82-Tr132].

Để nói về trái với chuẩn mực đạo đức kinh doanh thì cần phải xác định được nội hàm của đạo đức kinh doanh là gì? Nghiên cứu về "đạo đức kinh doanh" xuất phát từ đạo đức nói chung của con người. Đạo đức là một truyền thống lâu đời bắt nguồn từ những niềm tin của tôn giáo, tín ngưỡng, văn hóa và tư tưởng triết học. Đạo đức liên quan đến những cam kết và luôn lý, trách nhiệm và công bằng xã hội. Đạo đức trong tiếng anh là "Ethics", từ này bắt nguồn trong tiếng Hy Lạp "Ethiko" và "Ethos" nghĩa là phong tục tập quán. Hai danh từ này chứng tỏ rằng khi ta nói đến đạo đức, tức là nói đến những lề thói tập tục và biểu hiện mối quan hệ nhất định giữa người và người trong sự giao tiếp với nhau hàng ngày. Đạo đức được hiểu *"Là hệ thống các quy tắc, chuẩn mực xã hội mà nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với lợi ích của cộng đồng, của xã hội".* Đạo đức phản ảnh tính cách của cá nhân và trong thời đại hiện nay có thể nói lên cả văn hóa, tính chất của cả một DN.

Đạo đức kinh doanh trong tiếng Anh là Business Ethics, là một tập hợp các nguyên tắc, chuẩn mực điều chỉnh, đánh giá, hướng dẫn và kiểm soát hành vi của các chủ thể kinh doanh.

Đạo đức kinh doanh được đề cập và nghiên cứu từ rất lâu đời. Cho đến nay định nghĩa đạo đức kinh doanh đã được rất nhiều nhà nghiên cứu đưa ra. Chính vì vậy, giáo sư Phillip V.Lewis từ trường Đại học Abilene Christian Hoa Kỳ đã tiến hành điều tra và thu thập 185 định nghĩa được đưa ra trong các sách giáo khoa và bài nghiên cứu từ năm 1961 đến năm 1981. Sau khi tìm ra những điểm chung của các định nghĩa, ông tổng hợp lại và đưa ra khái niệm về đạo đức kinh doanh như sau: "*Đạo đức kinh doanh là tất cả các nguyên tắc, tiêu chuẩn, chuẩn mực đạo đức hoặc luật lệ để cung cấp, chỉ dẫn về hành vi ứng xử chuẩn mực và sự trung thực của một tổ chức trong những trường hợp nhất định"* [97].

Điều này có thể thấy, đạo đức kinh doanh chính là thể hiện sự *trung thực, tuân thủ pháp luật, tôn trọng quyền lợi của khách hàng*. Đạo đức kinh doanh là yếu tố nền tảng cho sự tin tưởng của khách hàng đối với doanh nghiệp, tăng cường sự trung thành của nhân viên, điều chỉnh hành vi của doanh nhân, nâng cao hình ảnh DN và từ đó nâng cao lợi nhuận của DN. Muốn đạt được thành công bền vững, các DN phải xây dựng được nền tảng đạo đức kinh doanh cho DN.

Rõ ràng, doanh nghiệp BHĐC hợp pháp trong quá trình hoạt động phải thể hiện hành vi kinh doanh chân chính, biểu hiện như:

- Tuân thủ pháp luật
- Tôn trọng truyền thống, tập quán kinh doanh
- Phù hợp với đạo đức kinh doanh
- Phù hợp với thông lệ quốc tế
- Là động lực phát triển kinh tế -xã hội.

Điều này có nghĩa rằng, hành vi BHĐC bất chính là việc các DN BHĐC đi ngược lại với các biểu hiện trên. Từ các góc độ nghiên cứu và sự phân tích về thuật ngữ nêu trên có thể thấy BHĐC bất chính là hành vi kinh doanh không trung thực, không minh bạch, không chính đáng, lừa đảo, trái với đạo đức và tập quán kinh doanh, vi phạm pháp luật của DN bằng những cách thức khác nhau nhằm kiếm lời một cách bất chính.

Vì vậy, BHĐC bất chính có thể định nghĩa như sau: "*BHĐC bất chính là hành vi kinh doanh theo phương thức đa cấp mà trong đó DN, người tham gia bán hàng đã sử dụng các thủ đoạn lừa dối, vi phạm pháp luật về BHĐC hoặc trái với chuẩn mực đạo đức, tập quán kinh doanh nhằm chiếm dụng tài chính của người tham gia mạng lưới bán hàng gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng nhằm trục lợi bất hợp pháp. DN thực hiện hành*

vi BHĐC bất chính có thể là các DN đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật về BHĐC hoặc không đăng ký kinh doanh theo phương thức đa cấp."

BHĐC bất chính mặc dù cũng mang một số dấu hiệu giống với BHĐC chân chính như: người tham gia đều được tổ chức theo cấu trúc hình tháp nhiều tầng và mỗi người đều có quyền tuyển dụng người tham gia vào mạng lưới, nên rất dễ gây nhầm lẫn. Tuy nhiên, mô hình này cũng có nét khác riêng biệt, qua phân tích đặc điểm của BHĐC bất chính đồng thời so sánh, đối chiếu với những đặc điểm của kinh doanh đa cấp chân chính sẽ cho thấy rõ ràng hơn về sự khác biệt trong mô hình này. Dù hiểu ở góc độ nào thì BHĐC bất chính cũng là một kế hoạch, một âm mưu mà trong đó DN và những người thuộc tầng trên trong mạng lưới người tham gia được hưởng các khoản lợi ích kinh tế chủ yếu từ tiền đóng góp của những người mới tham gia chứ không phải lợi nhuận của việc bán lẻ sản phẩm cho người tiêu dùng.

Từ định nghĩa và các quy định của pháp luật, hành vi BHĐC bất chính phải đáp ứng 2 điều kiện: *(Một)* đó là thực hiên một trong số những hành vi mà pháp luật cấm. *(Hai)* là các hành vi BHĐC được xác định nhằm thu lợi bất chính.

Dựa vào bản chất của phương thức BHĐC và các quan điểm, định nghĩa về BHĐC bất chính, có thể xác định BHĐC bất chính có những đặc điểm như sau:

Thứ nhất, yêu cầu người khác phải đặt cọc hoặc nộp một khoản tiền nhất định hoặc phải mua một số lượng hàng hóa nhất định để tham gia vào hệ thống

Các DN BHĐC bất chính thường thường tìm cách dụ dỗ, lôi kéo người tham gia BHĐC bỏ ra một khoản tiền để vào mạng lưới BHĐC xem như là chi phí gia nhập hệ thống. Chi phí này có thể được yêu cầu dưới nhiều hình thức khác nhau như nộp tiền để làm thủ tục tuyển dụng hay đào tạo; nộp tiền đặt cọc; mua một lượng hàng nhất định (thường là sản phẩm với giá đắt hơn giá thị trường hoặc gói sản phẩm theo mức giá cố định); nộp tiền làm thẻ thành viên; nộp tiền mua tài liệu đào tạo…Đây là hình thức diễn ra phổ biến hiện nay kể từ thời điểm hình thức BHĐC du nhập vào Việt Nam. Đây là một dạng lừa đảo, nhằm chiếm dụng vốn, tài sản của người tham gia BHĐC.

Bản chất của BHĐC là người tham gia tiếp thị sản phẩm giúp DN, được hưởng lợi ích, hoa hồng từ kết quả tiếp thị, bán hàng của mình và của mạng lưới do mình tổ chức ra. Quan hệ qua lại về lợi ích và nghĩa vụ giữa DN với người tham gia thực sự chỉ phát sinh khi người tham gia thực hiện việc tiếp thị, bán sản phẩm. Việc gia nhập mạng lưới chưa đem lại cho người tham gia bất cứ lợi ích gì, nên chưa thể ràng buộc trách nhiệm vật chất đối với họ. Không những thế, về bản chất, đặt cọc là biện pháp bảo đảm vật chất mà mà các chủ thể phải

thực hiện với nhau nhằm đảm bảo cho việc thực hiện một nghĩa vụ; việc trả tiền là nghĩa vụ thanh toán của một chủ thể cho việc được hưởng một lợi ích ngang giá.Vì vậy, việc DN buộc người muốn tham gia phải thực hiện các nghĩa vụ nói trên như một điều kiện để xem xét việc có được tham gia mạng lưới hay không là trái với bản chất của việc đặt cọc hay của nghĩa vụ trả tiền. Trong thực tế, khi thực hiện BHĐC, DN phải bỏ ra những khoản tiền lớn để thành lập mạng lưới đa cấp trong khi thu nhập từ việc bán hàng hóa là không đáng kể và không khống chế thế hệ, cấp bán hàng được hưởng hoa hồng, tiền thưởng. Số tiền DN phải trả cho người tham gia sẽ tăng dần theo cấp số lượng người tham gia mới. Lúc này, nguy cơ xảy ra các cuộc khủng hoảng về tài chính cho DN là tất yếu. Do đó, các DN luôn tìm mọi cách để bù đắp khoản chi phí đã trả cho người tham gia.Thông thường DN BHĐC đặt ra những điều kiện về mức hàng hóa tối thiểu mà người muốn gia nhập phải mua hoặc đặt ra mức phí gia nhập đối với thành viên mới.

Thực hiện hành vi trên, DN BHĐC vừa thu được khoản lợi nhuận bất chính vừa khiến người tham gia có động cơ lôi kéo dụ dỗ người khác tham gia vào mạng lưới của DN BHĐC bất chính nhằm gỡ gạc, bù đắp khoản chi phí đã bỏ ra.

Thứ hai, cho người tham gia nhận hoa hồng từ việc tuyển dụng, giới thiệu người khác tham gia vào mạng lưới BHĐC

Như đã nêu trên, người tham gia hệ thống BHĐC bất chính thường sẽ mất một khoản tiền chi phí ban đầu. Chi phí này được DN trích một phần để trả công cho người giới thiệu, các DN BHĐC bất chính vẫn gọi đây là hoa hồng. Tuy nhiên, hoa hồng này không phải là thành quả của hoạt động bán hàng, hay nói chính xác là từ lợi nhuận mà người tham gia BHĐC thu về từ việc bán hàng hóa cho DN BHĐC mà xuất phát từ tiền của người mới bị dụ dỗ tham gia mạng lưới. Hình thức cho người tham gia nhận tiền từ việc tuyển dụng người mới. Trả tiền cho việc tuyển dụng là một trong những dấu hiệu nhận biết căn bản đối với hoạt động bán hàng đa cấp bất chính. Ở những DN này, việc bán hàng không được chú trọng mà chỉ tập trung tuyển dụng, lôi kéo người mới tham gia. Để khuyến khích tuyển dụng, DN chi trả một khoản hoa hồng cho người tham gia khi người đó tuyển được một người mới.

Tuy nhiên, việc tuyển dụng của các DN này thường gắn với việc người được tuyển dụng nộp một khoản tiền dưới các hình thức khác nhau như đặt cọc hay mua hàng. Nguồn gốc khoản tiền thưởng dành cho người tuyển dụng cũng chính là từ khoản tiền do người được tuyển dụng nộp cho Công ty. Các DN này sẽ tồn tại đến khi không tuyển được người mới nữa, không còn tiền để chi trả cho tuyến trên nữa thì sẽ tự sụp đổ. Đặc biệt, trong hoạt động BHĐC chính thống, mỗi người tham gia chỉ ký một hợp đồng tham gia và được cấp một mã

số để xác nhận vị trí trong mạng lưới của DN. Tuy nhiên, ở các DN BHĐC bất chính, người tham gia được khuyến khích đầu tư nhiều tiền, thông qua việc một người ký nhiều hợp đồng, tạo lập nhiều mã số trên hệ thống, mỗi mã số nộp một khoản tiền, hệ thống sẽ xếp các mã số để mã số trên được hưởng hoa hồng từ mã số phía dưới. Theo cách này, khi mới gia nhập, người tham gia sẽ được nhận một khoản hoa hồng nhất định, thực chất là từ doanh số của các mã số tuyến dưới của chính mình. Tuy nhiên, đến các kỳ tính thưởng tiếp theo, người đó sẽ không còn được hưởng hoa hồng gì nếu không đầu tư thêm tiền, bởi các mã số này đều là mã số ảo, không tự phát sinh được hoa hồng do không có hoạt động mua bán liên quan đến mã số đó. Đây là cách thức được một số DN BHĐC sử dụng để kêu gọi đầu tư vì người đầu tư bị thu hút bởi khoản hoa hồng ban đầu khi họ mới nộp tiền vào hệ thống mà không ý thức được việc khoản hoa hồng đó chỉ phát sinh một lần hoặc chỉ phát sinh khi họ đầu tư thêm tiền cho các mã số phía dưới.

Do đó, nếu được giới thiệu tham gia hệ thống BHĐC nào có chính sách trả hoa hồng cho việc tuyển dụng người mới tham gia BHĐC thì hệ thống kinh doanh đó có dấu hiệu BHĐC bất chính. Bởi, BHĐC là một phương thức bán hàng mà người bán được hưởng hoa hồng từ kết quả bán hàng của mình và kết quả bán hàng của mạng lưới người tham gia phía dưới không phải nhận hoa hồng từ việc tuyển dụng.

Thứ ba, bán hàng đa cấp bất chính mang bản chất lừa dối, cung cấp thông tin sai sự thật gây nhầm lẫn để dụ dỗ người khác tham gia mạng lưới BHĐC

Cung cấp thông tin sai sự thật gây nhầm lẫn hoặc nói quá, quảng cáo gian dối là hình thức cơ bản để các đối tượng BHĐC bất chính thu phục người mới, khiến họ mờ mắt trước những thông tin không có thật. Việc nói quá của đối tượng BHĐC bất chính được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau:

Nói quá về cơ hội làm giàu: người bị dụ dỗ tham gia vào các DN đa cấp bất chính thường được nghe những lời quảng cáo về khả năng có thể giàu lên nhanh chóng sau một thời gian tham gia vào mạng lưới. Thành viên của DN đa cấp bất chính sẽ vẽ ra những cảnh tượng giàu sang, nêu những tấm gương giàu có đã thành công ở doanh nghiệp, hoặc bản thân họ cũng tỏ ra hiểu biết giàu có với cách ăn mặc hào nhoáng. Các DN đa cấp bất chính cũng thường tổ chức các sự kiện vinh danh rầm rộ, cho người lên vinh danh với những khoản thưởng được giá trị hàng trăm triệu, thậm chí hàng tỉ đồng để khiến những người ngồi dưới có niềm tin rằng họ cũng sẽ làm được như vậy.

Tuy nhiên, các thông tin này thực chất đều là giả tạo, những người lên nhận thưởng thường chỉ đeo dải băng chéo với số tiền lớn nhưng không được trao số tiền như đúng mệnh

giá trên dải băng của họ, hoặc số tiền đó là số tiền thưởng của cả hệ thống hàng ngàn người chứ không phải của riêng họ. Người nhẹ dạ có thể sẽ tin tưởng và đầu tư nhiều tiền để nhanh chóng có được thành công như vậy.

Nói quá về công dụng sản phẩm: Thực hiện hành vi dụ dỗ khách hàng bất chính là việc các DN BHĐC đã biến tướng hành vi kinh doanh của mình để tìm kiếm lợi nhuận bằng cách đưa thông tin gian dối, không chính xác về công dụng sản phẩm của DN làm cho khách hàng tin tưởng sử dụng sản phẩm, Hình thức này phổ biến ở dạng quảng cáo sản phẩm của DN BHĐC có công dụng thần kỳ, chữa được các bệnh nan y, bệnh hiểm nghèo. Để tăng tính thuyết phục, nhiều DN bố trí người vào vai bệnh nhân để làm nhân chứng sống cho việc sử dụng sản phẩm của DN đã khỏi bệnh mặc dù bệnh viện không thể chữa khỏi. Với việc chứng kiến "người thật, việc thật" rất nhiều người đã bỏ khoản tiền lớn để mua sản phẩm với hy vọng "chữa" được bệnh cho bản thân hoặc người thân của mình, nhiều người cũng mang các câu chuyện này chia sẻ lại với người thân dẫn đến có nhiều nạn nhân hơn tham gia mua các sản phẩm này. Tuy nhiên, thực tế sản phẩm của các DN này chỉ là các sản phẩm thực phẩm chức năng, không có tác dụng chữa bệnh. Đây chỉ là chiêu thức lừa dối khách hàng để trục lợi bất chính.

Nói quá về quy mô, sức mạnh của doanh nghiệp: Để dụ dỗ lôi kéo được nhiều người tham gia vào mạng lưới BHĐC. Nhiều DN BHĐC bất chính chỉ là DN do người Việt Nam thành lập, lấy tên giống một DN nước ngoài, nhưng để lấy niềm tin của người khác, họ thường quảng cáo họ là DN đa quốc gia, hoạt động trên nhiều quốc gia trên thế giới, có nhà máy, trụ sở, văn phòng ở nhiều quốc gia khác nhau và DN có chính sách đãi ngộ hấp dẫn. Người tham gia mạng lưới BHĐC sẽ được đi du lịch hay giao lưu học tập kinh nghiệm bán hàng ở nhiều nước trên thế giới. Hoặc lừa đảo người tham gia bởi những thông tin gây nhầm lẫn như DN BHĐC đó thuộc sở hữu của một tổ chức uy tín nào nó, tạo nên sự tin tưởng để nhiều người tham gia vào mạng lưới BHĐC bất chính đó. Hình thức nói quá này thường nhằm nhắm đến những người có nhận thức hạn chế, nghĩ rằng mình được làm việc cho doanh nghiệp quốc tế, cảm thấy tự hào và càng tin tưởng là không bị lừa.

Thứ tư, kinh doanh đa cấp nhưng không có hàng hóa hoặc hàng hóa không có giá trị, chất lượng chỉ mang tính tượng trưng

Các DN BHĐC bất chính chỉ tập trung tuyển dụng người mới để thu tiền mà không quan tâm đến mua bán hàng hóa, do đó họ thường không có hàng hóa hoặc có nhưng chỉ là các hàng hóa giá rẻ, thô sơ để làm bình phong cho hoạt động thu tiền. Một số DN có giao hàng

nhưng hàng hóa giá trị rất thấp so với số tiền thu của người tham gia, ví dụ như thực phẩm chức năng sản xuất trong nước, đồ gia dụng xuất xứ Trung Quốc được bán với giá hàng triệu, thậm chí hàng chục triệu đồng. Sau một thời gian, người nộp tiền không được trả hoa hồng như hứa hẹn, muốn đến đòi lại tiền thì không thể đòi lại được vì giấy tờ thể hiện họ đã nhận hàng, hoặc việc mua bán đã được thực hiện trên cơ sở thuận mua vừa bán, dù đắt nhưng người mua đã đồng ý bỏ tiền mua nên không thể đòi lại.

Thứ năm, kinh doanh đa cấp khi chưa có giấy phép hoạt động BHĐC

Kinh doanh đa cấp là hoạt động kinh doanh có điều kiện, DN chỉ được tổ chức KDTPTĐC khi đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy đinh của pháp luật. Do đó khi được mời chào, tuyển dụng vào DN kinh doanh đa cấp nào, người tham gia cần kiểm tra DN đó đã được cấp giấy chứng nhận hoạt động BHĐC hay chưa để tránh tham gia vào những công ty lừa đảo.

Tóm lại, BHĐC bất chính là hành vi biến tướng, sai lệch, tiêu cực của hình thức BHĐC. Hành vi này có bản chất lừa dối, trục lợi một cách bất chính gây thiệt hại cho người tham gia BHĐC và người tiêu dùng. Vì vậy, để chống lại hành vi này Nhà nước cần phải có những biện pháp kiểm soát chặt chẽ và xử lý nghiêm minh đối với hoạt động kinh doanh phi pháp này.

1.1.2. Vai trò của bán hàng đa cấp và sự tác động của bán hàng đa cấp bất chính

1.1.2.1. Vai trò của bán hàng đa cấp trong đời sống xã hội hiện nay

Về bản chất, BHĐC là hình thức kinh doanh tiến bộ của một xã hội hiện đại. Nó mang đến sự tiện lợi cho khách hàng, giúp khách hàng có thể trực tiếp mua hàng mà không cần thông qua các cửa hàng bán lẻ hay đại lý trung gian như việc bán hàng truyền thống từ trước đến nay. Điều này giúp tiết kiệm chi phí cho DN và cả người tiêu dùng, cũng như tinh gọn bộ máy quản lý của công ty bớt cồng kềnh, và linh hoạt trong kinh doanh. Người mua hàng có thể trở thành kênh phân phối trực tiếp và thu được lợi nhuận thông qua việc giới thiệu sản phẩm tốt, chất lượng cho người thân, bạn bè của mình và mọi người xung quanh. BHĐC không xấu, mà ngược lại đã mang lại lợi ích cho DN, cho người tiêu dùng, cho người tham gia BHĐC.

Thứ nhất, đối với DN kinh doanh bán hàng đa cấp

Một, DN KDTPTĐC sẽ giảm chi phí nhiều hơn so với kinh doanh truyền thống. Bởi lẽ, đây là hình thức bán hàng trực tiếp, không thông qua các cửa hàng mà thông qua những người bán hàng của mạng lưới phân phối đa cấp. Nghĩa là sản phẩm từ nhà sản xuất thông qua tư vấn viên, người bán hàng đến tay người tiêu dùng, DN tiết kiệm được chi phí thuê, mua mặt bằng để làm cửa hàng. Đối với việc bán hàng hóa, sản phẩm, do có sự tư vấn thông tin trực tiếp nên các DN BHĐC cũng tiết kiệm chi phí quảng cáo, quảng bá sản phẩm và thương hiệu tới khách hàng và người tiêu dùng. Tiếp nữa, với người tham gia mạng lưới bán hàng, DN

không phải trả lương cho việc họ mang hàng đi bán mà những người bán hàng này sẽ được trích hoa hồng từ lợi nhuận họ tạo ra…DN tiết kiệm được chi phí tổ chức bộ máy nhân sự hành chính. Ngoài ra, các DN này không mất chi phí lưu kho hay nợ đọng. Bởi mạng lưới tham gia bán hàng, sẽ là những người trực tiếp lấy hàng, lưu hàng để chủ động trong việc mang đi bán. Khi người bán hàng lấy sản phẩm của DN thì phải đặt cọc số tiền tương đương với giá trị hàng hóa đó, DN có thể kiểm soát được lưu lượng vốn,và hàng hóa lưu thông của mình.Tuy nhiên, đối với DN bán hàng truyền thống, sản phẩm của họ muốn tới tay người tiêu dùng phải qua rất nhiều công đoạn, từ nhà sản xuất qua rất nhiều khâu trung gian mới đến tay khách hàng. Vì vậy, công ty kinh doanh đa cấp sẽ tiết kiệm được chi phí rất lớn mà đối với các DN kinh doanh theo hình thức truyền thống phải bỏ ra.

Hai, quy mô mạng lưới BHĐC phát triển nhanh hơn so với bán hàng truyền thống. Bằng kinh nghiệm sử dụng sản phẩm, người tham gia giới thiệu sản phẩm tới người tiêu dùng và giới thiệu họ đến với cơ hội tham gia hoạt động BHĐC. Với phương thức này, DN có thể mở rộng mạng lưới nhanh chóng và có được thị trường tiêu thụ mạnh, hiệu quả; có cơ hội tích luỹ vốn để đầu tư cho DN ngày càng lớn mạnh. Giúp DN nhất là DN vừa và nhỏ tiếp cận người tiêu dùng nhanh chóng thông qua hệ thống bán hàng độc lập.

Thứ hai, xét dưới góc độ lao động, việc làm

Với cơ chế mở rộng mạng lưới bán hàng không giới hạn, BHĐC tạo nên công ăn việc làm, thu nhập cho nhiều người lao động. Những quy định không quá khắt khe về đối tượng tham gia bán hàng, hình thức hoạt động như: không giới hạn độ tuổi, không yêu cầu chuyên môn, bằng cấp,…đối với người tham gia BHĐC đã tạo điều kiện cho nguồn lao động dư thừa do chuyên môn, trình độ, sức khỏe không tốt hoặc độ tuổi đã cao (trên 45 tuổi) không có điều kiện xin việc vẫn có thể tham gia bán hàng theo phương thức này. Năm 2018 số lượng người tham gia BHĐC tại Việt Nam là 1.246.195 người tăng khoảng 43% so với cuối năm 2017. Có thể thấy, đây là con số không nhỏ mà các DN BHĐC đã tạo ra công ăn việc làm cho xã hội.

Ngoài ra, nguồn thu nhập từ kinh doanh đa cấp không chỉ đến từ sản phẩm mà là cả một hệ thống, Vì vậy, nếu xây dựng được hệ thống vững mạnh, phát triển tốt thì lợi nhuận mang đến cho tham gia mạng lưới là rất cao. Đây chính là ưu điểm nổi bật nhất của hình thức kinh doanh này. Thời gian tham gia bán hàng cũng rất linh hoạt nên đây cũng được coi là việc làm thêm tăng thu nhập cho bản thân và cho gia đình của nhiều người nhằm mục đích nâng cao chất lượng cuộc sống và đóng góp nhiều xã hội.

Thứ ba, đối với nhu cầu tiêu dùng trong xã hội

Đời sống và nhu cầu tiêu dùng của người dân Việt Nam ngày càng nâng cao. Người dân đã biết hưởng thụ, làm đẹp nhiều hơn, biết phòng bệnh và xu hướng sử dụng những sản

phẩm sạch tốt cho sức khỏe. Các DN BHĐC thường kinh doanh mặt hàng về mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, thời trang, vật lý trị liệu, dụng cụ thể thao… để hướng tới những nhu cầu đó. Sản phẩm trong công ty đa cấp chất lượng đảm bảo, phong phú, giá thành hợp lý đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của người dân. Người tiêu dùng được sử dụng các sản phẩm chất lượng tốt, giá thành rẻ.

Ngoài ra, người tiêu dùng khi muốn mua hàng hóa sản phẩm của các DN sẽ thuận lợi nhanh chóng, và dễ dàng hơn so với phương thức bán hàng truyền thống, thay bằng cách phải đến các cửa hàng bán lẻ, các siêu thị thì nay hàng hóa sẽ được mang tới tận nhà, tận nơi làm việc khi khách hàng có nhu cầu. Được hướng dẫn, tư vấn trực tiếp miễn phí về hàng hóa trước khi ra quyết định mua hàng, giá cá hợp lý vì không bị đội lên chi phí trung gian, cửa hàng. Bên cạnh đó, chính người tiêu dùng còn có thể trở thành nhà phân phối độc lập của bất kì công ty hay DN kinh doanh đa cấp nào họ muốn nếu đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Thứ tư, BHĐC góp phần thúc đẩy nền kinh tế, đóng góp vào ngân sách Nhà nước

Theo báo cáo hoạt động BHĐC năm 2017, tính đến tháng 3/2018 số lượng DN giảm xuống còn 33 DN. Theo số liệu báo cáo của các DN, tổng doanh thu BHĐC năm 2017 đạt khoảng 8.000 tỷ đồng, tăng hơn 330 tỷ đồng so với doanh thu năm 2016 [39]. Trong báo cáo tổng kết công tác quản lý BHĐC năm 2018, mặc dù số lượng DN và số lượng người tham gia giảm, doanh thu của ngành BHĐC lại có xu hướng gia tăng. Giai đoạn 2016 đến 2017 doanh thu toàn ngành đạt khoảng 8000 tỷ/năm. Năm 2018 đạt 10.782 tỷ đồng/năm tăng 2700 tỷ đồng (hơn 30% so với 2017) đóng góp ngân sách nhà nước 1365 tỷ đồng [40]. Năm 2019 doanh thu của 26 DN BHĐC đạt 12.575 tỷ đồng. Theo số liệu báo cáo của các DN, tổng số thuế nộp về ngân sách nhà nước trong năm 2018 đạt 1.365,317 tỷ đồng, trong đó thuế giá trị gia tăng chiếm 33,29%, thuế xuất nhập khẩu chiếm 34,434%, thuế thu nhập cá nhân của người lao động 4,28%, thuế thu nhập cá nhân nộp hộ cho người tham gia BHĐC chiếm 9,331%, thuế thu nhập DN chiếm 11,268%, các loại thuế khác 2,1%. Tổng số thuế đã nộp về ngân sách nhà nước năm 2019 là 1.661 tỷ đồng. Tổng số hoa hồng và các lợi ích kinh tế khác mà các DN BHĐC đã chi trả cho người tham gia BHĐC đạt khoảng 3963 tỷ đồng, chiếm khoảng 34 % tổng doanh thu (doanh thu chưa bao gồm VAT) [41]. Trong đó, giá trị khuyến mại quy đổi thành tiền đạt 39,450 tỷ đồng, chiếm khoảng 2% tổng giá trị hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế [107].

Từ những số liệu nêu trên có thể thấy, các DN KDTPTĐC đóng góp vào ngân sách nhà nước một con số không nhỏ. Mặc dù số lượng DN kinh doanh đa cấp có chiều hướng giảm do sự thắt chặt quản lý của Nhà nước nhưng cũng không thể phủ nhận sự đóng góp không nhỏ của các DN này đối với nền kinh tế và ngân sách của đất nước.

Tóm lại, BHĐC có khá nhiều ưu điểm và thuận lợi nhưng vẫn có một số DN vì muốn kiếm tiền nhanh chóng, không phải mất thời gian đã lợi dụng kẽ hở của pháp luật, lòng tin của khách hàng, sự kém hiểu biết của một bộ phận người dân đã sử dụng thủ đoạn lừa đảo nhằm thu lợi bất chính gây nên hậu quả nặng nề cho xã hội.

1.1.2.2. Sự tác động tiêu cực của bán hàng đa cấp bất chính tới xã hội hiện nay

Thứ nhất, đối với các DN kinh doanh đa cấp chân chính

DN có hành vi BHĐC bất chính đã làm vấy bẩn bộ mặt của những DN kinh doanh chân chính, làm ảnh hưởng không tốt, và rất tiêu cực đến những DN kinh doanh đa cấp hợp pháp. Do ngày càng nhiều người tham gia bị dụ dỗ, bị lửa đảo để rồi trở thành nạn nhân của kinh doanh đa cấp bất chính dẫn đến tiếng xấu về kinh doanh đa cấp ngày càng tăng. Điển hình là vụ lừa đảo của công ty BHĐC Liên Kết Việt năm 2016 đã gây chấn động dư luận, gây thiêt hại không nhỏ tới xã hội (Công ty Liên Kết Việt đã lôi kéo được hơn 68.000 người tại 49 tỉnh, thành phố tham gia vào hệ thống kinh doanh đa cấp, đã lừa đảo chiếm đoạt hơn 1.121 tỷ đồng) [110]. Từ những vụ lừa đảo của các DN BHĐC biến tướng dẫn đến tâm lý e ngại, dè chừng của người tiêu dùng đối với DN đa cấp và những sản phẩm của các DN này; cùng với tâm lý vơ đũa cả nắm không phân biệt là DN BHĐC chân chính hay bất chính hiện hữu trong đa số người tiêu dùng. Vì vậy, DN BHĐC hiện nay đã khó khăn trong việc tạo niềm tin với người tiêu dùng, nay gặp tiếng xấu lại càng khó khăn hơn. Không những vậy, hành vi bất chính của những DN này còn làm cho môi trường cạnh tranh trở nên không lành mạnh, trong khi DN kinh doanh chân chính tạo dựng thương hiệu của mình thông qua việc không ngừng tiếp thị rộng rãi và nâng cao chất lượng sản phẩm thì DN bất chính lại phá hủy thành quả đó, tạo tiếng xấu gây những nhầm lẫn hiểu sai về phương thức kinh doanh chân chính này.

Thứ hai, đối với người tham gia bán hàng đa cấp và người tiêu dùng

Hơn ai hết, người tham gia BHĐC bất chính là những người đầu tiên bị thiệt hại trực tiếp. DN BHĐC bất chính thường sử dụng thủ đoạn lôi kéo dụ dỗ người tham gia bán hàng để hưởng lợi ích kinh tế từ việc người tham gia đóng một khoản tiền ban đầu khi tham gia mạng lưới mà không phải từ việc bán hàng hóa. Điều này đồng nghĩa với lợi ích kinh tế mà các DN này có được không phải từ hoạt động kinh doanh. Đây là thủ đoạn phổ biến của DN BHĐC bất chính. Người tham gia BHĐC là người mất không một khoản tiền lớn để trở thành thành viên của mạng lưới. Đối với mỗi người dân khoản tiền này là từ mồ hôi, nước mắt là thu nhập lớn lao của họ nên khi mất đi họ sẽ cố gắng lấy lại bằng cách lôi kéo những người khác để hưởng hoa hồng từ số tiền mà người bị lôi kéo đóng vào. Nhưng đâu biết rằng, hành vi đó bản chất là gian dối, khiến người người khác cũng bị lừa. Không những mất đi niềm tin trong mắt bạn bè, người thân, những người đã bị dụ dỗ còn bị mang tiếng là lừa đảo vì đã dụ dỗ lôi kéo người thân và gian dối về những thông tin sai lầm về công dụng của sản phẩm do người tham

gia bị DN cung cấp một cách không chính xác. Tiền mất, tật mang là những gì mà người tham gia trong DN BHĐC bất chính phải hứng chịu. DN BHĐC bất chính thường tập trung vào việc dụ dỗ người tham gia hơn là việc nâng cao chất lượng sản phẩm. Việc xuất hiện các DN BHĐC bất chính làm cho người tiêu dùng hoang mang về chất lượng sản phẩm đang dùng, thêm vào đó hàng kém chất lượng, không đúng với tiếp thị xuất hiện ngày càng nhiều, việc người tiêu dùng bỏ ra hàng trăm, hàng triệu hàng chục triệu để mua hàng nhưng không tương xứng với mức tiền là cũng chuyện thường tình. Việc DN đưa ra những thông tin gian dối để người tiêu dùng mua sản phẩm là hành vi lừa đảo, nhưng hành vi này ngày càng tinh vi với nhiều chiêu thức. Vì vậy, không phải người tiêu dùng nào cũng đủ thông minh, đủ kiến thức và trình độ để phân biệt và không trở thành nạn nhân của hành vi BHĐC bất chính.

Thứ ba, ảnh hưởng tiêu cực đối với xã hội

Bất cứ hiện tượng tiêu cực nào xuất hiện thì dần dần toàn xã hội cũng phải gánh chịu hậu quả của nó. BHĐC biến tướng cũng vậy, môi trường CTKLM thể hiện ở việc lôi kéo, giành giật người tham gia, nói xấu làm ảnh hưởng uy tín nhau giữa những người tham gia cũng như giữa các DN với nhau…nghiêm trọng hơn, những việc trên có thể gây đổ vỡ các quan hệ giữa con người với con người, gây rối trật tự an ninh xã hội, tạo nên một môi trường CTKLM, ảnh hưởng truyền thống đạo đức của dân tộc.Thương mại hoá mối quan hệ giữa người với người: mọi mối quan hệ trong xã hội đều có thể trở thành quan hệ thương mại. Bạn bè, người thân, làng xóm, đồng nghiệp… đều có thể là khách hàng tiềm năng. Mối quan hệ giữa người với người sẽ không chỉ đơn thuần xuất phát từ huyết thống, từ những tình cảm gắn bó…mà còn xuất phát từ những lợi ích kinh tế được thụ hưởng từ công sức hoạt động của nhau. Điều này có thể tạo tâm lý ganh ghét, bất mãn giữa người với người khi bạn bè, người thân…lại hưởng lợi từ công sức của mình. Hành vi này làm phá vỡ các mối quan hệ tốt đẹp trong xã hội, vì BHĐC bất chính mà mất đi bạn bè, người quen thậm chí là những người thân trong gia đình. Con người luôn trong trạng thái hoài nghi, mất niềm tin với mọi người xung quanh, gây tâm lý lo sợ khi tham gia vào các mối quan hệ trong xã hội. Không những thế, bằng nhiều cách thức khác nhau, cùng với những thủ đoạn lừa dối tinh vi trong kinh doanh đa cấp bất chính làm gia tăng số nạn nhân, số thiệt hại và cũng gia một số tội phạm như lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quảng cáo gian dối…làm cho xã hội vốn bất ổn nay càng nhiều bất ổn hơn.

Tóm lại, BHĐC bất chính là một hành vi tiêu cực ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của con người, từ cá nhân, tổ chức đến toàn xã hội. Hành vi này đã và đang xuất hiện ngày càng nhiều, xâm lấn môi trường kinh doanh của các nước trên thế giới nói chung và Việt Nam nói

riêng. Vì vậy, việc ngăn chặn và xử lý kịp thời hành vi bất chính này là vô cùng thiết yếu để bảo vệ quyền lợi cho các DN, người tiêu dùng và toàn xã hội.

1.4. Những vấn đề lý luận về pháp luật chống bán hàng đa cấp bất chính

1.4.1. Khái niệm pháp luật chống bán hàng đa cấp bất chính

Trong phạm vi mỗi quốc gia, pháp luật được hiểu là tổng hợp những quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung, được biểu thị bằng hình thức nhất định, do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và đảm bảo thực hiện để điều chỉnh các QHXH theo định hướng của nhà nước. Về nguyên tắc, các nhà nước có quyền ban hành pháp luật để điều chỉnh mọi QHXH. Tuy nhiên, thực tiễn pháp luật tại các quốc gia cho thấy, nhà nước chỉ ban hành pháp luật để điều chỉnh các QHXH mà nhà nước cho là cơ bản, quan trọng và tương đối ổn định; những QHXH khác có thể được điều chỉnh bởi các quy phạm xã hội khác như đạo đức, phong tục tập quán, tín điều tôn giáo, điều lệ của các tổ chức...Cùng với sự hình thành và phát triển của BHĐC, QHXH phát sinh trong lĩnh vực này luôn được các quốc gia quan tâm điều chỉnh bằng pháp luật. Pháp luật BHĐC trở thành một bộ phận ngày càng quan trọng trong hệ thống pháp luật các quốc gia bởi sự phát triển không ngừng của phương thức bán hàng này và sự biến tướng ngày càng tinh vi của DN đã làm cho phương thức BHĐC trở thành bất chính. Để bảo vệ môi trường kinh doanh trong sạch, bảo đảm sự cạnh tranh công bằng bình đẳng giữa các doanh nghiệp BHĐC. Pháp luật chống BHĐC bất chính là những quy định không thể thiếu để điều chỉnh hoạt động BHĐC hiện nay.

Trong từ điển tiếng Việt "*chống lại*" được hiểu là làm trái ngược lại, cự lại [31-tr66]. Theo từ điển soha từ *"chống lại"* được định nghĩa là hoạt động ngược lại, gây cản trở ngại cho hành động của ai, hoặc làm cản trở sức tác động của cái gì đó [114]. Trong từ điển Lạc Việt từ *"chống lại*" là không chịu làm theo [103]. Từ *"chống lại"* trong tiếng anh là *"antagonize"* được hiểu là gây phản tác dụng, gây nên đối kháng, phản kháng [108].

Như vậy, có thể xác định "*chống lại"* là việc sử dụng các biện pháp nhằm ngăn chặn, gây cản trở, làm hạn chế, ngăn cản tác động nào đó tới xã hội. Ở Việt Nam và trên thế giới chưa có công trình nghiên cứu nào đưa ra quan niệm về pháp luật chống BHĐC bất chính là gì? Tuy nhiên về nội hàm quan trọng và đặc điểm của pháp luật chống BHĐC bất chính được thể hiện trong quy định của pháp luật về BHĐC, đó là:

- Pháp luật BHĐC là tổng hợp của các quy tắc xử sự chung do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc thừa nhận nhằm điều chỉnh các QHXH theo định hướng của

Nhà nước. Các QPPL tồn tại ở những hình thức như tập quán pháp hay tiền lệ pháp do Nhà nước thừa nhận, các văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành.

- Pháp luật BHĐC điều chỉnh các QHXH phát sinh trong lĩnh vực BHĐC. Cụ thể hóa của các QHXH phát sinh trong lĩnh vực BHĐC chính là các mối quan hệ kinh tế - xã hội phát sinh trong quan hệ pháp luật giữa các thành viên tham gia mạng lưới BHĐC với nhau, giữa DN BHĐC và người tham gia BHĐC.Việc tổ chức mạng lưới BHĐC của DN và thụ hưởng hoa hồng được chia của người tham gia BHĐC. Để bảo vệ hoạt động kinh doanh đa cấp chân chính, pháp luật của các nước có đưa ra những dấu hiệu phân biệt BHĐC chân chính và BHĐC bất chính để từ đó đưa ra các chế tài áp dụng đối với các hành vi vi phạm.

- Pháp luật chống BHĐC bất chính là tổng hợp các quy định của pháp luật về các biện pháp được Nhà nước sử dụng với mục đích nhằm kiểm soát, ngăn chặn, xử lý bằng các biện pháp chế tài đối với hành vi BHĐC bất chính gây tác động xấu tới XH với mục đích bảo vệ hoạt động kinh doanh đa cấp chân chính, lành mạnh.

Với những lý do trên, pháp luật chống BHĐC bất chính có thể định nghĩa:

"Pháp luật chống BHĐC bất chính là tổng hợp các quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc thừa nhận nhằm mục đích ngăn chặn hành vi BHĐC bất chính của DN và người tham gia BHĐC bằng cách xác định dấu hiệu hành vi BHĐC bất chính; đồng thời quy định kiểm soát, ngăn ngừa và các biện pháp xử lý bán hàng đa cấp bất chính. Mục tiêu là ngăn chặn hành vi này gây thiệt hại cho xã hội,cho môi trường kinh doanh của doanh nghiệp bán hàng đa cấp bất chính và bảo vệ lợi ích hợp pháp cho người tham gia BHĐC và người tiêu dùng".

Từ những phân tích và định nghĩa tổng quát nêu trên, pháp luật chống BHĐC bất chính có những đặc điểm sau:

Thứ nhất, pháp luật chống BHĐC bất chính là một bộ phận của pháp luật về BHĐC

Pháp luật chống BHĐC bất chính là bộ phận không thể tách rời và rất quan trọng của pháp luật về BHĐC. Quy định pháp luật trong vấn đề này giúp cho các chủ thể trong quan hệ pháp luật BHĐC nhận thức rõ ràng hành vi mình thực hiện là hợp pháp hay bất hợp pháp. Nếu chủ thể nào nhận thức được nhưng cố tình vi phạm sẽ có những chế tài áp dụng nhằm mục đích trừng phạt, răn đe. Vì vậy, xây dựng pháp luật chống BHĐC bất chính là nền tảng để bảo vệ BHĐC chân chính.

Thứ hai, pháp luật chống BHĐC bất chính xác định đối tượng, cách thức BHĐC bất chính

Chủ thể thực hiện hành vi BHĐC bất chính là các DN và người tham gia mạng lưới BHĐC. Theo đó, các doanh nghiệp có thể là doanh nghiệp trong nước hoặc doanh nghiệp

nước ngoài hoạt động tại Việt Nam thực hiện các hành vi lừa dối, tổ chức lôi kéo người tham gia BHĐC để chiếm dụng tài chính và lừa dối khách hàng nhằm trục lợi bất chính.

Đối với người tham gia BHĐC thực hiện hành vi BHĐC bất chính bằng cách dụ dỗ lôi kéo người khác tham gia mạng lưới của mình để hưởng hoa hồng từ việc dụ dỗ hoặc quảng cáo sai sự thật về chất lượng hàng hóa để kiếm lời bất chính từ người tiêu dùng.

Thứ ba, pháp luật chống BHĐC bất chính quy định điều kiện kinh doanh đa cấp

Điều kiện kinh doanh đối với hoạt động BHĐC trước hết phải được hiểu là một trong những công cụ quản lý được Nhà nước sử dụng để thiết lập và duy trì trật tự trong hoạt động kinh doanh BHĐC. Nó đặt ra những yêu cầu mà doanh nghiệp BHĐC phải đáp ứng như yêu cầu về tài chính, quy trình quản lý, quy trình kỹ thuật, địa điểm kinh doanh v.v... Do vậy, điều kiện kinh doanh không chỉ là những yêu cầu về gia nhập thị trường đối với doanh nghiệp BHĐC mà còn là những yêu cầu mà doanh nghiệp phải duy trì trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh đa cấp.Pháp luật chống BHĐC bất chính quy định về các điều kiện kinh doanh BHĐC để kiểm soát hoạt động kinh doanh của các DN BHĐC nhằm mục đích hạn chế các hành vi BHĐC bất chính xảy ra.

Thứ tư, pháp luật chống BHĐC bất chính quy định dấu hiệu nhận diện các hành vi BHĐC bất chính

BHĐC bất chính là hành vi mà pháp luật không thừa nhận không cho phép. Vi phạm pháp luật nói chung là hành vi trái pháp luật xâm hại các QHXH được pháp luật bảo vệ do các chủ thể có năng lực hành vi thực hiện nột cách cố ý hoặc vô ý gây hậu quả thiệt hại cho xã hội. Tính chất trái pháp luật của hành vi, tức là hành vi đó trái với các yêu cầu của những QPPL nhất định, dưới hình thức hành động là làm điều pháp luật cấm hoặc làm không đúng điều pháp luật cho phép. Dưới hình thức không hành động là không thực hiện nghĩa vụ mà pháp luật đã quy định mặc dù cần phải và có thể thực hiện nghĩa vụ đó. Pháp luật chống BHĐC bất chính quy định rõ các dấu hiệu nhận diện rõ ràng hành vi BHĐC vi phạm pháp luật này. Xác định được DN KDTPTĐC nào có hành vi BHĐC bất chính. Với việc nhận diện rõ ràng dấu hiệu hành vi như vậy sẽ tránh được những hành vi lừa đảo gây thiệt hại khôn lường cho bản thân và cho gia đình. Cơ quản lý nhà nước sẽ dễ dàng trong việc xác định vi phạm để có thể đưa ra các chế tài kịp thời ngăn chặn hành vi BHĐC bất chính.

Thứ năm, điều chỉnh quan hệ giữa các chủ thể trong hoạt động phòng chống, phát hiện và xử lý đối với hành vi BHĐC bất chính

Quan hệ giữa các chủ thể trong hoạt động phòng chống, phát hiện và xử lý đối với hành vi BHĐC bất chính là một QHPL. QHPL là QHXH được các QPPL điều chỉnh trong

đó các bên chủ thể tham gia mang những quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý do pháp luật quy định và được nhà nước bảo đảm thực hiện. Các bên tham gia QHPL ràng buộc với nhau bằng các quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý. Đây chính là yếu tố làm cho QHPL được thực hiện. Quyền của chủ thể này là nghĩa vụ của chủ thể kia và ngược lại. QHPL được Nhà nước bảo đảm thực hiện và cả bằng biện pháp cưỡng chế. Trước hết, nhà nước bảo đảm thực hiện quan hệ pháp luật bằng biện pháp giáo dục thuyết phục. Bên cạnh đó nhà nước còn bảo đảm thực hiện pháp luật bằng biện pháp kinh tế, tổ chức – hành chính. Những biện pháp đó không có hiệu quả khi áp dụng, thì khi cần thiết nhà nước sử dụng biện pháp cưỡng chế.

Với mối quan hệ đặc thù giữa chủ thể trong hoạt động phòng chống, phát hiện, xử lý hành vi BHĐC bất chính Nhà nước trao quyền cho các cơ quan quản lý nhà nước giám sát phối hợp trong việc quản lý BHĐC. Có biện pháp ngăn chặn kịp thời với các hành vi BHĐC bất chính. Đưa ra chế tài nghiêm minh nhằm xử lý, răn đe đối với chủ thể có vi phạm .

Thứ sáu, quy định trách nhiệm của các chủ thể BHĐC bất chính

Trách nhiệm của các chủ thể với hành vi BHĐC bất chính là trách nhiệm pháp lý được áp dụng trong hoạt động quản lý BHĐC. Trách nhiệm pháp lý tồn tại và được thực hiện trong khuôn khổ các quan hệ pháp luật. Trách nhiệm pháp lý luôn dẫn đến những hậu quả bất lợi đối với người vi phạm những quy định của pháp luật. Trách nhiệm pháp lý là kết quả (hậu quả) của vi phạm pháp luật và là một QHXH đặc thù. Nó xuất hiện do có sự kiện pháp lý - vi phạm pháp luật, chính sự vi phạm đó đã gắn người vi phạm vào quan hệ pháp lý với nhà nước. Tùy từng mức độ vi phạm BHĐC bất chính của từng chủ thể sẽ áp dụng những loại trách nhiêm pháp lý khác nhau: Dân sự, Hành chính, Hình sự.

Thứ bảy, quy định về chức năng nhiệm vụ quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền chống bán hàng đa cấp bất chính

Quản lý nhà nước là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực nhà nước đối với hành vi của cá nhân, tổ chức, xã hội do các cơ quan trong hệ thống hành pháp tiến hành để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của nhà nước, phát triển các mối quan hệ xã hội, duy trì an ninh trật tự, thỏa mãn các nhu cầu hợp pháp của công dân.

Theo nghĩa rộng, quản lý hành chính Nhà nước là việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn cơ quan trong bộ máy Nhà nước và của bất kỳ tổ chức, cá nhân khi được Nhà nước trao quyền nhân danh Nhà nước.Theo nghĩa hẹp, quản lý hành chính nhà nước là hình thức hoạt động của Nhà nước thuộc lĩnh vực chấp hành và điều hành được thực thi chủ yếu bởi các cơ quan hành chính nhà nước nhằm đảm bảo chấp hành các quy định của cơ quan quyền lực

nhà nước. Vì vậy, trong việc quản lý hoạt động BHĐC nói chung, và chống lại hành vi BHĐC bất chính nói riêng, việc quy định cụ thể cơ quan Nhà nước quản lý trong lĩnh vực này là rất cần thiết để hoạt động này đi đúng hướng với bản chất vốn có của nó và đúng theo quy định của pháp luật.

1.4.2. Nguyên tắc của pháp luật chống bán hàng đa cấp bất chính

Nguyên tắc điều chỉnh của pháp luật là tập hợp những nguyên lý, những tư tưởng chủ đạo, xuyên suốt, chi phối toàn bộ quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật. Bên cạnh những nguyên tắc điều chỉnh chung của toàn bộ hệ thống pháp luật trong một quốc gia, mỗi lĩnh vực pháp luật có những nguyên tắc điều chỉnh phù hợp với phạm vi, đối tượng điều chỉnh của nó, thể hiện rõ nét định hướng điều chỉnh của Nhà nước. BHĐC là một hành vi thương mại của các DN BHĐC. Do đó, nguyên tắc pháp luật chống BHĐC bất chính sẽ dựa vào những nguyên tắc chung của pháp luật thương mại và một số nguyên tắc của pháp luật liên ngành. Nguyên tắc pháp luật chống BHĐC bất chính là tổng hợp những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt và chi phối toàn bộ quá trình xây dựng và thực hiện pháp luật về BHĐC nói chung và pháp luật chống BHĐC bất chính nói riêng, nhằm đảm bảo cho hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp đi đúng hướng mà Nhà nước cho phép, góp phần bảo vệ trật tự xã hội, môi trường kinh doanh.

Pháp luật chống BHĐC bất chính và các nguyên tắc của pháp luật chống BHĐC bất chính có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Có thể hiểu và vận dụng tốt, có hiệu quả các quy định của pháp luật chống BHĐC bất chính thông qua nội dung của các nguyên tắc của lĩnh vực pháp luật này. Pháp luật chống BHĐC bất chính được xây dựng trên các nguyên tắc sau:

Thứ nhất, nguyên tắc bảo vệ trật tự công cộng và đạo đức kinh doanh, cạnh tranh trung thực, công bằng và lành mạnh, không xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, lợi ích hợp pháp của DN khác.

Lợi ích Nhà nước, lợi ích công cộng, lợi ích của các DN là những lợi ích quan trọng, gắn liền đến sự phát triển của đất nước và xã hội. Nó có ý nghĩa to lớn về mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh, sự tồn vong của đất nước. Lợi ích lớn nhất của quốc gia, dân tộc chính là mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện. Một nền kinh tế muốn phát triển bền vững phải có nhiều DN mạnh, thực lực tồn tại phát triển, việc xâm phạm lợi ích, gây thiệt hại tới DN khác là hành vi nguy hiểm có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế

quốc dân. Vì thế, khi kinh doanh các DN phải tôn trọng và bảo vệ lợi ích của quốc gia, cộng đồng và lợi ích của các DN khác.

Nội dung của nguyên tắc này thể hiện: Trong giao dịch, kinh doanh, cạnh tranh nhằm thỏa mãn các nhu cầu, lợi ích vật chất, DN không được thực hiện các hành vi trái với đạo đức kinh doanh, chuẩn mực xã hội mà phải chú ý đến lợi ích của quốc gia, dân tộc, cộng đồng và quyền lợi hợp pháp của các DN khác. Nói cách khác, DN BHĐC khi thực hiện hành vi kinh doanh phải trong giới hạn của pháp luật bởi quyền của cá nhân, pháp nhân luôn bị giới hạn bởi lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, lợi ích của những đối tượng có liên quan khác. Việc xâm phạm đến các lợi ích này đều bị pháp luật cấm và nếu gây thiệt hại cho DN khác thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và bị xử lý nghiêm minh.

Thứ hai, nguyên tắc đảm bảo quyền tự do, bình đẳng trong việc tham gia BHĐC của các chủ thể kinh doanh

Đảm bảo quyền tự do kinh doanh được Nhà nước cụ thể hóa trong nhiều nội dung pháp lý quan trọng, đặc biệt cụ thể trong Hiến pháp, các đạo luật quy định cụ thể về hoạt động kinh doanh thương mại. Với nguyên tắc tự do kinh doanh trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc tự do lựa chọn phương thức, cách thức kinh doanh được coi là quyền cơ bản của các nhà đầu tư, không phân biệt đối xử giữa các chủ thể kinh doanh trong các thành phần kinh tế. Vì vậy, các chủ thể kinh doanh hoàn toàn có quyền tự do lựa chọn hình thức kinh doanh theo phương thức đa cấp nếu đáp ứng được các điều kiện mà pháp luật quy định để gia nhập thị trường.

Thứ ba, nguyên tắc tự do, tự nguyện thoả thuận và trung thực giữa DN và người tham gia mạng lưới BHĐC

Các DN BHĐC và người tham gia mạng lưới BHĐC có quyền tự do thoả thuận các nội dung liên quan đến hợp đồng tham gia BHĐC mà không trái với các quy định của pháp luật, thuần phong mỹ tục và đạo đức xã hội để xác lập các quyền và nghĩa vụ của các bên trong hoạt động BHĐC. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ các quyền đó, các bên hoàn toàn tự nguyện, không bên nào được thực hiện hành vi áp đặt, cưỡng ép, đe doạ, lừa dối bên nào. DN phải bảo đảm tính trung thực và độ chính xác của các thông tin cung cấp cho người tham gia BHĐC. Nguyên tắc này nhằm tránh tình trạng lừa đảo, dụ dỗ, lôi kéo, đe dọa một cách bất hợp pháp cuả các DN BHĐC với người tham gia BHĐC.

Thứ tư, nguyên tắc bảo vệ lợi ích chính đáng của người tiêu dùng

Người tiêu dùng hay người tiêu thụ là một từ nghĩa rộng dùng để chỉ các cá nhân hoặc hộ gia đình dùng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ để đáp ứng mục đích sinh hoạt và sản xuất

kinh doanh. Theo đó, người tiêu dùng đóng vai trò quyết định đến sản phẩm hàng hóa của các DN, nếu quyền lợi của người tiêu dùng không được bảo vệ đặt lên hàng đầu và bị gây thiệt hại sẽ có những ảnh hưởng tác động nguy hiểm đến người tiêu dùng về sức khỏe tiền bạc, chất lượng cuộc sống. Hơn hết, điều này, sẽ khiến cho người quay lưng lại với sản thẩm, hàng hóa của DN, lúc này DN chính là đối tượng sẽ bị ảnh hưởng nặng nề nhất. Do đó, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng chính là hành động thiết thực để bảo vệ chính quyền lợi cho các DN kinh doanh đa cấp chân chính. DN BHĐC có nghĩa vụ thông tin đầy đủ, trung thực cho người tiêu dùng về hàng hoá, sản phẩm mà mình kinh doanh và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin đó. DN thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại với hình thức đa cấp phải chịu trách nhiệm về chất lượng, tính hợp pháp của hàng hoá, sản phẩm kinh doanh.

Thứ năm, nguyên tắc bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hành vi BHĐC bất chính

Đây là một nguyên tắc rất đặc thù nhằm bảo về quyền lợi cho những cá nhân tổ chức có liên quan. Thông thường tố tụng trước cơ quan tư pháp phải qua hai cấp xét xử.Tố tụng cạnh tranh được thực hiện trước cơ quan hành chính chỉ thực hiện một cấp điều trần và xử lý. Tuy nhiên, vì quyết định của Cục CT & BVNTD vẫn là quyết định của cơ quan hành chính nên vẫn thuộc phạm điều chỉnh của Luật khiếu nại tố cáo, tức là các bên liên quan có quyền khiếu nại lên cơ quan hành chính cấp trên trực tiếp. Trường hợp các bên vẫn không nhất trí với quyết định giải quyết khiếu nại, các bên liên quan có quyền khởi kiện vụ án hành chính ra Toà án nhân dân. Ngoài ra, các cá nhân, tổ chức có quyền và lợi ích liên quan khi bị DN BHĐC bất chính lừa đảo gây thiệt hại có quyền khởi kiện lên tòa án nhân dân yêu cầu bồi thường tổn thất, thiệt hại mà các DN này gây ra.

Thứ sáu, nguyên tắc quản lý nhà nước đối với hoạt động bán hàng đa cấp

Nguyên tắc quản lý của Nhà nước là tư tưởng chỉ đạo hoạt động của tổ chức và hoạt động quản lý Nhà nước xã hội chủ nghĩa [51,Tr11].

Nguyên tắc quản lý Nhà nước không phải do Nhà nước hay do một cơ quan nào, một người nào tự ý đặt ra mà nó được hình thành dựa trên cơ sở đòi hỏi của các quy luật khách quan, trên kết quả nghiên cứu sâu sắc các điều kiện thực tế xã hội, trên bản chất chế độ chính trị, xã hội trong thời gian và hoàn cảnh cụ thể của đất nước. Nguyên tắc quản lý Nhà nước phải luôn phát triển cho phù hợp với sự biến động của các hiện tượng chính trị, xã hội mà nguyên tắc phản ánh cũng như sự phát triển nhận thức của con người, đồng thời nó cũng có những yếu tố tồn tại và sự ổn định lâu dài. Vì thế, quản lý đối với hoạt động BHĐC phải tuân thủ các nguyên tắc quản lý nói chung của Nhà nước và được vận dụng cụ thể vào lĩnh vực kinh tế để hình thành các nguyên tắc quản lý đối với hoạt động BHĐC nhất định. Vậy, các nguyên tắc

quản lý đối với hoạt động BHĐC của Nhà nước là các quy tắc chỉ đạo, những tiêu chuẩn của hành vi mà các cơ quan quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực BHĐC phải tuân thủ trong quá trình quản lý kinh tế nhằm kiểm soát và chống lại các hành vi BHĐC bất chính [33].

Thứ bảy, nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa

Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa được thể hiện tại Khoản 1 Điều 8 Hiến pháp 2013 *"Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ"*

Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa là nguyên tắc hết sức quan trọng, cơ bản của quá trình xây dựng và đổi mới pháp luật Việt Nam. Nguyên tắc này có nguồn gốc từ nguyên lý không có tội nếu không có luật. Với pháp luật chống BHĐC bất chính, nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa được coi là nguyên tắc cơ bản, xuyên suốt toàn bộ các hoạt động xây dựng và áp dụng pháp luật. Như vậy, cơ sở trách nhiệm pháp lý đối với hành vi BHĐC bất chính và việc áp dụng chế tài cũng như việc áp dụng mọi hình thức trách nhiệm với tính cách là hậu quả pháp lý của hành vi vi phạm đều phải do pháp luật quy định.

Ngoài ra, nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa đòi hỏi pháp luật chống BHĐC bất chính phải được xây dựng trên những cơ sở khoa học, được xây dựng một cách hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng ngừa và chống lại các hành vi vi phạm. Quy định của pháp luật BHĐC phải được xây dựng cụ thể, chính xác với các dấu hiệu của từng hành vi vi phạm và hậu quả pháp lý của nó. Nhà nước chỉ giải quyết khi có vi phạm được quy định trong luật. Từ đó, xác định mức độ vi phạm để đưa mức áp dụng, như bồi thường thiệt hại, phạt hành chính, hoặc truy cứu TNHS. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa đòi hỏi sự chính xác và thống nhất trong việc áp dụng pháp luật. Điều đó có nghĩa là trên phạm vi toàn lãnh thổ Việt Nam, pháp luật chống BHĐC bất chính phải được áp dụng như nhau, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, thành phần XH...của chủ thể vi phạm .

1.4.3. Nội dung pháp luật chống bán hàng đa cấp bất chính

So với ngành công nghiệp BHĐC trên thế giới đã tồn tại gần 100 năm, ngành BHĐC ở Việt Nam còn khá non trẻ với tuổi đời khoảng 20 năm. Tuy nhiên từ năm 1998 tới nay lợi dụng sự mới mẻ của hình thức kinh doanh này đã có nhiều DN BHĐC biến tướng thành đa cấp bất chính gây thiệt hại không nhỏ cho cộng đồng và xã hội. Đòi hỏi Nhà nước phải ban hành pháp luật để điều chỉnh hoạt động kinh doanh đi đúng hướng. Tạo hành lang pháp lý cho các DN BHĐC phát triển bền vững ở Việt Nam.

Pháp luật về chống BHĐC bất chính không phải là một đạo luật riêng biệt mà nó được quy định trong rất nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến nhiều luật chuyên ngành như: Pháp luật hình sự, pháp luật dân sự, pháp luật hành chính, pháp luật tố tụng… Hành vi BHĐC bất chính, cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực này và các biện pháp xử lý vi phạm BHĐC bất chính được quy định ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, với các thứ bậc khác nhau. Từ các bộ luật (Bộ luật hình sự, Bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật tố tụng dân sự), luật (Luật Cạnh Tranh, Luật thương mại…) đến các Nghị định quy định liên quan (Nghị định số 40/2018/NĐ-CP về quản lý hoạt động KDTPTĐC, Nghị định số 141/2018/NĐ-CP về sửa đổi các Nghị định xử phạt vi phạm trong BHĐC, Nghị định số 78/2015/NĐ-CP về đăng ký DN…). Do đó, có thể nói hình thức pháp luật về chống BHĐC bất chính rất đa dạng, các quy định về chống BHĐC bất chính được quy định trong rất nhiều văn bản quy phạm pháp luật có thứ bậc khác nhau.

Pháp luật chống BHĐC bất chính có nội dung chủ yếu:

Thứ nhất, pháp luật chống BHĐC bất chính xác định các dấu hiệu nhận diện hành vi BHĐC bất chính

Khả năng mở rộng mạng lưới của hoạt động BHĐC và cách thức tiêu thụ hàng hóa đặc thù của phương thức này đã đặt ra cho pháp luật nhiều vấn đề phải giải quyết để vừa có thể tôn trọng quyền tự do kinh doanh của DN mà vẫn đảm bảo trật tự thị trường, bảo vệ lợi ích chính đáng cho các chủ thể, tránh hành vi biến tướng của BHĐC. Mặt khác, yêu cầu quản lý nhà nước đối với BHĐC cũng đặt trọng tâm vào các biện pháp ngăn chặn phương thức kinh doanh biến tướng BHĐC bất chính gây thiệt hại cho người tham gia và người tiêu dùng. Để phát hiện kịp thời hành vi BHĐC bất chính, điều mà các nhà làm luật đều hiểu rằng cần quy định các dấu hiệu để nhận diện một cách nhanh chóng, rõ ràng và chính xác nhất, nhằm ngăn chặn kịp thời trước khi hành vi đó gây thiệt thại cho người tiêu dùng và xã hội. Dấu hiệu nhận diện của BHĐC bất chính được xác định ở những hành vi BHĐC bị cấm hoặc các hành vi BHĐC trái với chuẩn mực đạo đức, tập quán kinh doanh có mục đích thu lợi bất chính.

Thứ hai, về quy định điều kiện kinh doanh theo phương thức đa cấp

Mục đích quy định điều kiện kinh doanh BHĐC nhằm hạn chế tối đa hoạt động BHĐC bất chính đã diễn ra trong thời gian vừa qua, đề ra những giới hạn nhất định đối với hoạt động BHĐC một cách rõ ràng, những giới hạn đó là "rào cản" buộc các DN muốn hoạt động trong lĩnh vực BHĐC ở Việt Nam phải vượt qua như giới hạn về vốn, nhân sự, tài chính, điều kiện về ngành nghề, giới hạn về chuẩn mực chất lượng, tiêu chuẩn của sản phẩm, giới hạn

về chỉ tiêu, phân phối… Nếu như các "rào cản" này được đặt ra đồng nghĩa với việc chỉ những DN có đủ tiềm lực mới có khả năng ra đời, tồn tại và phát triển trong lĩnh vực BHĐC, ngược lại, những DN yếu kém, mục đích không rõ ràng sẽ bị đào thải.

Về chủ thể và đối tượng được phép kinh doanh BHĐC

Quy định chủ thể và đối tượng được phép kinh doanh BHĐC cũng là một trong những cách thức để Nhà nước giám sát và phòng người hành vi BHĐC bất chính. Mặc dù Nhà nước thừa nhận KDTPTĐC như là một nội dung thuộc quyền tự do kinh doanh, thế nhưng để hạn chế những biểu hiện tiêu cực có thể phát sinh trong lĩnh vực BHĐC, nhất là phòng ngừa BHĐC bất chính nên tổ chức BHĐC phải đăng ký trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chủ thể được phép kinh doanh đa cấp phải là DN [33].

Hiện nay, BHĐC ở Việt Nam chỉ gắn liền với kinh doanh hàng hóa, sử dụng mạng lưới người tham gia để đưa hàng trực tiếp đến người tiêu dùng. Lí lẽ chỉ thừa nhận hàng hóa là đối tượng duy nhất được phép BHĐC là nhằm mục đích ngăn chặn phòng ngừa việc tổ chức huy động tín dụng đen và tài chính trái phép gây thiệt hại cho những chủ thể có liên quan.

Về điều kiện vốn pháp định và kí quỹ

Nhằm đảm bảo quyền lợi cho người tham gia BHĐC, người có quyền lợi liên quan. DN muốn kinh doanh BHĐC phải đáp ứng điều kiện về vốn và ký quỹ. Theo đó, phải có số vốn điều lệ tối thiểu mà pháp luật quy định để hoạt động và góp phần hạn chế rủ ro, khắc phục những hậu quả nếu DN kinh doanh không hiệu quả. Trên thực tế, có nhiều ngành cũng quy định vốn điều lệ tối thiểu cho DN hoạt động trong ngành nhằm đảm bảo các DN đó có đủ năng lực tài chính để hoạt động. BHĐC cũng là một ngành kinh doanh có điều kiện và có tác động đến số lượng lớn người tham gia, do vậy việc đưa ra điều kiện về vốn là phù hợp. Do đặc thù của BHĐC, việc phát triển mạng lưới lớn hay nhỏ đều phụ thuộc vào khả năng của những thành viên tham gia mạng lưới. DN đóng vai trò hỗ trợ công tác phát triển mạng lưới của các thành viên chủ chốt như việc cung cấp tài liệu, ký hợp đồng với người tham gia, cung cấp địa điểm làm việc cho người tham gia, cung ứng hàng hóa cho hệ thống. Do đó, trong nhiều trường hợp các DN với năng lực tài chính hạn hẹp sẽ không đáp ứng được yêu cầu phát triển của hệ thống, dẫn đến hạn chế trong quá trình phát triển mạng lưới bán hàng.

Ngoài ra, tiền kí quỹ chính là nhằm đảm bảo việc thực hiện các nghĩa vụ của DN BHĐC với người tham gia BHĐC, người có quyền lợi liên quan và Nhà nước nên việc pháp luật quy định DN BHĐC phải thực hiện việc kí quỹ hoàn toàn hợp lý và chính đáng.

Về tài liệu tham gia bán hàng đa cấp: Một trong những điều kiện quan trọng để đăng ký hoạt động BHĐC là DN phải có bộ tài liệu BHĐC gồm: Hợp đồng tham gia BHĐC, kế hoạch trả thưởng, chương trình đào tạo cơ bản, quy tắc hoạt động. Nghị định số 40/2018/NĐ-CP quy định cụ thể nội dung cơ bản cần đáp ứng và hình thức của Bộ tài liệu BHĐC.

Hệ thống công nghệ thông tin quản lý người tham gia BHĐC và trang thông tin điện tử: Đây là quy định mới tại Nghị định số 40/2018/NĐ-CP của Chính Phủ nhằm mục đích giám sát chặt chẽ hơn nữa hoạt động BHĐC của các DN. Hệ thống thông tin liên lạc sẽ tiếp nhận, giải quyết thắc mắc, khiếu nại của người tham gia BHĐC và để đáp ứng những yêu cầu mới về hoạt động BHĐC theo quy định này.

Thứ ba, quy định các biện pháp xử lý đối với hành vi BHĐC bất chính

Một trong những nội dung quan trọng nhất của cơ chế kiểm soát BHĐC bất chính đó là quy định chế tài xử lý và mức xử lý đối với hành vi này. Hầu hết pháp luật của các nước đều xem việc quy định các hình thức xử lý đối với hành vi BHĐC bất chính là cách thức răn đe nhất đối với các chủ thể vi phạm. Các vi phạm BHĐC bất chính của DN và người tham gia BHĐC được xem xét xử lý dưới góc độ quản lý chuyên ngành cụ thể. Để xử lý vi phạm của DN và người tham gia BHĐC thực hiện hành vi BHĐC bất chính thì tùy từng mức theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu TNHS theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, do vi phạm gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Về xử lý hành chính: Chế tài hành chính đối với hành vi BHĐC bất chính là biện pháp xử lí của Nhà nước đối với cá nhân, tổ chức vi phạm pháp luật về BHĐC bất chính mà không phải là tội phạm, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.Trong chế tài xử phạt hành chính đối với vi phạm BHĐC bất chính, sẽ có chế tài xử phạt chính và chế tài xử phạt bổ sung. Chế tài xử phạt chính gồm cảnh cáo và phạt tiền đối với vi phạm. Ngoài việc bị phạt tiền, cảnh cáo còn có thể bị áp dụng một, một số hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả như: Buộc cải chính công khai; tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm pháp luậ tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề…

Về xử lý dân sự: Chế tài dân sự được áp dụng với các chủ thể có vi phạm pháp luật dân sự. Chủ thể phải gánh chịu trách nhiệm dân sự có thể phải gánh chịu các biện pháp chế tài pháp luật như buộc chấm dứt hành vi vi phạm; buộc xin lỗi, cải chính công khai; buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự; buộc bồi thường thiệt hại; phạt vi phạm…Chế tài xử lý theo quy định của pháp luật dân sự cũng có thể đi kèm các loại biện pháp khác nếu có hành vi phạm tội, vi

phạm hành chính hay vi phạm kỉ luật nhà nước mà những hành vi này cũng xâm hại đến quyền dân sự của cá nhân, tổ chức xã hội (mà đồng thời cũng vi phạm dân sự). Xỷ lý hành vi BHĐC bất chính của DN BHĐ và người tham gia BHĐC có vi phạm pháp luật dân sự thường được áp dụng là chế tài bồi thường thiệt hại khi những chủ thể này gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác theo thỏa thuận trong hợp đồng tham gia BHĐC hoặc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng khi có hành vi vi phạm gây nên thiệt hại xảy ra.

Căn cứ xác định bồi thường thiệt hại trong hợp đồng: Hành vi này là hành vi vi phạm những cam kết cụ thể, những nghĩa vụ mà hai bên tự ràng buộc nhau trong hợp đồng tham gia BHĐC, tức là hành vi này chưa chắc đã vi phạm các quy định pháp luật chung mà chỉ vi phạm pháp luật thiết lập giữa những người tham gia giao kết hợp đồng;

Căn cứ xác định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng: Hành vi này là hành vi vi phạm những quy định của pháp luật về chống BHĐC bất chính dẫn đến thiệt hại xảy ra. Vì vậy đó có thể là hành vi vi phạm pháp luật chuyên ngành khác như hình sự; hành chính; kinh tế.

Về xử lý hình sự: BHĐC bất chính như đã phân tích là hành vi có tác động tiêu cực, nghiêm trọng tới xã hội và môi trường kinh doanh. Vì vậy, cần phải có chế tài hình sự cụ thể để xử lý nghiêm minh với hành vi vi phạm này, chế tài hình sự là loại chế tài nghiêm khắc nhất do toàn án áp dụng đối với các chủ thể đã thực hiện hành vi phạm tội. Chủ thể phải chịu trách nhiệm hình sự có thể phải gánh chịu các biện pháp chế tài pháp luật như cảnh cáo, phạt tiền, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình…[52-Tr.433]. Hình phạt này do tòa án quyết định trên cơ sở của pháp luật Hình sự thể hiện sự lên án, sự trừng phạt của nhà nước đối với người phạm tội và là một trong những biện pháp để bảo đảm cho pháp luật được thực hiện một cách nghiêm minh. Ở dạng chế tài này chủ thể áp dụng là Nhà nước và chủ thể bị áp dụng là cá nhân, pháp nhân thương mại có hành vi vi phạm pháp luật hình sự bị coi là tội phạm theo quy định của BLHS. Mục đích của chế tài này là giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống ngăn ngừa họ phạm tội mới.

Thứ tư, quy định về nhiệm vụ quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc quản lý và kiểm soát hoạt động BHĐC nhằm chống BHĐC bất chính

Để kiểm soát và chống hành vi BHĐC bất chính, bên cạnh việc quy định dấu hiệu nhận diện thì Việt Nam cũng như pháp luật của hầu hết các nước trên thế giới đều quy định cơ quan có thẩm quyền quản lý cũng như phối hợp trong vấn đề phát hiện, xử lý hành vi BHĐC bất chính. Các chủ thể có chức năng quản lý và được phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước đối với hoạt động BHĐC nói chung gồm Chính phủ, BCT, UBND cấp tỉnh, thành phố trực

thuộc Trung ương, SCT. Chính phủ có nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước với BHĐC. Tuy nhiên, Chính phủ chỉ là chủ thể quản lý mang tính đại diện hành pháp cao nhất (chỉ ban hành Nghị định điều chỉnh hoạt động BHĐC, nghĩa là điều hành ở tầm vĩ mô bằng chính sách, pháp luật), không thực hiện các quyền chỉ đạo, điều hành trực tiếp mà giao cho BCT thực hiện. Ngoài cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm chính là BCT thì Chính phủ cũng quy định về cơ chế kiểm soát liên ngành giữa cơ quan này cơ quan chuyên môn khác như: Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Y tế, Bộ Tài Chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

1.2.4. Vai trò của pháp luật trong việc chống bán hàng đa cấp bất chính

Là một trong những yếu tố của thuộc kiến trúc thượng tầng, pháp luật có quan hệ mật thiết với kinh tế – yếu tố thuộc về cơ sở hạ tầng. Trong đó, kinh tế giữ vai trò quyết định đối với pháp luật. Nó quyết định sự ra đời, tồn tại và phát triển của pháp luật. Tuy nhiên, pháp luật cũng có tính độc lập tương đối và có sự tác động mạnh mẽ tới kinh tế.Với tư cách là yếu tố điều chỉnh các QHXH thì pháp luật có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm tồn tại và phát triển xã hội. Kinh tế Việt Nam đang vận hành theo nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, vì thế phải chấp nhận những khuyết tật của nền kinh tế thị trường, như sản xuất và kinh doanh hàng giả, hoặc hành vi chạy theo lợi nhuận của những nhà sản xuất, kinh doanh, bất chấp những quy định của pháp luật và lợi ích cộng đồng để trục lợi. Đặc biệt trong thời gian qua, một số DN kinh doanh đa cấp đã sử dụng những thủ đoạn lừa gạt nhằm thu lợi bất chính gây nên nhiều hệ lũy xấu cho cộng đồng, cho xã hội. Pháp luật chống BHĐC bất chính đóng một vai trò rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế bền vững, đem lại trật tự trong môi trường kinh doanh. Ngăn chặn các hành vi gây tổn hại đến xã hội và quyền lợi ích hợp pháp của các bên có liên quan.

Pháp luật chống BHĐC bất chính là cơ sở pháp lý quan trọng bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các chủ thể liên quan đến hoạt động BHĐC trong đó có người tham gia BHĐC. Người tham gia BHĐC là đối tượng quan trọng và chủ yếu để tạo nên sự thành công và phát triển quy mô hoạt động của các DN BHĐC chân chính. Tuy nhiên, vì lợi ích kinh tế các DN BHĐC sẵn sàng xâm phạm tới quyền lợi của các đối tượng này, Quan hệ giữa người tiêu dùng và DN là một loại quan hệ dân sự (phổ biến trong đời sống xã hội). Như vậy chúng phải được thiết lập, thực hiện và bảo vệ theo các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, bao gồm nguyên tắc tự do thỏa thuận, nguyên tắc bình đẳng, thiện chí và trung thực, tự chịu trách nhiệm, tôn trọng đạo đức tốt đẹp, tôn trọng, bảo vệ quyền dân sự, tôn trọng lợi ích Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, nguyên tắc tuân thủ pháp luật và

nguyên tắc hòa giải. Tuy nhiên, giữa các chủ thể pháp luật dân sự không tồn tại trạng thái "bình đẳng" một cách tuyệt đối trên thực tế, mà bản thân pháp luật (bao gồm các lĩnh vực pháp luật khác) phải góp phần tạo lập và gìn giữ và bảo đảm sự bình đẳng này.

Trong mối quan hệ này, NTD thường ở vị trí yếu thế bởi sự hạn chế về thông tin, kiến thức chuyên môn, khả năng đàm phán hợp đồng, khả năng tự bảo vệ mình. Để tạo lập, gìn giữ và bảo vệ sự bình đẳng giữa NTD và DN cần có sự can thiệp mạnh mẽ của pháp luật.

Pháp luật chống BHĐC bất chính là một bộ phận của pháp luật về BHĐC là cơ sở pháp lý quan trọng bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các chủ thể liên quan đến hoạt động BHĐC, bảo đảm cho cạnh tranh tồn tại là các quy định về tự do kinh doanh và quyền bình đẳng của các DN. Pháp luật quy định rõ các dấu hiệu được coi là BHĐC bất chính để cá nhân tổ chức trong xã hội có thể nhận diện và phân biệt chân chính và bất chính bởi vẫn còn nhiều cá nhân trong xã hội vẫn nhầm lẫn giữa mô hình "chuẩn" của BHĐC với BHĐC bất chính. Pháp luật đưa ra những quy định cụ thể để người dân có thể phân biệt, nhận biết rõ tránh những rủi ro có thể xảy ra, tránh tình trạng bị lừa đảo dẫn đến bị thiệt hại về tài chính của tổ chức, cá nhân và gia đình.Tạo khuôn khổ pháp lý để ngăn chặn phòng ngừa hành vi BHĐC bất chính, bảo vệ quyền lợi cho DN BHĐC chân chính và các chủ thể muốn tham gia mạng lưới BHĐC hợp pháp. Pháp luật chống BHĐC bất chính cần thiết đóng vai trò cần thiết quan trọng trong việc duy trì trật tự trong môi trường kinh doanh nói chung và trong lĩnh vực BHĐC nói riêng.

Thực tế cho thấy, với những vụ án lừa đảo dưới hình thức BHĐC, thường để lại những hậu quả khá nặng nề, bởi số lượng người tham gia rất đông, rải rác tại nhiều tỉnh, thành phố. Đối tượng tham gia đa số ở nông thôn, thu nhập thấp nhưng lại dành hết số tiền chắt chiu, vay mượn để tham gia vào hệ thống BHĐC. Đối tượng của mô hình kim tự tháp là tiền, cho dù nó thường được quy đổi thành sản phẩm, hay dịch vụ nhất định thì nó vẫn là hình tháp ảo khi số lượng sản phẩm tiêu thụ được sẽ luôn tương xứng với số người tham gia. Về phía người dân, để nhận biết được công ty BHĐC làm ăn có nghiêm túc hay không, cần phải nắm được những thông tin cơ bản như: BHĐC bất chính hay mô hình kim tự tháp là một hiện tượng biến tướng của phương thức kinh doanh đa cấp; trong đó, lợi nhuận không xuất phát từ giới thiệu sản phẩm mà từ việc tuyển dụng các thành viên mới…Ngoài ra với các DN BHĐC chân chính cũng bị ảnh hưởng không nhỏ đến danh tiếng, uy tín. Đó là thiệt hại ngay trước mắt và lâu dài nếu uy tín của ngành bị ảnh hưởng, để bảo vệ người tham gia trước hoạt động BHĐC bất chính, pháp luật chống BHĐC bất chính cũng có nhiều quy định hướng BHĐC đi vào đúng bản chất là một hình thức phân phối hàng hóa, không bị lợi dụng để thực hiện hoạt động huy động tài chính trái phép. Pháp luật tạo nên trật tự xã hội trong hoạt động BHĐC, tạo lập "sân

chơi", "luật chơi" cho các DN và những người tham gia BHĐC. Giúp cho đời sống xã hội ổn định và phát triển, quyền lợi của mỗi DN, cá nhân, tổ chức được thực thi trên cơ sở tôn trọng tự do tham gia của các bên. Pháp luật chống BHĐC bất chính có vai trò chống lại các tiêu cực, bảo vệ lợi ích hợp pháp của tất cả các chủ thể trong xã hội.

Pháp luật chống BHĐC bất chính có vai trò bảo vệ môi trường kinh doanh nói chung và môi trường BHĐC nói riêng. Đối với kinh tế pháp luật chống BHĐC bất chính đóng một vai trò là phuơng tiện quan trọng trong việc xác định địa vị pháp lý, vị trí của DN BHĐC, đối với chủ thể tham gia quan hệ pháp lý BHĐC, tạo "hành lang" pháp lý để các DN BHĐC bình đẳng trong cạnh tranh khi kinh doanh cùng phương thức đa cấp hay với các DN kinh doanh theo phương thức bán hàng truyền thống. Mặt khác với tư cách là chủ thể tham gia quản lý thì Nhà nước dựa vào các chuẩn mực pháp lý để điều khiển hoạt động sản xuất kinh doanh, thông qua pháp luật Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi tin cậy và chính thức cho hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, pháp luật là phương tiện làm cho các quan hệ kinh tế trở thành quan hệ pháp luật. Khi đó nó xác định rõ chủ thể tham gia hoạt động kinh tế, quyền và nghĩa vụ pháp lý của các bên tham gia hoạt động kinh tế; đồng thời pháp luật tham gia bảo vệ củng cố những nguyên tắc vốn có của nền kinh tế như là tính quy định của lợi ích, nhu cầu của con người tiêu dùng đối với sản xuất, đảm bảo sự tôn trọng sự cạnh tranh, cạnh tranh lành mạnh tính trách nhiệm của người sản xuất kinh doanh. Pháp luật là phương tiện bảo vệ lợi ích kinh tế tốt nhất đối với các bên tham gia hoạt động kinh tế trong trường hợp xảy ra tranh chấp kinh tế, vi phạm hợp đồng trong kinh doanh thương mại.

1.5. Kinh nghiệm điều chỉnh pháp luật về chống bán hàng đa cấp bất chính trên thế giới và bài học cho Việt Nam

Quy định pháp luật về chống bán BHĐC bất chính như đã lý giải tại mục 1.2.1 là biện pháp nhằm ngăn chặn, hạn chế, ngăn cản tác động của hành vi BHĐC bất chính tới xã hội. Các biện pháp ngăn chặn đó được hiểu là các biện pháp "tiền kiểm" và "hậu kiểm" đối với hành vi này. Cụ thể là quy định về dấu hiệu BHĐC bất chính để xác đây là những hành vi BHĐC bị pháp cấm, quy định về điều kiện kinh doanh đối với BHĐC là cách thức để các quốc gia trong khu vực và trên thế giới kiểm soát hoạt động BHĐC, nói cách khác đây là hoạt động "tiền kiểm" nhằm chống lại hành vi BHĐC bất chính. Quy định "hậu kiểm" chính là những quy định về biện pháp, chế tài áp dụng đối với những vi phạm này.

1.5.1. Kinh nghiệm của một số nước trên thế giới

1.5.1.1. Kinh nghiệm tại Hòa kỳ

Quan điểm xây dựng pháp luật điều chỉnh BHĐC, chính phủ Hoa Kỳ không ban hành một đạo luật riêng biệt nào quản lý hoạt động BHĐC. DN BHĐC ở bang nào sẽ tuân thủ các quy định pháp luật tại bang đó. Về mặt nguyên tắc chung, hiệp hội bán hàng trực tiếp Hoa Kỳ đã ban hành Bộ tiêu chuẩn đạo đức (Code of ethics, Business ethics) gồm các quy định chung về đạo đức, hành vi mà các DN bán hàng trực tiếp là thành viên của hiệp hội phải tuân thủ.

Về việc xác định dấu hiệu của hành vi BHĐC bất chính ở Hoa Kỳ

Dấu hiệu của hành vi BHĐC bất chính ở Hoa Kỳ cũng được thể hiện rõ trong Bộ tiêu chuẩn đạo đức nêu trên. Điểm A.1 của Bộ tiêu chí quy định như sau: Không một công ty thành viên nào của hiệp hội được phép thực hiện hành vi gian dối, vi phạm pháp luật, hành vi tuyển dụng người trái phép hoặc hành vi gian dối và trái đạo đức với người tiêu dùng, các công ty thành viên phải đảm bảo không có bất kỳ tuyên bố nào được đưa ra mà có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng, người sẽ trở thành người bán hàng. Tiếp theo, Mục A.8 của Bộ tiêu chí quy định về quảng cáo liên quan đến thu nhập: "Không DN nào được phép quảng cáo gây hiểu nhầm về thu nhập thực tế hoặc thu nhập tương lai từ việc bán hàng của người tham gia bán hàng, bất kỳ thông tin nào về thu nhập, doanh số được DN thành viên nêu ra phải dựa vào số liệu ghi trong sổ sách". Quy định về đưa thông tin liên quan đến doanh thu cũng được quy định trong bộ tiêu chuẩn đạo đức của Hiệp hội bán hàng trực tiếp toàn cầu, các DN không được phép đưa thông tin gây nhầm lẫn về thu nhập thực tế của người bán hàng trực tiếp trong hệ thống DN của họ. Ngoài dấu hiệu BHĐC bất chính được xác định trong bộ tiêu chuẩn đạo đức chung thì các dấu hiệu này cũng được xác định cụ thể tại pháp luật của các Bang.

Hoa Kỳ có tổng số 5 Bang ban hành luật quản lý đặc biệt đối với các công ty BHĐC, gồm: Georgia, Lousiana, Maryland, Massachusetts và Wyoming. Những qui định trong luật của các bang nói trên đưa ra những hạn chế đối với hoạt động của công ty BHĐC. Một trong số đó là yêu cầu mua lại, đây là yêu cầu đảm bảo cho nhà phân phối được quyền chấm dứt hợp đồng với bất kỳ lý do nào tại bất kỳ thời điểm nào và yêu cầu công ty phải mua lại số hàng tồn đọng từ nhà phân phối với mức giá không thấp hơn 90% giá sau thuế ban đầu, nhưng nhà phân phối phải chịu phí gửi trả lại hàng. Ngoài ra, 5 bang này nghiêm cấm các công ty quảng cáo về thu nhập mà nhà phân phối sẽ hoặc có thể đạt được bằng đô la Mỹ. Bang Texas và Oklahoma qui định về yêu cầu mua lại trong vòng 12 tháng với 90% của giá trị bán. Bang Lousiana đưa ra yêu cầu mua lại trong thời hạn 12 tháng. Texas coi hành vi kinh doanh theo mô hình kim tự tháp là một trong những hành vi thương mại gian dối, phi pháp. Sản phẩm của BHĐC theo mô hình kim tự tháp bị cấm tại bang Texas bao gồm hàng hóa và dịch vụ (Điểm 4 Mục 17.461 Pyramid Promotional Scheme). BHĐC bất chính là một kế hoạch kinh doanh theo hình thức một cá nhân sẽ trả tiền cho việc có được cơ hội để nhận hoa hồng phát sinh chủ yếu từ việc giới thiệu người khác tham gia vào mang lưới hơn là bán sản phẩm.

Luật pháp Bang Oregon coi hành vi kinh doanh kiểu "kim tự tháp" là hành vi thương mại vi phạm pháp luật, cụ thể về câu lạc bộ hình kim tự tháp (pyramid club) như sau: Bán hàng kiểu kim tự tháp nghĩa là cách bán hàng trong đó một cá nhân dựa vào những điều kiện người đó đã đầu tư, được đảm bảo quyền hoặc dược cho phép tuyển dụng một hoặc nhiều hơn những người tham gia cấp dưới, đổi lại họ sẽ nhận được lợi nhuận. Người tham gia cấp dưới được thủ lĩnh cấp trên hứa hẹn quyền lợi đầu tư và có thể tiếp tục lôi kéo người khác tham gia dưới những điều kiện như vậy. Mô hình này bao gồm những hình thức bán hàng không liên quan đến việc bán hoặc phân phối bất kỳ sản phẩm thực tế hay dịch vụ.

Cũng theo quy định tại Bang này, các khoản lợi nhuận sau bị cấm: (1) Một khoản phí cụ thể để có quyền tham gia vào kinh doanh đa cấp; (2) bán với giá chênh lệch cao trong đó khoản giá chênh lệch được coi là khoản tiền thưởng trái luật; (3) bắt buộc mua trước lượng hàng hóa ban đầu với một số lượng lớn trong đó lượng hàng hóa thừa bị coi là điều kiện để cá nhân mua để đầu tư để có thể tham gia vào mạng lưới; (4) khi được hiểu là người mua chỉ mua sản phẩm để mua cơ hội và (5) khoản tiền bị nghiêm cấm thu là số tiền sử dụng để mua một bộ giới thiệu sản phẩm. Doanh số hoặc lợi nhuận không liên quan đến việc bán hàng có thể là tiền thưởng có được từ việc tuyển dụng; một chương trình trong đó người bảo trợ trả hoa hồng từ số tiền họ thu dược từ người tham gia qua việc bán các sản phẩm bất hợp lý; một chương trình trong đó không có chứng cứ thể hiện nhà phân phối bán sản phẩm ngoài mạng lưới [127].

Luật Bang Georgia không cho phép DN BHĐC và người tham gia thực hiện những việc sau đây: (1)Tổ chức hoặc tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào bất kỳ chương trình tiếp thị nào trong đó người tham gia nhận được lợi ích tài chính chủ yếu từ việc tuyển dụng liên tục người khác tham gia vào mạng lưới này và doanh số bán hàng cho người không phải là thành viên không phải là yếu tố để tạo nên tăng trưởng kinh doanh cho người tham gia; (2)Trả hoặc hứa sẽ trả tiền hoặc những khoản lợi nhuận, phí, hoa hồng cho bất kỳ thành viên của một mô hình BHĐC hoạt động dựa vào việc tuyển người tham gia vào mạng lưới; (3)Công ty BHĐC không được quảng cáo một cách gián tiếp hoặc trực tiếp về khả năng đạt được lợi nhuận của người tham gia cũng như không được quảng cáo rằng người tham gia đều thành công [122].

Bang Illinois: Luật bảo vệ người tiêu dùng của bang Illinois định nghĩa "mô hình bán hàng kiểu kim tự tháp" (pyramid sales scheme) là "bất kỳ kế hoạch hoặc sự tổ chức kinh doanh trong đó một cá nhân trả tiền có cơ hội nhận được lợi ích bằng tiền hoặc bằng các giá trị khác, mà những lợi ích này chủ yếu dựa vào việc giới thiệu, dụ dỗ người khác tham gia vào kế hoạch hoặc mô hình kinh doanh này, không tính đến số lượng người tham gia; lợi ích họ nhận được không phụ thuộc vào số lượng hoặc doanh số bán hàng hóa, dịch vụ đã bán cho người khác để sau đó bán tiếp cho người tiêu dùng. Mô hình kinh doanhh kiểu kim tự tháp cũng vi phạm Luật về hành vi thương mại gian dối và lừa đảo người tiêu dùng của bang Illinois[116].

Tại Hoa Kỳ, hệ thống pháp luật nói chung và quy định riêng ở các Bang không quy định về điều kiện "tiền kiểm" đối với hoạt động BHĐC, chỉ khi hành vi BHĐC bất chính xảy ra sẽ có những biện pháp, chế tài áp dụng để xử lý vi phạm này.

Về chế tài xử lý bán hàng đa cấp bất chính ở Hoa Kỳ

Cơ quan thực thi pháp luật chống BHĐC bất chính tại Hoa Kỳ là Ủy ban thương mại liên bang, Ủy ban chứng khoán và ngoại tệ cũng là một trong các cơ quan khác theo dõi những mô hình này, nhận được những thông tin chống lại mô hình có tên là mạng lưới phân phối tài chính trên thực tế bán các cổ phiếu không đăng ký. Bộ tư pháp Hoa Kỳ (DOJ) hợp tác với những cơ quan điều tra như Cục điều tra liên bang và Cục điều tra bưu chính Hoa kỳ, là các cơ quan thực hiện tố tụng đối với hình vi vi phạm kiểu mô hình kim tự tháp, có tính chất vi phạm hình sự xảy ra trong lừa đảo thư tín, lừa đảo cổ phiếu, chứng khoán, và rửa tiền. Các cơ quan quản lý cấp bang tố tụng lên tòa án cấp bang một cách độc lập dựa vào qui định cụ thể riêng biệt của từng bang có cấm mô hình kim tự tháp bất chính. Ủy ban thương mại liên bang xét xử các vụ việc căn cứ trên Luật thương mại liên bang, trong đó nghiêm cấm "hành vi gây ảnh hưởng đến kinh doanh một cách không lành mạnh hoặc gian dối". Luật thương mại liên bang cho phép Ủy ban nộp đơn kiện tại tòa án cấp bang và áp dụng một số các biện pháp xử lý bao gồm: khắc phục hậu quả, phong tỏa tài sản, *bồi thường cho người tiêu dùng, trách nhiệm của người quản lý tài sản* [123].

Một số Bang có quy định cụ thể như: *Bang Illinois*, DN BHĐC bất chính vi phạm luật về hành vi thương mại gian dối và lừa đảo người tiêu dùng. Cơ quan thực thi luật này là Cơ quan phụ trách tư pháp của bang Illinois chịu trách nhiệm thưc thi. Đạo luật này cho phép cơ quan tư pháp của bang yêu cầu tòa án áp mức phạt dân sự giá trị 50 ngàn đô la Mỹ đối với vi phạm. *Bang Lousiana*, theo quy định tài điều 362 Luật bang Lousiana, quảng bá một mô hình BHĐC bất chính tại bang này là hành vi vi phạm pháp luật của bang. Chề tài đối với vi phạm BHĐC bất chính ở bang Lousiana bao gồm phạt tiền và án hình sự. Điều 363 qui định trường hợp quảng cáo một mô hình kinh doanh đa cấp kiểu kim tự tháp sẽ bị phạt cao nhất là 10 ngàn đô la, hoặc có thể bị giam giữ, hình phạt tù cao nhất là 10 năm tù giam và có thể kèm theo lao động mang tính cưỡng chế.

1.5.1.2. Kinh nghiệm tại Canada

Luật Cạnh tranh Canada phục vụ cho quản lý nhà nước về BHĐC. LCT Canada được ban hành lần đầu tiên vào năm 1889. Năm 1975, luật này được sửa đổi và tiếp theo đó những sửa đổi giai đoạn II năm 1986 tiếp tục hoàn chỉnh những thủ lục pháp lý của LCT Canada. LCT được tiếp tục sửa đổi vào năm 1999, 2001 và lần cuối cùng năm 2009.

Về xác định dấu hiệu bán hàng đa cấp bất chính

Các điều 55 và 55.1 của Luật Cạnh tranh Canada xác định các dấu hiệu hành vi gian dối phổ biến trong BHĐC bất chính bao gồm: (1)Giới thiệu liên quan đến thù lao nhưng không công bố một cách thỏa đáng thông tin về thu nhập của những thành viên điển hình được nhận; (2)Thù lao tuyển dụng (tìm kiếm người quản lý); (3)Mua hàng bắt buộc như là một điều kiện để tham gia vào kế hoạch bán hàng; (4)Tích trữ hàng hoá và chính sách trả lại sản phẩm không thỏa đáng hoặc không được công bố công khai.

Giống như pháp luật Hoa Kỳ, pháp luật Canada không quy định về điều kiện "tiền kiểm" đối với hoạt động BHĐC mà chỉ quy định những biện pháp, chế tài áp dụng để xử lý khi hành vi BHĐC bất chính xảy ra.

Về chế tài xử lý bán hàng đa cấp bất chính

Trong điều 55 Luật Cạnh tranh Canada quy định về chế tài xử lý BHĐC bất chính như sau: Nếu ai vi phạm, thực hiện những hành vi bị cấm tại điều 55 sẽ bị kết án với khoản phạt tiền không quá 200.000 đô la hoặc chịu phạt tù với thời hạn không quá 1 năm hoặc cả 2 hình phạt trên. Đối với vi phạm thiết lập, tổ chức, quảng cáo hay xúc tiến một mô hình BHĐC bất chính (mô hình tháp ảo*):* Khi bị kết án thực hiện hành vi BHĐC bất chính, bên vi phạm phải nộp phạt tiền theo mức do tòa án quyết định hoặc chịu phạt án tù với thời hạn không quá 5 năm hoặc kết hợp cả 2 hình phạt trên hoặc bị phạt tiền với mức phạt không quá 200.000 đô la hoặc chịu án tù lên đến 1 năm hoặc kết hợp cả 2 hình thức trên [91].

1.3.1.3. Kinh nghiệm tại Nhật Bản

Năm 1976, Nhật Bản đã ban hành Luật các giao dịch thương mại (Specified Commercial Transactions Law) với mục đích bảo vệ quyền lợi người mua, hướng tới sự phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho DN phân phối hàng hóa, cung cấp dịch vụ bằng cách đảm bảo công bằng trong giao dịch. Những giao dịch do Luật điều chỉnh gồm bán hàng tận cửa (Door-to-door sales), bán hàng qua email, bán hàng qua điện thoại (Telemarketing), BHĐC, cung cấp một chuỗi dịch vụ liên tục. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, luật đã phải điều chỉnh nhiều lần để phù hợp hơn nữa với thực tế tạo điều kiện phát triển ổn định nền kinh tế quốc gia. Các quy định về nội dung điều chỉnh hoạt động BHĐC được quy định tại Chương 3 từ Điều 33 tới Điều 40 của Luật này.

Xác định dấu hiệu bán hàng đa cấp bất chính

Pháp luật Nhật Bản không đưa ra định nghĩa xác định các dấu hiệu BHĐC bất chính mà quy định các hành vi bị cấm tại Điều 34, 36 Luật các giao dịch thương mại Nhật Bản:

- Cấm người trong mạng lưới BHĐC không được cố ý giấu thông tin thực tế, xuyên tạc thông tin nhằm mục đích lôi kéo ký kết hợp đồng, bán hàng hoặc ngăn chặn để không có hiện tượng huỷ hợp đồng từ người mua. Hay những thông tin cần được cung cấp đầy đủ cho

người mua hàng, người được mời vào mạng lưới bao gồm: tính năng của sản phẩm, nhãn hiệu hoặc tên của nhà sản xuất, số lượng hàng hoá, tính năng dịch vụ hoặc dịch vụ liên quan khác.

- Cấm người trong mạng lưới BHĐC thực hiện mời chào người khác vào mạng lưới cũng như ký kết hợp đồng ở ngoài những địa điểm sau: văn phòng kinh doanh, đại lý, quầy bán hàng hoặc những địa điểm tương tự như kho chứa hàng mà công ty dùng để trưng bày sản phẩm hay bán hàng tại thời điểm cụ thể.

- Cấm quảng cáo sai sự thật về BHĐC, cụ thể điều phối viên, người cố vấn luật hay tổng phân phối BHĐC không được thực hiện hành vi đưa ra các thông tin quảng cáo sai lệch so với thực tế để gây nhầm lẫn cho người được mời chào vào mạng lưới.

Tương tự với quan điểm tiếp cận của Mỹ và Canada cách tiếp cận của Nhật Bản đối với hình thức kinh doanh đa cấp không quá khắt khe, Luật không đưa ra những quy định "tiền kiểm" là các điều kiện kinh doanh đối với DN BHĐC.

Về chế tài xử lý bán hàng đa cấp bất chính

Hình thức xử phạt vi phạm BHĐC bất chính ở Nhật Bản được quy định tại Chương 7 Luật các giao dịch thương mại Nhật Bản. Hình thức xử phạt khá đa dạng từ lao động công ích 6 tháng; phạt tiền từ 100 nghìn Yên đến 300 triệu Yên, phạt tù từ 1 năm cho đến 3 năm [94].

1.3.1.4. Kinh nghiệm tại Hàn Quốc

BHĐC được quy định tại Chương 3 Luật bán hàng tận cửa Hàn Quốc 1995, luật này được sửa đổi vào ngày 19 tháng 7 năm 2007 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 10 năm 2007. So với Luật bán hàng tận cửa năm 1995 Luật đã có nhiều sửa đổi, đặc biệt là trong phần quản lý BHĐC, các quy định đã được siết chặt hơn rất nhiều.

Về xác định dấu hiệu bán hàng đa cấp bất chính

Luật bán hàng tận cửa Hàn Quốc không đưa ra các dấu hiệu xác định BHĐC bất chính mà chỉ quy định các hành vi bị cấm BHĐC:

- Ép buộc bên mua ký kết hợp đồng hoặc đe dọa ngăn không cho bên mua hủy hợp đồng đã kí kết.

- Gây nhầm lẫn, phóng đại sự thật, gạ gẫm bên mua ký hợp đồng thông qua các hành vi lừa dối hoặc thực hiện hành vi nhằm ngăn cản bên mua rút/hủy hợp đồng, thông qua việc cung cấp thông tin sai sự thật về giá, chất lượng hàng hóa…

- Áp đặt một số nghĩa vụ nhất định đối với người muốn trở thành nhà phân phối ví dụ như ép buộc người này phải trả một khoản tiền nhất định lớn hơn 100.000 won.

- Trả các lợi ích kinh tế cho nhà phân phối dựa trên việc người đó tuyển dụng được cấp dưới.

- Thay đổi địa chỉ hoặc điện thoại với lý do ngăn cản bên mua rút/hủy hợp đồng

- Giao hàng cho bên mua và yêu cầu phải trả tiền trong trường hợp bên mua chưa ký hợp đồng hoặc ép buộc bên mua/nhà phân phối phải mua hàng hoặc dịch vụ.

- Ép buộc bên mua bằng điện thoại, fax hoặc các phương tiện truyền thông máy tính phải mua hàng hóa hoặc dịch vụ, mặc dù bên mua đã thể hiện rằng anh ta không có ý định mua hàng hóa hoặc dịch vụ đó. (Trong trường hợp nhà phân phối đa cấp), sử dụng địa vị xã hội của một người nào đó để buộc một người khác phải đăng ký trở thành nhà phân phối thuộc cấp dưới của anh ta hoặc ép buộc cấp dưới của anh ta phải mua hàng hóa hoặc dịch vụ.

- Ép buộc người muốn trở thành nhà phân phối phải tham gia đào tạo hoặc tham gia vào một tổ chức tập thể mà đi ngược lại với lợi ích của người đó.

- Đại diện cho một nhà phân phối chưa đăng ký trong hệ thống đa cấp hoặc cho phép nhà phân phối chưa đăng ký này làm việc dưới sự giám sát của mình.

- Thực hiện BHĐC mà không có chính sách bảo hiểm đảm bảo thiệt hại của người tiêu dùng.

- Bán hàng cho bên mua với giá cao hơn quy định trong nghị định Tổng thống.

- Sử dụng thông tin về người tiêu dùng mà không được sự đồng ý của người tiêu dùng hoặc dùng sai với mục đích mà người tiêu dùng đã đồng ý.

Về điều kiện kinh doanh bán hàng đa cấp

Quy định "tiền kiểm" này được ghi nhận tại Điều 13 về đăng ký BHĐC, Cụ thể người muốn kinh doanh đa cấp phải đăng ký hoạt động BHĐC với thị trưởng thành phố/thống đốc tỉnh. Các tài liệu phải xuất trình để xin đăng ký hoạt động đa cấp bao gồm: *(i)* mẫu đăng ký có nội dung: tên, địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ email (trong trường hợp pháp nhân thì phải bao gồm tên, số đăng ký cư trú, địa chỉ của đại diện thương mại); *(ii)* tài liệu chứng minh khoản vốn điều lệ lớn hơn 500 nghìn Won; *(iii)* các tài liệu chứng minh có tồn tại hợp đồng bảo hiểm trong đó có quy định về trách nhiệm đối với các thiệt hại của người tiêu dùng theo quy định tại Điều 34; *(iv)* tài liệu về phương thức tính toán và trả hoa hồng; tài liệu giải thích cách hoạt động BHĐC gồm quản lý hàng tồn kho, thanh toán hoa hồng; *(v)* các tài liệu khác quy định trong Nghị định của Thủ tướng, là những tài liệu cần thiết để xác minh lý lịch của nhà phân phối BHĐC.

Về chế tài xử lý bán hàng đa cấp bất chính

Nhà điều hành mạng lưới vi phạm các quy định cấm có thể bị buộc tạm ngừng kinh doanh đa cấp hoặc bị buộc chấm dứt kinh doanh đa cấp theo Điều 42. Nếu các vi phạm đó gây ra thiệt hại thì nhà điều hành mạng lưới phải bồi thường thiệt hại cho nhà phân phối hoặc khách hàng khi xâm hại vào lợi đích chính đáng của họ. Tiêu chí để đòi bồi thường thiệt hại sẽ được quy định cụ thể tại Nghị định hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật bán hàng

tận cửa Hàn Quốc bản sửa đổi mới nhất có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2008. Điều 35 của Nghị định quy định về các tiêu chí xác định khoản bồi thường thiệt hại, chứng minh thiệt hại có liên quan trực tiếp tới hành vi vi phạm [93].

1.3.1.5. Kinh nghiệm tại Trung Quốc

BHĐC tại Trung Quốc được điều chỉnh bởi 2 văn bản luật là *Luật về quản lý hành chính đối với hoạt động bán hàng trực tiếp 2005* (mục đích của luật này là tiêu chuẩn hoá hoạt động BHĐC, tăng cường điều tiết BHĐC, ngăn ngừa gian lận và bảo vệ lợi ích xã hội, quyền và lợi ích người tiêu dùng) và *Luật chống BHĐC bất chính 2005* (mục đích của luật này là ngăn ngừa hành vi lừa đảo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và tổ chức khác, giữ gìn trật tự của nền kinh tế và duy trì ổn định trong xã hội).

Về xác định dấu hiệu bán hàng đa cấp bất chính

BHĐC bất chính được nhìn nhận trong Luật chống BHĐC bất chính 2005 như sau:

- Tổ chức, cá nhân kiếm lời bất chính bằng hoạt động tuyển dụng, yêu cầu cá nhân được tuyển dụng tiếp tục lôi kéo người khác tham gia mạng lưới trong đó tiền thưởng, hoa hồng và các lợi ích kinh tế khác được tính toán và trả cho những người tham gia này dựa theo số lượng người họ có thể lôi kéo vào mạng lưới một cách trực tiếp hay gián tiếp;
- Tổ chức hoặc cá nhân thu lợi nhuận trái luật khi yêu cầu người tham gia BHĐC phải trả những khoản phí bất hợp lý để được quyền tham gia vào mạng lưới BHĐC;
- Cá nhân, người tổ chức kiếm lời bất chính thông qua mạng lưới BHĐC trong đó người ở cấp trên nhận thưởng từ kết quả lao động, tuyển dụng thêm người gia nhập mạng lưới [95].

Về điều kiện kinh doanh bán hàng đa cấp

Luật quản lý bán hàng trực tiếp ở Trung quốc tập trung vào quy định thủ tục thành lập, thay đổi với DN BHĐC nhằm đưa ra chuẩn mực về đăng ký và những thủ tục hành chính đối với các DN này. Điều 7 của Luật này quy định điều kiện kinh doanh BHĐC như sau: *Nhà đầu tư có nền tảng kinh doanh vững chắc, không có tiền án vi phạm pháp luật 5 năm trở lên, nếu nhà đầu tư là người nước ngoài yêu cầu phải chứng minh ít có ít nhất 3 năm kinh nghiệm hoạt động BHĐC ngoài Trung Quốc; Vốn điều lệ không ít hơn 80 triệu NDT; Ký quỹ an ninh đảm bảo được trả đầy đủ tại nhà băng được chỉ định*; *Được yêu cầu lập hồ sơ và công bố thông tin.*

Điều 8 của luật quy định tài liệu mà DN phải cung cấp cho cơ quan quản lý kèm với đơn là những tài liệu nêu ở Điều 7, bản thông báo thành lập công ty, hợp đồng liên doanh, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch kinh doanh BHĐC liên quan đến điều số 10 của luật này (quy

định dành cho tổ chức hoạt động chi nhánh); chi tiết sản phẩm đã được kiểm định; mẫu hợp đồng ký với người sẽ trở thành tư vấn viên, bản kê tài chính do công ty kiểm toán cung cấp, hợp đồng giữa công ty và ngân hàng về cách thức sử dụng ký quỹ an ninh.

Về ký quỹ của DN BHĐC được quy định rất chi tiết, tại thời điểm thành lập DN BHĐC lượng ký quỹ đảm bảo tại ngân hàng nên là 20 triệu NDT. Sau khi DN BHĐC đi vào hoạt động, khoản ký quỹ được phép điều chỉnh sao cho sẽ chiếm khoảng 15% doanh số của tháng trước đó nhưng tối thiểu là 20 triệu NDT và tối đa là 100 triệu NDT [96].

Về chế tài xử lý bán hàng đa cấp bất chính

Cơ quan xử lý vi phạm sẽ tịch thu sung công tài sản và lợi nhuận trái phép đồng thời y án phạt từ 500.000 NDT trở lên, trong trường hợp xảy ra phạm tội nghiêm trọng thì mức phạt hình sự sẽ được xem xét, cân nhắc. Đối với vi phạm BHĐC bất chính liên quan đến lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc người khác tham gia vào tổ chức BHĐC phi pháp này, cơ quan xử lý sẽ ra quyết định chấm dứt hoạt động, y án phạt từ 100.000 đến 500.000 NDT; đối với cá nhân liên quan, họ sẽ qui định có mức phạt nhiều nhất là 2000 NDT [95]. Một điểm đáng chú ý của luật này là người cung cấp địa điểm hoạt động cho tổ chức BHĐC bất chính hoặc những cá nhân, tổ chức tuyên truyền về hoạt động BHĐC bất chính qua mạng Internet có thể bị phạt, điều này cho thấy sự khác biệt về quản lý BHĐC ở Trung quốc so với các quốc gia khác trên thế giới.

1.3.2. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Qua những tìm hiểu, phân tích về quá trình hình thành, sửa đổi, quy định hiện hành về quản lý hoạt động BHĐC tại một số quốc gia như Hoa Kỳ, Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc có thể đưa ra một số nhận xét như sau:

Thứ nhất, nghiên cứu sinh nhận thấy hệ thống pháp luật các nước điều chỉnh BHĐC đều có những điểm tương đồng nhất định về mặt cấu trúc văn bản pháp luật, cách phân định các vấn đề cần điều chỉnh gồm khái niệm BHĐC bất chính các dấu hiệu nhận diện, cách thức hoạt động của BHĐC hợp pháp và về quy định trách nhiệm và nghĩa vụ của người tổ chức BHĐC đối với nhà phân phối thuộc mạng lưới BHĐC của mình và trách nhiệm, nghĩa vụ đối với người tiêu dùng về các hành vi bị cấm trong quá trình hoạt động. Về quan niệm BHĐC và BHĐC bất chính , mặc dù mỗi quốc gia đều đưa ra những tên gọi khác nhau cho hình thức BHĐC bất chính như mô hình hình tháp ảo, mô hình chuỗi lừa đảo, mô hình giao dịch tài chính không dựa trên việc mua bán thực sự…thì về bản chất khi diễn giải trong điều luật của mình, các quốc gia đều có chung quan điểm đây là một hình thức biến tướng của BHĐC, trong đó lợi nhuận và hoa hồng trả cho các cấp tham gia trong mạng lưới không thực sự xuất phát từ việc bán sản phẩm mà chủ yếu phát sinh từ việc tuyển dụng thêm thành viên vào mạng lưới.

Xuất phát từ việc tương đồng trong cách hiểu về bản chất của hoạt động BHĐC nên việc thiết kế các quy định quản lý hoạt động BHĐC tại những quốc gia này cũng có nhiều điểm tương đồng. Tuy nhiên, tùy theo hệ thống pháp luật (theo án lệ Common Law hay hệ thống luật thành văn Civil Law) mà mỗi quốc gia sẽ có những quy định chi tiết cụ thể hay chỉ đưa ra những nguyên tắc chung mang tính hướng dẫn hành động. Ngoài ra còn phụ thuộc vào quan điểm tiếp cận điều chỉnh của từng quốc gia cũng khiến việc thiết kế và nội dung các quy định của pháp luật nảy sinh những khác biệt nhất định.

Thứ hai, từ phân tích trên NCS phân nhóm các quy định điều chỉnh hoạt động BHĐC tại các quốc gia thành hai nhóm cơ bản: Nhóm 1 là nhóm các quy định "tiền kiểm", có thể hiểu đây là những quy định nhằm điều chỉnh hoạt động của DN BHĐC tại thời điểm trước khi DN được cho phép BHĐC tại một quốc gia nhất định, bao gồm những quy định về điều kiện để cá nhân hoặc tổ chức được phép kinh doanh đa cấp trên một địa bàn nhất định, ví dụ như điều kiện về vốn pháp định, ký quỹ, điều kiện về bộ hồ sơ nộp lên cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đa cấp, …Nhóm 2 là nhóm các quy định điều chỉnh hoạt động BHĐC của cá nhân, tổ chức BHĐC khi đã đi vào hoạt động, nhóm này sẽ bao gồm những quy định về điều chỉnh hành vi của DN BHĐC, quy định điều chỉnh hành vi của nhà phân phối đa cấp, quy định trách nhiệm của DN BHĐC đối với nhà phân phối đa cấp và đối với người tiêu dùng, quy định trách nhiệm của nhà phân phối đối với người tiêu dùng, quy định về chế tài xử lý vi phạm của DN với những hành vi bị cấm trong quá trình kinh doanh đa cấp…

Hai nhóm quy định trên đều thể hiện tinh thần pháp luật là kiểm soát chặt chẽ với hành vi BHĐC bất chính, tuy nhiên như đã phân tích ở trên về cách tiếp cận điều chỉnh pháp luật của mỗi quốc gia nên cách thức chống BHĐC bất chính ở những quốc gia này cũng khác nhau. Sau khi phân tích hệ thống pháp luật của các quốc gia này, NCS đưa ra những nhận định sau:

Liên quan tới Nhóm quy định về "tiền kiểm": Quy định về tiền kiểm này xuất hiện ở các quốc gia có hệ thống luật thành văn được quy định khá chặt chẽ. Quốc gia có quy định chặt chẽ nhất là Trung Quốc với những quy định về điều kiện đăng ký kinh doanh đa cấp: Có nền tảng kinh doanh vững chắc, không có tiền án vi phạm pháp luật trong vòng 5 năm trở lên, nếu là nhà đầu tư nước ngoài thì phải chứng minh có ít nhất 3 năm kinh nghiệm trong hoạt động đa cấp, có vốn điều lệ tối thiểu 80 triệu NDT, phải ký quỹ tại một ngân hàng… Hàn Quốc cũng có một số quy định tương tự đối với cá nhân, tổ chức muốn cấp giấy phép kinh doanh đa cấp như: yêu cầu vốn điều lệ tối thiểu 500.000 won, những cá nhân bị cấm tổ chức kinh doanh đa

cấp gồm người không có năng lực hành vi, phá sản và chưa phục hồi được khả năng tài chính, đã từng bị phạt từ vì BHĐC bất chính mà thời điểm kết thúc thi hành án chưa quá 5 năm, đang trong thời gian thử thách, bộ hồ sơ trong đó có quy định về chính sách bảo hiểm đối với thiệt hại của người tiêu dùng… Luật Hàn Quốc còn cấm các cá nhân, pháp nhân trong vòng 5 năm sau khi bị thu hồi đăng BHĐC không được phép đăng ký kinh doanh đa cấp, pháp nhân có cổ đông không đạt điều kiện cũng không được phép đăng ký kinh doanh đa cấp.

Như vậy, những quy định về "tiền kiểm" tại các quốc gia trên có phần yêu cầu cao và thắt chặt các điều kiện hơn BHĐC, cả điều kiện về vốn điều lệ tối thiểu và điều kiện đối với cá nhân, tổ chức muốn kinh doanh đa cấp.

Liên quan tới nhóm quy định kiểm soát quá trình hoạt động, "hậu kiểm" của DN BHĐC:

Về điều kiện đối với người muốn tham gia BHĐC, mỗi nước đều có những quy định khác nhau nhưng đều đồng quan điểm trong các điều kiện: có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không có tiền án và có những điều kiện nhất định đối với người nước ngoài muốn trở thành nhà phân phối đa cấp, tuy nhiên về mức độ siết chặt quản lý thì mỗi nước có những quy định khác nhau. Tại Trung Quốc, ngoài đáp ứng những điều kiện trên, nhà phân phối đa cấp không được làm trong các ngành y tế, dược, không được là công chức, sĩ quan quân đội, sinh viên chính quy, giáo viên, người nước ngoài không được trở thành nhà phân phối đa cấp.

Về đối tượng kinh doanh theo phương thức BHĐC, pháp luật các quốc gia đều điều chỉnh đối với cả hàng hóa và dịch vụ, riêng Luật Bang Georgia của Hoa Kỳ không xếp đại lý bảo hiểm, bất động sản, kinh doanh chứng khoán vào danh mục được phép BHĐC.

Về trách nhiệm của DN BHĐC, hợp đồng tham gia BHĐC, chấm dứt hợp đồng tham gia BHĐC, quy định về mua lại hàng hóa khi chấm dứt hợp đồng, các nước đều có chiều hướng bảo vệ cho quyền lợi của nhà phân phối đa cấp nhiều hơn. Ví dụ như tại Trung Quốc, nhà phân phối có quyền chấm dứt hợp đồng bất kỳ lúc nào trong 60 ngày đầu tiên sau khi ký hợp đồng; tại Hàn Quốc, nhà phân phối có quyền rút khỏi mạng lưới đa cấp bất cứ lúc nào chỉ cần có thông báo viết tay; pháp luật Bang Texas, Oklahoma và Lousiana đều có quy định yêu cầu DN đa cấp phải mua lại trong vòng 12 tháng với 90% của giá trị bán.

Về những hành vi bị cấm của DN BHĐC, các quốc gia đều có quy định các hành vi bị cấm thực hiện khác. Tại Mỹ, Luật Bang Oregon cấm không được bán hàng hóa với giá chênh lệch cao trong đó khoản giá chênh lệch được coi là khoản tiền thưởng trái pháp luật, nghiêm cấm thu một số tiền nào đó để mua bộ giới thiệu; Luật Bang Georgia cấm DN đa cấp không được quảng cáo gián tiếp hoặc trực tiếp về khả năng đạt được lợi nhuận của người tham gia

cũng như không được quảng cáo rằng người tham gia đều thành công; Luật Bang Alabama cấm không được đưa thông tin gian dối về bản chất thị trường của sản phẩm, dịch vụ. Tại Hàn Quốc, quy định về hành vi bị cấm đối với DN tổ chức BHĐC được bổ sung nhiều hành vi bị cấm mới: ép buộc ký hợp đồng, gây nhầm lẫn, gạ gẫm để ký hợp đồng; không quan tâm đến sự thiếu hụt về nhân sự hoặc tiện ích cần thiết để giải quyết khiếu nại cho người tiêu dùng, ép mua hàng hóa khi chưa kí hợp đồng; sử dụng địa vị xã hội để ép buộc mua hàng, cho phép người chưa đạt điều kiện BHĐC trở thành nhà phân phối đa cấp, giá bán hàng hóa lớn hơn 1.300.000 won; sử dụng thông tin của người tiêu dùng mà chưa được sự đồng ý, chuyển giao hoặc mua lại một mạng lưới BHĐC, dùng những thông tin về thu nhập của người tham gia BHĐC để dụ dỗ, lôi kéo người mới tham gia vào mạng lưới mà không có tài liệu chứng minh; trả hoa hồng > 35% tổng giá trị hàng hóa bán…Tại Nhật Bản cũng quy định khá nhiều hành vi cấm liên quan đến quảng cáo gian dối gây nhầm lẫn, sai sự thật trong quá trình kinh doanh đa cấp. Về trách nhiệm và những hành vi bị cấm của người tham gia, pháp luật các quốc gia thuộc phạm vi nghiên cứu cũng đều có những quy định thắt chặt hơn so với quy định hiện hành của Việt Nam. Về ràng buộc trách nhiệm giữa DN BHĐC và người tham gia, hầu hết các quốc gia đều quy định doanh nghiệp BHĐC phải chịu mọi trách nhiệm liên quan tới hành vi vi phạm quy định về BHĐC của người tham gia trong mạng lưới đa cấp.

Về xử lý vi phạm, hầu hết các quốc gia đều áp dụng hình thức phạt tiền với mức phạt lớn, trong một số trường hợp BHĐC trá hình có dấu hiệu nghiêm trọng, có thể xem xét phạt tù.

Như vậy, qua những phân tích trên có thể thấy hầu hết các quốc gia trong phạm vi nghiên cứu này đều có những quy định quản lý hoạt động BHĐC theo hướng siết chặt quản lý, nâng cao trách nhiệm đối với DN tổ chức kinh doanh đa cấp. Ngoài ra, còn phụ thuộc vào quan điểm tiếp cận điều chỉnh pháp luật của từng quốc gia như: có quốc gia tiếp cận dưới góc độ pháp luật thương mại, có quốc gia tiếp cận dưới góc độ pháp luật cạnh tranh hay có quốc gia thì quy định hành vi này trong Luật bảo vệ người tiêu dùng... Với những cách tiếp cận khác nhau như vậy cũng sẽ khiến việc thiết kế và nội dung các quy định của pháp luật nảy sinh những khác biệt nhất định. Việc siết chặt quản lý này là kết quả của nhiều lần thay đổi các quy định của pháp luật để phù hợp hơn với tình hình thực tiễn tại quốc gia đó, do vậy đây là kinh nghiệm hữu ích cho Việt Nam học tập để hoàn thiện hệ thống pháp luật quản lý hoạt động BHĐC ở hiện tại và tương lai.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

BHĐC là phương thức bán hàng hiện đại và có nhiều ưu thế đối với các nhà kinh doanh hiện nay. Tuy nhiên, người tham gia BHĐC và người tiêu dùng cần phải nhận diện rõ ràng hành vi BHĐC hợp pháp và bất hợp pháp để tự bạo vệ mình trước những cám dỗ của BHĐC bất chính đang diễn ra hiện nay. BHĐC bất chính là hình thức kinh doanh đa cấp biến tướng gây hậu quả và thiệt hại nghiêm trọng tới đời sống kinh tế xã hội Việt Nam. Dưới góc độ pháp lý, BHĐC bất chính là hành vi bị cấm, nó có những nét đặc trưng giống như BHĐC được pháp luật thừa nhận như chủ thể thực hiện hành vi, phương thức tổ thức hiện kinh doanh, tuy nhiên cách thức thực hiện đều vì mục tiêu chiếm dụng vốn, tài chính một cách bất chính, cũng như kiếm lời một cách bất chính từ doanh nghiệp. Pháp luật chống BHĐC bất chính là tập hợp những tác động liên tục, có tổ chức, có định hướng của Nhà nước đến toàn bộ quá trình hoạt động BHĐC, từ giai đoạn "*tiền kiểm*" BHĐC đến hoạt động kinh doanh trên thị trường. Nội dung pháp luật chống BHĐC bất chính bao gồm: Ban hành các quy định pháp luật về chống BHĐC bất chính; Kiểm soát điều kiện kinh doanh, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm BHĐC bất chính. BCT là cơ quan chuyên môn chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý hoạt động BHĐC. Uỷ ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thực hiện quản lý hoạt động BHĐC trên địa bàn theo phân cấp của Chính phủ. BHĐC được nhiều quốc gia trên thế giới thừa nhận là một hình thức kinh doanh hợp pháp. Có những quốc gia đã ban hành một đạo luật riêng để điều chỉnh hoạt động BHĐC, có những quốc gia lại xem hoạt động này chỉ được điều chỉnh trong một đạo luật đã có của quốc gia mình. Các quốc gia này đều có những quy định kiểm soát chặt chẽ nhằm hạn chế và triệt tiêu hoạt động BHĐC bất chính. Qua đó, các nhà làm luật nước ta có thể tham khảo các quy định pháp luật và quản lý nhà nước đối với hoạt động BHĐC của một số quốc gia để quy định trong việc quản lý hoạt động BHĐC nhằm bảo vệ quyền lợi cho người tham gia BHĐC và người tiêu dùng Việt Nam.

CHƯƠNG 2.
THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ CHỐNG BÁN HÀNG ĐA CẤP BẤT CHÍNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. Thực trạng quy định của pháp luật về chống bán hàng đa cấp bất chính

2.1.1. Dấu hiệu nhận diện bán hàng đa cấp bất chính theo quy định của pháp luật

Xác định về dấu hiệu nhận diện BHĐC bất chính lần đầu tiên được tiếp cận là hành vi CTKLM quy định tại Điều 48 của LCT 2004. Trong điều luật này không đưa ra khái niệm tổng quát về hành vi BHĐC bất chính mà chỉ liệt kê ra các dấu hiệu của hành vi BHĐC bất chính đã được trình bày tại Chương 1.

Hiện nay, BHĐC được điều chỉnh bởi một văn bản pháp luật riêng biệt nghị định số 40/2018/NĐ-CP về *"quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp"* thay thế cho Nghị định số 42/2010/NĐ-CP. Trong nghị định 40/2018/NĐ-CP không có quy định nào về BHĐC bất chính và cũng bỏ quy định về BHĐC theo mô hình kim tự tháp (được xác định là hành vi BHĐC bất chính) quy định tại Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và chỉ quy định hành vi bị cấm khi thực hiện BHĐC tại Điều 5 của Nghị định. Vì vậy, hành vi BHĐC bất chính hiện nay có thể xác định là các hành vi bị cấm có mục đích thu lời bất chính của điều luật này.

Ngoài ra, dưới góc độ pháp lý dấu hiệu về BHĐC bất chính còn được quy định tại Điều 1 Nghị định 141/2018/ NĐ – CP *sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp* như:

- Yêu cầu người khác phải đặt cọc hoặc nộp một khoản tiền nhất định để được ký hợp đồng tham gia BHĐC;

- Yêu cầu người khác phải mua một số lượng hàng hóa nhất định để được ký hợp đồng tham gia BHĐC;

- Cho người tham gia BHĐC nhận tiền hoặc lợi ích kinh tế khác từ việc giới thiệu người tham gia vào BHĐC mà không phải từ việc mua, bán hàng hóa của người được giới thiệu đó;

- Từ chối chi trả không có lý do chính đáng các khoản hoa hồng, tiền thưởng hay lợi ích kinh tế khác mà người tham gia BHĐC có quyền hưởng;

- Cung cấp thông tin gian dối về trả thưởng và lợi ích của việc tham gia BHĐC;

- Cung cấp thông tin gian dối, gây nhầm lẫn về tính năng, công dụng của hàng hóa hoặc hoạt động của DN thông qua báo cáo viên, đào tạo viên tại hội nghị, hội thảo, đào tạo hoặc thông qua tài liệu của DN;

- Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ mua lại hàng hóa theo quy định của pháp luật.

Như vậy, dấu hiệu khách quan của hành vi BHĐC bất chính là việc thực hiện một trong các hành vi nêu trên. Tuy nhiên, hành vi BHĐC bất chính của DN không thể gói gọn trong quy định của nghị định 40/2018/NĐ-CP và Nghị định 141/2018/ NĐ – CP mà cần phải mở rộng thêm các vi phạm của DN BHĐC khi thỏa mãn các dấu hiệu tổ chức kinh doanh theo phương thức đa cấp và có mục đích thu lợi bất chính của các văn bản luật khác như BLHS 2015 về tội bán hàng theo phương thức đa cấp mà không đăng ký kinh doanh.

Qua nhưng phân tích nêu trên, và các quy định của pháp luật thì BHĐC bất chính có thể nhận diện bởi các dấu hiệu sau:

Dấu hiệu nhận diện thứ nhất: "*Yêu cầu người muốn tham gia phải đặt cọc, phải mua một số lượng hàng hoá ban đầu hoặc phải trả một khoản tiền để được quyền tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp"* [Điểm a,b Khoản 1 Điều 5 Nghị định 40/2018/NĐ-CP; Điều 1 Nghị định 141/2018/NĐ-CP]

Đây là một yêu cầu bất chính, bởi lẽ bằng nhiều phương thức khác nhau như đặt cọc, phải mua số lượng hàng hóa ban đầu hoặc phải trả một khoản tiền hay bất kỳ một hình thức nào khác dưới dạng các khóa học, khóa đào tạo, hội thảo, hoạt động xã hội hay bất cứ một hình thức nào khác để được tham gia BHĐC, các DN đa cấp đã biến người tham gia thành chính người tiêu dùng một cách bắt buộc, tuy người tham gia không muốn sử dụng các sản phẩm nhưng cũng phải khiên cưỡng mua để có thể tham gia mạng lưới.

Biện minh cho hành vi cuả mình các DN cho rằng là các nghĩa vụ đặt cọc hay trả tiền của người tham gia là biện pháp để có thể bảo đảm an toàn, uy tín, để bình đẳng trong kinh doanh, là sự ràng buộc vật chất để bảo đảm người tham gia phải tôn trọng uy tín của DN và của sản phẩm. Tuy nhiên, đây chỉ là những lời lẽ ngụy biện, là cái cớ che giấu sự chiếm dụng bất hợp lý trong hành vi của mình. Người tham gia BHĐC chỉ là những tiếp thị viên để bán lẻ sản phẩm giúp cho DN bằng phương thức tiến hành tiếp thị sản phẩm đến tay người tiêu dùng chứ DN không ký gửi hàng hoá cho người tham gia để bán giùm. Khi trực tiếp bán lẻ hàng hoá cho khách hàng, người tham gia phải thực hiện theo phương thức mua đi, bán lại tức là mua của DN và bán lại cho người tiêu dùng để hưởng phần chênh lệch. Vì vậy, nghĩa vụ đặt cọc hay trả tiền cho việc tham gia là không có căn cứ.

Trên thực tế đã có rất nhiều DN BHĐC bất chính thực hiện hành vì này. Điển hình là hành vi của DN BHĐC Liên Kết Việt bị xử lý hình sự năm 2016. Công ty đã yêu cầu mỗi

cá nhân tham gia vào chuỗi bán hàng của Liên kết Việt phải nộp tối thiểu 8,6 triệu đồng để được quyền mua một mã hàng gồm 1 máy làm sạch và 4 loại thực phẩm chức năng với lời hứa hẹn sau 5 năm sẽ được hưởng 449 triệu đồng tiền hoa hồng, lãi, thưởng. Liên kết Việt còn những gói mã bán hàng khác có giá trị từ 86 triệu đồng; 172 triệu đồng... đến 9,3 tỷ đồng. Mua gói sản phẩm có giá trị cao, khách hàng càng được hứa hẹn có hoa hồng cao (có thể lên đến 65%, được thưởng ô tô, nhà và nhiều quyền lợi khác [107]. Với yêu cầu này có thể nhận thấy rằng, công ty Liên kết Việt không cần kinh doanh mà chỉ cần có người tham gia vào mạng lưới BHĐC của công ty là công ty có thể thu một khoản lợi mà không cần phải thực hiện hoạt động kinh doanh. Đây là biểu hiện của hành vi chiếm dụng vốn của các cá nhân một cách bất chính.

Dấu hiệu nhận diện thứ hai: "*Không cam kết mua lại với mức giá ít nhất là 90% giá hàng hóa đã bán cho người tham gia để bán lại*" [Điều 1 Nghị định 141/2018/NĐ-CP].

Đây là một trong những hành vi biểu hiện sự bất chính thể hiện chiến lược dồn hàng cho người tham gia. Trong quan hệ BHĐC, người tham gia đóng vai trò như là những tiếp thị trung gian, bán lẻ sản phẩm đến tay người tiêu dùng, trong quan hệ này người tham gia chỉ là người giúp tiêu thụ sản phẩm cho DN chứ không phải là đại lý bao tiêu hay người tiêu dùng sản phẩm của DN [8- Khoản 1 Điều 169]. Bằng khả năng bán hàng cũng như khả năng tạo lập mạng lưới phân phối, xem xét khả năng tiêu thụ hàng hóa, người tham gia sẽ ước lượng và mua số hàng hóa của DN và bán lại cho người tiêu dùng để hưởng phần trăm hoa hồng. Tuy nhiên, trong quá trình tìm kiếm khách hàng có thể gặp nhiều bất trắc, cũng như những rủi ro không lường trước được nên có thể người tham gia sẽ không thể bán hết được số lượng sản phẩm mà mình đã mua. Vì những rủi ro có thể xảy ra này, mà pháp luật không chấp nhận việc DN dồn hết rủi ro cho người tham gia, mà thay vào đó phải mua lại với mức giá ít nhất là 90% giá hàng hóa đã bán cho người tham gia nếu hàng hóa vẫn đảm bảo về yêu cầu về mẫu mã, chất lượng. Và 10% mà người tham gia chịu mất đi là một điều hợp lý, đây có thể coi như là động lực để người tham gia cố gắng thực hiện mục tiêu của mình. Nếu không mua lại hàng hóa với ít nhất là 90% giá đã bán thì có khác nào DN dồn hàng cho người tham gia và lại biến họ thành người tiêu dùng bất đắc dĩ. BHĐC là phương thức tiếp thị để bán lẻ sản phẩm đến tay người tiêu dùng, những người tham gia chỉ là người giúp DN tiếp thị và tiêu thụ sản phẩm mà không phải là đại lý bao tiêu hay người tiêu thụ sản phẩm của DN. Vì thế, hợp đồng tham gia BHĐC có tính chất của hợp đồng hợp tác giữa DN và người tham gia. Người tham gia không là người tiêu dùng trong giao dịch này (trừ phi họ là người có nhu cầu tiêu thụ sản phẩm, khi

đó). Trong quá trình tiếp thị, người tham gia tìm kiếm khách hàng, sau đó mua sản phẩm từ DN để bán lẻ cho người tiêu dùng với mong muốn được hưởng hoa hồng, tiền thưởng…đương nhiên, khi người tham gia bán hàng không bán hết số sản phẩm đã mua, thì DN có nghĩa vụ phải mua lại với mức giá hợp lý để không gây thiệt hại quá lớn cho người tham gia. Mức hợp lý được xác định ít nhất bằng 90% giá đã bán cho người tham gia. Tỷ lệ tối đa 10% giá đã mua mà người tham gia phải chịu (nếu không bán được hàng hóa) được coi như khoản vật chất ràng buộc hòng thúc ép họ nỗ lực thực hiện nghĩa vụ tiếp thị đã thoả thuận trong hợp đồng. Hành vi từ chối mua lại hoặc mua với giá thấp hơn 90% giá đã bán ngược lại bản chất và mục đích của hệ thống BHĐC lành mạnh. Lúc đó, DN bị coi là đã thực hiện hành vi dồn hàng cho người tham gia.Việc dồn hàng cho người tham gia được hiểu là bằng hành vi của mình DN đã biến người tham gia trở thành người tiêu dùng bất đắc dĩ của họ, vì vậy nhóm hành vi này bị xếp vào hành vi bất chính.

Dấu hiệu nhận diện thứ ba: "*Cho người tham gia nhận tiền hoa hồng, lợi ích kinh tế khác chủ yếu từ việc dụ dỗ người khác tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp và khuyến khích, dạy người khác tuyển thêm người bằng hình thức trả thưởng*"[- Điều 1 Nghị định 141/2018/NĐ-CP; Điểm c Khoản 1 Điều 5 Nghị định 40/2018/NĐ-CP].

Mục tiêu của phương thức BHĐC là dựa vào mạng lưới phân phối viên rộng rãi từ phân phối viên tuyến trên và các tuyến dưới do mình xây dựng nên nhằm đưa hàng hóa đến tay người tiêu dùng, nhằm mục đích thu lợi nhuận một cách nhanh chóng, tiêu thụ được lượng lớn hàng hóa thông qua mạng lưới này. Và theo đó phân phối viên sẽ được hưởng hoa hồng dựa trên doanh số bán hàng của cá nhân và doanh số bán hàng của tuyến dưới do mình gây dựng nên. Điều này đã giúp cho DN đồng thời đạt được hai mục đích:

Một là, kích thích người tham gia nỗ lực tiếp thị và bán hàng hóa;

Hai là, thúc đẩy người tham gia xây dựng, tổ chức và vận hành mạng lưới cấp dưới có năng lực và hoạt động hiệu quả. DN BHĐC sinh tồn và phồn thịnh phụ thuộc vào kết quả bán hàng của phân phối viên.

Tuy nhiên, BHĐC bất chính lại là việc DN hay người tham gia BHĐC đã thực hiện hành vi dụ dỗ lôi kéo thêm người tham gia mạng lưới bằng cách hứa hẹn những khoản hoa hồng cao ngất ngưởng, cũng như các món hời dễ dàng nếu người đó đóng tiền tham gia cũng như lôi kéo thêm được người khác gia nhập mạng lưới. Và trong khi DN kinh doanh đa cấp chân chính, trả hoa hồng dựa trên khối lượng sản phẩm do cá nhân bán được và doanh số sản phẩm do cấp dưới do mình bảo trợ hoặc hướng dẫn bảo trợ tiêu thụ được thì kinh doanh đa cấp

bất chính cũng trả hoa hồng nhưng hoa hồng ở đây là dựa trên việc dụ dỗ người tham gia vào mạng lưới. Càng nhiều người tham gia vào mạng lưới, càng nộp nhiều tiền đặt cọc, hay khoản tiền gọi là phí tham gia thì hoa hồng càng cao. Như vậy, mục đích kinh doanh của doanh nghiệp đâu phải dựa trên lợi nhuận do việc bán hàng hóa mà thực chất là việc, lôi kéo, dụ dỗ nhiều người tham gia, lấy tiền của người tham gia sau để gọi là "hoa hồng" chi trả cho người tham gia trước.

Do đó với DN cho người tham gia hưởng các lợi ích vào viêc dụ dỗ người khác tham gia, chỉ chăm chăm vào việc tuyển người, cứ tuyển được nhiều sẽ càng được hưởng nhiều lợi ích thay vì việc tập trung cho việc bán hàng hóa thì DN đó đã bị biến tướng và đánh mất đi mục tiêu bán hàng đích thực. Việc dùng các lợi ích để dụ dỗ người tham gia đi dụ dỗ người tham gia khác vừa không thúc đẩy việc bàn hàng lại vừa chỉ nhằm thu lợi cho những người ở tuyến trên, và lợi ích hào nhoáng mà những người tuyến trên có được là bòn rút từ túi tiền của những người tuyến dưới của mình. Sớm muộn, mô hình này cũng sụp đổ khi không có người tham gia mới để chi trả cho khoản lợi ích khổng lồ trên.

Cũng với công ty BHĐC Liên Kết Việt, công ty là yêu cầu người tham gia BHĐC thực hiện hành vi lôi kéo dụ dỗ người khác tham gia mạng lưới bán hàng của mình. Nếu mời thêm một người tham gia, cá nhân trong chuỗi kinh doanh được trả hoa hồng 8% và mời càng nhiều người tham gia, số tiền hoa hồng càng lớn hơn. Thực tế cho thấy, Liên kết Việt không quan tâm đến việc bán những mặt hàng cụ thể, "doanh thu" chính chảy vào túi công ty là tiền có được từ việc dụ dỗ người tham gia BHĐC. Tâm lý của mỗi người bỏ tiền mua mã hàng là nhanh chóng được trả lãi, do vậy họ đã làm mọi cách để giới thiệu người khác tham gia hệ thống để hưởng hoa hồng [107].

Dấu hiệu này thể hiện rõ bản chất lừa đảo bất chính của công ty BHĐC. Bởi lẽ, mục tiêu sinh ra lợi nhuận của công ty không phải từ việc bán hàng mà từ việc dụ dỗ người khác tham gia vào mạng lưới BHĐC.

Dấu hiệu nhận diện thứ tư: "*Cung cấp thông tin gian dối về lợi ích của việc tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp, thông tin sai lệch về tính chất, công dụng của hàng hóa để dụ dỗ người khác tham gia*" [Điều 1 Nghị định 141/2018/NĐ-CP; Điểm e Khoản 1 Điều 5 Nghị định 40/2018/NĐ-CP].

Hành vi này mang bản chất lừa dối, không trung thực nhằm mục đích dụ dỗ thêm nhiều người tham gia vào mạng lưới bán hàng của DN BHĐC bất chính.Nắm bắt được tính hám lợi của con người mà các DN bất chính thường đánh vào đó để thực hiện hành vi bất

chính của mình. Có thể nói đây như là một bức tranh mà các DN vẽ ra cho người tham gia để họ mặc sức mơ tưởng. Nhóm hành vi này thường hướng đến những người tham gia ở cấp trên:

Thứ nhất, tạo kỳ vọng nhưng chỉ là gian dối, những hứa hẹn không thực cho những con người này về lợi ích mà BHĐC mang lại;

Thứ hai, gian dối trong việc đưa ra những thông tin sai lệch, những công dụng đặc tính gọi là thần kỳ là động lực thu hút người tham gia. Chính những thông tin gian dối mà DN cung cấp làm sai lệch nhận thức của người tham gia, sự lừa dối này không chỉ làm giảm uy tín của người tham gia trước người tiêu dùng mà còn đe dọa đến lợi ích chính đáng của khách hàng, của xã hội, nhất là khi những sản phẩm được tiêu thụ là sản phẩm kém chất lượng. Với người tiêu dùng, DN BHĐC chân chính thường thu hút người tiêu dùng bằng cách không ngừng lựa chọn, sản xuất những sản phẩm uy tín và nâng cao chất lượng để tạo niềm tin trong mắt người tiêu dùng. Trái lại, do DN kinh doanh bất chính thường tập trung vào việc thu hút người tham gia, chứ không mấy quan tâm đến chất lượng sản phẩm nhưng vẫn muốn bán được nhiều sản phẩm vậy nên thường cung cấp những thông tin không chính xác về sản phẩm để người tham gia tiếp thị cho người tiêu dùng hay quảng bá một cách thái quá chất lượng, công dụng của sản phẩm, khiến người tiêu dùng bị lầm tưởng và mua sản phẩm. Việc làm này không chỉ khiến hiểu sai về công dụng thực chất của sản phẩm, không đáng với cái giá trên trời mà người tiêu dùng phải chi trả.

Những hành vi trên đều có những biểu hiện bất chính nhưng tất cả những hành vi này còn phải đáp ứng điều kiện thứ hai là điều kiện nhằm thu lợi bất chính. Việc xác định mục này sẽ thường suy đoán của các cơ quan có thẩm quyền dựa trên quá trình thực hiện của hành vi. Sự bất chính của hành vi được xác định căn cứ vào khả năng gây thiệt hại của nó đối với thị trường, đối với đời sống xã hội và bản chất trái đạo đức, tập quán kinh doanh hơn là dựa vào khả năng thu lợi cho người thực hiện. Mặt khác, tự thân bốn hành vi bị cấm đoán đã bao hàm trong đó mục đích bất chính của người thực hiện.

Dấu hiệu nhận diện thứ năm:"kinh doanh theo phương thức đa cấp không có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp" [Khoản 1 Điều 217a – BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017].

Đây là hành vi BHĐC bất chính, bởi KDTPTĐC mà không thực hiện đăng ký với cơ quan quản lý là nhằm trốn tránh sự kiểm soát, giám sát của Nhà Nước. Thể hiện sự gian dối không trung thực, không nghiêm túc trong hoạt động kinh doanh, dễ dàng thực hiện các hình vi lừa đảo xâm phạm tới quyền lợi tới các chủ thể liên quan và trật tự xã hội.

Mỗi một chủ thể KDTPTĐC để gia nhập thị trường đòi hỏi phải thỏa mãn rất nhiều điều kiện như: vốn, ngành nghề kinh doanh, trụ sở, thực hiện kí quý, hệ thống công nghệ thông tin…đăng ký cấp giấy chứng nhận hoạt động BHĐC là một thủ tục pháp lý mà theo đó nhà đầu tư phải khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về dự kiến hoạt động của mình theo đúng quy định của pháp luật với các nội dung cụ thể. Việc tiến hành thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận BHĐC là công đoạn *"tiền kiểm"* của cơ quan quản lý nhà nước, thông qua quy trình đăng ký này để Nhà nước thừa nhận sự tồn tại của DN KDTPTĐC trên thương trường, đồng thời khẳng định tư cách pháp lý cho loại hình kinh doanh đó. Ngoài ra, Nhà nước còn hướng cho các DN kinh doanh đúng pháp luật nhằm đảm bảo sự hoạt động của DN kinh doanh đa cấp trên thị trường là chân chính cũng như đảm bảo lợi ích hợp pháp của người tham gia BHĐC và người tiêu dùng. Việc không có giấy chứng nhận đăng ký BHĐC mà vẫn tổ chức hoạt động thể hiện DN đang trốn tránh nghĩa vụ, cố tình vi phạm quy định của pháp luật để lảnh tránh sự kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước nhằm mục đích dễ dàng thực hiện các hành vi lừa đảo thu lợi bất chính. Những điểm mới trong quy định về hành vi trong Nghị định số 40/2018/NĐ-CP đã cụ thể hơn rất nhiều và làm sáng tỏ thêm những hành vi bất chính trong hoạt động kinh doanh đa cấp của DN cũng như người tham gia, là cơ sở pháp lý để quản lý một cách chặt chẽ hơn và thuận lợi hơn cho cơ quan có thẩm quyền xác định hành vi vi phạm. Đồng thời cũng là cơ sở pháp lý khiến các DN phải dè chừng trong hành vi của mình.

Tóm lại, theo pháp luật Việt Nam hiện hành BHĐC bất chính là những vi phạm bị cấm có mục đích thu lợi bất chính tại Điều 5 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP, các quy định tại Điều 1 Nghị định số 141/2018/ NĐ – CP *sửa đổi các Nghị định xử phạt vi phạm trong bán hàng đa cấp* và vi phạm tại Điều 217a BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung 2017.

2.1.2. Quy định về điều kiện đăng ký kinh doanh theo phương thức đa cấp

BHĐC hiện nay là ngành kinh doanh có điều kiện. Bởi vì, đây là hình thức tổ chức kinh doanh với mạng lưới lớn và cách thức kinh doanh đặc thù có khả gây tác động tiêu cực nghiêm trọng đối với cộng đồng và xã hội như đã phân tích ở Chương 1. Việc quy định về điều kiện kinh doanh đối với phương thức kinh doanh này là hết sức cần thiết, điều kiện kinh doanh được hiểu là một trong những công cụ quản lý được Nhà nước sử dụng để thiết lập và duy trì trật tự trong hoạt động kinh doanh. Nó đặt ra những yêu cầu mà chủ thể kinh doanh phải đáp ứng như yêu cầu về nguồn lực con người, tài chính, cơ sở vật chất, quy trình quản lý, quy trình kỹ thuật, địa điểm kinh doanh v.v... Do vậy, điều kiện kinh doanh không chỉ là

những yêu cầu về gia nhập thị trường đối với DN BHĐC mà còn là những yêu cầu mà DN phải duy trì trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh. Quy định về điều kiện kinh doanh BHĐC chính là giai đoạn "tiền kiểm" của cơ quan quản lý nhà nước nhằm kiểm soát chặt chẽ hoạt động BHĐC và hạn chế các hành vi BHĐC bất chính diễn ra. Để được phép kinh doanh đa cấp các DN phải thỏa mãn các điều kiện theo quy định của pháp luật.

2.1.2.1. Về chủ thể và đối tượng được phép bán hàng đa cấp

Chủ thể được phép bán hàng đa cấp

Chủ thể được phép tiến hành kinh doanh theo phương thức BHĐC là các DN thuộc mọi thành phần kinh tế. Vì vậy, để kinh doanh theo phương thức BHĐC, trước hết nhà đầu tư phải thành lập DN, việc lựa chọn loại hình DN nào là quyền tự do kinh doanh của nhà đầu tư. Căn cứ vào Khoản 1 điều 7 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP thì chủ thể được phép đăng ký kinh doanh theo phương thức đa cấp là:

- DN được thành lập tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và chưa từng bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC.

- Thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh, chủ sở hữu đối với DN tư nhân hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có từ hai thành viên trở lên, cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần, người đại diện theo pháp luật của DN không bao gồm tổ chức hoặc cá nhân từng giữ một trong các chức vụ nêu trên tại DN BHĐC bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC theo quy định của Nghị định số 42/2014/NĐ-CP về quản lý hoạt động BHĐC và Nghị định số 40/2018/NĐ-CP về quản lý hoạt động KDTPTĐC.

Có thể thấy, pháp luật hiện nay đã đưa ra những điều kiện khá nghiêm ngặt liên quan đến hoạt động BHĐC đối với các DN. Thiết nghĩ đây là những quy định phù hợp, việc quy định như vậy sẽ góp phần hạn chế sự ra đời của những tổ chức không đáp ứng điều kiện hợp pháp, tạo sự thống nhất giữa các quy định của luật DN và các quy định liên quan đến điều kiện để thành lập DN BHĐC, tạo điều kiện cho việc phối hợp thống nhất giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc quản lý, thanh tra, giám sát các doanh nghiệp được hiệu quả hơn.

Đối tượng được phép kinh doanh đa cấp

Nghị định 40/2018/NĐ-CP quy định về đối tượng được phép kinh doanh theo phương thức đa cấp tại Điều 4 như sau:

"1. Hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp chỉ được thực hiện đối với hàng hóa. Mọi hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp với đối tượng không phải là hàng hóa đều bị cấm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Những hàng hóa sau không được kinh doanh theo phương thức đa cấp:

a) Hàng hóa là thuốc; trang thiết bị y tế; các loại thuốc thú y (bao gồm cả thuốc thú y thủy sản); thuốc bảo vệ thực vật; hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn hạn chế sử dụng và cấm sử dụng trong lĩnh vực gia dụng và y tế và các loại hóa chất nguy hiểm;

b) Sản phẩm nội dung thông tin số."

Nghị định số 40/2018/NĐ-CP đã bổ sung về đối tượng kinh doanh đa cấp bị cấm là sản phẩm có nội dung thông tin số so với nghị định số 42/2014/NĐ-CP trước kia. Căn cứ Khoản 11 Điều 3 Nghị định số 71/2007/NĐ-CP Hướng dẫn Luật công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin, sản phẩm nội dung thông tin số được định nghĩa:

Sản phẩm nội dung thông tin số là sản phẩm nội dung, thông tin bao gồm văn bản, dữ liệu, hình ảnh, âm thanh được thể hiện dưới dạng số, được lưu giữ, truyền đưa trên môi trường mạng. Sản phẩm nội dung thông tin số hiện nay bao gồm các loại sản phẩm:

(i) giáo trình, bài giảng, tài liệu học tập dưới dạng điện tử; (ii) sách, báo, tài liệu dưới dạng số; (iii) các loại trò chơi điện tử bao gồm trò chơi trên máy tính đơn, trò chơi trực tuyến, trò chơi trên diện thoại di động; (iv) trò chơi tương tác qua truyền hình; (v) sản phẩm giải trí trên mạng viễn thông di động và cố định; (vi) thư viện số, kho dữ liệu số, từ điển điện tử; (vii) phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số; (viii) các sản phẩm nội dung thông tin số khác (như tài sản được tạo ra trong các chương trình máy tính).

Với quy định trên có thể thấy, đối tượng kinh doanh theo phương thức đa cấp chắc chắn phải là hàng hóa. Vì vậy, nếu một công ty nào đó mở hình thức kinh doanh theo đa cấp mà đối tượng kinh doanh lại là dịch vụ hoặc các loại hình kinh doanh khác không phải mua bán hàng hóa sẽ vi phạm quy định của pháp luật về BHĐC, đây chính là tiêu chí đầu tiên để phân biệt giữa mô hình kinh doanh đa cấp chân chính với lừa đảo.Tuy nhiên, không phải cứ là hàng hóa thì đều được phép kinh doanh đa cấp. Mặc dù pháp luật không quy định rõ những loại hàng hóa nào là được phép kinh doanh nhưng cũng theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị đinh số 40/2018/NĐ-CP thì có thể thấy quy định này của pháp luật là dạng quy định mở. Tức là, ngoài những mặt hàng hóa pháp luật đã liệt kê ở trên thì các loại hàng hóa khác là được phép kinh doanh. Trên thực tế, hàng hóa để kinh doanh đa cấp chân chính phải là các loại hàng hóa tiêu dùng và tiêu hao được trong thời gian ngắn, đó là những thực phẩm

cần thiết cho hầu hết người tiêu dùng và phải được sử dụng một cách thường xuyên, là dinh dưỡng phục vụ cho nhu cầu ăn uống, hay là những sản phẩm tiêu dùng trong sinh hoạt bản thân và gia đình như sữa tắm, dầu gội, kem đánh răng, nước rửa chén… Còn những loại sản phẩm có giá trị lớn, vật mà chỉ hao mòn theo thời gian như máy tính, bếp ga, máy lọc nước, ô tô xe máy…thì nếu thực hiện kinh doanh theo mô hình đa cấp chỉ có thể thu lợi nhuận được từ việc dụ dỗ người khác mua sản phẩm như mình với giá gấp đôi, gấp ba so với các sản phẩm có chức năng tương tự và so với giá thành sản xuất. Bởi vì, đối với các mặt hàng này, nhu cầu sử dụng là không nhiều và không thường xuyên. Hơn nữa, những vật dụng thì dùng không biết bao giờ mới mất đi, nếu có bị hư hỏng thì ít nhất cũng phải vài ba năm.

Chính vì vậy, các sản phẩm của loại hình kinh doanh BHĐC là hàng tiêu dùng thiết yếu như mỹ phẩm, thực phẩm ăn uống và thực phẩm chức năng. Các sản phẩm của loại hình kinh doanh BHĐC này đòi hỏi phải có chất lượng tốt, tiếp thị sản phẩm phải trung thực. Bởi vì phương thức chủ yếu của nó là tiếp thị từ người này sang người khác, người bán hàng lấy chính uy tín của mình và chất lượng sản phẩm ra để bán. Do đó, nếu sản phẩm không tốt, người bán hàng không có đạo lý thì sản phẩm không thể lan truyền, việc kinh doanh cũng vì thế mà sẽ nhanh chóng thất bại. Các sản phẩm nên đảm bảo được tính độc quyền, tức là, chỉ được bán qua các nhà phân phối của công ty chứ không bán tràn lan trên thị trường.

2.1.2.2. Về vốn điều lệ và kí quỹ của doanh nghiệp bán hàng đa cấp

Hoạt động BHĐC diễn ra ở nước ta hiện nay ngày càng phức tạp, các hành vi BHĐC bất chính, lừa đảo, ngày một nhiều hơn và tinh vi hơn, gây khó khăn cho các cơ quan quản lý nhà nước. Để tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động BHĐC, ngăn ngừa hạn chế các hành vi BHĐC bất chính, thì việc quy định về vốn pháp định và yêu cầu các DN này kí quỹ tại các ngân hàng thương mại, hoặc chi nhánh Ngân hàng nước ngoài ở Việt Nam là cần thiết.

Về vốn điều lệ: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 nghị định 40/2018/NĐ-CP thì DN KDTPTĐC phải có vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng trở lên. Có thể hiểu mức vốn điều lệ được Nhà nước quy định ở đây chính là *"vốn pháp định"* DN kinh doanh đa cấp phải thỏa mãn khi kinh doanh trong lĩnh vực này.

Trước đây, theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2005 thì vốn pháp định được hiểu là *"mức vốn tối thiểu phải có theo quy định của pháp luật để có thể thành lập doanh nghiệp"*. Vốn pháp định do cơ quan có thẩm quyền ấn định, tùy ngành, nghề kinh doanh khác nhau mà có quy định về số vốn pháp định không giống nhau. Có thể hiểu, vốn pháp định là một trong những điều kiện kinh doanh mà các DN phải thỏa mãn khi kinh

doanh một số ngành nghề, lĩnh vực theo quy định của Chính phủ. Trước hết cần hiểu điều kiện kinh doanh được xem như một công cụ quản lý kinh tế XH của Nhà nước. Bởi vì trong thể chế kinh tế thị trường thì lợi nhuận chính là cái đích cuối cùng mà các DN mong muốn đạt được. Để thu được nhiều lợi nhuận hoạt động kinh doanh, nhiều DN thường hướng tới việc thỏa mãn mọi nhu cầu của khách hàng hoặc vì lợi nhuận mà mà bất chấp mọi thủ đoạn tác động không tốt tới XH và đôi khi có thể tác động đến chính lợi ích quốc gia mình. Hoặc vì lợi nhuận mà bất chấp tất cả gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe, lợi ích của khách hàng…Vì vậy, hoạt động của DN luôn cần tới sự kiểm tra giám sát của Nhà nước. Nhà nước sử dụng điều kiện kinh doanh như một công cụ để kiểm soát các hoạt động của DN đi đúng hướng nhằm lành mạnh hóa môi trường kinh doanh, bảo vệ quyền lợi chính đáng cho NTD và dung hòa lợi ích quốc gia và lợi ích của các DN.

Hiện nay, với mục đích hướng đến hiện thực hóa quyền tự do kinh doanh tất cả các ngành nghề mà pháp luật không cấm theo quy định tại Hiến pháp 2013, Luật doanh nghiệp 2020 đã bỏ quy định chung về vốn pháp định. Tuy nhiên trên thực tế, có nhiều ngành nghề, lĩnh vực cụ thể Chính phủ vẫn quy định về vốn pháp định để thành lập DN nhằm đảm bảo các DN đó có đủ năng lực tài chính để hoạt động, tránh những tác động xấu tới môi trường kinh doanh và xã hội. BHĐC cũng là một ngành kinh doanh có điều kiện và có tác động đến số lượng lớn người tham gia. Do vậy việc đưa ra điều kiện về vốn là phù hợp, mức vốn này sẽ góp phần hạn chế rủ ro và khắc phục những hậu quả nếu DN kinh doanh không hiệu quả, để đảm bảo quyền lợi cho người tham gia hệ thống, người có quyền lợi liên quan.

Về kí quỹ: Điều 7 và khoản 2 Điều 50 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP quy định: DN BHĐC có trách nhiệm mở tài khoản ký quỹ và ký quỹ một khoản tiền tương đương 5% vốn điều lệ nhưng không thấp hơn 10 tỷ đồng tại một ngân hàng thương mại hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Vì vậy, DN cần hoàn thành hồ sơ và thủ tục mở tài khoản ký quỹ theo quy định của pháp luật. Tiền kí quỹ được xử lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 55 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP.Tiền ký quỹ được sử dụng trong các trường hợp sau:

- DN BHĐC chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ liên quan đến hoạt động BHĐC với người tham gia BHĐC và có quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền về việc xử lý các tranh chấp giữa DN BHĐC với người tham gia BHĐC liên quan đến các nghĩa vụ đó;

- DN chấm dứt hoạt động BHĐC nhưng không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm trong hoạt động BHĐC đã có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền.

Trong trường hợp số tiền trên tài khoản kí quỹ của DN không đủ sử dụng chi trả theo yêu cầu của BCT, ngân hàng nhận kí quỹ phải có văn bản thông báo cho cơ quan chức năng biết và xử lý theo văn bản phản hồi của BCT. Khi DN BHĐC chấm dứt hoạt động nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ liên quan đến hoạt động BHĐC đối với người tham gia BHĐC. BCT yêu cầu trích quỹ cho người tham gia BHĐC hoặc theo quyết định xử phạt.

Để tăng cường quản lý của Nhà nước đối với hoạt động BHĐC, việc yêu cầu các DN này thực hiện ký quỹ tại ngân hàng thương mại hoặc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước hoàn toàn chính đáng. Hiện nay, đối với rất nhiều ngành nghề kinh doanh có điều kiện đều quy định DN cần thực hiện việc ký quỹ như: Bảo hiểm, chứng khoán... Số tiền ký quỹ và điều kiện ký quỹ thường được quy định trong văn bản pháp luật chuyên ngành của ngành nghề, lĩnh vực đó.

Việc ban hành các quy định liên quan đến hoạt động ký quỹ đối với DN BHĐC của nhà nước là cần thiết cho hoạt động này. Đối với những DN BHĐC đã hoạt động ký quỹ tại ngân hàng thì những DN này sẽ tạo ra niềm tin nhiều hơn và hoạt động BHĐC ngày một KD phát triển tốt hơn, thu hút nhiều đối tượng hơn. Do vậy, đối với DN cần chứng minh năng lực tài chính thông qua ký quỹ.

Với quy định nâng mức ký quỹ tối thiểu từ 5 tỷ lên 10 tỷ đồng đối với DN tham gia BHĐC điều này đã thể hiện sự học hỏi kinh nghiệm của pháp luật Việt Nam đối với một số nước trên thế giới trong việc kiểm soát, ngăn ngừa hạn chế DN BHĐC bất chính ngay từ ban đầu như Trung Quốc và Hàn Quốc. Số tiền ký quỹ này tăng gấp đôi so với số tiền ký quỹ quy định tại nghị định số 42/2014/NĐ-CP về quản lý hoạt động BHĐC.

Tiền kí quỹ chính là nhằm đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của DN BHĐC với người tham gia BHĐC và Nhà nước trong trường hợp quy định ở Điều 53 Nghị định 40/2018/NĐ-CP. Việc kí quỹ như vậy sẽ hỗ trợ DN BHĐC chứng minh được năng lực tài chính khi hoạt động, tránh trường hợp các DN dựa vào hình thức BHĐC để lừa đảo khách hàng và người tham gia vào hoạt động BHĐC của DN đó. Do vậy, khi DN BHĐC kí quỹ thì DN và mạng lưới tổ chức của họ sẽ nhận được quyền lợi to lớn hơn so với việc không kí quỹ như: Tạo được uy tín đối với khách hàng, khả năng sinh lời từ số dư trong tài khoản; đảm bảo cho sự phát triển của DN. Việc pháp luật nâng mức kí quỹ cao lên như vậy thể hiện thái độ của Nhà nước trong việc đảm bảo quyền lợi và lợi ích của những chủ thể có liên quan.

2.1.2.3. Về quy định tài liệu tham gia bán hàng đa cấp

Một trong những điều kiện quan trọng để đăng ký hoạt động BHĐC là DN phải có bộ tài liệu BHĐC bao gồm: Hợp đồng tham gia BHĐC, kế hoạch trả thưởng, chương trình đào

tạo cơ bản, quy tắc hoạt động. Nghị định số 40/2018/NĐ-CP đã quy định cụ thể nội dung cơ bản cần đáp ứng và hình thức của bộ tài liệu BHĐC. Điều này xuất phát từ việc khắc phục nhược điểm của Nghị định số 42/2014/NĐ-CP, khi chỉ đưa ra khái niệm các tài liệu, quy định một cách chung chung, không cụ thể, thống nhất các nội dung cần có của Bộ tài liệu BHĐC.

- *Quy định về hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp*

Hành vi BHĐC không còn là đối tượng điều chỉnh của LCT 2018 và hành vi BHĐC bất chính cũng không được coi là hành vi CTKLM mà được coi là hành vi thương mại bị cấm theo quy định của pháp luật hiện hành. Nếu phân tích từ góc độ của các quan hệ phát sinh hành vi BHĐC bất chính có thể thấy các hành vi được liệt kê tại điều 48 LCT chủ yếu xảy ra trong quan hệ giữa DN BHĐC với người tham gia mạng lưới BHĐC. Các hành vi này khi được thực hiện đã tạo ra những hợp đồng bất cân xứng về quyền và nghĩa vụ hoặc bị khiếm khuyết về sự trung thực, công bằng giữa các bên tham gia. Trong trường hợp DN thực hiện hành vi nhằm trục lợi từ việc đặt ra các điều kiện giao dịch bất lợi cho người tham gia bán hàng thì mục đích bất chính chỉ giới hạn trong quan hệ giữa DN tổ chức bán hàng và người tham gia. Yếu tố cạnh tranh không thể hiện rõ trong từng hành vi đã được quy định trong điều 48 LCT 2004. Bởi việc định danh hành vi BHĐC có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả điều chỉnh của pháp luật. Để có thể xử lý hiệu quả một hành vi hoặc một quan hệ cụ thể xảy ra trên thị trường hoặc trong đời sống xã hội, nhà nước cần xác định rõ tính pháp lý của hành vi để áp dụng các công cụ, các biện pháp xử lý phù hợp.Việc pháp luật quy định rõ ràng về hợp đồng tham gia BHĐC là hết sức cần thiết đối với tình hình hiện nay.

Theo quy định của pháp luật hiện hành thì hợp đồng tham gia BHĐC phải được lập bằng văn bản, được ký kết giữa DN BHĐC với người muốn tham gia vào mạng lưới BHĐC. Ngoài thỏa thuận về những nội dung khác giữa các bên (những thỏa thuận này không được vi phạm điều cấm của luật và trái với đạo đức xã hội) thì hợp đồng tham gia mạng lưới BHĐC phải bao gồm những thông tin cơ bản theo quy định điều 29 Nghị định số 40/2018/ NĐ-CP.

Khi các DN muốn KDTPTĐC phải có dự thảo mẫu hợp đồng tham gia BHĐC trong hồ sơ đăng ký tổ chức kinh doanh để cơ quan quản lý Nhà nước kiểm tra tính hợp pháp của hợp đồng này.

Việc pháp luật quy định rõ ràng về nội dung hợp đồng tham gia BHĐC thể hiện sự phòng ngừa việc lợi dụng, lừa đảo của DN BHĐC với người tham gia bán hàng cũng như tránh tình trạng thực hiện hoạt động huy động tài chính trái phép như thực tế hiện nay của DN BHĐC gây thiệt hại rất lớn tới xã hội. Ngoài ra, với hợp đồng này cũng tránh được rủi ro cho

DN BHĐC với người tham gia bán hàng cho DN nhưng cố tình vi phạm về quy tắc BHĐC để trục lợi cho bản thân và gây thiệt hại cho DN kinh doanh đa cấp chân chính.

- Kế hoạch trả thưởng của doanh nghiệp kinh doanh đa cấp

Kế hoạch trả thưởng là kế hoạch được DN BHĐC sử dụng để tính hoa hồng, tiền thưởng và các lợi ích kinh tế khác mà người tham gia BHĐC được hưởng từ kết quả hoạt động bán hàng của mình và của những người khác trong mạng lưới.

Kế hoạch trả thưởng là một trong những yếu tố quyết định tới sự thành bại của các DN trong ngành kinh doanh đa cấp, kế hoạch trả thưởng là một hệ thống các quy tắc của DN BHĐC điều chỉnh việc trả hoa hồng hoặc tiền thưởng cho những người tham gia vào hệ thống tham gia của DN. Có rất nhiều kế hoạch trả thưởng, có loại tập trung vào trả thưởng cho việc bán hàng trong khi có loại lại dành phần lớn tiền thưởng của mình đối với việc xây dựng mạng lưới tiêu thụ. Chính vì kế hoạch trả thưởng quyết định hoa hồng và tiền thưởng mà DN BHĐC sẽ chi trả cho người tham gia nên nó có ảnh hưởng lớn tới thái độ của người tham gia trong hoạt động kinh doanh của DN. Nghị định 40/2018/NĐ-CP chỉ quy định các nội dung cần có của một kế hoạch trả thưởng, bao gồm: điều kiện đạt được, hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác chi trả từng cấp bậc, danh hiệu người tham gia BHĐC mà không đưa ra các quy định khác như về hình thức hay mô hình trả thưởng cụ thể. Do vậy, tùy vào đặc thù, mô hình hoạt động của từng công ty thì các có công ty sẽ có những quy định riêng.

Kế hoạch trả thưởng phải quy định rõ điều kiện đạt được, hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác chi trả từng cấp bậc, danh hiệu người tham gia BHĐC. [Điều 43- Nghị định 40/2018/NĐ-CP]. Tổng trị giá hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác, lợi ích được hưởng theo chương trình khuyến mại, trả cho người tham gia BHĐC trong một năm quy đổi thành tiền không được vượt quá 40% doanh thu BHĐC trong năm đó của DN BHĐC [Điều 48- Nghị định 40/2018/NĐ-CP].

Việc pháp luật quy định việc phải đưa ra kết hoạch trả thưởng của DN BHĐC để có thể xác định DN đó thể hiện dấu hiện bất chính trong quá trình kinh doanh không.

- Chương trình đào tạo cơ bản người tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp

Chương trình đào tạo được quy định từ điều 31 đến điều 39 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP. DN BHĐC có trách nhiệm đào tạo người tham gia BHĐC theo chương trình đào tạo cơ bản đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền và không được thu phí dưới bất kỳ hình thức nào. Người tham gia BHĐC có trách nhiệm tham gia và nắm bắt đầy đủ các nội dung của chương trình đào tạo cơ bản. Chỉ những người được DN BHĐC chỉ định làm đào tạo viên mới được

thực hiện đào tạo cơ bản cho người tham gia BHĐC của DN đó, chương trình đào tạo có thể được thực hiện thông qua các phương thức đảm bảo khả năng tương tác trong quá trình đào tạo, bao gồm: đào tạo trực tiếp, đào tạo từ xa. DN BHĐC có trách nhiệm đánh giá mức độ hoàn thành chương trình đào tạo cơ bản của người tham gia BHĐC và xác nhận bằng văn bản về việc hoàn thành nội dung, thời lượng chương trình đào tạo của người tham gia BHĐC. Ngoài ra, DN BHĐC có trách nhiệm lưu trữ tài liệu liên quan đến hoạt động đào tạo cơ bản cho người tham gia BHĐC, bao gồm thời gian, cách thức, địa điểm (nếu có) và kết quả đào tạo.

Thời lượng đào tạo cơ bản cho ngươi tham gia BHĐC thiểu là 08 giờ, khi có thay đổi liên quan tới nội dung trên DN BHĐC có trách nhiệm đào tạo bổ sung hoặc thông báo cho người tham gia BHĐC qua trang thông tin điện tử hoặc niêm yết công khai tại trụ sở chính, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của DN trong thời hạn 30 ngày từ ngày có thay đổi.

- *Quy tắc hoạt động của doanh nghiệp bán hàng đa cấp*

Quy tắc hoạt động là bộ quy tắc của DN BHĐC điều chỉnh hành vi của người tham gia BHĐC, quy trình và thủ tục thực hiện các hoạt động BHĐC. Cụ thể được quy định tại Điều 42 của Nghị định số 40/2018/ NĐ-CP: Quy tắc hoạt động phải quy định rõ quy trình, thủ tục ký kết hợp đồng tham gia BHĐC, đào tạo cơ bản cho người tham gia BHĐC, cấp thẻ thành viên, đặt hàng, thanh toán, giao nhận hàng, gửi lại hàng (nếu có), bảo hành (nếu có), đổi, trả, mua lại hàng hóa và trả lại tiền cho người tham gia BHĐC, giải quyết khiếu nại của người tham gia BHĐC, chấm dứt và thanh lý hợp đồng.

Với các quy định về *tài liệu bán hàng đa cấp* có thể thấy, pháp luật Việt Nam ngày càng chặt chẽ trong khâu *"tiền kiểm"* đối với các công ty đăng ký BHĐC. Điều này thể hiện sự kiểm soát chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước về sự minh bạch trong hoạt động của DN, đảm bảo quyền lợi cho người tham gia BHĐC, tránh tình trạng DN trục lợi bất chính làm ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của người tham gia BHĐC và những chủ thể khác trong xã hội.

2.1.2.4. Về hệ thống công nghệ thông tin quản lý người tham gia bán hàng đa cấp và trang thông tin điện tử của doanh nghiệp

Về hệ thống công nghệ thông tin quản lý người tham gia bán hàng đa cấp, đây là một trong những quy định mới của của Nghị định số 40/2018/ NĐ-CP. Phải có hệ thống công nghệ thông tin quản lý người tham gia BHĐC, là điều kiện bắt buộc đối với DN khi tiến hành đăng ký hoạt động BHĐC. Hệ thống này phải được vận hành trên máy chủ đặt tại Việt Nam và DN phải cung cấp các thông tin cơ bản liên quan đến hoạt động BHĐC theo quy định. Bên cạnh

đó, DN phải đảm bảo người tham gia BHĐC có thể truy cập và truy xuất các thông tin cơ bản về hoạt động BHĐC của họ và cung cấp quyền truy cập vào tài khoản quản lý hệ thống này theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về quản lý BHĐC.

Về trang thông tin điện tử của doanh nghiệp, DN buộc phải có trang thông tin điện tử để cung cấp thông tin về DN và hoạt động BHĐC và đây cũng là một điều kiện bắt buộc khi muốn tham gia vào hoạt động kinh doanh BHĐC. Khi tiến hành nộp hồ sơ đăng ký hoạt động BHĐC, DN phải nộp kèm theo tài liệu chứng minh DN có trang thông tin điện tử đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định, DN có hệ thống thông tin liên lạc để tiếp nhận, giải quyết thắc mắc, khiếu nại của người tham gia BHĐC.

Trước đó, Nghị định số 42/2014/NĐ-CP chỉ quy định DN có trách nhiệm giải quyết khiếu nại của người tham gia BHĐC và người tiêu dùng nhưng chưa có cơ chế đảm bảo để DN thực hiện nghĩa vụ này. Nghị định số 40/2018/NĐ-CP yêu cầu DN phải có tài liệu chứng minh DN có hệ thống thông tin liên lạc để tiếp nhận, giải quyết thắc mắc, khiếu nại của người tham gia BHĐC khi nộp hồ sơ đăng ký hoạt động BHĐC.

Việc pháp luật quy định về xây dựng hệ thống công nghệ thông tin quản lý người tham gia BHĐC như hiện nay được xem là phù hợp và bắt kịp với xu hướng của các quốc gia trên thế giới. Điều này giúp cho việc kinh doanh và quản lý, giám sát chính xác, minh bạch, rõ ràng và hiệu qủa hơn trong hoạt động BHĐC của các DN. Ngoài ra, DN có thể kiểm soát chặt chẽ được sự hoạt động của mạng lưới BHĐC phía dưới và tiếp nhận thông tin phản hồi của người tham gia BHĐC một cách nhanh chóng nhằm kiểm soát việc mạng lưới BHĐC của DN có tự thực hiện các hành vi BHĐC có dấu hiệu bất chính hay không. Đặc biệt, trang thông tin điện tử của DN nghiệp cũng là một kênh thông tin giúp các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực BHĐC có thể kiểm tra, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách chặt chẽ hơn.

2.1.3. Chế tài xử phạt bán hàng đa cấp bất chính

2.1.3.1. Chế tài hành chính

Chế tài xử phạt hành chính hành vi BHĐC bấy chính được quy định tại nghị định 141/2018/NĐ-CP Khoản 1 Điều 1 sửa đổi Điều 36 nghị định số 71/2014/NĐ-CP và khoản 2 Điều 1 sửa đổi Điều 92 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP. Chế tài được áp dụng đối với DN BHĐC và người tham gia BHĐC thực hiện hành vi BHĐC bất chính.

Trước đây vi phạm quy định về BHĐC bất chính được điều chỉnh bởi Nghị định số 71/2014/NĐ-CP *quy định chi tiết Luật cạnh tranh về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh*. Theo đó, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả của việc thực hiện hành vi vi phạm mà chủ thể vi phạm sẽ bị phạt tiền (mức phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng), bị tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm bao gồm cả tịch thu khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm; buộc cải chính công khai (Khoản 3 Điều 36). Nghị định số 141/2018/NĐ-CP tăng mức phạt tiền đối với vi phạm BHĐC bất chính từ 80-100 triệu đồng.

Đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi sau đây theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 141/2018/NĐ-CP sẽ bị phạt tiền từ 80 triệu đồng đến 100 triệu đồng*: Yêu cầu người khác phải đặt cọc hoặc nộp một khoản tiền nhất định để được ký hợp đồng tham gia BHĐC; yêu cầu người khác phải mua một số lượng hàng hóa nhất định để được ký hợp đồng tham gia BHĐC; cho người tham gia BHĐC nhận tiền hoặc lợi ích kinh tế khác từ việc giới thiệu người khác tham gia vào hoạt động BHĐC mà không phải từ việc mua, bán hàng hóa của người được giới thiệu đó; từ chối chi trả không có lý do chính đáng các khoản hoa hồng, tiền thưởng hay lợi ích kinh tế khác mà người tham gia BHĐC có quyền hưởng; cung cấp thông tin gian dối về kế hoạch trả thưởng, về lợi ích của việc tham gia mạng lưới BHĐC; cung cấp thông tin gian dối, gây nhầm lẫn về tính năng, công dụng của hàng hóa hoặc hoạt động của DN thông qua báo cáo viên, đào tạo viên tại hội nghị, hội thảo, đào tạo hoặc thông qua tài liệu của DN; không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ mua lại hàng hóa theo quy định của pháp luật.*

Nghị định số 141/2018/NĐ-CP cũng quy định rõ phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt đối với hành vi vi phạm quy định ở trên trong trường hợp hành vi vi phạm được thực hiện trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên. Ngoài việc bị phạt tiền theo quy định trên, tổ chức có vi phạm còn có thể bị áp dụng một, một số hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả như: Buộc cải chính công khai; tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm pháp luật về cạnh tranh bao gồm cả tịch thu khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm...

Đối với người tham gia BHĐC theo quy định tại nghị định số 141/2018/NĐ-CP phạt tiền từ 3 triệu đồng đến 5 triệu đồng thực hiện một trong các hành vi: *thực hiện các hoạt động tiếp thị, bán hàng và phát triển mạng lưới BHĐC khi chưa được cấp thẻ thành viên, không xuất trình thẻ thành viên trước khi giới thiệu hoặc tiếp thị, bán hàng;* phạt tiền từ 5.000.000 đồng

đến 10.000.000 đồng đối với người tham gia BHĐC thực hiện một trong các hành vi vi phạm: *không tuân thủ hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp và quy tắc hoạt động của DN, tham gia BHĐC khi không đủ điều kiện tham gia BHĐC theo quy định;* phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với người tham gia BHĐC *hoạt động BHĐC tại địa phương nơi DN chưa được cấp xác nhận đăng ký hoạt động BHĐC tại địa phương*; phạt tiền từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng đối với người tham gia BHĐC thực hiện một trong các hành vi vi phạm: *Yêu cầu người khác phải đặt cọc hoặc nộp một khoản tiền nhất định để được ký hợp đồng tham gia BHĐC; cung cấp thông tin gian dối hoặc gây nhầm lẫn về kế hoạch trả thưởng, quy tắc hoạt động, lợi ích của việc tham gia BHĐC, tính năng, công dụng của hàng hóa, hoạt động của DN BHĐC; tổ chức hội thảo, hội nghị, đào tạo về kinh doanh theo phương thức đa cấp khi chưa được DN BHĐC ủy quyền bằng văn bản; lôi kéo, dụ dỗ, mua chuộc người tham gia BHĐC của DN khác tham gia vào mạng lưới của DN mà mình đang tham gia; lợi dụng chức vụ, quyền hạn, địa vị xã hội, nghề nghiệp để khuyến khích, yêu cầu, lôi kéo, dụ dỗ người khác tham gia vào mạng lưới BHĐC hoặc mua hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp;* phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 25 triệu đồng *đối với cá nhân tham gia vào hoạt động của tổ chức, cá nhân kinh doanh theo phương thức đa cấp chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC;* phạt tiền từ 40 triệu đồng đến 50 triệu đồng đối với cá nhân kinh doanh theo phương thức đa cấp *khi chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC thu lợi bất chính đến dưới 200 triệu đồng hoặc gây thiệt hại cho người khác dưới 500 triệu đồng.*

Ngoài ra, cũng trong nghị định số 141/2018/NĐ-CP quy định thương nhân KD theo phương thức đa cấp khi chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC sẽ bị phạt tiền từ 40 triệu đồng đến 50 triệu đồng nếu vi phạm này thu lợi bất chính đến dưới 200 triệu đồng hoặc gây thiệt hại cho người khác đến dưới 500 triệu đồng. Mức phạt tiền tăng gấp 2 lần mức so với mức quy định nếu thương nhân có các vi phạm nêu trên thực hiện phạm vi từ 2 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

Như vậy, điểm mới của Nghị định số 141/2018/NĐ-CP là tăng mức xử phạt với hành vi BHĐC bất chính. Tuy nhiên, đánh giá một cách toàn diện và đồng bộ, sự thay đổi này chưa mang nhiều ý nghĩa đối với những hành vi BHĐC bất chính đang diễn ra ngày một tinh vi hơn.

2.1.3.2. Chế tài Dân sự

Chế tài dân sự đối với hành vi BHĐC bất chính được áp dụng phổ biến là chế tài bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm của cá nhân, doanh nghiệp BHĐC bất chính gây ra.

Chế tài bồi thường thiệt hại của hành vi BHĐC bất chính gồm có 2 loại là bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Với hành vi BHĐC bất chính, bồi thường thiệu hại thường phát sinh chủ yếu ngoài hợp đồng bởi các vi phạm của doanh nghiệp BHĐC và người tham gia bán hàng thực hiện các hành vi như: Dụ dỗ lôi kéo người tham gia mạng lưới bán hàng và yêu cầu họ đặt cọc tiền hoặc thực hiện lợi ích kinh tế khác cho doanh nghiệp để được tham gia BHĐC hoặc thực hiện hành vi cung cấp gian dối, sai sự thật về chất lượng, công dụng của hàng hóa làm cho khách hàng nhầm lẫn, tin tưởng và sử dụng dẫn đến bị thiệt hại về sức khỏe, kinh tế, ảnh hưởng tới quyền lợi hợp pháp của họ…Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng làm phát sinh nghĩa vụ bồi thường và từ nghĩa vụ phải bồi thường thiệt hại tạo ra quan hệ nghĩa vụ tương ứng. Căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại là cơ sở pháp lý mà dựa vào đó, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là trách nhiệm dân sự do hành vi gây ra thiệt hại phát sinh giữa các chủ thể. Bên có hành vi trái pháp luật phải bồi thường cho bên bị thiệt hại. Theo quy định tại Điều 275 Bộ luật Dân sự (BLDS) 2015, một trong những căn cứ làm phát sinh nghĩa vụ dân sự là "*gây thiệt hại do hành vi trái pháp luật*" và tương ứng với căn cứ này là các quy định tại Chương XX, Phần thứ ba BLDS 2015 về "*Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*". Trong trường hợp này, trách nhiệm được hiểu là bổn phận, nghĩa vụ của bên gây thiệt hại phải bồi thường cho bên bị thiệt hại. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng làm phát sinh nghĩa vụ bồi thường và từ nghĩa vụ phải bồi thường thiệt hại tạo ra quan hệ nghĩa vụ tương ứng. Căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại là cơ sở pháp lý mà dựa vào đó, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Theo khoản 1 Điều 584 BLDS 2015: "Người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác". Như vậy, căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là "*hành vi xâm phạm của người gây thiệt hại*".

Do đó, với các hành vi vi phạm của cá nhân và DN trong quá trình thực hiện kinh doanh đa cấp mà gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức khác sẽ thường áp dụng các quy định xử phạt nêu trên.

Với bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng thường liên quan đến những vi phạm, tranh chấp trong hợp đồng tham gia BHĐC giữa DN và người tham gia BHĐC. Như đã trình

bày ở những phần trước, hợp đồng tham gia BHĐC không phải là hợp đồng thương mại nên về những vi phạm phát sinh thiệt hại không thể áp dụng quy định của Luật thương mại mà chỉ có thể áp dụng quy định bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng trong BLDS. Mặc dù pháp luật quy định yêu cầu các DN BHĐC phải có dự thảo mẫu hợp đồng tham gia BHĐC trong hồ sơ đăng ký tổ chức BHĐC để cơ quan quản lý Nhà nước kiểm tra tính hợp pháp của hợp đồng. Tuy nhiên, những hợp đồng tham gia BHĐC này thường quy định khá chung chung để lách sự kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực này và dẫn đến các tranh chấp xảy ra.

Bồi thường thiệt hại trong hợp đồng được xây dựng nên bởi các quy phạm điều chỉnh chế định hợp đồng, chỉ tồn tại khi một hợp đồng tồn tại, trách nhiệm này phát sinh khi xuất hiện sự vi phạm một hay nhiều nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng. Trong Nghị định số 40/2018/NĐ-CP cũng quy định về tiền kí quỹ của DN BHĐC nhằm mục đích đảm bảo nghĩa vụ bồi thường thiệt hại của DN đối với người tham gia BHĐC khi có tranh chấp hợp đồng xảy ra và các nghĩa vụ bồi thường thiệt hại khác.

Căn cứ pháp lý bồi thường thiệt hại đối với vi phạm hợp đồng tham gia BHĐC quy định tại phần thứ III chương XV quy định về nghĩa vụ và hợp đồng trong BLDS 2015. Chẳng hạn như các điều khoản như Điều 360 và Điều 419 BLDS 2015 quy định khá rõ về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ hợp đồng: "Trường hợp có thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ gây ra thì bên có nghĩa vụ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác" và "Người có quyền có thể yêu cầu bồi thường thiệt hại cho lợi ích mà lẽ ra mình sẽ được hưởng do hợp đồng mang lại. Người có quyền còn có thể yêu cầu người có nghĩa vụ chi trả chi phí phát sinh do không hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng mà không trùng lặp với mức bồi thường thiệt hại cho lợi ích mà hợp đồng mang lại. Theo yêu cầu của người có quyền, Tòa án có thể buộc người có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tinh thần cho người có quyền. Mức bồi thường do Tòa án quyết định căn cứ vào nội dung vụ việc".

2.1.3.3. Chế tài hình sự

Chế tài hình sự đối với hành vi BHĐC bất chính được quy định cụ thể trong BLHS 2015 sửa đổi 2017 đối với cả cá nhân và DN. Việc bổ sung một điều luật cụ thể để xử lý hoạt động BHĐC tại thời điểm này là rất cần thiết vì suốt trong thời gian dài vừa qua hoạt động BHĐC trên thực tế đã gây thiệt hại rất lớn tới những người tham gia, tạo sự hoang mang, phẫn nộ trong đời sống xã hội.

Thứ nhất, về phạt tiền đối với cá nhân và DN có hành vi BHĐC bất chính

Một, theo Điều 217a BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung 2017 với hành vi cá nhân tổ chức hoạt động KDTPTĐC mà không có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC hoặc không đúng với nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC thuộc một trong các trường hợp: Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này bị phạt tiền từ 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng nếu chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; Hành vi thu lợi bất chính bị phạt từ 200 trăm triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng; hành vi BHĐC gây thiệt hại cho người khác phạt từ 500 triệu đồng đến dưới 1,5 tỷ đồng và không thuộc trường hợp quy định tại Điều 174 Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Điều 290 Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

Hai, theo Điều 217a BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung 2017, mức phạt tiền từ 1 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng áp dụng đối với cá nhân, DN BHĐC phạm tội thuộc một trong các trường hợp: Thu lợi bất chính 1 tỷ đồng trở lên; gây thiệt hại cho người khác 1,5 tỷ trở lên; quy mô mạng lưới người tham gia 100 người trở lên;

Thứ hai, về phạt tù đối với cá nhân tham gia mạng lưới BHĐC và doanh nghiệp BHĐC bất chính

(i) Theo Điều 217a BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung 2017:

- Với cá nhân tổ chức hoạt động KDTPTĐC mà không có giấy chứng nhận đăng ký hoạt BHĐC hoặc không đúng với nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC thuộc một trong các trường hợp: đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm sẽ bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

- Đối với cá nhân thu lợi bất chính từ 200 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng;

- Gây thiệt hại cho người khác từ 500 triệu đồng đến dưới 1,5 tỷ đồng và không thuộc trường hợp quy định tại Điều 174 (Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản) và Điều 290 (Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản) của BLHS 2015 phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

- Thu lợi bất chính 1 tỷ đồng trở lên; gây thiệt hại cho người khác 1,5 tỷ đồng trở lên; Quy mô mạng lưới người tham gia 100 người trở lên bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm áp dụng đối với cá nhân phạm tội.

- Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

(ii) Theo điểm c khoản 1 điều 292 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung 2017 đối với cá nhân hành vi cung cấp dịch vụ trái phép trên mạng máy tính, mạng viễn thông nhằm kinh doanh đa cấp sẽ bị phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm.

(iii) BHĐC bất chính thể hiện ở những dấu hiệu, hành vi không lành mạnh trái quy định của pháp luật như lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cưỡng đoạt tài sản, cụ thể:

- Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định tại Điều 174 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung 2017 thì người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng hoặc dưới 2 triệu đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

- Hành vi cưỡng đoạt tài sản có quy định tại Điều 170 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung 2017 thì người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Trước khi có Điều 217a được thông qua thì BLHS không có điều khoản nào về xử lý hoạt động BHĐC, chính vì lẽ đó khi phát hiện ra những hành vi vi phạm pháp luật từ những công ty đa cấp do chưa có quy định về tội cụ thể liên quan đến hoạt động này nên các cơ quan tố tụng thường quy kết hoạt động đó vào hai tội danh chủ yếu là tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản hoặc tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản việc này là khá khiên cưỡng và không phản ánh đúng bản chất vụ việc. Thực tế cho thấy, trong tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản người phạm tội đã có ý định chiếm đoạt tài sản của người bị hại ngay từ ban đầu. Giả sử trường hợp công ty đa cấp ban đầu không có hành vi lừa đảo, không có dấu hiệu gian dối, thực hiện đầy đủ những cam kết của mình với những người mua hàng, nhưng trong quá trình hoạt động của mình công ty đa cấp này mắc sai lầm trong quản lý tài chính, vi phạm các quy định về kế toán, khuyến mại, thưởng hoa hồng,… mà làm thất thoát tài sản dẫn đến gây thiệt hại cho những người mua hàng mà các cơ quan tố tụng xử lý về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản rõ ràng là không phản ánh đúng bản chất vụ việc, ảnh hưởng tới quyền lợi của công ty đa cấp cũng như xuất hiện dấu hiệu oan sai là chưa đúng tội danh, ảnh hưởng tới môi trường đầu tư và kinh doanh của Việt Nam.

Quy định tội danh mới này (Điều 217a) đã tạo ra một hành lang pháp lí phù hợp để xử lí kịp thời, chính xác những hành vi vi phạm trong hoạt động KDTPTĐC. Trước khi có tội danh này, hành vi vi phạm quy định của pháp luật về KDTPTĐC chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính dẫn đến việc không đủ tính răn đe nên việc vi phạm vẫn tiếp tục với tính chất phức tạp và tinh vi hơn. Việc đưa chế tài hình sự vào để xử lý hành vi không tuân thủ các quy định về

KDTPTĐC như hiện nay là một quy định phù hợp, tạo nên sức răn đe và hành lang vào pháp lý chặt chẽ hơn trong việc quản lý hoạt động BHĐC của các DN.

2.1.4. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi bán hàng đa cấp bất chính

Trước những diễn biến phức tạp của hoạt động BHĐC biến tướng trong thời gian vừa qua, nhằm bảo đảm an ninh trật tự và quyền lợi của nhân dân, nâng cao trách nhiệm, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, tạo bước chuyển biến tích cực trong công tác quản lý hoạt động BHĐC, đồng thời tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân KDTPTĐC chân chính hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, ngày 31 tháng 10 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã ban hành Chỉ thị số 30/CT-TTg về việc tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động BHĐC.

Với quyết tâm đưa hoạt động BHĐC vào khuôn khổ, Chỉ thị 30/CT-TTg đã nêu rõ vai trò, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước chịu trách nhiệm chính trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động BHĐC, nhiệm vụ của các cơ quan được quy định cụ thể tại Điều 54, 55, 56, 57 của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP gồm:

BCT, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Y tế, Bộ Tài Chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương. BCT với vai trò là cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm chính trong công tác quản lý đối với các DN đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC, có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động BHĐC trên địa bàn toàn quốc theo các quy định của pháp luật liên quan;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát quy định pháp luật, xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy định nhằm hoàn thiện khung pháp lý quản lý hoạt động BHĐC tại Việt Nam;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thanh kiểm tra trong thẩm quyền các DN đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC, người tham gia BHĐC, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm vi phạm;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong công tác tuyên truyền, phổ biến hoạt động BHĐC, pháp luật quản lý hoạt động BHĐC cho DN, người tham gia BHĐC;

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn cho cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện công tác quản lý nhà nước về BHĐC;

- Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng và triển khai các chương trình truyền thông về pháp luật BHĐC, biến tướng của BHĐC trên phương tiện thông tin đại chúng;

- Cập nhật và công bố thường xuyên, kịp thời danh sách cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC; công bố bằng phương thức phù hợp danh sách các DN và người tham gia BHĐC đã bị xử lý vi phạm trên cổng thông tin điện tử.

Bộ Công an chịu trách nhiệm chính trong công tác tăng cường quản lý đối với tổ chức, cá nhân lợi dụng kinh doanh đa cấp biến tướng để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hình sự (lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trốn thuế, gian lận thương mại buôn lậu, sản xuất kinh doanh hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, huy động tài chính trái phép, kinh doanh trái phép…).

Các Bộ, ngành khác, trong phạm vi thẩm quyền, chỉ đạo, chủ trì, phối hợp với BCT và các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ được giao.

BCT là cơ quan chủ quản trong việc quản lý hoạt động BHĐC trên cả nước. Các sở Công thương là cơ quan quản lý hoạt động bán hàng này tại các Tỉnh. Ngoài ra, còn sự phối hợp của các cơ quan chuyên ngành khác nhằm quản lý chặt chẽ hơn hoạt động kinh doanh đa cấp.

Quản lý nhà nước đối với hoạt động BHĐC là hoạt động mang tính tổ chức và điều chỉnh, khi thực hiện hoạt động quản lý Nhà nước xây dựng các nguyên tắc trên cơ sở quy định của pháp luật và các quyết định quản lý để thiết lập những mối quan hệ giữa con người với con người, giữa cá nhân với tập thể nhằm định hướng cho các hoạt động được diễn ra theo đúng quy luật và đạt được những mục đích nhất định (tính tổ chức), thông qua đó, Nhà nước thực hiện việc điều chỉnh các QHXH. Quản lý nhà nước đối với hoạt động BHĐC là việc Nhà nước tạo điều kiện cho các DN tự do lựa chọn hình thức kinh doanh BHĐC, kiểm tra, hướng dẫn DN thực hiện các quy định của pháp luật...Nhà nước thực hiện sự tác động mang tính điều chỉnh bằng pháp luật, nhằm hướng các hoạt động và hành vi của các DN và người tham gia mạng lưới BHĐC theo đúng quy định pháp luật, đem lại lợi ích thiết thực cho nền kinh tế.

Bộ máy quản lý nhà nước được tổ chức thành một khối thống nhất từ trung ương tới địa phương. Với quy định về cơ quan quản lý nhà nước nêu trên có thể thấy, Chính phủ thống nhất quản lý hoạt động BHĐC trên phạm vi cả nước. Trao quyền kiểm soát hoạt động bán hàng này cho các cơ quan chuyên môn. Nhờ đó các hoạt động quản lý ngày càng chặt chẽ, bảo đảm lợi

ích chung của cả nước, bảo đảm sự liên kết, phối hợp nhịp nhàng giữa các ngành, các cấp tạo ra sức mạnh tổng hợp nhằm mục đích ổn định trật tự xã hội.

2.2. Thực tiễn xử lý vi phạm bán hàng đa cấp bất chính ở Việt Nam hiện nay

BHĐC bất chính trong những năm gần đây về số lượng đã giảm đi nhưng thủ đoạn ngày càng đổi mới tinh vi và khó phát hiện hơn. Hành vi này chủ yếu được thực hiện thông qua hình thức truyền miệng lôi kéo nhau, thậm chí giao kết hợp đồng bằng miệng nên khó có chứng cứ chứng minh vi phạm này. Nhiều vụ việc còn chưa được đem ra xử lý vì những khó khăn trong công tác thu thập chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội hoặc xử lý chưa thích đáng do quy định của pháp luật còn chưa thực sự hoàn thiện. Trong quá trình thực thi, Cục CT&BVNTD cũng đang phải đối mặt với nhiều trở ngại xuất phát từ việc hợp tác chưa thật tích cực, đầy đủ từ phía DN trong quá trình điều tra, có nhiều trường hợp DN từ chối hợp tác, từ chối cung cấp thông tin phục vụ công tác điều tra. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả điều tra cũng như hạn chế khả năng điều tra, kết thúc vụ việc một cách nhanh chóng.

Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động BHĐC bao gồm xử lý các DN BHĐC bất chính được đặc biệt chú trọng và đẩy mạnh. Hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động BHĐC ở Việt Nam đã tương đối đầy đủ, nhưng thực tế trong quá trình quản lý đã phát sinh một số điểm còn hạn chế trong quy trình cấp giấy phép đăng ký tổ chức BHĐC; chế tài xử phạt còn chưa đủ mạnh hay một số phát sinh trong công tác quản lý nhưng chưa có văn bản pháp luật điều chỉnh như lôi kéo mạng lưới giữa các DN, sử dụng mô hình trả thưởng bất chính, áp dụng phương thức kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ,...

Trong giai đoạn 2015-2019 số lượng DN BHĐC tại Việt Nam có xu hướng giảm mạnh từ 67 DN vào cuối năm 2015 xuống chỉ còn 26 DN vào cuối năm 2019. Trung bình mỗi năm trong giai đoạn này số lượng DN BHĐC giảm khoảng 23.7%. Tính đến tháng 8 năm 2020 cả nước chỉ còn 21 DN BHĐC đã được cấp giấy chứng nhận và đang hoạt động [41].

Năm 2015, trên thực tế việc thanh tra, kiểm tra hoạt động BHĐC của Cục quản lý cạnh tranh (nay là Cục CT&BVNTD) và Sở SCT của các địa phương và báo cáo từ phía DN kinh doanh đa cấp phần nhiều chỉ mang tính hình thức. Theo thống kê kết quả kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về quản lý hoạt động BHĐC toàn quốc của Cục quản lý cạnh tranh năm 2015, việc phát hiện và xử lý hành vi BHĐC bất chính chỉ chiếm tỉ lệ rất nhỏ. chỉ phát hiện được 4 trường hợp vi phạm trên tổng số 24 trường hợp vi phạm pháp luật về BHĐC. Cục đã xử phạt

hành chính 24 DN về vi phạm quy định của pháp luật trong hoạt động BHĐC với tổng mức tiền phạt là gần 2,5 tỷ đồng. Trong đó có 4 DN bị xử lý về hành vi BHĐC bất chính [35].

Năm 2016, công tác kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động BHĐC được đặc biệt chú trọng và đẩy mạnh trong năm 2016. Cục CT&BVNTD đã cử cán bộ tham gia đoàn kiểm tra liên ngành tiến hành kiểm tra đối với 07 DN BHĐC đồng thời chủ động kiểm tra đối với 10 DN khác. Căn cứ kết quả kiểm tra năm 2015, năm 2016 và thông qua công tác giải quyết khiếu nại, Cục điều tra, xử phạt 41 DN với tổng số tiền 8,9 tỷ đồng trong đó có 5 DN bị xử phạt về hành vi BHĐC bất chính với mức phạt là 3,644 tỷ đồng. Qua công tác kiểm tra, xử lý vi phạm và công tác quản lý hoạt động BHĐC, Cục đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC đối với 15 DN. Đối với trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự, Cục CT&BVNTD đã chuyển cho các cơ quan công an để xem xét xử lý theo thẩm quyền [36].

Bị xử lý hình sự là vụ DN BHĐC Liên Kết Việt có hành vi BHĐC bất chính. Ngày 26/1/2016, VKSND Tối cao ra cáo trạng truy tố Lê Xuân Giang (Chủ tịch HĐQT Công ty CP Liên Kết Việt); Lê Văn Tú (Tổng giám đốc Liên Kết Việt), Nguyễn Thị Thủy (Phó tổng giám đốc Liên Kết Việt) cùng Lê Thanh Sơn, Trịnh Xuân Sáng, Vũ Thị Hồng Dung và Nguyễn Xuân Trường về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Điều 139 BLHS 1999. Sau khi tạo được lòng tin về Liên Kết Việt và Công ty BQP, 7 đối tượng này đã sử dụng những thủ đoạn trái pháp luật để lôi kéo các nhà đầu tư bỏ tiền tham gia vào hệ thống BHĐC của Liên Kết Việt nhằm hưởng hoa hồng, thưởng cao do các chế độ trả thưởng, các chương trình khuyến mại trái pháp luật do các bị can đặt ra để lôi kéo chiếm đoạt được nhiều tiền của các bị hại đóng tiền vào Liên Kết Việt đã đặt ra các quy định trái pháp luật về hoạt động kinh doanh đa cấp như: Chỉ cần đóng tiền vào Liên Kết Việt mà không cần lấy hàng hóa ra kinh doanh là có thể trở thành nhà phân phối của công ty; Giang và đồng phạm đặt ra mô hình trả thưởng bất chính, lấy tiền của người tham gia sau trả cho người tham gia trước... Số tiền thưởng, tiền hoa hồng lên tới 65% tổng số tiền thu được của chính các bị hại.Với các phương thức, thủ đoạn lừa đảo, sau một năm hoạt động, đến tháng 11-2015, Lê Xuân Giang và đồng phạm đã mở rộng phát triển mạng lưới được 34 chi nhánh, văn phòng đại diện trên 27 tỉnh, thành phố. Lôi kéo được hơn 66.880 bị hại tại 49 tỉnh tham gia và nộp cho Công ty Liên Kết Việt hơn 2.091 tỷ đồng [107].

Năm 2017, Cục CT&BVNTD đã xử phạt 10 doanh nghiệp BHĐC có hành vi vi phạm pháp luật về BHĐC với tổng số tiền phạt 1.888.100.000 đồng, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC của 02 doanh nghiệp. Cụ thể xử phạt: Công ty TNHH Nhã Khắc Lâm (30

triệu đồng); Công ty CP Everrichs (620 triệu đồng), Công ty CP Sản xuất và Thương mại Sen Việt Group (300 triệu đồng); Thiên Ngọc Minh Uy (140 triệu đồng); Công ty TNHH Herbalife Việt Nam (140 triệu đồng); Công ty Cổ phần Queenet Quốc tế (240 triệu đồng); Công ty TNHH World Việt Nam (80 triệu đồng); Công ty Người lái xe mặt trời (51 triệu đồng); Công ty TNHH Visi Việt Nam (30 triệu đồng); Công ty TNHH BHIP (250 triệu).

Căn cứ kết quả kiểm tra, xử lý vi phạm, Cục đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC của công ty Cổ phần Everrichs và công ty Trách nhiệm hữu hạn BHIP. Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo BCT, Cục đã phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành giám sát việc chấm dứt hoạt động của DN đa cấp, quy mô lớn nhất là Công ty Thiên Ngọc Minh Uy [38].

Năm 2018, Cục CT& BVNTD đã tiến hành thanh kiểm tra và xử phạt 04 DN BHĐC về hành vi vi phạm pháp luật BHĐC với số tiền 1.060.000.000 đồng. Trong đó, điển hình là công ty cổ phần tập đoàn sản xuất thương mại quốc tế greenlife bị xử phạt tổng là 510 triệu đồng với các vi phạm pháp luật BHĐC và 320 triệu đồng vơi hành vi BHĐC bất chính, gồm: *Hoạt động BHĐC tại địa phương khi chưa có xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo hoạt động BHĐC của Sở Công Thương; không thực hiện nghĩa vụ sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC khi có thay đổi, bổ sung liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC theo quy định của pháp luật; thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đào tạo cơ bản cho người tham gia BHĐC theo quy định của pháp luật; thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ về cấp thẻ thành viên mạng lưới BHĐC cho người tham gia; thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ báo cáo định kỳ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; yêu cầu người muốn tham gia BHĐC phải mua một số lượng hàng hóa dưới bất kỳ hình thức nào để được quyền tham gia mạng lưới BHĐC; cung cấp thông tin sai lệch hoặc gây nhầm lẫn về công dụng của hàng hóa để dụ dỗ người khác tham gia BHĐC; duy trì nhiều hơn một vị trí kinh doanh đa cấp đối với cùng một người tham gia BHĐC.* Ngoài quyết định xử phạt bằng tiền, Cục CT & BVNTD đã ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC đối với DN này, đồng thời yêu cầu Greenlife tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trước pháp luật, trong đó có nghĩa vụ bảo đảm quyền lợi chính đáng của người tham gia BHĐC trong mạng lưới của doanh nghiệp [39].

Năm 2019, Thực hiện kế hoạch thanh tra năm 2019, BCT đã phối hợp với Bộ Y tế hoàn thành thanh tra chuyên ngành việc chấp hành pháp luật về BHĐC đối với 4 DN. Căn cứ kết quả thanh tra, BCT đã xử phạt 4 DN với tổng số tiền phạt là 865 tỷ đồng và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC của 1 DN do có vi phạm nghiêm trọng. Cụ thể, 4 DN bị

xử phạt là: Công ty TNHH Thiên Sư Việt Nam; Công ty TNHH MTV New Image Việt Nam; Công ty TNHH Morinda Việt Nam; Công ty TNHH Người lái xe mặt trời Việt Nam. Không có DN BHĐC nào thực hiện hành vi BHĐC bất chính theo quy định của pháp luật [40].

Dù vậy, BCT tiếp tục phát đi cảnh báo về hiện tượng lợi dụng mô hình kinh doanh đa cấp để lừa đảo, trục lợi thông qua hình thức đầu tư với đối tượng không phải là hàng hóa như hoạt động đầu tư tiền vào các dự án tài chính, khóa học, ví điện tử. Những hình thức đầu tư kinh doanh này vốn không thuộc phạm vi quản lý của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP nên khó khăn trong công tác quản lý;

Hoạt động kinh doanh đa cấp biến tướng, không phép (không đăng ký hoạt động chính thống) có xu hướng phát triển, đặc biệt là các hoạt động kêu gọi đầu tư, mua bán bất động sản, huy động tài chính sử dụng phương thức kinh doanh đa cấp trong khi BCT cũng không có thẩm quyền quản lý các đối tượng này.

Bảngbiểu 2.1

Năm	2015	2016	2017	2018	2019
Số DN bị xử lý vi phạm quy định pháp luật BHĐC	24	41	10	4	4
Số DN bị xử lí vi phạm BHĐC bất chính	4	5	4	1	0
Số tiền phạt xử lý vi phạm BHĐC	2,5 tỷ	8,9 tỷ đồng	~ 1 tỷ 888 triệu đồng	1 tỷ 60 triệu đồng	865 triệu
Số tiền phạt vi phạm BHĐC bất chính	680 triệu	3 tỷ644 triệu	720 triệu	320 triệu	0

Bảng thống kê số liệu Cục CT &BVNTD xử phạt về hành vi bán hàng đa cấp bất chính trong các năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019

(Nguồn số liệu: Cục cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng)

Từ bảng thống kê số liệu về các DN vi phạm quy định pháp luật về BHĐC, vi phạm BHĐC bất chính và số tiền bị cơ quan quản lý nhà nước xử phạt các hành vi này, tác giả thể hiện rõ số lượng DN vi phạm và số tiền vị xử lý qua các biểu đồ như sau:

Biểu đồ 2.1

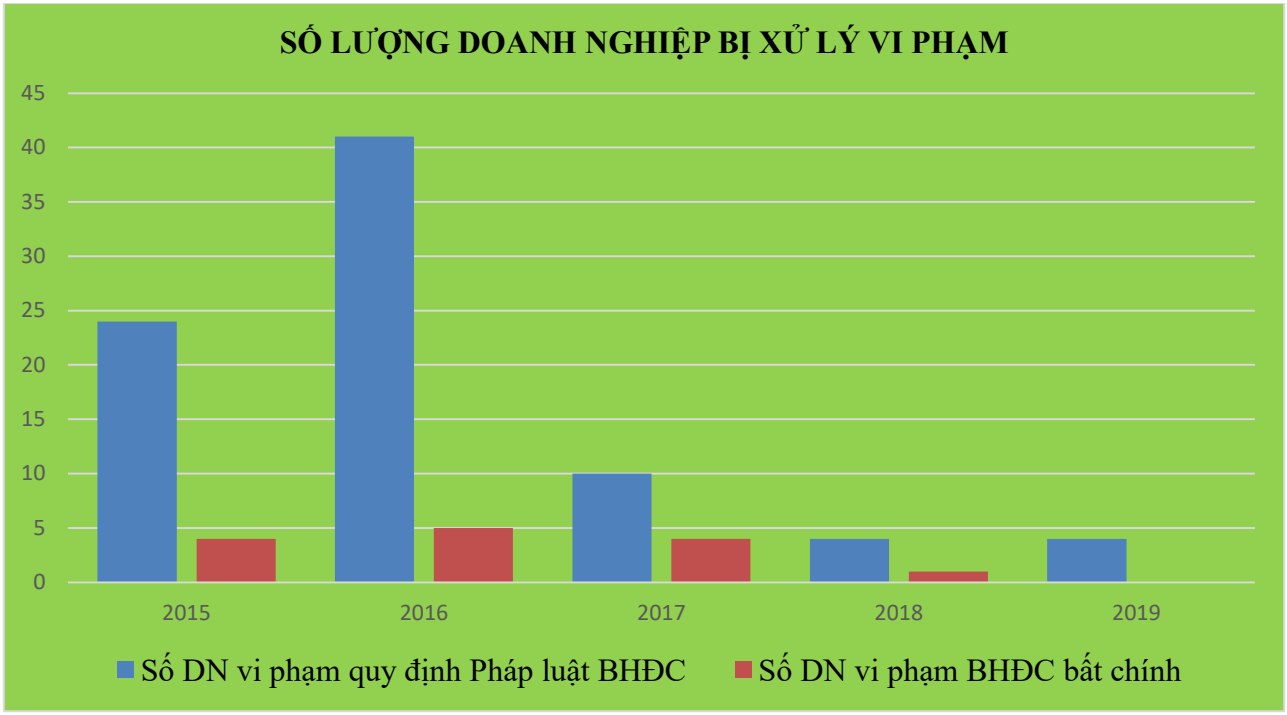

Biểu đồ thống kê các DN bị xử lý vi phạm BHĐC bất chính trong các năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019

Biểu đồ 2.2

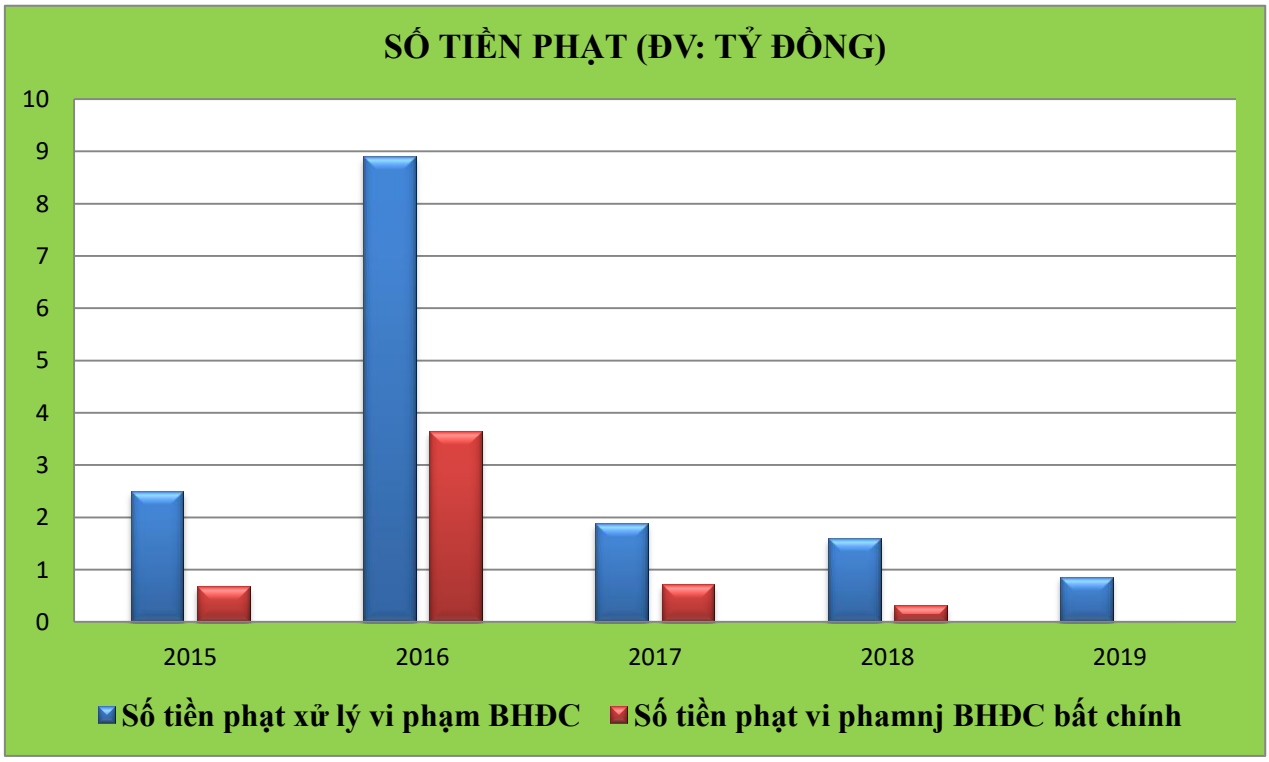

Biểu đồ thống kê tiền phạt của các DN bị xử lý vi phạm BHĐC bất chính trong các năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019

Từ bảng thống kê và các biểu đồ trên có thể thấy số lượng các DN bị xử phạt năm 2015 là 24 vụ trong đó có 4 vụ BHĐC bất chính. Năm 2016 con số DN bị xử phạt vi phạm

BHĐC tăng lên 41 vụ trong đó BHĐC bất chính là 5 vụ. Đây là con số lớn và báo động trong môi trường kinh doanh BHĐC tại Việt Nam. Điều này một phần là do các DN KD đa cấp ngày một thủ đoạn hơn, các hành vi ngày càng tinh vi, xảo quyệt dễ dàng lừa đảo người dân để thu lợi bất chính. Ngoài ra một yếu tố quan trọng là các cơ quan quản lý nhà nước thiếu sự chặt chẽ, sát sao trong việc giám sát hoạt động của các DN BHĐC. Bên cạnh đó các chế tài xử phạt vi phạm hành chính còn chưa đủ tính răn đe đối với các DN, có chăng lợi nhuận từ hành vi BHĐC bất chính lớn hơn gấp rất nhiều lần so với mức xử phạt của Nhà nước.

Mặc dù vậy, việc phát hiện và xử lý hành vi BHĐC bất chính vẫn chưa thật sự hiệu quả. Hành vi "yêu cầu người muốn tham gia BHĐC phải đặt cọc hoặc đóng một khoản tiền nhất định" chỉ phát hiện được 01 trường hợp; hành vi "cho người tham gia bán hàng đa cấp nhận tiền hoa hồng, tiền thưởng, lợi ích kinh tế khác từ việc dụ dỗ người khác" cũng chỉ phát hiện được 01 trường hợp; hành vi "cung cấp thông tin gian dối về lợi ích của việc tham gia mạng lưới, thông tin sai lệch về tính chất, công dụng của hàng hóa để dụ dỗ người khác tham gia" phát hiện được 05 trường hợp trên tổng số 41 trường hợp vi phạm pháp luật về BHĐC trong năm 2016... Điều này cho thấy, khả năng giám sát từ phía Nhà nước trong lĩnh vực này vẫn chưa thực hiệu quả trong thời gian này.

Năm 2017 số vụ bị xử lý vi phạm quy định của pháp luật về BHĐC giảm xuống còn 4 vụ. Năm 2018 số lượng các vụ BHĐC bất chính bị xử phạt giảm giảm xuống còn 1 vụ. Điều đáng chú ý là năm 2019 không có vụ xử lý vi phạm BHĐC bất chính nào theo thống kê của Cục CT&BVNTD.

Điều đáng nói ở đây là con số để xác định DN BHĐC bất chính hiện nay của Cục CT& BVNTD qua từng năm trong các báo cáo được căn cứ vào quy định của pháp luật về dấu hiệu BHĐC bất chính. Từ giữa năm 2018, LCT 2018 có hiệu lực và trong văn bản pháp luật này đã bỏ quy định về BHĐC bất chính như đã phân tích ở phần 2.1.1. Vì vậy, nếu xác định doanh nghiệp BHĐC bất chính dựa trên các dấu hiệu quy định cũ của pháp luật là chưa chính xác. Bởi, hành vi BHĐC bất chính bao trùm các hành vi gồm BHĐC bất hợp pháp (vi phạm điều cấm của luật) được xác định trong Nghị định số 40/2018/NĐ-CP và các văn bản QPPL chuyên ngành khác và bao gồm các hành vi của DN BHĐC thu lợi bất chính phát sinh mà pháp luật chưa quy định (trái với đạo đức kinh doanh, xâm phạm quyền lợi hợp pháp của những chủ thể có liên quan). Vì vậy, Cục CT&BVNTD cần xem xét xác định lại số lượng DN BHĐC bất chính ở Việt Nam hiện nay.

Hiện tại, pháp luật Việt Nam đã hình sự hóa hành vi vi phạm pháp luật về BHĐC, cụ thể tại điều 217a Tội vi phạm quy định về KDTPTĐC. Trước đó, việc xử lý hình sự chủ yếu được xem xét khi có các dấu hiệu lừa đảo. Điển hình như năm 2004 đã có 3 cán bộ lãnh đạo công ty Thế Giới Mới bị truy tố về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điều 139 Bộ luật hình sự 1999 bị phạt tù từ 8-12 năm. Năm 2011, cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án về tội sử dụng mạng Internet thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản theo Điều 226b Bộ luật Hình sự 1999 đối với lãnh đạo công ty Diamond Holiday. Gần đây nhất như đã trình bày ở trên năm 2016 công ty Liên Kết Việt có hành vi BHĐC bất chính và bị xử lý hình sự tội tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo Điều 139 BLHS năm 1999.

KDTPTĐC mới chỉ được hình sự hóa trong BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017 và có hiệu lực áp dụng được hơn 2 năm nên hiện tại chưa có một thống kê đầy đủ về các vụ việc các công ty lợi dụng phương thức BHĐC để lừa đảo bị xử lý về mặt hình sự mà chủ yếu vẫn thường hay bị xử lý theo hướng lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thực tế cho thấy, cơ quan chức năng rất khó xác định làm rõ nguồn gốc tài chính để trả hoa hồng cho các phân phối viên. Nếu bị điều tra, các công ty này sẽ có các câu trả lời "rất đúng luật" là do tiết kiệm từ chi phí quảng cáo, từ các khâu lưu thông hàng hóa. Hoặc những người tham gia mạng lưới phân phối viên đã đủ 18 tuổi, tự nguyện tham gia chứ công ty không bắt buộc, người tham gia chỉ là đối tác của công ty, phân phối viên không phải nhân viên của công ty, do đó, họ phải chịu mọi trách nhiệm về hành vi kinh doanh của mình. Ngoài ra, chế tài xử phạt đối với những hành vi BHĐC bất chính chưa tương xứng với mức độ gây thiệt hại của hành vi này. Thiết nghĩ, chế tài xử phạt hành chính theo luật định so với quy mô và hậu quả của DN BHĐC bất chính gây ra là chưa tương xứng, không đủ sức răn đe và phòng ngừa vi phạm.

Trong thời gian vừa qua, Cục CT&BVNTD đã tích cực chủ trì và phối hợp với nhiều cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra hoạt động của các doanh nghiệp BHĐC, kịp thời chấn chỉnh và xử lý các thiếu sót, sai phạm của các doanh nghiệp.

Trong thời gian vừa qua, Bộ Công an vừa phát đi thông tin cảnh báo người dân về nhiều rủi ro khi đầu tư tài chính vào Công ty Tài chính công nghệ Eagle Rock Global (ERG). Theo Bộ Công an, Công ty ERG "tự xưng" là kênh đầu tư tài chính đến từ châu Âu; tập trung mạnh mẽ vào 5 lĩnh vực của ngành công nghiệp 4.0 là Trading (thương mại), Mining (khai thác tiền ảo), Game (trò chơi trực tuyến), Paid to Click (trả tiền cho lượt nhấp chuột), Ecommerce (thương mại điện tử). Công ty Tài chính công nghệ ERG thuộc Tập đoàn ERG Group INC có địa chỉ tại quần đảo Virgin thuộc Anh; mục đích kinh doanh là thu hút và quản

lý quỹ đầu tư, lợi nhuận bằng cách sử dụng sự biến động của tiền điện tử và tăng số lượng người dùng; được quảng cáo sẽ mang về lãi suất, lợi nhuận rất lớn là 180 %/năm. Theo Bộ Công an, hình thức hoạt động của Công ty Tài chính công nghệ ERG thực chất là vay của người sau trả cho người trước và mô hình này sẽ sụp đổ khi số tiền của nhà đầu tư mới không đủ trả lãi.

Năm 2019 là năm mà hoạt động kinh doanh theo mô hình BHĐC không phép và biến tướng có biểu hiện gia tăng và diễn biến phức tạp. Hoạt động này đang là mối quan tâm của toàn xã hội, gây ảnh hưởng lớn đến quyền lợi, lợi ích hợp pháp của người dân và trật tự của xã hội. Thời gian vừa qua, cơ quan quản lý nhà nước cũng đã triệt phá một số DN kinh doanh lừa đảo về bất động sản và tiền ảo, công nghệ sinh học…đây không phải là kinh doanh đa cấp hợp pháp. Sự biến tướng này gây ảnh hưởng rất lớn tới ngành đa cấp chân chính tại Việt Nam.

2.3. Đánh giá thực trạng quy định pháp luật chống bán hàng đa cấp bất chính

2.3.1. Những điểm đạt được của pháp luật về chống bán hàng đa cấp bất chính

Thứ nhất, về việc ban hành Nghị định số 40/2018/NĐ-CP thay thế Nghị định số 42/2014/NĐ-CP

Việc ban hành nghị định số 40/2018/NĐ-CP *về quản lý KDTPTĐC* thay thế nghị định số 42/2014/NĐ-CP đã đưa ra khung pháp lý điều chỉnh chặt chẽ hơn đối với các DN BHĐC. Nghị định 40/2018/NĐ-CP được ban hành với nhiều quy định mới nhằm nâng cao tính minh bạch của hoạt động BHĐC tại Việt Nam cũng như tăng cường hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động này. Sự thay đổi về đối tượng và phạm vi điều chỉnh đã được thể hiện ngay tại tên gọi của Nghị định, Nghị định 40/2018/NĐ-CP không chỉ giới hạn đối tượng và phạm vi điều chỉnh đối với hoạt động BHĐC mà đã mở rộng phạm vi điều chỉnh thành "hoạt động kinh doanh theo phương thức nói chung". Nghị định ra đời với các quy định siết chặt hơn về điều kiện kinh doanh, hoạt động BHĐC đối với người tham gia, các DN và công tác quản lý Nhà Nước đối với hoạt động BHĐC. Có thể thấy, mục đích ban hành nghị định này nhằm hạn chế tối đa hoạt động BHĐC bất chính đã diễn ra trong thời gian vừa qua. Nghị định đã đề ra những giới hạn nhất định đối với hoạt động BHĐC một cách rõ ràng, những giới hạn đó là "rào cản" buộc các DN muốn hoạt động trong lĩnh vực BHĐC ở Việt Nam phải vượt qua như giới hạn về vốn, nhân sự, tài chính, điều kiện về ngành nghề, giới hạn về chuẩn mực chất lượng, tiêu chuẩn của sản phẩm, giới hạn về chỉ tiêu, phân phối… Nếu như các "rào cản" này được đặt ra đồng nghĩa với việc chỉ những DN có đủ tiềm lực mới có khả

năng ra đời, tồn tại và phát triển trong lĩnh vực BHĐC, ngược lại những DN yếu kém, mục đích không rõ ràng sẽ bị đào thải.

Nghị định số 40/2018/NĐ-CP được ban hành với các quy định điều chỉnh tương đối đầy đủ, toàn diện về hoạt động kinh doanh đa cấp. Tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho các DN hoạt động minh bạch, sàng lọc những DN BHĐC bất chính. Qua đó, góp phần tạo ra môi trường kinh doanh lành mạnh giảm khả năng gây hậu quả về kinh tế - xã hội. Về cơ bản, nghị định số 40/2018/NĐ-CP có vai trò quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế nói chung với xã hội và ngành BHĐC nói riêng, góp phần tạo môi trường minh bạch cho những DN hoạt động BHĐC chân chính.

Thứ hai, về việc sửa đổi bổ sung chế tài xử phạt hành chính về BHĐC bất chính

Với quan điểm thắt chặt để quản lý và xử lý nghiệm khắc hơn đối với những vi phạm, ngày 08/10/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 141/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động KDTPTĐC nhằm tăng mức xử phạt trong quản lý hoạt động BHĐC. Việc tăng mức phạt đối với vi phạm BHĐC bất chính là phù hợp với diễn biến phức tạp của hoạt động BHĐC hiện nay. Nghị định cũng quy định chi tiết cụ thể các mức phạt khác nhau tạo điều kiện cho cơ quản lý nhà nước sẽ dễ dàng áp dụng pháp luật trong việc xử lý với phạm đối với hành vi BHĐC bất chính trong các trường hợp khác nhau. Với những thay đổi như vậy, đã thể hiện pháp luật ngày càng nghiêm minh, chặt chẽ hơn. Thể hiện thái độ của nhà nước với từng mức độ vi phạm đối với hành vi BHĐC bất chính của người tham gia BHĐC và DN kinh doanh đa cấp ở Việt Nam hiện nay.

Thứ ba, hình sự hóa đối với hành vi vi phạm BHĐC

Việc bổ sung một điều luật cụ thể để xử lý hình sự hoạt động BHĐC trong BLHS 2015 tại thời điểm này là rất cần thiết vì suốt trong thời gian dài vừa qua hoạt động BHĐC trên thực tế đã xảy ra những biến tướng dù cố ý hay vô ý từ DN BHĐC thì đều gây thiệt hại rất lớn tới những người tham giam gây ra sự hoang mang, phẫn nộ trong đời sống xã hội. Tuy nhiên trước khi có Điều 217a được thông qua thì BLHS không có điều khoản nào về xử lý hoạt động BHĐC, chính vì lẽ đó khi phát hiện ra những hành vi vi phạm pháp luật từ những công ty đa cấp do chưa có quy định về tội dung cụ thể liên quan đến hoạt động này nên các cơ quan tố tụng thường quy kết hoạt động đó vào hai tội danh chủ yếu là tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản hoặc Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực

hiện hành vi chiếm đoạt tài sản việc này là khá khiên cưỡng và không phản ánh đúng bản chất vụ việc. Hành vi lừa đảo phải xuất phát ngay từ ban đầu khi người phạm tội đã có ý định chiếm đoạt tài sản của người bị hại nên nếu giả sử trường hợp các DN BHĐC ban đầu không có hành vi lừa đảo không có dấu hiệu gian dối đồng thời thực hiện đầy đủ những cam kết với những người mua hàng tuy nhiên trong quá trình hoạt động của mình các DN này sai lầm trong quản lý tài chính, vi phạm các quy định về kế toán, khuyến mại, thưởng hoa hồng, ... mà làm thất thoát tài sản dẫn đến gây thiệt hại cho những người mua hàng mà các cơ quan tố tụng gượng ép xử lý về tội chiếm đoạt tài sản rõ ràng không phản ánh đúng bản chất vụ việc, ảnh hưởng tới quyền lợi của các công ty đa cấp cũng như xuất hiện dấu hiệu oan sai trong khi xét xử việc xét xử là chưa đúng tội danh, ảnh hưởng tới môi trường đầu tư và kinh doanh của Việt Nam.

Việc cơ quan lập pháp đưa Điều 217a vào BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017 có thể thấy rằng, cơ quan tố tụng có thêm tội danh để xét xử hành vi phạm tội của DN BHĐC nhằm mục đích đảm bảo việc xét xử đúng người đúng tội không oan sai khi xét xử giúp bảo vệ nền pháp chế XHCN mà Đảng và Nhà nước đang xây dựng.

2.3.2. Một số hạn chế của pháp luật về chống bán hàng đa cấp bất chính

Mặc dù pháp luật về chống BHĐC bất chính ở Việt Nam đã có những thành quả nhất định nhưng theo nghiên cứu sinh vẫn còn có một số vướng mắc và hạn chế sau:

Thứ nhất, về khái niệm tổng quát BHĐC bất chính hiện nay theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về BHĐC đã không đề cập đến thuật ngữ "*bán hàng đa cấp bất chính"*. Quy định hiện nay của pháp luật Việt Nam chỉ liệt kê các hành vi bị cấm tại Điều 5 của Nghị định số 40/2018/NĐ–CP và Điều 1 Nghị định số 141/2018/ NĐ–CP. Điều này làm hạn chế tính bao quát của phát luật, dẫn đến nếu có vi phạm mang tính bất chính xảy ra nhưng không nằm trong những quy định này thì khó có thể xử lý được. Bởi vì, những hành vi này cũng chỉ mới ở dạng liệt kê, tuy dễ xử lý khi có hành vi vi phạm theo luật định, nhưng trái lại hành vi của DN sẽ tinh vi hơn và cố gắng tìm nhiều cách để né tránh các điều khoản luật định hay áp dụng những hành vi khác cũng có yếu tố bất chính và cũng nhằm thu lợi bất chính nhưng lại không được liệt kê trong luật thì cũng lại gây khó khăn cho quá trình xử lý. Như đã phân tích ở phần thực tiễn, trong thời gian hiện nay có rất nhiều DN kinh doanh theo mô hình BHĐC nhưng lại không đăng ký hoạt động với phương thức kinh doanh này, một số DN kinh doanh lừa đảo về bất động sản và tiền ảo, công nghệ sinh học…đây không phải là kinh doanh đa cấp hợp pháp theo pháp luật hiện hành, nhưng vì các DN này kinh doanh không phép nên đã

không thể xác định đây là hành vi BHĐC bất chính. Điều này gây ảnh hưởng rất lớn tới ngành đa cấp chân chính tại Việt Nam. Pháp luật cần phải đưa ra định nghĩa tổng quan đối với hành vi BHĐC bất chính thay cho việc chỉ liệt kê hành vi như hiện nay, điều này làm giảm hiệu quả của pháp luật trong việc chống BHĐC bất chính.

Thứ hai, quy định về điều kiện kinh doanh BHĐC còn một số bất cập và hạn chế. Cụ thể như sau:

(i) Đối tượng KDTPTĐC hiện nay được quy định tại Điều 4 Nghị định 40/2018/NĐ–CP về quản lý hoạt động KDTPTĐC: "*Hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp chỉ được thực hiện đối với hàng hóa. Mọi hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp với đối tượng không phải là hàng hóa đều bị cấm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác"*.

Như vậy, pháp luật về BHĐC ở Việt Nam không điều chỉnh hoạt động cung ứng dịch vụ theo phương thức đa cấp. Điều này tạo ra sự bất bình đẳng đối với các DN kinh doanh dịch vụ. Bởi lẽ, việc các DN kinh doanh cung ứng dịch vụ theo phương thức đa cấp xuất phát từ thực tiễn kinh doanh, từ chiến lược đến phương thức kinh doanh của DN. Điều này, cũng phù hợp với quyền tự do kinh doanh của DN. Các DN có quyền tự do kinh doanh cũng có quyền tự do lựa chọn phương thức kinh doanh cách tổ chức bán hàng cung cấp dịch vụ. Thực tiễn ở Việt Nam đã có nhiều doanh nghiệp áp dụng phương thức kinh doanh đa cấp trong việc cung cấp dịch vụ giáo dục, dịch vụ internet, thương mại điện tử… Tuy nhiên, căn cứ theo quy định của pháp luật chưa cho phép các doanh nghiệp đăng ký tổ chức BHĐC đối với dịch vụ. Việc giới hạn quản lý BHĐC trong phạm vi kinh doanh hàng hóa không đáp ứng được nhu cầu thực tế của nhiều doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ. Mặt khác có thể làm phát sinh những hoạt động kinh doanh trái phép, gây khó khăn cho công tác quản lý nếu không có hành lang pháp lý điều chỉnh hoạt động này.Và những hành vi kinh doanh như thế này sẽ trở thành *"bất chính"*, gây tổn hại đến quyền lợi của các DN kinh doanh trong lĩnh vực này.

(ii) Về kí quỹ BHĐC theo quy định hiện hành DN BHĐC phải ký quỹ số tiền tương đương 5% vốn điều lệ, tối thiểu là 10 tỷ đồng, để đăng ký hoạt động BHĐC. Số tiền này được sử dụng để đảm bảo quyền lợi cho người tham gia BHĐC khi DN chấm dứt hoạt động BHĐC nhưng không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đối với người tham gia BHĐC. Để sử dụng số tiền này, cần có quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền về xử lý các tranh chấp giữa DN BHĐC với người tham gia BHĐC về các nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, Nghị định số 40/2018/NĐ-CP không quy định rõ như thế nào là "*Các nghĩa vụ liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp đối với người tham gia bán hàng đa cấp*", điều này ảnh

hưởng đến việc xác định trường hợp nào được sử dụng tiền ký quỹ. Nếu thực tế xảy ra, người tham gia BHĐC khởi kiện DN BHĐC đã có bản án tuyên hợp đồng tham gia BHĐC vô hiệu đồng thời tuyên DN phải trả tiền cho người tham gia. Tuy nhiên, việc tuyên hợp đồng tham gia BHĐC vô hiệu dẫn đến hệ quả pháp lý hai bên không có các quyền và nghĩa vụ với nhau liên quan đến hoạt động BHĐC. Điều này dẫn đến việc BCT không ban hành văn bản đề nghị ngân hàng sử dụng khoản tiền kí quỹ của DN BHĐC để chi trả cho người tham gia dù đã có bản án của Tòa án về tranh chấp của các bên. Cũng có trường hợp, bản án không tuyên hợp đồng tham gia BHĐC vô hiệu, yêu cầu DN BHĐC phải trả tiền cho người tham gia BHĐC. Tuy nhiên, nội dung bản án cho thấy bản chất của giao dịch là người tham gia đã nộp tiền nhưng không lấy hàng hoặc đã lấy nhưng gửi lại hàng, theo đó Tòa án tuyên bố DN phải trả lại tiền cho người tham gia tương ứng với số tiền mua hàng đã trả. Trong trường hợp này, các bên thực chất không thực hiện hoạt động BHĐC mà chỉ đầu tư cùng nhau thực hiện các giao dịch ảo, không có hàng hóa, không đúng bản chất của BHĐC. Theo đó, việc xác định nghĩa vụ phải trả tiền của DN trong trường hợp này có phải là "*nghĩa vụ liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp đối với người tham gia bán hàng đa cấp*" hay không cũng không rõ ràng. Điều này dẫn đến lúng túng trong việc xác định có chấp thuận sử dụng tiền kí quỹ để giải quyết quyền lợi cho người tham gia BHĐC hay không.

(iii) Về quy định điều kiện về hệ thống công nghệ thông tin quản lý người tham gia BHĐC của DN kinh doanh đa cấp còn khá sơ sài. Vì quy định hiện hành chỉ đưa ra DN phải có hệ thống công nghệ thông tin đặt máy chủ tại Việt Nam và phải cung cấp một số thông tin nhất định cho người tham gia, không có quy định cụ thể về các cấu phần kĩ thuật, cách thức quản trị hệ thống sẽ dẫn đến các DN có cách hiểu khác nhau, cơ quan quản lý cũng lúng túng trong việc thẩm định hồ sơ.

(iv) Về quy định hoạt động kinh doanh của các DN BHĐC nước ngoài ở Việt Nam hiện nay còn chưa chặt chẽ. Theo BCT, từ năm 2018 đến cuối năm 2020 có gần 20 DN nộp hồ sơ đăng ký hoạt động kinh doanh đa cấp và hơn 2/3 trong đó là các DN có vốn đầu tư nước ngoài. Việc các DN muốn gia nhập vào Việt Nam là tín hiệu tốt về mặt thu hút đầu tư, tạo nhiều tác động tích cực cho nền kinh tế. Tuy nhiên, đối với lĩnh vực KDTPTĐC cần phải thận trọng đánh giá khi xem xét nhu cầu gia nhập thì trường của DN có vốn đầu tư nước ngoài. KDTPTĐC là hình thức kinh doanh đã xuất hiện và được thừa nhận hàng trăm năm tại nhiều quốc gia trên thế giới nhưng đến nay vẫn còn nhiều tranh cãi về bản chất của loại hình kinh doanh này bởi có nhiều vụ việc lừa đảo xảy ra trên cơ sở lợi dụng mô hình KDTPTĐC. Vấn đề này không chỉ xảy ra ở các nước đang phát triển mà cả các nước phát triển trên thế giới bao

gồm Hoa Kỳ và một số các quốc gia Châu Âu. Hầu hết các nước đều có hướng quản lý chặt chẽ với loại hình kinh doanh này. Nhiều quốc gia thực hiện cơ chế sang lọc DN với các quy định "tiền kiểm" là quy định chặt chẽ về ĐKKD với phương thức đa cấp để hạn chế nguy cơ lừa đảo xảy ra hạn chế thiệt hại cho người dân, ví dụ như Trung Quốc đã đưa ra điều kiện gia nhập thị trường với các nhà đầu tư nước ngoài muốn kinh doanh theo hình thức đa cấp.

Để giải quyết vấn đề trên, qua tham khảo kinh nghiệm quốc tế, nghiên cứu sinh thấy rằng với các quy định về kiểm soát BHĐC ở Việt Nam đối với các DN nước ngoài là chưa có. Vì vậy, cần bổ sung quy định riêng về điều kiện kinh doanh đa cấp đối với DN nước ngoài nhằm quản lý chặt hơn từ khâu tiền kiểm nhằm nâng cao chất lượng đầu vào của DN đa cấp mới gia nhập thị trường, đảm bảo đã có kinh nghiệm hoạt động KDTPTĐC trước khi gia nhập thị trường Việt Nam.

Thứ ba, về quy định đại diện của DN BHĐC tại địa phương hiện nay còn khá lỏng lẻo. BHĐC là hoạt động phân phối hàng hóa được thực hiện thông qua mạng lưới người tham gia một cách linh hoạt, không có địa điểm cố định như các phương thức truyền thống. Vì vậy các DN BHĐC không lập nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện để triển khai kinh doanh. Chi phí cho trung gian phân phối này được chuyển thành hoa hồng để chi trả cho mạng lưới phân phối rộng khắp của DN. Tuy nhiên vấn đề này lại gây khó khăn cho quản lý BHĐC tại địa phương. Với việc DN không có địa điểm hoạt động cố định, cơ quan quản lý địa phương gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận để kiểm tra giám sát hoạt động của DN BHĐC trên địa bàn. Nghị định số 40/2018/NĐ-CP đã đưa ra giải pháp xử lý vấn đề này. Theo đó DN không có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương nơi DN có hoạt động BHĐC phải 1 người làm đại diện tại địa phương đó, người đại diện này sẽ đăng ký với SCT để làm đầu mối làm việc của DN tại địa phương, thực tế quy định này đã không phát huy được hiện quả như mong muốn. Điển hình, theo SCT Thái Nguyên, năm 2019 BHĐC trên địa bàn tỉnh có 11 DN với 12.500 người tham gia. Các DN chủ yếu kinh doanh thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, hàng gia dụng. Hầu hết là DN liên doanh nước ngoài có trụ sở, văn phòng tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó, có thể kể tên một số DN quy mô lớn như: Công ty TNHH Amway Việt Nam; Công ty TNHH Herbalife VN; Công ty MTV New Image VN. Đây là các đơn vị chuyên KD thực phẩm chức năng, mỹ phẩm hàng gia dụng…Để quản lý DN BHĐC, năm 2016, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định 19/2016/QĐ-UBND về phối hợp liên ngành trong công tác quản lý hoạt động BHĐC trên địa bàn tỉnh. Trong đó, quy định SCT là cơ quan chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các huyện, thị xã và thành phố tổ chức kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm đối với các hoạt động BHĐC. Tuy nhiên, trên thực tế công tác này gặp phải

nhiều khó khăn, vướng mắc. Theo quy định của Chính phủ DN BHĐC chỉ cần gửi hồ sơ thông báo đến SCT mà không cần có địa điểm cố định và thời gian hoạt động cụ thể. Vì thế SCT không thể quản lý, kiểm tra hoạt động của các đơn vị này. Đồng quan điểm với ông Hải, ông Trần Xuân Trường, Phó Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số 2 nói: Riêng tại T.P Thái Nguyên đã có 7/11 DN đăng ký BHĐC thuộc quản lý của Đội Quản lý thị trường số 2.Tuy nhiên, điều bất cập là các đơn vị này đều không có trụ sở hoạt động để lưu trữ hàng hóa nên lực lượng quản lý thị trường không thể xác minh, nắm bắt và theo dõi kiểm tra và xử lý các vi phạm về hàng hóa theo quy định. Hơn nữa, người đăng ký thông báo bán hàng của các DN đa cấp thường không phải là người đại diện DN mà chỉ làm nhiệm vụ thông báo tới SCT khi DN đó sắp tổ chức các buổi hội thảo, hội nghị theo quy định. Vì thế cơ quan này thường khó liên hệ với người đại diện DN để nắm bắt được thông tin và quản lý việc bán hàng. Còn kiểm tra phương thức tuyên truyền, vận động hội viên tham gia kinh doanh có đúng với bản chất BHĐC hay không lại do cơ quan công an. Trong khi điều này là không dễ vì việc BHĐC là phương thức tiếp thị sản phẩm trực tiếp đến tay người tiêu dùng nên có thể kinh doanh mọi lúc, mọi nơi. Các DN BHĐC bất chính sẽ lợi dụng "kẽ hở" này để hoạt động [103].

Thứ tư, quy định kiểm soát chất lượng hàng hóa của các DN BHĐC hiện nay khá lỏng lẻo và không được chú trọng nhiều. Giá thành của những sản phẩm được bán ra từ những công ty kinh doanh đa cấp cao hơn rất nhiều so với chất lượng sản phẩm. Các DN BHĐ thường kinh doanh các mặt hàng như: thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, thực phẩm bổ sung, mỹ phẩm, hàng điện tử, thiết bị trị liệu, thiết bị tập luyện…chủ yếu có nguồn gốc xuất xứ từ nước ngoài. Trong đó, các sản phẩm thực phẩm chức năng, thiết bị trị liệu, thiết bị tập luyện…thường khó phân biệt với thuốc trị bệnh, thiết bị y tế là các mặt hàng cấm kinh doanh BHĐC. Điều này gây khó khăn trong công tác cấp phép của cơ quan quản lý. Bên cạnh đó, do tính năng công dụng hiệu quả sử dụng của các sản phẩm này chưa rõ ràng nên DN, nhà phân phối lợi dụng thổi phồng gây nhầm lẫn để dụ dỗ người tiêu dùng. Ngoài ra để phát triển mạng lưới thu hút ngày càng đông nhà phân phối DN quy định mức tiền thưởng, tiền hoa hồng cao để đủ chi phí cho nhà phân phối nâng mức giá bán cao gấp nhiều lần so với giá thực tế, gây thiệt hại cho người tiêu dùng. Tuy nhiên, chưa có quy định rõ ràng nào của pháp luật về vấn đề này, dẫn đến người tiêu dùng sử dụng sản phẩm của các công ty này thường với giá "trên trời" mà không có sự kiểm soát chặt chẽ từ phía cơ quan quản lý nhà nước. Quy định của pháp luật hiện hành mới đang hướng tới việc thắt chắt giai đoạn *"tiền kiểm"* và một số thay đổi về chế tài mà không có quy định khung rõ ràng về chất lượng sản phẩm và giá thành bán ra bên ngoài như thế nào. Theo

nguyên tắc của BHĐC, thì người tham gia bán hàng thông thường là người tiêu dùng cũ giới thiệu sản phẩm cho người tiêu dùng mới, do đó một cá nhân trước khi trở thành phân phối viên của mạng lưới BHĐC phải là người tiêu dùng yêu thích sản phẩm của DN. Còn thực trạng hiện nay, những người tham gia BHĐC muốn có cơ hội kiếm thêm thu nhập, nên đa số người tham gia BHĐC đều không quan tâm đến giá cả, chất lượng sản phẩm mà tham gia để tìm kiếm cơ hội kinh doanh nên việc kiểm chứng chất lượng thực tế sản phẩm bán ra từ những người tham gia bán hàng rất khó chính xác.

Thứ năm, về chế tài xử lý vi phạm BHĐC bất chính mặc dù pháp luật đã sửa đổi bổ sung mức xử phạt hành chính và đa dạng hình thức xử phạt như bồi thường thiệt hại, xử phạt hình sự với vi phạm BHĐC để phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.Tuy nhiên theo tác giả, với tính chất phức tạp và khả năng gây thiệt hại không lường được của hành vi BHĐC bất chính thì mức phạt đã được sửa đổi, bổ sung vẫn còn khá thấp, không đủ tính răn đe. Ví dụ: với quy định mới về chế tài hình sự, TNHS của hành vi vi phạm BHĐC mức phạt tiền cao nhất là 5 tỷ đồng, và mức phạt tù cao nhất cũng chỉ 5 năm tù. Với những phân tích ở chương 1 về sự tác động của hành vi BHĐC bất chính là vô cùng tiêu cực, gây thiệt hại về tài chính, ảnh hưởng nghiêm trọng đến các chủ thể có liên quan và toàn xã hội trong thời gian qua. Mức phạt của quy định trong BLHS về tội vi phạm BHĐC là quá nhẹ so với hậu quả tác động của hành vi khung hình phạt cao nhất chỉ 5 năm tù là nhẹ hơn rất nhiều so với với Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với khung hình phạt lên đến 20 năm và chung thân được áp dụng trước đây. Vì vậy, pháp luật Việt Nam cần xem xét sửa đổi lại cho phù hợp với hậu quả pháp lý mà hành vi gây ra. Bởi quy định riêng về tội vi phạm BHĐC với khung hình phạt thấp như vậy sẽ tạo khe hở là nơi "trốn" để đối tượng không bị xử lý về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông để chiếm đoạt tài sản". Giả thiết rằng, một người tham gia mạng lưới BHĐC của công ty BHĐC đã lấy hàng của công ty với số lượng hàng hóa có giá trị cao lên đến hơn 1,5 tỷ đồng, tuy nhiên người này không bán được hàng. Công ty đã không mua lại như cam kết gây thiệt hại cho người tham gia này, dẫn đến hậu quả người này tự tử vì không thu hồi lại được vốn đã bỏ ra.Vậy trường hợp gây thiệt hại nghiêm trọng về tiền lẫn tính mạng từ hành vi bất chính của DN BHĐC sẽ bị xử lý như thế nào? Hậu quả pháp lý mà DN đó vi phạm xác định ra sao? Pháp luật Hình sự cần quy định chặt chẽ, nghiêm minh hơn để có thể xử lý đúng người đúng tội, và chính xác với bản chất nguy hiểm của hành vi.

Vì vậy, pháp luật cần phải quy định chặt chẽ hơn nữa, tăng mức phạt và bổ sung thêm hình phạt để có thể nâng cao hiệu quả trong việc chống hành vi BHĐC bất chính.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Pháp luật chống BHĐC bất chính hiện hành đã có những bước tiến bộ thông qua việc học hỏi kinh nghiệm của các nước trên thế trong việc kiểm soặt chặt chẽ điều kiện kinh doanh BHĐC và tăng thêm chế tài xử lý vi phạm này. Điều này góp phầ tăng cường hiệu quả trong quản lý BHĐC và thực hiện BHĐC của các doanh nghiệp. Việc Chính phủ ban hành nghị định số 40/2018/NĐ-CP để thay thế cho Nghị định số 42/2014/NĐ-CP trước đó về quản lý hoạt động KDTPTĐC với nhiều điều kiện thay đổi trong đăng ký hoạt động BHĐC mang lại hi vọng mở ra một giai đoạn phát triển mới ngành hàng này, tạo ra môi trường minh bạch hơn cho những công ty chân chính hoạt động. Nghị định số 40/2018/NĐ-CP đã đưa ra nhiều điều kiện hơn để sàng lọc những DN BHĐC trên thị trường. Từ đó, chỉ những doanh nghiệp lớn mạnh và sẵn sàng tiếp tục đầu tư mới thỏa những điều kiện khắt khe này, giúp ngành hàng này phát triển bền vững tại thị trường Việt Nam.Theo đó, Nghị định này có các điều khoản siết chặt hơn về điều kiện kinh doanh, hoạt động và chế tài xử lý đối với các doanh nghiệp BHĐC nhằm mục đích hướng tới triệt tiêu hành vi BHĐC bất chính.

Mặc dù đã có sự thay đổi đáng kể nhưng pháp luật chống BHĐC bất chính ở Việt Nam vẫn bộc lộ một số hạn chế nhất định so với thực tế đang diễn ra hiện nay như: quy định xác định dấu hiệu BHĐC bất chính, đối tượng được phép kinh doanh bằng hình thức đa cấp, quy định về chất lượng hàng hóa hay các quy định về chế tài xử phạt đối với hành vi BHĐC bất chính. Điều này đòi hỏi cần phải có sự thay đổi, hoàn thiện hơn nữa các quy định của pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả trong việc chống BHĐC bất chính ở Việt Nam hiện nay.

Trên lộ trình nhằm kiểm soát và làm trong sạch môi trường kinh doanh BHĐC. Nhà nước cần xác định, những ưu điểm trong hệ thống pháp luật hiện hành cần được tích cực phát huy và những tồn tại, hạn chế cùng với nguyên nhân cần sớm được khắc phục, sửa chữa. Pháp luật BHĐC phải tiệm cận hơn với các chuẩn mực quốc tế, góp phần đảm bảo nâng cao hiệu quả trong việc chống BHĐC bất chính ở Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 3.
ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP NHẰM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHỐNG BÁN HÀNG ĐA CẤP BẤT CHÍNH

3.3. Định hướng hoàn thiện pháp luật chống bán hàng đa cấp bất chính

3.1.1. Nhận diện chính xác những hạn chế của pháp luật Việt Nam về chống bán hàng đa cấp bất chính

BHĐC mặc dù là hình thức kinh doanh tiến bộ hiện nay và không thể phủ nhận những đóng góp tích cực của lĩnh vực này đến xã hội và nền kinh tế. Tuy nhiên, những biến tướng của hành vi trở thành *"bất chính"* của hình thức kinh doanh này đã có những tác động cực kỳ nguy hiểm và sâu sắc tới xã hội.

Ở Việt Nam, lĩnh vực BHĐC du nhập vào muộn hơn khá nhiều so với các nước trên thế giới. Có thể nói đối với kinh nghiệm của pháp luật điều chỉnh hình thức kinh doanh này ở Việt Nam đang lạc hậu hơn so với các nước trên thể giới đã có kinh nghiệm hàng trăm năm kinh doanh trong lĩnh vực này. Dẫn đến, thị trường Việt Nam trở thành miếng bánh ngon cho các công ty đa cấp khai thác với những mánh khóe tinh vi làm biến dạng thị trường trong khi pháp luật của chúng ta chưa hoàn thiện. Mặc dù, để khắc phục những tồn tại, yếu điểm của pháp luật trước kia, Nhà nước đã ban hành Nghị định số 40/2018/NĐ-CP. Tuy nhiên, hiện nay đã xuất hiện rất nhiều những biến tướng mới trong hoạt động kinh doanh đa cấp mà Nghị đinh số 40/2018/NĐ-CP và các văn bản có liên quan chưa điều chỉnh được. Nhìn nhận thực tế thấy rằng, những động thái của các cơ quan chức năng dù mạnh mẽ, dù quyết liệt nhưng là hơi muộn và hệ thống các văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động BHĐC chưa thực sự đầy đủ cũng như để lại quá nhiều "khoảng trống thuận lợi" cho những hành vi kinh doanh đa cấp bất chính. Thực trạng quản lý, điều chỉnh hoạt động kinh doanh đa cấp tại Việt Nam cho thấy việc kiện toàn các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động kinh doanh đa cấp là muộn sau quá nhiều vụ việc "lùm xùm" của các DN BHĐC biến tướng. Sự ứng phó chậm cũng như tư duy "bỏ mặc", "không quản lý" vẫn diễn ra ở các cơ quan chức năng, các cơ quan công quyền. Thực tế, phải rất lâu (sau hơn 20 năm) các DN hoạt động trong lĩnh vực BHĐC (chủ yếu và phần lớn là các DN BHĐC bất chính) hoạt động mạnh mẽ và trục lợi ở mức tối đa nhất có thể từ người tiêu dùng đến giai đoạn "bão hòa" thì văn bản pháp luật mới mới ra đời nhằm mục đích phòng chống, ngăn ngừa. Rõ ràng, điều đáng nói ở đây đó là

khuôn khổ pháp lý trong lĩnh vực BHĐC ở Việt Nam đối với DN BHĐC bất chính có những tác động chưa lớn và mạnh ngay tại thời điểm "thịnh vượng" nhất của hoạt động đa cấp bất chính. Điều này cho thấy, nhận thức và tính dự báo của pháp luật về hoạt động BHĐC là gần như không có. Nó đặt ra câu hỏi pháp lý làm sao có thể khỏa lấp những khoảng trống mà các nhà làm luật chưa thể dự liệu để điều chỉnh cũng như chấn chỉnh lại những vi phạm của các DN và người tham gia BHĐC đối với người tiêu dùng và trật tự kinh tế - xã hội.

Để có thể hoàn thiện pháp luật về chống BHĐC bất chính, việc học hỏi có chọn lọc và tiếp thu một cách sáng tạo kinh nghiệm xây dựng pháp luật của một số nước tiến bộ trên thế giới để áp dụng vào xây dựng ngày một tốt hơn về pháp luật BHĐC nói chung và chống bán hàng đa cấp bất chính nói riêng ở trong nước là hết sức cần thiết.

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật chống bán hàng đa cấp bất chính xuất phát từ yêu cầu tất yếu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam

Trong thời gian qua Việt Nam đảm bảo ưu tiên thực hiện các cam kết trong các điều khoản quốc tế mà nhà nước đã ký kết hoặc gia nhập, thể hiện thái độ coi trọng các cam kết quốc tế, ưu tiên thực hiện tốt các quy định của điều ước quốc tế khi các quy định này khác với quy định của luật, pháp lệnh. Việc ưu tiên này là cần thiết để đảm bảm các điều ước quốc tế được thực hiện nghiêm chỉnh. Do đó, Việt Nam hiện nay đã và đang nỗ lực để cải tiến quy trình gia nhập thị trường cho DN dưới các hình thức rà soát lại toàn bộ quy trình, điều kiện, trình tự, thủ tục áp dụng để cho phù hợp với các thông lệ quốc tế. Vì là thành viên của tổ chức WTO nên cũng đòi hỏi Việt Nam phải rà soát lại hệ thống pháp luật để sao cho phù hợp, thống nhất với thông lệ quốc tế, đảm bảo với những yêu cầu của hội nhập WTO. Vì một trong những yêu cầu của tổ chức này là hệ thống pháp luật của các nước thành viên là thống nhất và minh bạch.

Ở Việt Nam, hệ thống pháp luật về BHĐC nói chung và chống BHĐC bất chính nói riêng đã được xây dựng tương đối đồng bộ, cơ bản phù hợp với thực tiễn BHĐC và chống BHĐC bất chính hiện nay. Đáp ứng được ở mức độ nhất định yêu cầu, đòi hỏi của sự phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, với sự pháp triển mạnh mẽ của ngành BHĐC trên thế giới và cũng như của Việt Nam, pháp luật chống BHĐC bất chính tại Việt Nam tiếp tục bộc lộ những hạn chế thiếu sót. Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, bảo đảm sự tương thích của pháp luật quốc gia với các không gian pháp lý có tính quốc tế đang đòi hỏi chúng ta phải đẩy mạnh việc đổi mới công tác lập pháp. Chúng ta phải rà soát, ban hành, sửa đổi những quy định của pháp luật đã có sao cho đáp ứng được yêu cầu của tình hình hiện nay. Do vậy, công tác lập pháp nói chung và hoàn thiện quy định chống BHĐC bất chính nói riêng của nước ta là tất yếu.

3.1.3. Hoàn thiện pháp luật chống bán hàng đa cấp bất chính nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người tham gia bán hàng đa cấp và người tiêu dùng

Trong những năm qua, công tác bảo vệ quyền lợi NTD đã được Đảng, Nhà nước quan tâm hơn và đạt được một số kết quả bước đầu, song vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Quyền lợi cơ bản của NTD vẫn bị xâm phạm nghiêm trọng, đe dọa đến sức khỏe, an toàn và tính mạng của người tiêu dùng. Nếu tình trạng này, không sớm được khắc phục, không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của nhân dân, mà còn suy giảm năng lực cạnh tranh quốc gia, chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế và để lại hậu quả nặng nề cho xã hội, đến niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trên có yếu tố khách quan, nhưng chủ yếu là nguyên nhân chủ quan. Năng lực thực thi pháp luật, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước còn nhiều hạn chế, bất cập, chưa có giải pháp căn cơ, hữu hiệu để ngăn chặn vi phạm và hỗ trợ người tiêu dùng nâng cao khả năng tự bảo vệ. Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật chưa đạt yêu cầu, hiệu quả kém.

Bảo vệ quyền lợi NTD không chỉ là trách nhiệm của Nhà nước mà còn là trách nhiệm của toàn cộng đồng. Trong thời gian qua, công tác bảo vệ quyền lợi NTD đã được Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân quan tâm hơn, bước đầu đạt được một số kết quả khả quan, song vẫn còn nhiều hạn chế yếu kém; quyền lợi cơ bản của NTD vẫn bị xâm phạm nghiêm trọng, đe dọa đến sức khỏe, an toàn tính mạng. Do đó, trong thời gian tới để phải khắc phục tình trạng này, trước hết cần phải tích cực rà soát, bổ sung nhằm hoàn thiện hệ thống pháp lý; vì vậy Ban bí thư đã ra Chỉ thị số 30/CT/TW ngày 22/01/2019 trong đó đưa ra: *"Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, lâu dài, là trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, của cán bộ, đảng viên và các tổ chức trong hệ thống chính trị và toàn xã hội. Khắc phục triệt để tình trạng thiếu trách nhiệm, vô cảm, thiếu quyết liệt của từng ngành, địa phương, đơn vị được phân công phụ trách; có cơ chế phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan, tổ chức và địa phương, trong đó có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể đối với từng cấp, từng ngành trong công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng"* [3- Trích giải pháp 1].

Ngoài ra, trong Chỉ thị số 30/CT/TW cũng nhấn mạnh: *"Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, tổ chức bộ máy chuyên trách, nâng cao năng lực thực thi pháp luật, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, tạo hành lang pháp lý thuận lợi và khả năng thực thi hiệu quả công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo hướng thống nhất, đồng bộ và phù hợp với tập quán tiêu dùng của người dân trong bối cảnh hội nhập quốc tế, sự phát triển của khoa học, công nghệ và xu hướng phát triển các giao dịch thương mại điện tử. Công khai, minh bạch các thông tin liên quan đến tiêu chuẩn và nguồn*

gốc xuất xứ sản phẩm, hàng hóa. Hoàn thiện cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi của các cơ quan quản lý nhà nước và các hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng" [3- Trích giải pháp 1].

Có thể thấy việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của NTD luôn được nhà nước quan tâm song hành cùng với sự phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay.

Hiện nay, hành vi BHĐC bất chính của các DN kinh doanh đa đa cấp hầu hết là xâm phạm vào quyền lợi của người tham gia bán hàng. Ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người tham gia mạng lưới BHĐC.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP *"Người tham gia bán hàng đa cấp là cá nhân giao kết hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp với doanh nghiệp bán hàng đa cấp".* DN BHĐC và người tham gia BHĐC là các đối tác của nhau cùng hợp tác, cùng có lợi một cách bình đẳng trong giao dịch này. Khoản 3 Điều 3 Nghị định 40/2018/NĐ-CP quy định *"Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp là thỏa thuận bằng văn bản về việc tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp giữa cá nhân và doanh nghiệp bán hàng đa cấp"*. Địa vị pháp lý của người tham gia BHĐC là tư cách của chủ thể đó khi tham gia vào quan BHĐC theo quy định của pháp luật. Tư cách pháp lý cũng chính là địa vị pháp lý thể hiện vị trí, vai trò của chủ thể đó trong quan hệ pháp luật nói trên đồng thời đi liền với nó là quyền lợi, nghĩa vụ cũng như trách nhiệm pháp lý phát sinh, về bản chất đây chính là hợp đồng thương mại. Vì vậy, đối với thỏa thuận của DN và ngươi tham gia BHĐC phải thỏa mãn các nguyên tắc cơ bản của pháp luật về giao kết hợp đồng như: Tự do thỏa thuận trong khuôn khổ pháp luật - đạo đức xã hội, tự nguyện, bình đẳng và được pháp luật bảo vệ lợi ích hợp pháp khi tham gia giao dịch này.

Hiện nay, mặc dù quy định của pháp luật về BHĐC đã có những hiệu quả nhất định trong hoạt động chống BHĐC bất chính. Tuy nhiên quyền lợi của người tiêu dùng và người tham gia BHĐC vẫn bị xâm phạm nghiệm trọng bởi các DN BHĐC bất chính. Vì vậy, việc hoàn thiện quy định của pháp luật chống BHĐC bất chính để bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng là hết sức cần thiết.

3.1.4. Hoàn thiện pháp luật nhằm đảm bảo tính đồng bộ của pháp luật, chặt chẽ trong quản lý nhà nước hướng tới mục tiêu chống bán hàng đa cấp bất chính

Hoàn thiện pháp luật chống BHĐC bất chính phải hướng tới sự thống nhất. Tính thống nhất được thể hiện trong cả hệ thống pháp luật chống BHĐC bất chính cũng như trong từng bộ phận hợp thành của pháp luật chống BHĐC bất chính (pháp luật về quyền lợi của người tham gia BHĐC, pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng khi mua hàng hóa của các DN BHĐC, pháp luật về quản lý và tổ chức thực hiện mạng lưới BHĐC, pháp luật về trách nhiệm pháp lý đối với BHĐC bất chính); giữa các nhóm quy phạm pháp luật không được trùng lặp,

chồng chéo, mâu thuẫn. Điều này đòi hỏi mỗi văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đảm bảo sự nhất quán, hài hòa về nội dung; đồng thời giữa các văn bản đảm bảo tính thứ bậc về giá trị pháp lý, tuân thủ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Hiện nay các quy định của các văn bản luật liên quan cũng như các văn bản dưới luật quy định về chống BHĐC bất chính, xử lý hình sự và bồi thường thiệt hại do hành vi BHĐC bất chính gây ra rất đa dạng. Tuy nhiên, một số quy định ấy lại có sự trùng lắp, chồng chéo về phạm vi điều chỉnh dẫn đến mâu thuẫn, chồng chéo về thẩm quyền, mức xử phạt. Sự thiếu hoàn thiện trong khung pháp lý xử phạt hoạt động BHĐC bất chính được thể hiện:

Thứ nhất, những quy định về xử phạt BHĐC bất chính là rất hạn chế cả về số lượng các quy định và cơ chế thực thi;

Thứ hai, hiệu quả xử lý các hành vi bán hàng còn ở mức thấp. Do đó, hệ quả dẫn đến là thực tế có những hành vi xét về bản chất là những hành vi BHĐC bất chính nhưng lại chưa bị xử lý hoặc xử lý chưa nghiêm minh, hiệu quả thực thi pháp luật chưa cao, dẫn đến việc những hành vi BHĐC bất chính vẫn tiếp diễn và gây thiệt hại cho xã hội. Bên cạnh đó, việc xử phạt hành vi BHĐC bất chính ngoài liên quan đến luật Cạnh tranh thì cũng liên quan đến các luật hình sự, hành chính, Dân sự. Do đó, để đáp ứng được tình hình kinh tế, xã hội biến động, phát triển đồng thời hạn chế tình hình một số quy định trong các nghị định có sự trùng lắp, chồng chéo về phạm vi điều chỉnh dẫn đến mâu thuẫn, chồng chéo về thẩm quyền, mức xử phạt thì những nhà làm luật, cơ quan có thẩm quyền ban hành luật cần xây dựng một dự án luật riêng quy định thống nhất về các chế tài xử phạt cũng như ngăn chặn hành vi BHĐC bất chính thống nhất với các qui định hiện hành. Vậy, việc xây dựng một hệ thống các quy định pháp luật về chống BHĐC bất chính thống nhất, hỗ trợ cho nhau là vô cùng cần thiết.

Việc hoàn thiện pháp luật chống BHĐC bất chính đồng thời cần hướng tới sự đồng bộ trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Hiến pháp với tư cách là đạo luật cơ bản của Nhà nước nên sẽ là nguồn của mọi lĩnh vực pháp luật quốc gia, trong đó có pháp luật chống BHĐC bất chính; bởi vậy pháp luật chống BHĐC bất chính trước hết phải phù hợp với các quy định trong Hiến pháp. Bên cạnh đó, hình thức BHĐC là một phương thức kinh doanh thương mại gắn liền với hoạt động thương mại nên pháp luật về chống BHĐC cũng phải đồng bộ với các quy định điều chỉnh của lĩnh vực pháp luật thương mại và có sự liên ngành, đồng bộ với những lĩnh vực có liên quan khác như: pháp luật cạnh tranh, pháp luật Bộ luật hình sự, Bộ luật lao động, Luật xử lý vi phạm hành chính...

Nhìn ra thế giới, quá trình phát triển của BHĐC trên phạm vi toàn cầu đang cho thấy xu hướng phát triển mạnh mẽ, và với những kinh nghiệm quản lý nhà nước, ban hành pháp lý quản lý chặt chẽ BHĐC nhằm chống lại hành vi BHĐC bất chính với những tấm gương thành công đáng học hỏi trên con đường bảo vệ môi trường kinh doanh đa cách một cách trong sạch.

Do vậy, pháp luật chống BHĐC bất chính ở Việt Nam cần phải được hoàn thiện để theo sát xu hướng mới của pháp luật quốc tế cũng như tiếp thu có chọn lọc việc xây dựng và thực hiện pháp luật chống BHĐC bất chính của các nước trong khu vực và trên thế giới, nhất là kinh nghiệm từ các nước có hệ thống BHĐC phát triển, tiến bộ., các nước đã nhanh chóng thành công trong việc chống BHĐC bất chính.

Tính đến cuối năm 2020, các quốc gia có thị trường BHĐC phát triển mạnh nhất, dẫn đầu về doanh thu toàn thế giới là: Mỹ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đức, Nhật Bản, Brazil, Malaysia, Mexico Trong đó, Mỹ chiếm khoảng 22,2605%; Trung Quốc chiếm khoảng 10,649%; Đức chiếm 9,974%; Hàn Quốc chiếm 9,8523%; Nhật Bản 8,555%, Brazil chiếm khoảng 4,581% Malaysia 3,8337%, Mexico 2,9294%, Pháp 2,848%, Đài Loan (Trung Quốc) 2,477% còn lại các quốc gia khác là 22,2% (Theo số liệu của Hiệp hội bán hàng trực tiếp thế giới - World Federation of Direct Selling Associations – WFDS) [121].

Một số thị trường BHĐC lớn mạnh trên thế giới như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản… đều xây dựng văn bản mang tính pháp lý để điều chỉnh riêng loại hình BHĐC (ngoài Luật thương mại). Các văn bản thường xuyên được hoàn thiện để phục vụ cho công tác quản lý ngành BHĐC, giúp các DN hoạt động tuân thủ pháp luật, bảo vệ quyền lợi cho người tham gia bán hàng đa cấp và người tiêu dùng.

3.4. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật chống bán hàng đa cấp bất chính

3.2.1. Nhóm giải pháp sửa đổi bổ sung và hoàn thiện các quy định pháp luật về chống bán hàng đa cấp bất chính

Xét về bản chất, BHĐC không xấu mà ngược lại đã mang lại lợi ích cho doanh nghiệp cho người tiêu dùng, và tạo thêm thu nhập cho người tham gia BHĐC, tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội. Nhưng hiện nay BHĐC đang biến tướng khôn lường, lừa đảo người tham gia mạng lưới và người tiêu dùng ngày càng lan rộng và tinh vi hơn. Để đưa ra được một phương án mang ý nghĩa lâu dài, đưa hoạt động BHĐC phát triển đúng hướng thì vấn đề quan trọng được đặt ra đó chính là tập trung hoàn thiện khung pháp lý và định hướng cho hoạt động BHĐC trong thời gian tới đi vào khuôn khổ của luật pháp. Chúng ta không thể phủ nhận sự nỗ lực của Nhà nước khi ban hành mới những văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động BHĐC cũng như việc phát hiện và kịp thời điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bằng các văn bản khác sao cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước, cho phù hợp với các cam kết quốc tế. Và thực tế, pháp luật về hoạt động BHĐC đã điều chỉnh được những vấn đề cơ bản trong hoạt động BHĐC hiện nay, song dường như điều này cũng chỉ dừng lại ở những vấn đề cơ bản, chưa hoàn toàn thoả mãn nhu cầu ngày càng phát triển của thị trường. Hiện nay, các doanh nghiệp BHĐC ngày càng tích lũy được kinh nghiệm đối phó với việc quản lý của các cơ quan nhà nước, hoạt động thủ đoạn hơn. Vì thế, việc tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về BHĐC là một việc làm hết sức cần thiết để điều chỉnh hoạt động kinh doanh này. Nếu được

quản lý tốt, chặt chẽ, BHĐC sẽ có đóng góp lớn cho cộng đồng, cho sự phát triển kinh tế của đất nước. Do đó, Nhà nước cần sớm sửa đổi bổ sung quy định pháp luật hiện hành để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các chủ thể có liên quan. Trên cơ sở những định hướng và nguyên tắc hoàn thiện trên, luận án đưa ra một số giải pháp cụ thể cho việc hoàn thiện pháp luật chống BHĐC bất chính về các vấn đề sau:

3.2.1.1. Bổ sung quy định về bán hàng đa cấp bất chính

Theo nghiên cứu sinh cần bổ sung thêm điều khoản quy định BHĐC bất chính vào Nghị Định số 40/2018/NĐ-CP giống như quy định của các văn bản pháp luật của Việt Nam về quản lý BHĐC trước kia là hết sức cần thiết bởi các lý do:

Thứ nhất, theo kinh nghiệm trên thế giới, pháp luật của nhiều nước đã phân định rạch ròi 2 thuật ngữ BHĐC *(multi – level marketing)* và BHĐC bất chính (*illegal multi – level marketing)* làm rõ ranh giới về sự hợp pháp và bất hợp pháp của các hành vi này. Về quan niệm như thế nào là hoạt động BHĐC hợp pháp được phép hoạt động và BHĐC bất chính bị cấm thực hiện, mặc dù mỗi quốc gia đều đưa ra những tên gọi khác nhau cho hình thức BHĐC bất chính như mô hình hình tháp ảo, mô hình chuỗi lừa đảo, mô hình giao dịch tài chính không dựa trên việc mua bán thực sự…thì về bản chất, khi diễn giải trong điều luật của mình, các quốc gia đều có chung quan điểm đây là một hình thức biến tướng của BHĐC, trong đó lợi nhuận/ hoa hồng trả cho các cấp tham gia trong mạng lưới không xuất phát từ việc bán/tiêu dùng sản phẩm mà chủ yếu phát sinh từ việc tuyển dụng thêm những thành viên mới vào mạng lưới. Việc quy định rõ ràng về BHĐC hợp pháp và "*bất chính"* cũng tránh bị nhầm lẫn với các vi phạm BHĐC khác mà không có dấu hiệu bất chính.

Thứ hai, về tính chất mức độ vi phạm của hành này nghiêm trọng và phức tạp cần có một điều luật riêng quy định cụ thể, tổng quát để từ đó về mặt logic sẽ đưa ra những chế tài riêng biệt và nghiêm khắc đối với hành vi này. Pháp luật cần làm rõ mục đích thu lợi bất chính của hành vi. Mục đích thu lợi thuộc phạm trù chủ quan, nếu coi nó là một trong hai căn cứ pháp lý (điều kiện cần và đủ) để kết luận có hay không có sự vi phạm, pháp luật cần đưa ra được những dấu hiệu pháp lý cụ thể, khách quan và thống nhất. Nếu không, sự suy đoán của người thực thi pháp luật khi kết luận về mục đích của hành vi sẽ làm sai lệch hiệu quả của pháp luật và dễ dàng tạo ra sự tùy tiện khi áp dụng pháp luật. Mục đích thu lợi bất chính có nhất thiết đã đạt được hay chưa? BHĐC bất chính nên được xác định căn cứ vào khả năng gây thiệt hại của nó đối với thị trường, đối với đời sống xã hội và bản chất trái đạo đức, tập quán kinh doanh hơn là dựa vào khả năng thu lợi cho người thực hiện. Việc xác định tính bất chính của BHĐC phải được thực hiện dựa trên việc phân tích biểu hiện của các vi phạm, không cần thiết phải xác định sự bất chính dựa vào mục đích của các hành vi BHĐC bất chính. Cách xác định này

cũng phù hợp với quy định pháp luật của một số nước khác như Canada, Đài Loan. Chẳng hạn người dân rơi vào bẫy của DN BHĐC dùng chiêu trò như tư vấn người dân đầu tư, nộp tiền tham gia. Ví dụ: DN tư vấn, thuyết phục người dân tham gia bằng cách mua các mã sản phẩm trị giá 46 triệu đồng vì đang có chương trình khuyến mại, nếu tham gia thì không những nhận được sản phẩm mà sau 1-2 năm "thoát ra" cũng sẽ nhận được số tiền rất lớn là 138 triệu đồng và coi như là hình thức tiết kiệm cho tuổi già,… Đây là một hình thức lách luật chiếm dụng vốn bất chính mà không có dấu hiệu vi phạm BHĐC bất chính vì không phải là hành vi yêu cầu đặt cọc hoặc mua một số lượng hàng hóa ban đầu để tham gia mạng lưới BHĐC.

Về cơ bản, Nghị định số 40/2018/NĐ-CP nhìn nhận BHĐC là hình thức bán lẻ hàng hóa: Công ty BHĐC có thể là công ty trực tiếp sản xuất, tiếp thị, bán lẻ sản phẩm hoặc phân phối hàng hóa do công ty khác sản xuất. Công ty đa cấp bán lẻ hàng hóa thông qua mạng lưới tiếp thị. Tuy nhiên, hiện nay đang xuất hiện nhiều loại hình đa cấp khác, như kêu gọi vốn đầu tư đối tượng không phải là hàng hóa. Cụ thể như đầu tư tiền vào các dự án tài chính, khóa học, ví điện tử… đây là hình thức đầu tư đa cấp nhưng không mua bán hàng hóa thực sự, sử dụng công nghệ số, thương mại điện tử, là những lĩnh vực không thuộc phạm vi quản lý của nghị định số 40/2018/NĐ-CP để qua mặt cơ quan điều tra, gây khó khăn trong công tác quản lý.

Nhiều hoạt động BHĐC biến tướng, không phép (không đăng ký hoạt động chính thống) có xu hướng phát triển, đặc biệt là các hoạt động kêu gọi đầu tư, huy động tài chính sử dụng phương thức BHĐC trong khi BCT không có thẩm quyền quản lý các đối tượng này...

Những hành vi kinh doanh này đã tổ chức theo phương thức đa cấp ảnh hưởng nghiêm trọng tới xã hội, người dân, nhà đâu tư bị thiệt hại kinh tế tài chính và ảnh hưởng tới uy tín của ngành BHĐC. Nên, pháp luật không chỉ xác định hành vi vi phạm BHĐC bất chính là việc mà các DN BHĐC có những hành vi vi phạm các dấu hiệu liệt kê được coi là bất chính như trước đây mà phải mở rộng thêm cả đối với hành vi BHĐC không đăng ký kinh doanh theo phương thức này mà có những hành vi lừa đảo, thu lợi bất chính sẽ được xác định là BHĐC bất chính.

Thứ ba, tiếp cận dưới góc độ tập quán kinh doanh và đạo đức kinh doanh. Bản chất của kinh doanh là tìm kiếm lợi nhuận, làm giàu. Nhưng phải làm giàu hợp pháp và hợp đạo đức thì mới không bị pháp luật trừng trị và mới được xã hội đề cao. Lợi nhuận là kết quả mong đợi của kinh doanh, nhưng lợi nhuận không phải là tất cả, nghĩa là tiền không phải là tất cả để DN có thể bất chấp mọi thủ đoạn để đạt được nó. Đạo đức kinh doanh là một phần không thể thiếu để tạo ra lợi nhuận trong môi trường cạnh tranh, là quy tắc ứng không thể thiếu được với mọi DN cần sự trường tồn và phát triển bền vững. DN có đạo đức kinh doanh là thể hiện trách nhiệm của mình đối với cộng đồng, thể hiện sự tôn trọng đối với người tiêu dùng và xã hội.

Nói một cách ngắn gọn DN có đạo đức kinh doanh là DN có trách nhiệm XH. Đạo đức kinh doanh là vấn đề phức tạp trong phạm vi một đất nước, nhưng chúng còn phức tạp hơn khi xét trong bối cảnh toàn cầu. Để hình thành mỗi môi trường đạo đức kinh doanh, phải có một số điều kiện được thiết lập bao gồm: Sự bền vững của xã hội, tính hợp pháp của thể chế và trách nhiệm của Chính phủ ở Việt Nam. Điều này đã được ngày càng nhiều DN nhận thức thể hiện sự tính trung thực, văn minh trong kinh doanh tạo ra một nền kinh tế phát triển bền vững. Cùng với quá trình phát triển của đất nước, trách nhiệm đó sẽ được đề cao hơn cùng với sự hoàn thiện của khung pháp luật, bộ máy nhà nước, thể chế kinh tế.

Có một số DN BHĐC hiện nay đã sử dụng những thủ đoạn trái đạo đức kinh doanh thể hiện sự không lành mạnh trong kinh doanh: như đeo bám làm phiền ảnh hưởng đến cuộc sống của người mua hàng, quảng cáo sai sự thật về sản phẩm, về công dụng hoặc thổi phồng chất lượng sản phẩm một cách không tưởng, giá thành sản phẩm quá cao không tương xứng chất lượng với các lý do hàng sản xuất từ những chuyên gia công nghệ hàng đầu từ nước ngoài mà không có bất kỳ giấy tớ kiểm định chứng minh nào, lợi dụng phương thức bán hàng nhằm lôi kéo người tham gia vào DN để chiếm dụng vốn với các cách thức khác nhau đã được phân tích tại phần thực trạng… những điều này thể hiện sự thiếu minh bạch, lừa dối khách hàng trong việc kinh doanh nhằm mục đích lôi kéo khách hàng, người tham gia BHĐC một cách bất chính gây ra thiệt hại. Hành vi này được xác định là hành vi thương mại không trung thực của các DN BHĐC trong quá trình kinh doanh trái với nguyên tắc thiện chí, đạo đức, tập quán thương mại và các chuẩn mực khác trong kinh doanh, gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và các DN khác.

Vì vậy, việc pháp luật quy định riêng về BHĐC bất chính là cần thiết. Bởi như vậy khi xử lý với các hành vi BHĐC trái với đạo đức kinh doanh, tập quán kinh doanh để thu lợi bất chính cơ quan quản lý nhà nước sẽ có căn cứ pháp luật áp dụng rõ ràng và dễ xử lý hơn.

Với việc bổ sung quy định mới với hành vi BHĐC bất chính thì ngoài việc liệt kê ra các của hành vi được xác định là BHĐC bất chính cụ thể rõ ràng để người dân đọc và hiểu được cụ thể về hành vi đó thì pháp luật về quản lý BHĐC cần cũng cần phải đưa ra định nghĩa cụ thể làm rõ dấu hiệu pháp lý của hành vi vi phạm, mục đích thu lợi bất chính của hành vi BHĐC bất chính. Phải mở rộng quy định và lường trước được những hành vi BHĐC đi ngược với đạo đức tập quán kinh doanh gây thiệt hại cho cộng đồng và xã hội nhằm mục đích không để lọt lưới tội phạm, không oan sai cho các DN BHĐC.

Với những phân tích trên, tác giả kiến nghị bổ sung định nghĩa về BHĐC bất chính vào trong quy định của pháp luật, cụ thể là Nghị định số 40/2018/NĐ-CP như sau:

"BHĐC bất chính là hành vi KDTPTĐC mà trong đó DN, người tham gia BHĐC đã sử dụng các thủ đoạn lừa dối, vi phạm pháp luật về BHĐC hoặc trái với chuẩn mực đạo đức, tập quán kinh doanh nhằm chiếm dụng tài chính của người tham gia, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng nhằm trục lợi bất hợp pháp. DN thực hiện hành vi BHĐC bất chính có thể là các DN đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật về BHĐC hoặckhông đăng ký KDTPTĐC."

Ở định nghĩa này đã thể hiện tính bao quát nhưng vẫn cụ thể đối với những vi phạm về BHĐC bất chính. Việc thực hiện BHĐC bất chính không bị bó hẹp giới hạn là các DN BHĐC được cấp phép có hành vi kinh doanh lừa dối mà cả những DN BHĐC mà không đăng ký kinh doanh thực hiện các hành vi xâm phạm vào lợi ích hợp pháp của các chủ thể có liên quan để trục lợi bất hợp pháp cũng được xác định là hành vi BHĐC bất chính. Với việc bổ sung quy định pháp luật về BHĐC bất chính nêu trên giúp cho cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực BHĐC dễ dàng trong việc áp dụng xử lý những vi phạm BHĐC bất chính xảy ra.

3.2.1.2. Về chất lượng, giá cả hàng hóa của doanh nghiệp bán hàng đa cấp

Một trong những nguyên nhân chính dẫn tới việc các DN BHĐC thực hiện hành vi kinh doanh trục lợi biến tướng gây thiệt hại cho xã hội chính là quy định lỏng lẻo của pháp luật về kiểm soát chất lượng, giá cả hàng hóa của phương thức bán hàng này.

Về chất lượng, giá cả hàng hóa của DN BHĐC hiện nay chưa được quy định cụ thể rõ ràng. Trong Nghị định số 40/2018/NĐ-CP chất lượng và giá cả hàng hóa chỉ được quy định khá chung chung, không có quy định chi tiết kiểm soát chặt chẽ vấn đề này. Dẫn đến về thực tiễn các DN BHĐC dễ dàng lách luật, quảng cáo thổi phồng chất lượng sản phẩm, giá cả gây thiệt hại cho người tiêu dùng và người tham gia BHĐC cũng dễ dàng bị lừa về chất lượng sản phẩm mang đi bán cho DN kinh doanh đa cấp.

Ở các nước phát triển, nhất là ở Mỹ mục đích của BHĐC là tiết kiệm thời gian trong việc đưa các sản phẩm tốt nhất, có chất lượng nhất từ nhà sản xuất tới tay người tiêu dùng.

Còn ở một số DN BHĐC tại Việt Nam, chất lượng hàng hóa không được chú trọng, giá trị sản phẩm bị nâng khống lên rất nhiều, không đúng với giá trị đồng tiền của người mua bỏ ra, các công ty BHĐC chỉ lo làm sao phát triển được hệ thống có đông người tham gia. Vì vậy, họ chỉ chú trọng đến các hình thức khuếch trương, "đánh bóng" tên tuổi, trích hoa hồng vô tội vạ để thu hút càng đông người tham gia càng tốt.

Tại khoản 3 Điều 40 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP *quản lý hoạt động KDTPTĐC* chỉ quy định về trách nhiệm của DN BHĐC là xây dựng, công bố giá bán của hàng hóa BHĐC và tuân thủ giá bán đã công bố mà không có bất kì một quy định nào cụ thể chi tiết về giá và chất

lượng sản phẩm được bán với phương thức đa cấp, nguy cơ trục lợi rất lớn nếu không có khung pháp lý quản lý chặt chẽ.

Vì vậy theo nghiên cứu sinh, Nhà nước cần bổ sung một số quy định nhằm kiểm chặt chẽ chất lượng và giá cả của các sản phẩm được bán ra bởi các DN BHĐC:

Thứ nhất, cần bổ sung vào Nghị định 40/2018/NĐ-CP *quản lý hoạt động KDTPTĐC* quy định các biện pháp kiểm soát thắt chất lượng và giá bán các loại hàng hóa trong "*Danh mục sản phẩm KDTPTĐC"* kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC.

Thứ hai, theo kinh nghiệm của Trung Quốc là một trong những quốc gia mà ở đó hoạt động BHĐC biến tướng, mất kiểm soát xảy ra rất phức tạp. Hoạt động BHĐC tuy được thừa nhận nhưng chỉ được thực hiện hạn chế theo Quy tắc quản lý bán hàng trực tiếp (*Regulation on Direct selling administration*) áp dụng từ 01/12/2005 [96]. Các quy định tại quy tắc này hạn chế sản phẩm được KDTPTĐC là hàng tiêu dùng. Các DN muốn kinh doanh mô hình đa cấp bắt buộc phải có nhà máy sản xuất tại Trung Quốc. Việc quản lý bằng cách quy định sản phẩm BHĐC phải được sản xuất tại Trung Quốc giúp cho cơ quan quản lý nhà nước kiểm soát được giá cả, chất lượng hàng hóa. Ở Việt Nam hiện nay tính chất của BHĐC cũng rất phức tạp, khó kiểm soát nên chúng ta nên học hỏi kinh nghiệm quản lý chất lượng hàng hóa sản phẩm được bán ra bởi các DN kinh doanh theo phương thức này, Nhà nước nên quy định DN BHĐC phải có nhà máy sản xuất trực tiếp tại Việt Nam để có thể kiểm soát chất lượng đầu vào và hàng hóa được bán ra thị trường một cách nghiêm ngặt.

Thứ ba, cần phải quy định về sản phẩm bán ra phải có xuất xứ rõ ràng, dán nhãn mác, công dụng…đầy đủ và phải ghi bằng Tiếng Việt. Các sản phẩm kinh doanh theo phương thức bán hàng đa cấp có rất nhiều sản phẩm là thực phẩm chức năng, trên thực tế đã gây ra ngộ nhận về chức năng chữa bệnh của sản phẩm, ảnh hưởng đến sức khỏe của người tiêu dùng do sử dụng không đúng cách hoặc do nhà phân phối tư vấn không đúng sự thật về công dụng của sản phẩm. Do đó, các sản phẩm nào liên quan trực tiếp tới sức khỏe người tiêu dùng, Nhà nước nên quy định bổ sung vào Nghị định 40/2018/NĐ-CP thêm cơ chế tiền kiểm đối với chất lượng, tính năng công dụng sản phẩm BHĐC là thực phẩm chức 6 năng phải đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, hướng dẫn cụ thể cách thức sử dụng và các yêu cầu khác của ngành Y tế liên quan tới sức khỏe của con người khi sử dụng. Pháp luật cần quy định cụ thể các mặt hàng được phép được KDTPTĐC hơn là quy định loại trừ những mặt hàng không được phép kinh doanh như trong Nghị định 40/2018/NĐ-CP. Song song với quy định này, cơ quan chức năng cũng cần thắt chặt hoạt động quản lý giám sát về khâu nhập khẩu và sản xuất hàng hoá để đảm bảo tốt về chất lượng sản phẩm. Nhà nước cũng cần thành lập một cơ quan hay tổ chức riêng chuyên về kiểm định chất lượng sản phẩm để đảm bảo được quyền lợi của người tiêu dùng đồng thời tránh được hiện tượng lừa đảo của các DN BHĐC bất chính hiện nay.

3.2.1.3. Hoàn thiện một số quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh

Theo quy định tại Nghị định số 40/2018/NĐ-CP, các DN đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC được cấp theo Nghị định số 42/2014/NĐ-CP về quản lý hoạt động BHĐC có thời hạn 9 tháng kể từ ngày 2/5/2018 để đáp ứng các điều kiện tại Nghị định số 40/2018/NĐ-CP. Sau ngày 1/2/2019, các DN không đáp ứng điều kiện sẽ bị xem xét thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC. Điều này đồng nghĩa với việc nếu các doanh nghiệp BHĐC chân chính từ trước tới nay không đủ điều kiện được quy định trong Nghị định số 40/2018/NĐ-CP sẽ phải chấm dứt hoạt động, điều này chắc chắn sẽ gây thiệt hại không nhỏ tới các chủ sở hữu các nhà đầu tư, và cũng ảnh hưởng phần nào tới những người đang tham gia BHĐCtrong các DN này.

Việc quá thắt chặt điều kiện "tiền kiểm" đối với các DN KDTPTĐC hiện nay chỉ nên mang tính tạm thời để giải quyết tình trạng BHĐC bất chính đang diễn ra phức tạp trong thời gian vừa qua. Bởi nếu việc quy định này kéo dài quá lâu sẽ ảnh hưởng tới quyền tự do kinh doanh của các DN, và làm cho các nhà đầu tư ở Việt Nam khó khăn trong việc tham gia vào lĩnh vực kinh doanh này. Vô hình chung pháp luật Việt Nam đang hạn chế sự phát triển của các DN BHĐC trong nước, tạo điều kiện cho các ông lớn, các DN đa cấp trên thế giới bành chướng pháp triển trong thị trường BHĐC Việt Nam.

Có thể thấy, những quy định trong nghị định số 40/2018/NĐ-CP đã học hỏi khá nhiều theo kinh nghiệm quy định pháp luật về quản lý BHĐC trên thế giới, đển hình là của Trung Quốc và Hàn Quốc về các quy định "tiền kiểm" của các DN khi đăng ký BHĐC. Những quy định về tiền kiểm như vậy chỉ nên mang tính tạm thời khi nhận thức của người dân về BHĐC còn hạn chế, dễ bị lợi dụng lòng tin dẫn đến bị lừa đảo nhằm kiểm soát chặt chẽ đối với các DN BHĐC tránh tình trạng biến tướng. Tuy nhiên có thể thấy hiện nay, nhận thức của nhân dân trong xã hội đã dần dần thay đổi và cải thiện thông qua sự tuyên truyền của báo đài, internet… về BHĐC để có thể phân biệt được hành vi như thế nào là đa cấp bất chính. Mặc dù BHĐC vẫn cần phải kiểm soát chặt chẽ vì những đặc thù của ngành nhưng phải phù hợp với chủ trương chung của Chính phủ về tăng cường thu hút đầu tư, tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh của DN, tháo gỡ các rào cản pháp lý nhằm tạo điều kiện cho DN tối đa hóa hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nên, để phù hợp với sự pháp triển kinh tế của đất nước và đảm bảo quyền kinh doanh của các DN, các nhà đầu tư thì về lâu dài pháp luật Việt Nam cần sửa đổi một số quy định về điều kiện đăng ký KDTPTĐC.

Thứ nhất, về đối tượng được phép kinh doanh theo phương thức đa cấp

Hiện nay, mô hình BHĐC gắn liền với kinh doanh hàng hóa sử dụng mạng lưới người tham gia để đưa hàng trực tiếp đến người tiêu dùng. Với sự phát triển của lĩnh vực dịch vụ

trong thời gian gần đây, mô hình BHĐC có thể được sử dụng để tiếp thị các dịch vụ, theo đó người tham gia sẽ thực hiện các hoạt động tiếp thị, xúc tiến thương mại giúp DN cung cấp dịch vụ cho người tiêu dùng và được doanh nghiệp trả hoa hồng trích từ phí dịch vụ thu được.

Theo pháp luật Việt Nam dịch vụ không được coi là đối tượng KDTPTĐC, quy định này được cụ thể tại Điều 4 Nghị định số 40/2018/NĐ–CP.

Với quy định này pháp luật về BHĐC ở Việt Nam không thừa nhận hoạt động cung ứng dịch vụ theo phương thức đa cấp. Theo nghiên cứu sinh pháp luật cần mở rộng đối tượng KDTPTĐC bao gồm cả hoạt động cung ứng dịch vụ thương mại với những lý do sau:

Một, hiện nay cùng với sự phát triển của lĩnh vực dịch vụ, mô hình đa cấp có thể được sử dụng để tiếp thị các loại hình dịch vụ, theo đó người tham gia sẽ thực hiện các hoạt động tiếp thị, xúc tiến thương mại giúp DN quảng bá và cung cấp dịch vụ cho người tiêu dùng và được doanh nghiệp trả hoa hồng trích từ phí dịch vụ thu được. Kinh doanh đa cấp đối với *"dịch vụ"* là một hình thức kinh doanh hoàn toàn hợp pháp tại hầu hết các quốc gia trên thế giới. Pháp luật về BHĐC tại Đài Loan, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Hàn Quốc….

Tại khoản 1 Điều 2 Luật bán hàng tận cửa của Hàn Quốc 2005 quy định: "*bán hàng tận cửa"* có nghĩa là một người tham gia vào việc bán hàng (bao gồm bán hàng ký gửi và môi giới; sau đây cũng sẽ áp dụng) hàng hóa hoặc *dịch vụ (bao gồm cả quyền sử dụng một cơ sở nhất định hoặc nhận dịch vụ, sau đây sẽ áp dụng tương tự) bán hàng hóa hoặc dịch vụ (sau đây gọi là "hàng hóa hoặc dịch vụ")* bằng cách mời chào người tiêu dùng ở bất cứ nơi nào, ngoài văn phòng bán hàng, cửa hàng phân phối, hoặc địa điểm kinh doanh khác theo quy định của Pháp lệnh của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là "nơi kinh doanh") để nhận đăng ký hợp đồng hoặc ký kết hợp đồng (bao gồm cả nơi người đó mời người tiêu dùng ở bất kỳ nơi nào, không phải là nơi kinh doanh đưa ra khuyến nghị hoặc bằng các phương thức khác theo quy định của Pháp lệnh mà Thủ tướng Chính phủ đã ban hành để nhận đăng ký hợp đồng hoặc ký kết hợp đồng tại nơi kinh doanh)[93].

Trong Đạo Luật quản lý bán hàng đa cấp của Đài Loan năm 2014 cũng đã đề cập đến dịch vụ là đối tượng được phép kinh doanh đa cấp ở Đài Loan, cụ thể: "*Thuật ngữ "tiếp thị đa cấp" được sử dụng trong Đạo luật này có nghĩa là hoạt động tiếp thị nhằm thành lập tổ chức đa cấp bằng cách cho người tham gia giới thiệu người mới tham gia vào doanh nghiệp bán hàng đa cấp và quảng bá, bán hàng hóa, dịch vụ*"[92,Chương 1-Điều 3]. Luật các giao dịch thương mại (Specified Commercial Transactions Law) của Nhật Bản quy định về định nghĩa BHĐC cũng thừa nhận dịch vụ là đối tượng kinh doanh của phương thức bán hàng này [94, Chương 3- Điều 33].

Vì vậy, việc mở rộng phạm vi, đối tượng điều chỉnh của pháp luật về BHĐC không chỉ đáp ứng và phản ánh nhu cầu thực tiễn trong kinh doanh mà còn phù hợp với thông lệ và pháp luật quốc tế. Có thể nhận thấy, nếu pháp luật vẫn quy định như vậy sẽ trở thành sự bất hợp lý và bất công đối với các DN khi tiến hành kinh doanh.Vì vậy, việc mở rộng đối tượng kinh doanh đa cấp là hết sức cần thiết.

Hai, dựa trên việc sửa đổi tên gọi của nghị định từ cụm từ *"bán hàng đa cấp"* sang *"phương thức kinh doanh đa cấp*".Vậy rõ ràng, với cụm từ *"bán hàng*" thì đối tượng kinh doanh chỉ có thể là hàng hóa nhưng với cụm từ *"phương thức"* thì đây đã thể hiện về cách thức kinh doanh. Với cách thức kinh doanh như vậy, DN kinh doanh theo phương thức này có thể kinh doanh đối tượng là hàng hóa cụ thể hoặc có thể kinh doanh với đối tượng là dịch vụ.

Ba, hiện nay ở Việt Nam đang nở rộ hình thức kinh doanh huy động vốn, tài chính (tín dụng đen), đầu tư bất động sản, thiết lập website góp tiền và kêu gọi người tham gia để hưởng hoa hồng, hô hào đóng góp tài chính lãi suất lớn... là những dạng thức mới của đa cấp biến tướng đang ngày càng nở rộ. Nhiều hình thức đa cấp biến tướng, trá hình rất tinh vi ngày càng nở rộ, len lỏi khắp nơi để "giăng bẫy" song vẫn thu hút hàng nghìn người tham gia. Ngay sau khi nhiều công ty BHĐC bất chính bị bóc mẽ thì lại mọc lên những biến tướng mới của đa cấp, với cách thức hoạt động tinh vi hơn trước. Một trong những hình thức "lách luật" này là bán dịch vụ thông qua hình thức BHĐC nhằm thu lợi bất chính theo phương thức đa cấp gây thiệt hại nghiêm trọng cho người tham gia và xã hội. Tuy nhiên, cơ quan quản lý Nhà nước về BHĐC không thể xử lý bởi kinh doanh dịch vụ không phải là đối tượng điều chỉnh của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP *về quản lý hoạt động KDTPTĐC*. Vì vậy để hoàn thiện pháp luật nhằm ngăn chặn và xử lý các hành vi BHĐC bất chính, pháp luật Việt Nam cần bổ sung thêm đối tượng KD theo phương thức BHĐC bao gồm cả dịch vụ.

Bốn, thương mại dịch vụ là một bộ phận quan trọng của WTO *(Tổ chức Thương mại Thế giới)*. Ngày 07/11/2006 WTO đã chính thức kết nạp Việt Nam là thành viên của tổ chức này. Toàn bộ cam kết của Việt Nam trong WTO (bao gồm các cam kết mở cửa thị trường hàng hóa, cam kết mở cửa thị trường dịch vụ và cam kết đa phương) thì cam kết mở cửa thị trường dịch vụ là một trong những vấn đề trọng tâm nhất. Đàm phán mở cửa thị trường dịch vụ trong khuôn khổ WTO của Việt Nam được tiến hành theo các nguyên tắc và quy định của Hiệp định chung về thương mại dịch vụ (GATS). Điều này, cho thấy thương mại dịch vụ là xu thế của toàn cầu trong thế giới phẳng hiện nay, việc bổ sung thêm đối tượng kinh doanh là dịch vụ trong hoạt động BHĐC hoàn toàn hợp lý và phù hợp với cam kết quốc tế của Việt Nam.

Vì vậy, đối tượng KDTPTĐC được quy định tại điều 4 của Nghị định 40/2018/NĐ–CP cần được sửa đổi và bổ sung như sau: "*Hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp được thực hiện đối với kinh doanh hàng hóa và dịch vụ. Mọi hoạt động kinh doanh theo phương*

thức đa cấp với đối tượng hàng hóa và dịch vụ mà pháp luật cấm đều không được phép kinh doanh, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

Tóm lại, pháp luật Việt Nam nên thừa nhận loại hình kinh doanh dịch vụ theo phương thức BHĐC bởi KDTPTĐC là hàng hóa hay dịch vụ về bản chất không vi phạm nguyên tắc chung trong hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, không ảnh hưởng hay gây thiệt hại đến môi trường kinh doanh và xã hội mà còn đem lại sự bình đẳng tự do lựa chọn phương thức kinh doanh của chủ thể, phù hợp với xu thế trên thế giới. Việc thừa nhận này, tạo sự công bằng cho các thương nhân khi kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ theo phương thức BHĐC không bị coi là *"bất chính".*

Thứ hai, hoàn thiện quy định về kí quỹ khi đăng ký hoạt động KDTPTĐC

Trong lĩnh vực BHĐC, tiền ký quỹ được quy định trong Nghị định số 40/2018/NĐ. Để thực hiện thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC, DN phải tiến hành mở tài khoản ký quỹ và ký quỹ một khoản tiền tương đương 5% vốn điều lệ nhưng không thấp hơn 10 tỷ đồng tại một ngân hàng thương mại hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Số tiền trên sẽ được ngân hàng này phong tỏa trong suốt quá trình hoạt động KD BHĐC của DN. Mục đích của số tiền này nhằm đảm bảo việc thực hiện các nghĩa vụ của DN BHĐC đối với người tham gia BHĐC và Nhà nước trong các trường hợp DN BHĐC vi phạm các nghĩa vụ với các bên liên quan. Cụ thể là, DN BHĐC chấm dứt hoạt động BHĐC nhưng không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến hoạt động BHĐC đối với người tham gia BHĐC và có quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền về việc xử lý các tranh chấp giữa DN BHĐC với người tham gia BHĐC liên quan đến các nghĩa vụ đó. Thứ hai là, DN chấm dứt hoạt động BHĐC nhưng không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm trong hoạt động BHĐC đã có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền.

Việc quy định về kí quỹ là cần thiết trong việc kiểm soát hành vi BHĐC. Tuy nhiên, quy định về kí quỹ vẫn cần sửa đổi với các lý do như sau:

Một, khi thành lập DN BHĐC các nhà đầu tư phải có văn bản xác nhận về số tiền ký quỹ của ngân hàng về việc đã thực hiện kí quỹ theo quy định của pháp luật. Điều này là bất hợp lý đối với các nhà đầu tư. Bởi lẽ, chưa thể biết được hồ sơ đăng ký thành lập được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hay không mà đã phải thực hiện việc kí quỹ. Khi kí quỹ để thành lập DN BHĐC phải thực hiện thủ tục theo quy định của pháp luật, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến thời gian đăng ký thành lập DN cũng như dòng tiền của các nhà đâu tư nếu kí quỹ rồi hồ sơ đăng ký thành lập DN BHĐC không được duyệt và việc rút kí quỹ khi không được cấp giấy phép KDTPTĐC cũng rất mất thời gian và phức tạp bởi chỉ được rút khi có văn bản đồng ý của BCT theo quy định tại Điều 52 nghị định số 40/2018/NĐ –CP.

Vì vậy, nên sửa quy định kí quỹ trong nghị định số 40/2018/NĐ–CP không phải là điều kiện bắt buộc phải có khi thực hiện thủ tục đăng ký thành lập DN KD đa cấp. Vì vậy, nên sửa quy định về kí quỹ như sau: *"Việc kí quỹ sẽ được thực hiện sau 30 ngày kể từ ngày cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh theo phương thức đa cấp cho doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp nào không thực hiện sẽ bị rút giấy phép kinh doanh theo phương thức đa cấp".* Điều này vừa đảm bảo quyền lợi cho các DN vừa bảo đảm việc thực hiện kí quỹ của các DN đã được cấp giấy phép kinh doanh cũng như bảo vệ quyền lợi cho các nhà đầu tư.

Hai, mức kí quỹ tối thiểu là 10 tỷ đồng khi thành lập DN KDTPTĐC là chưa hợp lý, ảnh hưởng nhiều đến quyền lợi của các nhà đầu tư muốn tham gia kinh doanh trong lĩnh vực này, nhất là đối với các nhà đầu tư Việt Nam. Khi thành lập DN kinh doanh đa cấp, chủ sở hữu phải bỏ ra ít nhất là 20 tỷ đồng bao gồm 10 tỷ vốn điều lệ và 10 tỷ tiền kí quỹ theo quy đinh của pháp luật. Đây là một số tiền đầu tư không nhỏ hạn chế quyền tự do kinh doanh của các cá nhân tổ chức. Dẫu biết rằng, quy định này nhằm kiểm soát thắt chặt hoạt động của các DN để hạn chế hành vi BHĐC bất chính. Tuy nhiên điều này lại gián tiếp hạn chế việc các DN Việt Nam tiếp cận vào thị trường kinh doanh đa cấp. Nói cách khác, DN Việt Nam đang bị thất thế trong thị trường kinh doanh này so với các ông lớn là các DN nước ngoài có tiền lực kinh tế và lâu năm kinh doanh trong lĩnh vực đa cấp. Pháp luật Việt Nam đang tạo rào cản cho DN Việt Nam kinh doanh trên chính đất nước của mình, tiếp tay "bảo hộ" cho DN đa cấp của nước ngoài "tung hoành" phát triển hình thức này tại Việt Nam.

Vì vậy, về quy định kí quỹ pháp luật cần sửa đổi theo hướng quy mô mạng lưới bán hàng đa cấp, quy mô hoạt động của DN. Không nên ấn định cụ thể con số là 10 tỷ đồng. Bởi tùy từng DN với nguồn vốn đầu tư ít hay nhiều, quy mô mạng lưới bán hàng nhỏ hay lớn thì sự tác động đến những chủ thể có liên quan mà pháp luật cần bảo vệ cũng khác nhau. Vì vậy, pháp luật cần quy định linh hoạt với điều kiện kí quỹ. Cụ thể, mức kí quỹ không nên đưa ra con số cụ thể mà việc kí quỹ sẽ phụ thuộc vào giá trị vốn điều lệ và quy mô hoạt động của DN. Khi DN thành lập vốn ít sẽ kí quỹ ít phù hợp với phần vốn và quy mô. Trong trường hợp DN kinh doanh hiệu quả thu lợi nhuận nhiều tăng nguồn vốn mở rộng quy mô mạng lưới BHĐC sẽ phải thực hiện kí quỹ bổ sung. Nếu chậm thực hiện việc kí quỹ bổ sung sẽ bị phạt theo tỉ lệ phần trăm doanh thu, chậm quá thời gian theo quy định thì sẽ bị rút giấy phép kinh doanh.

Việc sửa đổi theo những đề xuất nêu trên vừa bảo vệ quyền lợi được quyền lợi cho các DN, các nhà đầu tư ở Việt Nam vừa vẫn đảm bảo việc kiểm soát chặt chẽ hoạt động của các DN BHĐC đi đúng hướng theo quy định của pháp luật.

Ba, cần bổ sung và làm rõ quy định của pháp luật tại Điều 20 trong Nghị định số 40/2018/NĐ–CP. Như đã phân tích ở phần hạn chế của pháp luật tại Chương 2, quy định tại Điều 20 không làm rõ như thế nào là *"Các nghĩa vụ liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp*

đối với người tham gia bán hàng đa cấp", điều này ảnh hưởng đến việc xác định trường hợp nào được sử dụng tiền ký quỹ. Để giải quyết những vướng mắc liên quan đến đề nghị sử dụng tiền kí quỹ cần xác định rõ nghĩa vụ nào là nghĩa vụ của DN là nghĩa vụ liên quan đến BHĐC.

Vậy cần sửa quy định như sau: *Các nghĩa vụ liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp bao gồm nghĩa vụ trả thưởng theo kế hoạch, nghĩa vụ mua lại hàng hóa nếu người tham gia trả lại hàng theo đúng quy định. Các nghĩa vụ phát sinh không trên cơ sở hợp đồng, kế hoạch trả thưởng, ví dụ như trả lại hàng hóa mà người tham gia đã nhận rồi gửi tạm ở công ty, không được coi là nghĩa vụ liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp.*

Thứ ba, hoàn thiện quy định về điều kiện đăng ký DN của DN BHĐC nước ngoài thành lập tại Việt Nam

Từ năm 2018 đến nay, có khoảng hơn 20 DN đăng ký hoạt động BHĐC đến BCT. Trong đó có hơn 2/3 là các DN có vốn đầu tư nước ngoài. Việc các DN nước ngoài muốn tham gia đầu tư vào Việt Nam là tín hiệu tốt về mặt thu hút đầu tư. Tuy nhiên, đối với lĩnh vực BHĐC thì cần có những đánh giá cẩn trọng khi xem xét nhu cầu ra nhập thị trường của DN kinh doanh có vốn đầu tư nước ngoài. Để đảm bảo việc các DN đầu tư vào Việt Nam KDTPTĐC minh bạch, tạo ra những lợi thế thúc đẩy sự pháp triển ngành BHĐC và đem lại lợi ích cho các chủ thể có liên quan; tránh tình trạng các DN nước ngoài lợi dụng sự non trẻ của ngành BHĐC và hệ thống quy định pháp luật tại Việt Nam về BHĐC còn lỏng lẻo để đầu tư vào Việt Nam để nhằm trục lợi bất chính thì việc hoàn thiện quy định của pháp luật và gia tăng điều kiện kinh doanh BHĐC đối với DN nước ngoài tại Việt Nam là hết sức cần thiết. Pháp luật Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm của Trung Quốc về điều kiện đăng ký BHĐC với DN nước ngoài: *Nhà đầu tư có nền tảng kinh doanh vững chắc, không có tiền án vi phạm về luật 5 năm trở lên, nếu nhà đầu tư là người nước ngoài, họ yêu cầu phải chứng minh ít có ít nhất 3 năm kinh nghiệm hoạt động BHĐC ngoài Trung Quốc* (Điều 7 Luật quản lý BHĐC ở Trung quốc). Cụ thể pháp luật Việt Nam cần bổ sung quy định như sau:

"Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại Việt Nam phải có thời gian hoạt động tối thiểu là 3 năm ở một quốc gia khác trên thế giới"

Quy định bổ sung này hoàn toàn phù hợp với thực tiễn hiện nay khi các DN kinh doanh đa cấp tại Việt Nam chiếm đa số là là DN nước ngoài. Điều này đảm bảo sàng lọc các DN nước ngoài hoạt động BHĐC ở Việt Nam với mục tiêu kinh doanh chân chính.

Thứ tư, hoàn thiện quy định về hệ thống công nghệ thông tin quản lý người tham gia bán hàng đa cấp và trang thông tin điện tử của doanh nghiệp kinh doanh phương thức đa cấp

Việc Nghị định 40/2018/NĐ-CP quy định DN phải có hệ thống công nghệ thông tin quản lý mạng lưới người tham gia, hệ thống này phải được vận hành trên máy chủ đặt tại

Việt Nam [18-Điều 44]. Không phủ nhận điều này đảm bảo tính minh bạch, công khai của DN BHĐC góp phần tạo điều kiện cho việc quản lý của cơ quan nhà nước diễn ra hiệu quả hơn. Tuy nhiên, theo tác giả quy định này cần được sửa đổi để hoàn thiện hơn với các lý do:

Một, về đăng ký hoạt đông BHĐC thì điều kiện là các DN đăng ký phải có cổng công nghệ thông tin. Điều này có nghĩa rằng các DN sẽ buộc phải xây dựng và có hệ thống công nghệ cổng thông tin này trước khi được cấp phép hoạt động. Vậy nếu trong trường hợp đã xây dựng đầy đủ và vì một lý do về điều kiện khác mà DN không được phép kinh doanh theo phương thức này thì công sức xây dựng, chi phí xây dựng hệ thống công nghệ này DN sẽ phải chịu. Mà theo nghĩa đen đó là sự thiệt hại, điều này sẽ gây ra tổn thất không đáng có cho DN.

Vì vậy thay bằng quy định hệ thống công nghệ cổng thông tin là điều kiện đăng ký kinh doanh theo phương thức này thì pháp luật nên sửa đổi quy định này thành điều kiện bắt buộc phải có sau khi được cấp giấy phép kinh doanh. Về thời gian để xây dựng cổng thông tin sau khi được cấp phép, pháp luật nên đưa ra quy định rõ ràng cụ thể thời hạn nhất định để phù hợp cho việc xây dựng cổng thông tin của DN một cách chắn chắn vừa đảm bảo kịp thời triển khai hoạt động kinh doanh của DN theo quy định của pháp luật.

Hai, về hệ thống công nghệ cổng thông tin phải được vận hành trên máy chủ đặt tại Việt Nam. Điều này là một trong những quy định làm giới hạn khả năng tham gia BHĐC của các DN vì để làm được điều này thì phải có nguồn lực tài chính lớn mới có thể thực hiện được. Ngoài ra, pháp luật cần quy định cụ thể điều kiện hệ thống công nghệ thông tin quản lý người tham gia BHĐC vì quy định hiện hành chỉ quy định về DN phải có hệ thống công nghệ cổng thông tin được vận hành trên máy chủ đặt tại Việt Nam và phải cung cấp một số thông tin nhất định cho người tham mà không quy định cụ thể về các cấu phần kĩ thuật, cách thức quản trị hệ thống sẽ dẫn đến các DN có cách hiểu khác nhau và gặp lúng túng trong việc thẩm định hồ sơ.

Với việc quy định các điều kiện "tiền kiểm" khi các DN tham gia BHĐC như vậy chỉ có thể kiểm soát bước đầu của các các DN có khả năng có năng lực kinh tế tham gia vào thị trường này nhằm mục đích đảm bảo tài chính để thực hiện nghĩa vụ khi có hành vi vi phạm về BHĐC xảy ra và một số lợi thế như đã phân tích ở các phần trên. Tuy nhiên, việc kiểm soát này chỉ hiệu quả đối với việc rà soát các DN có "năng lực". Để kiểm soát chặt chẽ cũng như có những hạn chế các DN BHĐC trục lợi bất chính thì những quy định về "hậu kiểm" cũng hết sức quan trọng nhằm tạo ra một khung pháp lý chặt chẽ điều chỉnh BHĐC đi đúng hướng.

3.2.1.4. Về địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bán hàng đa cấp tại phương

Mặc dù Nghị định số 40/2018/ NĐ-CP đã phát huy được hiểu quả trong việc thắt chặt, kiểm soát chặt chẽ hoạt động của các DN BHĐC làm giảm thiểu số lượng các DN BHĐC bất

chính trong những năm qua. Tuy nhiên, với thực tiễn quản lý kiểm soát các DN BHĐC và kịp thời xử lý DN BHĐC bất chính hiện nay tại các địa phương vẫn gặp nhiều khó khăn. Hoạt động BHĐC có xu hướng tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong tương lai và có sự áp dụng sâu rộng các công nghệ hiện đại. Bối cảnh đó đặt ra nhiều thách thức, khó khăn mới trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh này. Nhiều mô hình BHĐC biến tướng, lợi dụng các hình thức đầu tư như đầu tư tiền vào các dự án tài chính, tiền ảo, ví điện tử để lừa đảo, trục lợi đang có xu hướng phát triển và rất khó xử lý. Bên cạnh đó, BHĐC chủ yếu có tính chất truyền miệng, người tham gia mạng lưới trong các hội nhóm kín thông qua các mạng xã hội nên lực lượng chức năng khó có thể nắm bắt được thông tin, các chứng cứ để xử lý vi phạm. Mặt khác, vấn đề quản lý BHĐC ở nước ta vẫn tồn tại nhiều bất cập. Điển hình như việc pháp luật hiện hành không yêu cầu DN BHĐC phải có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc cơ sở kinh doanh tại địa phương. Điều này gây ra rất nhiều khó khăn cho công tác quản lý, kiểm tra, giám sát của lực lượng chức năng. Theo quy định của pháp luật về BHĐC về đăng ký hoạt động BHĐC tại địa phương thì DN BHĐC có trách nhiệm thực hiện thủ tục đăng ký tại SCT tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, chỉ được phép tổ chức hoạt động BHĐC sau khi có xác nhận đăng ký hoạt động BHĐC bằng văn bản của SCT tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đó. Trường hợp không có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương, DN BHĐC có trách nhiệm ủy quyền cho một cá nhân cư trú tại địa phương làm người đại diện tại địa phương để thay mặt DN làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương đó [18-Điều 20].

Quy định này gây khó khăn cho các địa phương trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động của DN BHĐC trên địa bàn như đã phân tích ở phần hạn chế tại Chương 2. Vì vậy, cần sửa đổi quy định đăng ký địa điểm đăng kinh doanh của DN BHĐC tại địa phương với các lí do:

Thứ nhất, việc sửa đổi quy định đăng ký địa điểm kinh doanh của các DN BHĐC tại địa phương là cần thiết nhằm đảm bảo về tính đồng bộ của quy định pháp luật hiện nay. Theo quy định đăng ký DN tại Điều 31 Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 thì các DN khi tiến hành kinh doanh tại các vị trí, địa điểm không phải trụ sở chính thì cần phải đăng ký địa điểm kinh doanh (trừ hộ kinh doanh thực hiện kinh doanh lưu động).

Thứ hai, việc quy định về đăng ký địa điểm kinh doanh của các DN BHĐC tại địa phương là hết sức cần thiết. Với thực tế hoạt động đa cấp đang ngày càng lan rộng, tại các thành phố, vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa song không chỉ công tác quản lý khó khăn mà ngay cả nhận thức của người dân cũng còn hạn chế. Trong khi đó, các DN BHĐC lại đánh vào tâm lý muốn kiếm tiền nhanh, nhiều, không cần trình độ bằng cấp, làm ít hưởng nhiều… khiến nhiều người trở thành những "*tín đồ*" mê muội. Chính sự lỏng lẻo trong các quy định về BHĐC đã khiến cho các DN lợi dụng khe hở trục lợi bất chính, đồng thời gây khó khăn cho công tác quản lý ở các địa phương.Việc BCT giao cho các địa phương tiếp nhận thông báo

BHĐC của các DN trên địa bàn mà không cần đăng ký địa điểm hoạt động chẳng khác nào "*thả gà ra đuổi*". Điều này gây ra rất nhiều khó khăn cho cơ quan quản lý trong việc quản lý các DN BHĐC không đăng ký địa điểm kinh doanh tại các địa phươn hiện nay.

Vì vậy, quy định bắt buộc phải đăng ký địa điểm kinh doanh BHĐC tại địa phương là công cụ hữu hiệu phục vụ công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra hoạt động BHĐC của DN như: hàng hóa được phân phối của DN, tổ chức hội thảo, tuyển dụng người tham gia mạng lưới BHĐC... Những thông tin về hoạt động tại địa phương của DN BHĐC khi đăng ký địa điểm kinh doanh cung cấp cho cơ quan đăng ký kinh doanh là căn cứ để Nhà nước kiểm tra giám sát hoạt động của DN một cách chặt chẽ, khoa học hơn. Từ đó, phát hiện ngăn chặn và kịp thời xử lý những sai phạm trong hoạt động BHĐC, hạn chế tối đa việc BHĐC bất chính của các DN.

Thứ ba, trong trường hợp nếu Chính phủ vẫn giữ quan điểm yêu cầu DN hoạt động ở địa phương nào phải lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở địa phương đó là tạo ra rào cản đối với các DN, làm gia tăng nhiều lần chi phí tuân thủ pháp luật, đi ngược với chủ trương xây dựng pháp luật trong giai đoạn hiện nay. Cần bổ sung các quy định nhằm đảm bảo việc cơ quan quản lý nhà nước có thể giám sát chặt chẽ hoạt động của các chi nhánh mà DN BHĐC thành lập tại các địa phương chỉ ủy quyền cho người đại diện khắc phục những hạn chế, khó khăn hiện tại mà các địa phương đang vướng phải như sau:

Một, Nhà nước cần quy định rõ với các đơn vị ủy quyền cho người đại diện tại địa phương thì người đó phải đảm bảo trách nhiệm có thể đại diện DN làm việc với cơ quan chức năng khi có vấn đề liên quan đến hoạt động của DN. Trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động BHĐC trên địa bàn, ngoài thông tin về người đại diện tại địa phương, các DN cần cung cấp thêm thông tin liên lạc của người đại diện theo pháp luật hoặc cán bộ, nhân viên (phụ trách pháp chế hoặc kinh doanh) của DN để liên lạc, giải quyết các vấn đề liên quan trong trường hợp cần thiết; đồng thời vận hành hệ thống thông tin liên lạc để tiếp nhận, giải quyết thắc mắc, khiếu nại của người tham gia BHĐC bao gồm điện thoại, email và địa chỉ tiếp nhận.

Hai, pháp luật cần quy định rõ DN BHĐC phải đăng ký với SCT về địa chỉ tập trung hàng phân phối tại địa phương của DN để cơ quan chức năng có thể kiểm tra, giám sát được hàng hóa được bán ra trên địa bàn.

Với những phân tích nêu trên có thể thấy việc quy định về đăng kí địa điểm, chi nhánh kinh doanh tại địa phương của các DN BHĐC hiện nay theo quy định của pháp luật là chưa chặt chẽ, tạo điều kiện cho các DN lợi dụng kẻ hở của pháp luật để biến tướng và gây thiệt hại cho người tiêu dùng. Chính vì vậy, việc hoàn thiện quy định của pháp luật về địa điểm kinh doanh của DN BHĐC tại địa phương hiện nay là rất cần thiết.

3.2.1.5. Hoàn thiện quy định pháp luật về chế tài xử lý bán hàng đa cấp bất chính

Về chế tài áp dụng đối với những hành vi BHĐC bất chính hiện nay đã được pháp luật ngày càng hoàn thiện đa dạng như: chế tài Hình sự, Hành chính, Dân sự. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam nên sửa đổi và hoàn thiện hơn nữa nâng cao hiệu quả chống BHĐC bất chính.

(i) Hoàn thiện quy định pháp luật về chế tài xử phạt Hành chính

Tham khảo quy định của pháp luật một số quốc gia, đăc biệt là Trung Quốc và Malaysia với những quy định về chế tài hành chính, cụ thể là mức phạt rất cao. Đây là điều mà Việt Nam cần tham khảo để điều chỉnh lại mức xử phạt vi phạm hành chính khi có hành vi phạm điều kiện kinh doanh trong hoạt động BHĐC.

Theo đó, pháp luật Trung Quốc quy định khá chặt chẽ mức xử phạt vi phạm với các hành vi trong hoạt động bán hàng trực tiếp ngay tại Chương 7 Luật bán hàng trực tiếp với tiêu đề là trách nhiệm pháp lý bao gồm 15 điều từ Điều 38 đến Điều 52. Nghiên cứu sinh xin trích dẫn một số vi phạm và mức xử phạt như sau: *Với hành vi kinh doanh không có giấy phép mức phạt từ 50.000 đến 300.000 NDT, trường hợp vi phạm nghiêm trọng mức phạt từ 300.000 đến 500.000 NDT. Trường hợp DN bán hàng quảng cáo sai sự thật, tiếp thị giới thiệu gian lận, sai lệch thì phải chịu mức phạt từ 30.000 – 100.000 NDT. Trường hợp nghiêm trọng mức phạt từ 100.000 - 300.000 NDT và có thể bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động. Nếu hành vi vi phạm là của người tham gia thì mức phạt sẽ thấp hơn 50.000 NDT, trong trường hợp nghiêm trọng người tham gia còn bị thu hồi chứng chỉ hoạt động bán hàng*.

Pháp luật Malaysia cũng đưa ra chế tài khá nghiêm khắc đối với vi phạm về điều kiện kinh doanh BHĐC, cụ thể*: Người vi phạm là công ty hợp danh và tổ chức thì bị phạt tối thiểu từ 1 triệu RM và tối đa không quá 10 triệu RM; từ lần thứ hai trở đi mức phạt tối thiểu là 10 triệu RM và tối đa không quá 50 triệu RM. (ii) Nếu người vi phạm không phải là công ty, hợp danh và tổ chức thì bị phạt tối thiểu từ 500.000 RM và tối đa không quá 5 triệu RM hoặc bị phạt tù với thời hạn không quá 5 năm hoặc cả hai hình thức trên; từ lần thứ hai trở đi mức phạt tối thiểu là 1 triệu RM và tối đa không quá 10 triệu RM.*

Tại Việt Nam về hình thức xử phạt hành chính đối với hành vi BHĐC bất chính đã được pháp luật đã sửa đổi, bổ sung nâng mức phạt cao hơn so với trước. Nhưng mức phạt như vẫn chưa tương xứng với vi phạm xảy ra. Bởi thực tiễn vừa qua cho thấy, sự thiệt hại nghiệm trọng về quyền lợi của các chủ thể bị xâm phạm về lợi ích vật chất và tinh thần. Pháp luật cần sửa đổi tăng mức xử phạt đối với các vi phạm theo hướng quy định mức tối đa đủ để răn đe và phù hợp với quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (Khoản 1 Điều 23 quy định "Mức phạt tiền trong xử phạt vi phạm hành chính từ 50.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 100.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 24 của Luật này) Ngoài ra, quy định xử phạt hành chính cũng cần phải

bổ sung một số hành vi có tính chất mức độ nguy hiểm tới xã hội vi phạm nghiệm trọng trong lĩnh vực BHĐC đang xảy ra nhưng các cơ quan chức năng chưa có căn cứ xử lý như kinh doanh tiền ảo theo phương thức đa cấp; gây phiền nhiễu cho khách hàng trong quá trình bán hàng; tổ chức hội nghị hội thảo qua các phần mềm internet…

Như đã phân tích ở phần thực trạng, mặc dù Nghị định số141/2018/NĐ-CP đã nâng mức xử phạt hành chính cao hơn so với các quy định cũ nhưng nó chỉ mang tính hình thức và không phù hợp với thực tiễn và sự tác động tiêu cực của BHĐC bất chính đến xã hội. Nên việc sửa đổi nâng mức xử phạt hành chính lên là cần thiết, cụ thể như sau:

Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung quy định về BHĐC bất chính tại Điều 1 trong Nghị định 141/2018/NĐ-CP: Nâng mức phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi BHĐC bất chính lên *từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng.*

Ngoài ra, Điều 1 trong Nghị định 141/2018/NĐ-CP cần bổ sung thêm điểm h về hành vi BHĐC bất chính: "*thực hiện huy động vốn bằng tiền ảo theo phương thức đa cấp".*

Thứ hai: Sửa đổi, bổ sung một số quy định về hành vi vi phạm trong hoạt động KDTPTĐC tại Điều 1 trong Nghị định 141/2018/NĐ-CP:

Đối với cá nhân vi phạm

(1) Nâng mức phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng lên mức phạt từ *5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng* trong hoạt động KDTPTĐC: thực hiện các hoạt đối với người tham gia BHĐC thực hiện một trong các vi phạm tiếp thị, bán hàng và phát triển mạng lưới BHĐC khi chưa được cấp Thẻ thành viên; không xuất trình Thẻ thành viên trước khi giới thiệu hoặc tiếp thị, bán hàng. Ngoài ra, trong quy định trên nên bổ sung thêm hành vi vi phạm *"thực hiện BHĐC gây phiền nhiễu tới khách hàng"*

(2) Nâng mức phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng lên mức phạt từ *10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng* đối với người tham gia BHĐC thực hiện một trong các hành vi vi phạm: Không tuân thủ hợp đồng tham gia BHĐC và quy tắc hoạt động của DN; tham gia BHĐC khi không đủ điều kiện tham gia BHĐC theo quy định.

(3) Nâng mức phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với người tham gia BHĐC hoạt động BHĐC tại địa phương nơi DN chưa được cấp xác nhận đăng ký hoạt động BHĐC tại địa phương lên mức phạt từ *20.000.000 đồn*g đến *30.000.000 đồng*

(4) Nâng mức phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 triệu đồng lên mức phạt từ *30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng* đối với người tham gia BHĐC thực hiện một trong các vi phạm sau đây: Yêu cầu người khác phải đặt cọc hoặc nộp một khoản tiền nhất định để được ký hợp đồng tham gia BHĐC; cung cấp thông tin gian dối hoặc gây nhầm lẫn về kế hoạch trả thưởng, quy tắc hoạt động, lợi ích của việc tham gia BHĐC, tính năng, công dụng của hàng hóa, hoạt động của DN BHĐC; tổ chức hội thảo, hội nghị, đào tạo về KDTPTĐC khi chưa

được DN BHĐC ủy quyền bằng văn bản; lôi kéo, dụ dỗ, mua chuộc người tham gia BHĐC của DN khác tham gia vào mạng lưới của DN mà mình đang tham gia; lợi dụng chức vụ, quyền hạn, địa vị xã hội, nghề nghiệp để khuyến khích, yêu cầu, lôi kéo, dụ dỗ người khác tham gia vào mạng lưới BHĐC hoặc mua hàng hóa KDTPTĐC.

Bổ sung thêm vi phạm trong mức phạt này: *"hoặc tự tổ chức hội thảo, hội nghị đào tạo kinh doanh bán hàng đa cấp thông qua các phần mềm internet, viễn thông"*.

(5) Nâng mức phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng với cá nhân tham gia vào hoạt động của tổ chức, cá nhân BHĐC chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC lên mức phạt *từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.*

(6) Nâng mức phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với cá nhân tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo, giới thiệu về hoạt động BHĐC của mình hoặc tổ chức, cá nhân khác khi chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC lên mức phạt tiền *từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng*.

(7) Nâng mức phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng với cá nhâ khi chưa được cấp giấy chứng nhận KDTPTĐC đăng ký hoạt động BHĐC thu lợi bất chính đến dưới 200.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho người khác đến dưới 500.000.000 đồng lên mức phạt *từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng*.

Đối với thương nhân

(8) Nâng mức phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng lên mức *phạt từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng* đối với thương nhân có một trong các hành vi: Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thủ tục thông báo trong trường hợp có thay đổi thông tin tại danh mục hàng hóa KDTPTĐC; không thực hiện thủ tục đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC trong trường hợp pháp luật quy định; ký hợp đồng tham gia BHĐC với cá nhân không đủ điều kiện tham gia BHĐC theo quy định của pháp luật; ký hợp đồng tham gia BHĐC không bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản theo quy định của pháp luật; không chấm dứt hợp đồng với người tham gia BHĐC khi người tham gia BHĐC bị xử phạt về hành vi bị cấm trong hoạt động BHĐC; không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về việc lập danh sách đào tạo viên, công bố danh sách đào tạo viên trên trang thông tin điện tử và thông báo tới BCT; không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh của DN các tài liệu liên quan tới hoạt động và hàng hóa KDTPTĐC của DN; không xây dựng, công bố giá bán của các hàng hóa được KDTPTĐC hoặc không tuân thủ giá bán đã công bố; không giám sát hoạt động của người tham gia BHĐC để bảo đảm người tham gia BHĐC thực hiện đúng hợp đồng tham gia BHĐC, quy tắc hoạt động, kế hoạch trả thưởng của DN; không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về việc đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động BHĐC

tại địa phương với SCT trong các trường hợp pháp luật quy định; không thực hiện thủ tục điều chỉnh văn bản xác nhận ký quỹ với ngân hàng khi có thay đổi thông tin trên văn bản xác nhận.

(9) Nâng mức phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng lên *70.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng* đối với thương nhân có một trong các hành vi vi phạm sau đây: Tổ chức hoạt động BHĐC tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khi chưa có xác nhận đăng ký hoạt động BHĐC bằng văn bản của SCT tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đó; Không duy trì người đại diện tại địa phương theo quy định trong trường hợp không có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương; Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về việc lưu trữ, xuất trình hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động BHĐC tại địa phương theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền; Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về việc thông báo với SCT khi tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về BHĐC có sự tham dự của từ 30 người trở lên hoặc có sự tham dự của từ 10 người tham gia BHĐC trở lên tại địa phương nơi DN đã được cấp xác nhận đăng ký hoạt động BHĐC; Không phối hợp với các cơ quan chức năng trong quá trình cơ quan chức năng thực hiện trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát hội nghị, hội thảo, đào tạo về BHĐC của DN; Trả cho người tham gia BHĐC tổng trị giá hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác, bao gồm cả lợi ích được hưởng theo chương trình khuyến mại, trong một năm vượt quá 40% doanh thu BHĐC trong năm đó của DN; Không ký hợp đồng tham gia BHĐC bằng văn bản với người tham gia BHĐC; Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán cho người tham gia BHĐC tiền hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác mà người tham gia BHĐC có quyền nhận trong quá trình tham gia vào mạng lưới BHĐC của DN sau khi chấm dứt hợp đồng; Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng việc đào tạo cơ bản cho người tham gia BHĐC theo quy định của pháp luật hoặc thu phí đào tạo cơ bản đối với người tham gia BHĐC; Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng việc cấp thẻ thành viên cho người tham gia BHĐC theo quy định của pháp luật hoặc thu phí cấp thẻ thành viên; Chỉ định đào tạo viên không đáp ứng điều kiện để thực hiện đào tạo cơ bản cho người tham gia BHĐC của DN; Không thực hiện đúng quy tắc hoạt động, kế hoạch trả thưởng đã đăng ký; không vận hành hệ thống công nghệ thông tin quản lý mạng lưới người tham gia BHĐC theo quy định, không vận hành hệ thống thông tin liên lạc để tiếp nhận, giải quyết thắc mắc, khiếu nại của người tham gia BHĐC, bao gồm điện thoại, thư điện tử và địa chỉ tiếp nhận;

(10) Nâng mức phạt từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng lên *50.000.000 đồng đến 100.000.000* với thương nhân có các hành vi: Duy trì nhiều hơn một hợp đồng tham gia BHĐC, vị trí BHĐC, mã số kinh doanh đa cấp hoặc các hình thức khác tương đương đối với cùng một người tham gia BHĐC; Không sử dụng hệ thống quản lý người tham gia BHĐC đã đăng ký với cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký BHĐC để quản lý người tham gia BHĐC; Mua bán hoặc chuyển giao mạng lưới người tham gia BHĐC cho DN khác, trừ trường hợp

mua lại, hợp nhất hoặc sáp nhập DN; KDTPTĐC khi chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC thu lợi bất chính đến dưới 200.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho người khác đến dưới 500.000.000 đồng; BHĐC đối với đối tượng không được phép KDTPTĐC.

Việc sửa đổi nâng mức phạt hành chính đối với hành vi BHĐC bất chính, vi phạm quy định pháp luật về BHĐC của cá nhân, tổ chức quy định tại nghị định số 141/2018/NĐ-CP là cần thiết với những biến phức tạp của BHĐC đang diễn ra. Sửa đổi Điều 1 nghị định số 141/2018/NĐ-CP là hoàn toàn phù hợp với thực tiễn hiện nay với các lí do:

Một, BHĐC bất chính như đã phân tích có thể khẳng định là hành vi mang tính gian lận thương mại, trái đạo đức và chuẩn mực kinh doanh, nặng hơn nữa là mang tính lừa đảo. Mức phạt hành chính cao nhất đối với tổ chức có hành vi BHĐC bất chính hiện nay là 100 triệu đồng. Mức phạt này vẫn quá nhẹ và hoàn toàn không tương xứng với vi phạm của DN BHĐC bất chính. Về tính chất nguy hiểm của hành vi theo tác giả khi đưa ra mức phạt xử lý vi phạm này không chỉ xét mỗi đến hậu quả xảy ra mới bị xử phạt hành chính cao mà chỉ cần có hành vi xảy ra đã bị xử phạt từ 500 triệu đến 1 tỷ đồng để xử lý các DN BHĐC bất chính, và đương nhiên nếu vi phạm có hậu quả nghiêm trọng sẽ phải xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.

Hai, DN muốn KDTPTĐC hiện nay phải thỏa mãn về vốn pháp định là 10 tỷ đồng. Với hành vi BHĐC bất chính nâng mức phạt lên 1 tỷ bằng 1/10 vốn điều lệ của DN. Phạt tiền *gấp hai lần* mức tiền phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 trong trường hợp hành vi vi phạm được thực hiện trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên sẽ nâng mức phạt lên là 2 tỷ đối với hành vi BHĐC bất chính của tổ chức bằng 1/5 vốn điều lệ của DN BHĐC cần phải có. Với việc phải đối mặt với mức phạt hành chính cao và có thể thâm hụt vào vốn điều lệ một số tiền lớn như vậy thì các DN KDTPTĐC sẽ phải dè chừng khi có ý định thực hiện hành vi thu lợi bất chính, và mức phạt như vậy mới đủ trừng trị thích đáng và hạn chế những tiêu cực xấu mà BHĐC bất chính gây ra.

Ba, với quy định mức phạt nghiên cứu sinh đề xuất sửa đổi hoàn toàn đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính. Nâng mức phạt tiền như đề xuất sửa đổi vi phạm hoạt động BHĐC tại Điều 1 Nghị định 141/2018/NĐ-CP như trên bảo đảm tính tổng thể trong mối tương quan với tất cả các vi phạm, tăng cường tính răn đe, phòng ngừa. Đồng thời với nghiên cứu đề xuất sửa đổi quy định mức phạt như trên phù hợp hơn đối với từng vi phạm về mức độ, bản chất sự tác động tới các chủ thể theo nghiêm nguyên tắc "mọi hành vi vi phạm hành chính phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật".

Tóm lại, việc nâng mức phạt xử lý vi phạm hành chính với hành vi BHĐC bất chính là cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Hạn chế những biến tướng ngày một tinh vi, phức tạp hơn đang diễn ra hiện nay cũng như đảm bảo sự thượng tôn pháp luật của các doanh nghiệp BHĐC và tạo điều kiện cho phương thức bán hàng có nhiều ưu thế này được phát triển tại Việt Nam.

(ii) Hoàn thiện quy định pháp luật về chế tài hình sự

Như đã trình bày ở thực trạng quy định của pháp luật, Nhà nước đã bổ sung thêm quy định về TNHS với vi phạm BHĐC là một bước tiến tích cực trong quản lý nhà nước để chống lại hành vi BHĐC bất chính nhưng có thể thấy những quy định này vẫn còn thiếu sót, mang tính hình thức, chưa đủ mạnh để răn đe đối với các vi phạm BHĐC một cách nghiêm trọng.

Việc xác định tính chất mức độ vi phạm quy định tại Điều 217a trong Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi năm 2017 như vậy là chưa hợp lý cần được sửa đổi như sau:

Thứ nhất, tăng mức phạt đối với việc tổ chức hoạt động KDTPTĐC mà không có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC hoặc không đúng với nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC

Với thực tiễn như đã trình bày có nhiều DN KDTPTĐC nhưng không đăng ký theo quy định của pháp luật nhằm thu lợi bất chính gây thiệt hại cho nhân dân và xã hội vô cùng lớn. Vì vậy, để đề phòng và răn đe đối với những vi phạm có ảnh hưởng tác động tới xã hội nghiêm trọng như vậy BLHS 2015 cũng đã hình sự hóa đối với hành vi nào tổ chức hoạt động KDTPTĐC mà không có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC hoặc không đúng với nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC.

Tại Khoản 1 Điều 217a BLHS 2015 quy định những hành vi bị xử lý chỉ bao gồm:

- *Người tổ chức hoạt động KDTPTĐC mà không có giấy chứng nhận đăng ký BHĐC*

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC là văn bản hoặc bản điện tử mà cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho DN hoạt động BHĐC. Mặc dù nhà nước thừa nhận việc tiêu thụ sản phẩm theo phương thức BHĐC như một nội dung thuộc quyền tự do kinh doanh của DN, thế nhưng để hạn chế những biểu hiện tiêu cực có thể phát sinh trong lĩnh vực này, nhất là phòng ngừa BHĐC bất chính nên DN BHĐC phải đăng ký trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chủ thể đăng ký BHĐC là DN thành lập theo quy định của của pháp luật về DN. Theo Điều 6 Nghị định số 40/2018/ NĐ – CP cần phải được đăng kí theo quy định của pháp luật. Cơ quan chịu trách nhiệm cấp giấy chứng nhận đăng kí hoạt động BHĐC là Cục CT&BVNTD. Vì vậy, DN áp dụng phương thức BHĐC mà không có giấy chứng nhận đăng kí hoạt động bán hàng rõ ràng là trái với quy định của pháp luật.

- *Người tổ chức KDTPTĐC mà có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC nhưng thực hiện hoạt hành vi kinh doanh không đúng với nội dung giấy chứng nhận đăng ký BHĐC*

Đây là trường hợp DN mặc dù đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận nhưng KD lại không đúng với nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC. Việc thực hiện không đúng nội dung của giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC thể hiện ở một số hành vi như: Yêu cầu người khác phải đặt cọc hoặc nộp một khoản tiền nhất định để được ký hợp đồng tham gia BHĐC; yêu cầu người khác phải mua một số lượng hàng hóa nhất định để được ký

hợp đồng tham gia BHĐC; Cung cấp thông tin gian dối về kế hoạch trả thưởng, về lợi ích của việc tham gia mạng lưới BHĐC... Những hành vi mà DN thực là những hành vi bị cấm khi hoạt động BHĐC. Người thực hiện một trong hai hành vi trên phải kèm theo một trong các trường hợp sau thì mới cấu thành tội KDTPTĐC. Đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi này hoặc là đã từng bị kết án về tội này chưa được xóa án tích mà vẫn tiếp tục vi phạm. Căn cứ Mục 6 và Mục 7 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS thì tình tiết đã bị xử phạt hành chính được hiểu: Đối với các tội mà điều luật có quy định tình tiết "đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm" và đã được hướng dẫn tại các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan có thẩm quyền thì thực hiện theo đúng hướng dẫn của các văn bản đó. Đối với các tội mà điều luật có quy định tình tiết *"đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm*" nhưng chưa có hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền thì phân biệt như sau: Đối với điều luật quy định một tội (tội đơn) thì "đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm" là trước đó một người đã bị xử phạt hành chính về một trong những hành vi được liệt kê trong tội đó bằng một trong các hình thức xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, nhưng chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính mà lại thực hiện một trong những hành vi được liệt kê trong tội đó.

+ Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng trở lên. Việc xác định tính trái đạo đức, không chính đáng của các khoản lợi cần phải căn cứ vào nguồn gốc của các khoản lợi thu được. Cụ thể, những khoản lợi do thực hiện hành vi vi phạm mà có chủ yếu có nguồn gốc từ nghĩa vụ của người tham gia vào mạng lưới bán hàng. Có thể kể đến như nghĩa vụ phải nộp tiền để tham gia vào mạng lưới bán hàng. Việc thu loại phí này được dàn dựng dưới hình thức gián tiếp như mua sản phẩm mẫu hay trực tiếp là một khoản tiền đặt cọc.

+ Gây thiệt hại cho người khác từ 500 triệu đồng trở lên. Thiệt hai xảy ra phần lớn là thiệt hai về vật chất, những cá nhân, tổ chức tham gia vào DN BHĐC vi phạm quy định của pháp luật có thể bị chiếm đoạt một lượng tài sản lớn gây ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của chính họ và rộng hơn là cả XH. Thiệt hại về tinh thần khi mất một lượng tài sản quả lớn, con người cũng có thể rơi vào những cú sốc gây tổn hại về mặt tinh thần của những người tham gia.

+ Quy mô mạng lưới người tham gia từ 100 người trở lên. Hệ thống BHĐC này gặp vấn đề và đổ vỡ sẽ kéo theo những hệ lụy khôn lường cho sự ổn định và trật tự trong nền kinh tế. Đây là hậu quả rất nghiêm trọng cần phải được xử lí một cách nghiêm khắc, khung tăng nặng.

Có thể thấy, thiệt hại của hành vi không tuân thủ quy định của pháp luật về KDTPTĐC là rất lớn và hậu quả không xảy ra ngay tức khắc. Người phạm tội thu lợi từ khoản tiền của người tham gia được yêu cầu nộp, dần dần số người tham gia tăng lên và khoản lợi nhuận mà người

phạm tội chiếm được ngày càng lớn. Vì thế, theo tác giả mức phạt như hiện nay chưa đủ răn đe cần phải tăng mức phạt cao hơn với những vi phạm này. Cụ thể:

Theo Bộ Luật Hình Sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 Khoản 1 Điều 217a	**Kiến nghị sửa đổi** Khoản 1 Điều 217a
Người nào tổ chức hoạt động KDTPTĐC mà không có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC hoặc không đúng với nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 174 và Điều 290 của Bộ luật này, **thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1 tỷ đồng**, phạt cải tạo không giam giữ đến **3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 2 năm:** a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; b) Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng; c) Gây thiệt hại cho người khác từ 500 triệu đồng đến dưới 1,5 tỷ đồng”	“ Người nào tổ chức hoạt KDTPTDC mà không có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC hoặc không đúng với nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 174 và Điều 290 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ **2.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000** đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù **từ 1 năm đến 5 năm:** a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; b) Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng; c) Gây thiệt hại cho người khác từ 500 triệu đồng đến dưới 1,5 tỷ đồng

Thứ hai, nâng mức phạt của các hành vi quy định tại khoản 2 Điều 217a

Lí do đưa ra kiến nghị sửa đổi nâng mức phạt của các hành vi quy định tại khoản 2 Điều 217a BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Có nhiều ý kiến cho rằng, BHĐC chỉ phù hợp ở những nền kinh tế đã phát triển, có hành lang pháp lý rõ ràng đầy đủ, ý thức thượng tôn pháp luật của người dân cao. Còn ở các nước đang phát triển hay chưa phát triển, nó sẽ gây hại rất lớn cho nền kinh tế, cho xã hội và Việt Nam là một trong những quốc gia không nên thừa nhận hình thức kinh doanh nay vì thu nhập xét mặt bằng chung dân ta còn nghèo, thu nhập thấp, dân trí ở các vùng nông thôn chưa cao dễ bị lừa mắc bẫy DN BHĐC bất chính [75].

Theo báo cáo của Tổng Cục thống kê thu nhập bình quân tại Việt Nam 1 người/1 tháng năm 2019 với giá hiện hành đạt khoảng 4,2 triệu đồng. Năm 2019, cả nước có 68,5 nghìn lượt hộ thiếu đói tương ứng với 278 nghìn lượt nhân khẩu thiếu đói [117]. Việt Nam vẫn thuộc nhóm nước có thu nhập trung bình thấp, bình quân đầu người đứng 138/188 quốc gia và vùng lãnh thổ, tức chỉ ngang bằng GDP bình quân đầu người của Malaysia cách đây 20 năm, của Thái Lan cách đây 15 năm và Indonesia cách đây 10 năm [113]. Qua những số liệu này có thể thấy

thu nhập bình quân tại Việt Nam rất thấp so với các nước trong khu vực và trên thế giới thì việc các DN BHĐC bất chính ngày càng tinh vi, nguy hiểm không chỉ nở rộ ở các thành phố lớn mà len lỏi tới các vùng quê hẻo lánh .Những gói đầu tư được quảng cáo mang lại lợi nhuận "khủng" của DN BHĐC bất chính đã thu hút được sự quan tâm của nhiều người. Nhiều hộ gia đình vay mượn, cầm cố tài sản để có tiền mua sản phẩm hay các gói đầu tư, với hy vọng đổi đời, có khoản thu nhập ổn định để "an toàn tài chính", rốt cuộc bị tán gia bại sản. Mức độ gây thiệt hại 1 tỷ đồng trở lên của DN BHĐC bất chính là số tiền rất lớn so với thu nhập bình quân đầu người tại Việt Nam đối với người dân, gây ảnh hưởng xấu nặng nề tới rất nhiều gia đình và gây ra hệ lụy nặng nề cho xã hội đẩy hàng vạn người dân nghèo thêm nghèo khó, túng quẫn, tan vỡ hạnh phúc gia đình. Vì vậy nếu vẫn giữ nguyên mức phạt như hiện nay tại Khoản 2 Điều 217a là chưa đủ tính răn đè và phòng ngừa đối với hành vi BHĐC bất chính.

Việc nâng mức phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng lên mức *từ 3.000.000.000 đến 10.000.000.000 đồng;* nâng mức phạt tù từ 1 năm đến 05 năm *lên 3 năm đến 10 năm* với các vi phạm tại Khoản 2 điều 217a là phù hợp với mức độ vi phạm cũng như sự tác động của hành vi đến xã hội. Bởi hậu quả của hành vi vi phạm không chỉ dùng lại ở việc số tiền thu lợi bất chính là bao nhiêu mà còn có những thiệt hại khác kéo theo như tác động ảnh hưởng xấu đến uy tín của ngành, tác động lớn đến nhiều người dân và đến xã hội. Việc nâng mức phạt như vậy mới đảm bảo tính răn đe và tương xứng với hành vi vi phạm.

Kiến nghị sửa đổi cụ thể:

Theo Bộ Luật Hình Sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 Khoản 2 Điều 217a	**Khoản 2 Điều 217a (sửa đổi)**
Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau thì bị phạt tiền ***từ 1 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng*** **hoặc phạt tù từ** ***01 năm đến 5 năm*****:** a) Thu lợi bất chính 1 tỷ đồng trở lên; b)Gây thiệt hại cho người khác 1,5 tỷ đồng trở lên; c) Quy mô mạng lưới người tham gia 100 người trở lên.	Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau thì bị phạt tiền ***từ 3 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng*** **hoặc phạt tù từ** ***03 năm đến 10 năm*****:** a) Thu lợi bất chính tỷ đồng trở lên; b) Gây thiệt hại cho người khác 1,5 tỷ đồng trở lên; c) Quy mô mạng lưới người tham gia 100 người trở lên.

(iii) Hoàn thiện quy định pháp luật về chế tài Dân sự

Đối với các quy định về bồi thường thiệt hại liên quan đến hành vi BHĐC bất chính được triển khai trong thực tiễn hiện nay thì có rất nhiều vấn đề pháp lý được đặt ra cần có sự hướng dẫn, giải thích từ phía các cơ quan có thẩm quyền nhất là từ phía Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và BCT. Trong đó, một số vấn đề sau đây cần xem xét:

Thứ nhất, về cơ chế khởi kiện: Xác định chủ thể có quyền khởi kiện yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do BHĐC cấp bất chính gây ra. Bởi theo nguyên tắc chung, bất cứ ai bị thiệt

hại bởi hành vi này đều có quyền yêu cầu bồi thường. Tuy nhiên, BHĐC bất chính có thể gây thiệt hại cho nhiều chủ thể khác nhau cả thiệt hại trực tiếp và thiệt hại gián tiếp. Trong thực tế, chủ yếu những người đóng vai trò phân phối viên là những chủ thể bị thiệt hại trực tiếp, còn người tiêu dùng thường cũng chính là những phân phối viên là những người thiệt hại gián tiếp.Vì vậy, pháp luật cần phải quy định rõ về quyền yêu cầu khởi kiện của chủ thể. Dưới khía cạnh bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, kinh nghiệm ở nhiều nước theo mô hình luật thương mại, để tạo điều kiện thuận lợi cho người tiêu dùng có khả năng tự bảo vệ mình, huy động mọi lực lượng xã hội tham gia tích cực vào sự nghiệp bảo vệ người tiêu dùng, cần tăng tính chuyên nghiệp hóa công tác bảo vệ người tiêu dùng từ phía các hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng.

Bên cạnh đó, cần thừa nhận cơ chế khởi kiện tập thể của người tiêu dùng với sản phẩm hoặc một nhóm sản phẩm của một DN vì các lý do sau: (i) Cơ chế khởi kiện tập thể thông qua các tổ chức BVQLNTD sẽ giúp người tiêu dùng có sức mạnh đáng kể trong quá trình đàm phán, thương lượng với DN BHĐC.Trong trường hợp phải giải quyết tranh chấp tại tòa án, cơ chế này sẽ tạo điều kiện cho sự hình thành phương thức bồi thường và các mức bồi thường trong từng lĩnh vực tiêu dùng; (ii)Cơ chế khởi kiện tập thể thông qua các tổ chức BVQLNTD sẽ giúp cho người tiêu dùng nhanh chóng tiếp cận công lý vào loại bỏ được những rào cản pháp lý để bảo vệ quyền lợi của mình; (iii) Cơ chế khởi kiện tập thể thông qua các tổ chức BVQLNTD sẽ giúp người tiêu dùng không phải chịu chi phí quá lớn để tiếp cận công lý. Với vai trò là người bảo trợ, tổ chức bảo vệ người tiêu dùng sẽ giúp họ với nhiều phương thức và cơ chế hỗ trợ đa dạng như: test miễn phí tại các trung tâm giám định của tổ chức, trợ giúp kinh phí theo phương thức hoàn trả sau, hỗ trợ tư vấn...Vì vây, đối với quy định bồi thường thiệt hại cần quy định rõ về chế tài bồi thường thiệt hại của DN với người tham gia BHĐC.

Thứ hai, về quyền lợi của người tiêu dùng, pháp luật cần phải có những quy định rõ ràng, cụ thể để bảo về quyền lợi trực tiếp của người tiêu dùng khi bị DN BHĐC xâm phạm nhằm mục đích trục lợi bất chính. Với kinh nghiệm về quản lý hoạt động BHĐC Hàn Quốc, theo quy định của pháp luật về BHĐC của Quốc gia này có quy định: *tất cả các công ty BHĐC đều phải mua bảo hiểm bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng* [93-Điều 37]. Với quy định này, người tiêu dùng luôn luôn được đảm bảo về quyền lợi khi các DN BHĐC có hành vi xâm phạm vào lợi ích hợp pháp. Ngoài ra, việc mua bảo hiểm này cũng có lợi cho các DN BHĐC bởi lẽ nếu thiệt hại gây ra với giá trị lớn mà công ty cần phải khắc phục nếu không có bảo hiểm thì công ty sẽ phải mất đi một dòng tiền khá lớn để thực hiện nghĩa vụ, đồng nghĩa ảnh hưởng đến tài chính của DN. Việc mua bảo hiểm như vậy sẽ tác động tích cực cả hai chiều. Ví dụ hiện nay ở Việt Nam trong lĩnh vực ngân hàng, khi khách hàng gửi tiết kiệm vào bất kì ngân hàng nào thì khoản tiền gửi đó mặc nhiên đã được bảo hiểm. Điều này đã tăng cường niềm tin cũng như bảo vệ quyền lợi cho khách hàng khi gặp rủi ro, giảm chi phí xử lý đổ vỡ ngân hàng

và giảm thiểu gánh nặng tài chính cho người đóng thuế trong trường hợp có ngân hàng đổ vỡ. Vì vậy, pháp luật chống BHĐC bất chính ở Việt Nam nên học hỏi kinh nghiệm của Hàn Quốc cũng như kinh nghiệm từ chính các lĩnh vực kinh doanh khác ở Việt Nam để bổ sung thêm quy định về bảo hiểm bồi thường thiệt hại cho khách hàng của DN BHĐC, cụ thể: *"Các DN BHĐC phải mua bảo hiểm bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng*". Điều này, sẽ là một trong những quy định nền tảng cơ bản nhằm mục tiêu bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, giúp người tiêu dùng giảm thiểu rủi ro khi bị các DN BHĐC xâm phạm vào lợi ích hợp pháp.

Thứ ba, theo kinh nghiệm pháp luật chống bán hàng theo mô hình kim tự tháp của Hồng Kông, quy định tại điểm 1, 2 Mục 7: Người bị kết án phạm tội theo quy định của pháp luật, tòa án có thể ngoài việc thông qua bản án bắt người đó phải chịu chế tài của pháp luật nhưng vẫn phải yêu cầu người đó phải trả một khoản bồi thường mà họ cho là hợp lý đối với bất kỳ người nào phải chịu tài chính mất mát do hành vi phạm tội đó. Một khoản bồi thường được yêu cầu phải trả cho một người thiệt hại có thể được thu hồi dưới dạng nợ dân sự [119].

Với kinh nghiệm này, pháp luật Việt Nam nên học tập và quy định chặt chẽ hơn về chế tài bồi thường thiệt hại đối với vi phạm của các DN BHĐC bất chính.

Tại Điều 57 quy định về xử lý vi phạm đối với DN BHĐC, người tham gia BHĐC trong Nghị định số 40/2018/NĐ-CP đã quy định: *"1. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp, người tham gia bán hàng đa cấp thực hiện các hành vi vi phạm quy định của Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật cạnh tranh và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. 2. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp, người tham gia bán hàng đa cấp vi phạm quy định của Nghị định này gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật"*. Tuy nhiên, theo nghiên cứu sinh điều này cần được sửa đổi bổ sung một cách rõ ràng hơn tại Khoản 2 *"Doanh nghiệp, cá nhân nào có hành vi bán hàng đa cấp bất chính xâm phạm đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người khác gây ra thiệt hại ngoài việc chấp hành xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật Hình sự, Hành chính cần phải khắc phục hậu quả bằng việc bồi thường thiệt hại tổn thất đã gây ra"*.

Với việc sửa đổi như vậy, sẽ làm cho điều luật bao quát hơn, rõ ràng và cụ thể hơn trong việc bảo vệ quyền lợi cho những người bị thiệt hại do hành vi BHĐC bất chính của các doanh nghiệp BHĐC gây ra.

3.2.4. Nhóm giải pháp tổ chức quản lý Nhà nước trong hoạt động bán hàng đa cấp

3.2.2.1. Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý bán hàng đa cấp

Theo quy định của pháp luật về cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động BHĐC trong phạm vi cả nước. BCT là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước với hoạt động BHĐC. Nhiệm vụ quyền hạn đã được

trình bày ở Chương 2 và Cục CT&BVNTD thuộc BCT sẽ có trách nhiệm giúp Bộ trưởng BCT chủ trì thực hiện các nội dung quản lý đó [Khoản 2 Điều 54 Nghị định 40/2018/NĐ-CP]. Tổng cục Quản lý thị trường thuộc BCT có trách nhiệm giúp Bộ trưởng BCT thực hiện các nội dung: Quản lý về hướng dẫn, phối hợp với các SCT tiến hành thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm quy định của pháp luật về quản lý hoạt động BHĐC; thông báo, chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm quy định của pháp luật về quản lý KDTPTĐC; tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn cho cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện công tác quản lý về BHĐC; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về quản lý hoạt động BHĐC cho các DN, người tham gia BHĐC [18- Khoản 3 Điều 54]. Cục CT&BVNTD và Tổng cục Quản lý thị trường là hai cơ quan giúp việc trực tiếp cho BCT trong công tác quản lý nhà nước về BHĐC. Với việc phân công nhiệm vụ như vậy có thể hiểu là nhằm mục đích để các cơ quan phát huy vai trò chuyên môn của mình trong việc quản lý nhà nước đối với hoạt động BHĐC.Trước kia BHĐC là hành vi được quy định trong LCT 2004 và hoạt động này đã được Cục quản lý cạnh tranh nay là Cục CT&BVNTD quản lý trực tiếp. Trong khoảng 16 năm giám sát quản lý BHĐC với nhiều diễn biến phức tạp xảy ra, Cục CT&BVNTD đã có nhiều kinh nghiệm trong quản lý BHĐC nên việc để cơ quan này tiếp tục giúp Bộ trưởng BCT chủ trì thực hiện quản lý BHĐC cũng là điều dễ hiểu.

Với thực tiễn hiện nay, BHĐC không còn quy định trong LCT 2018 mà được quy định bởi một văn bản riêng biệt và được xác định là một hành vi thương mại vì BHĐC chỉ là một phương thức bán hàng không phải là một hành vi cạnh tranh nên việc vẫn tiếp tục để CCT&BVNTD có thẩm quyền quản lý trực tiếp là chưa hợp lý vì cơ quan này có chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng BCT thực hiện quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh, chống bán phá giá, chống trợ cấp, áp dụng các biện pháp tự vệ đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; đối phó với các vụ kiện thương mại quốc tế liên quan đến bán phá giá, trợ cấp và áp dụng các biện pháp tự vệ theo quy định của pháp luật [96].Với chức năng nhiệm vụ như vậy để Cục CT&BVNTD tiếp tục quản lý hoạt động BHĐC là bất hợp lý không phù hợp với bản chất của hình thức bán hàng này.

Tuy nhiên, Tổng cục Quản lý thị trường là tổ chức có chức năng nhiệm vụ thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng BCT quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về phòng, chống, xử lý các hành vi kinh doanh hàng hoá nhập lậu; sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, hàng hoá không rõ nguồn gốc xuất xứ; hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; vi phạm pháp luật về chất lượng, đo lường, giá, an toàn thực phẩm; hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các hành vi gian lận thương mại theo quy định pháp luật.

Rõ ràng có thể nhận thấy, BHĐC có đầy đủ các dấu hiệu được xác định trong thẩm quyền quản lý của cơ quan này như: chất lượng hàng hóa, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, hay các hành vi BHĐC bị cấm có dấu hiệu gian lận thương mại…với chức năng nhiệm vụ của

Tổng cục Quản lý thị trường được nêu trên việc trao quyền thay mặt Bộ Trưởng BCT sẽ có trách nhiệm giúp Bộ trưởng BCT chủ trì thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về hình thức bán hàng này là phù hợp hơn so với quy định cơ quan quản lý hiện nay là Cục CT & BVNTD .

Vì vậy, Điều 54 trong nghị định số 40/2018/ NĐ-CP cần sửa đổi lại về cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay mặt Bộ Trưởng BCT quản lý hoạt động BHĐC là Tổng cục Quản lý thị trường, sửa đổi này là hợp lý so với thực tiễn của quy định của pháp luật hiện nay.

3.2.2.2. Xây dựng văn bản hướng dẫn chi tiết hơn để đảm bảo tính khả thi của Nghị định 40/2018/NĐ-CP chống bán hàng đa cấp bất chính

Đây là nội dung rất cần thiết, bởi hiện nay BHĐC bất chính ngày một tinh vi và đa dạng hơn gây thiệt hại lớn cho XH. Mặc dù BCT đã ban hành Thông tư 10/2018/TT-BCT hướng dẫn một số quy định của Nghị định 40/2018/NĐ-CP. Tuy nhiên, đây mới là văn bản duy nhất hướng dẫn Nghị định 40/2018/NĐ-CP. Hơn nữa, Thông tư này chỉ hướng dẫn hai nội dung chính là khung chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về BHĐC và việc kiểm tra, cấp, thu hồi xác nhận kiến thức pháp luật về BHĐC. Cụ thể, theo quy định này, chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về BHĐC bắt buộc phải bao gồm nội dung đào tạo về quy định pháp luật liên quan đến BHĐC, pháp luật về quảng cáo, pháp luật về BVQLNTD và các chuẩn mực đạo đức đối với người tham gia BHĐC, thời lượng đào tạo tối thiểu là 08 tiếng. Ngoài ra, Thông tư cũng quy định cụ thể về quy trình tổ chức kiểm tra kiến thức pháp luật BHĐC, hình thức kiểm tra và đánh giá kết quả kiểm tra, việc xác nhận và thu hồi xác nhận kiến thức pháp luật về BHĐC. Theo đó, việc kiểm tra kiến thức pháp luật về BHĐC sẽ do Cục CT& BVNTD trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho cơ sở đào tạo kiến thức pháp luật về BHĐC thực hiện.

Quy định như vậy là hợp lý và cần thiết nhưng chưa đầy đủ, bởi lẽ ngoài chương trình đào tạo, nghị định số 40/2018/NĐ-CP còn tồn tại rất nhiều quy định khá chung chung, không được hướng dẫn cụ thể dẫn đến việc áp dụng không thống nhất như: Kế hoạch trả thưởng, quy định về tiền thưởng, hoa hồng,... Mà những vấn đề này nếu quy định không rõ ràng, chi tiết sẽ dễ dàng bị các DN BHĐC lợi dụng lách luật để gây thiệt hại. Hơn nữa, tại Quyết định số 1822/2018/QĐ-BCT ngày 25/5/2018 về việc ban hành đề án nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về BHĐC của BCT cũng đã đưa ra những mục tiêu chiến lược để tiếp tục hoàn thiện quy định pháp luật về hoạt động KDTPTĐC cũng như chế tài xử lý vi phạm KDTPTĐC nhằm đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tính khả thi của các quy định được ban hành. Nghiên cứu sinh đề xuất một số giải pháp cụ thể như: *(i)*Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động KDTPTĐC nhằm đảm bảo sự phù hợp, thống nhất với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, Nghị định số 40/2018/NĐ-CP và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, hạn chế tối thiểu khoảng trống pháp lý về chế tài xử lý vi

phạm trong hoạt động KDTPTĐC; *(ii)* Sửa đổi, bổ sung Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP về quản lý hoạt động KDTPTĐC để đảm bảo tính khả thi của các quy định tại Nghị định số 40/2018/NĐ-CP; *(iii)* Thường xuyên rà soát, đánh giá, phát hiện, tổng hợp những chồng chéo, bất cập của các quy định pháp luật về quản lý hoạt động KDTPTĐC để kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện.Tác giả cho rằng: Cần nhanh chóng triển khai và đẩy mạnh thực hiện Quyết định này trên thực tế, bởi lẽ, cho dù Quyết định này được ban hành vào tháng 5/2018, đến nay đã hơn 3 năm nhưng chưa có những sự chuyển biến nào mang tính hiệu quả trên thực tế.

3.2.5. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả chống bán hàng đa cấp bất chính

3.2.3.1. Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý và xử lý các vi phạm bán hàng đa cấp bất chính

Trên cơ sở nghiên cứu về BHĐC ở Việt Nam dưới cả góc độ pháp lý luận và thực tiễn nghiên cứu sinh nhận thấy rằng, nhất thiết phải có sự nghiêm chỉnh trong công tác quản lý, cũng như thực hiện mô hình kinh doanh này. Những sự việc trong thời gian vừa qua là hồi chuông cảnh tỉnh các nhà chức trách đối với vấn đề BHĐC. Nếu như không làm rõ các vụ việc hoặc tiếp tục để các vụ việc tiến triển theo chiều hướng tiêu cực thì thời kỳ hội nhập quốc tế không xa người ta sẽ khó mà nhìn rõ "hình thù" của một mô hình BHĐC chân chính trên thực tế tại Việt Nam. Để chống BHĐC bất chính hiệu quả thì điều cấp thiết hiện nay là đẩy mạnh công tác thực thi pháp luật và xử lý vi phạm chống BHĐC bất chính. Theo đó, trách nhiệm được đặt ra với cơ quan quản lý Nhà nước từ trung ương đến địa phương là phải triệt để áp dụng các quy định của pháp luật hiện hành, có cơ chế phối hợp đồng bộ trong công tác thanh tra, giám sát; từ khâu kiểm tra cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đến hình thức tổ chức kinh doanh, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, quá trình hoạt động kinh doanh… đồng thời cần phải có biện pháp kiên quyết xử lý theo quy định của pháp luật với vi phạm BHĐC. Cụ thể, nhiệm vụ của cơ quan chức năng từ trung ương đến địa phương được thực hiện như sau:

Thứ nhất, đối với cơ quan chủ quản hoạt động bán hàng đa cấp

BCT là cơ quan chủ quản với hoạt động BHĐC và Cục CT&BVTD là cơ quan thay mặt BCT quản lý hoạt động này. Như đã đề xuất ở phần 3.2.2.1 thì Tổng Cục quản lý thị trường nên thay thế Cục CT&BVTD thay mặt BCT để quản lý BHĐC. Vì vậy, từ hàng loạt các văn bản pháp luật mới được ban hành và thay thế, cơ quan đại diện này cần giám sát, quản lý và xử lý hoạt động BHĐC bất chính một cách chặt chẽ để những văn bản pháp luật có cơ sở thực thi, áp dụng rộng rãi trên thực tế. Điều này chỉ làm tốt khi cơ quan ở trung ương tiên phong là cơ quan quản lý đại diện phối kết hợp với cơ quan địa phương (các sở, ban, ngành quản lý BHĐC) cùng nắm bắt kịp thời hồ sơ, giấy tờ pháp lý, hoạt động kinh doanh thực tế của DN BHĐC nhằm đưa các DN này vào "khuôn khổ" và phát hiện, ngăn ngừa kịp thời vi phạm

mang tính tiêu cực cho người tiêu dùng, người tham gia BHĐC. Cơ quan chức năng, cán bộ, công chức có thẩm quyền phải tích cực, trách nhiệm trong công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra thường xuyên DN BHĐC nhằm kiểm soát nghiêm ngặt hoạt động kinh doanh này. Với đơn khiếu nại, kiến nghị, tố cáo liên quan đến người tham gia BHĐC được tiếp nhận. Tổng Cục cần điều tra xử lý triệt để bảo vệ quyền lợi cho người tham gia BHĐC. Với các đơn thư phản ánh, tố cáo dấu hiệu lừa đảo, chiếm đoạt tài sản cần chuyển đến cơ quan công an có thẩm quyền để xử lý theo quy định một cách nhanh chóng tránh những thiệt hại đáng tiếc xảy ra.

Thứ hai, đối với Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố

UBND là cơ quan nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương, Hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên. Do vậy, đây là cơ quan đóng vai trò chỉ đạo, điều hành hoạt động của cơ quan ban ngành ở địa phương. Đối với việc kiểm soát và xử lý BHĐC bất chính của DN tại địa phương, UBND cần ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, đặc biệt là SCT, Sở kế hoạch đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở y tế, công an khu vực phối hợp chặt chẽ trong kiểm tra, thanh tra, giám sát theo kế hoạch hoặc đột xuất khi cần thiết với các DN đã được cấp giấy chứng nhận hoạt động BHĐC kịp thời xử lý các vi phạm của DN BHĐC và người tham gia trên địa bàn. Ngoài ra, UBND tỉnh, thành phố các địa phương cần ban hành quy chế phối hợp quản lý BHĐC trên địa bàn chặt chẽ và cụ thể về phương thức phối hợp như: Các cơ quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao thường xuyên phối hợp trong công tác quản lý BHĐC; phân công đầu mối theo dõi, giải quyết phối hợp xử lý công việc liên quan đến công tác quản lý BHĐC trên địa bàn. Các cơ quan phối hợp và cơ quan đầu mối thường xuyên, kịp thời trao đổi thông tin liên quan đến hoạt động BHĐC trên địa bàn; đề xuất các nội dung phối hợp; báo cáo kết quả công tác quản lý BHĐC của cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ.Trong trường hợp công tác phối hợp bị vướng mắc, gián đoạn, các đơn vị có trách nhiệm báo cáo với cơ quan cấp trên để chỉ đạo giải quyết theo quy định. Nội dung phối hợp phải đảm bảo các nội dung: Tiếp nhận, trao đổi, cung cấp thông tin về công tác quản lý hoạt động BHĐC: Kết quả xác nhận, tiếp nhận hồ sơ hành chính liên quan; thông tin về dấu hiệu vi phạm BHĐC; kết quả giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm; kiểm tra, hướng dẫn, giám sát, xử lý vi phạm BHĐC theo thẩm quyền hoặc báo cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định pháp luật; tham mưu UBND Thành phố thực hiện công tác quản lý với hoạt động BHĐC trên địa bàn; đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các VBQPPL liên quan đến BHĐC.

Thứ ba, đối với Sở Công thương tỉnh, thành phố

SCT là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công thương, cụ thể ở đây là hoạt động BHĐC của DN quy định tại Chỉ thị số 02/CT-BCT của BCT *về việc tăng cường công tác kiểm tra,*

giám sát xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động BHĐC. Do vậy, SCT cần tăng cường: Thực hiện chỉ đạo của UBND và thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra thị trường, hội nghị, hội thảo, đào tạo về BHĐC tổ chức tại địa phương nhằm phát hiện và xử lý nghiêm vi phạm của DN, người tham gia BHĐC; phát hiện và chuyển hồ sơ xử lý hình sự đối với hành vi BHĐC không có giấy chứng nhận đăng ký BHĐC hoặc không đúng nội dung giấy chứng nhận tại điều 217a BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Tuy nhiên, thực trạng hiện nay tại các SCT lực lượng thanh tra còn mỏng để tiến hành kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với DN BHĐC. Vì vậy, cần phải bổ sung thêm lực lượng này để thực hiện công tác thanh tra kiểm nhằm mục đích kịp thời xử lý BHĐC bất chính hiệu quả. Ngoài ra, các SCT cần xây dựng chặt chẽ, nghiêm ngặt quy trình cấp Giấy chứng nhận BHĐC trên địa bàn trên cơ sở phù hợp quy định của pháp luật hiện hành trong đó đặc biệt lưu ý một số nội dung: (i) chương trình bán hàng phải *"minh bạch và không trái với pháp luật"* thông qua hợp đồng mẫu mà DN ký với người tham gia và thỏa thuận khác, đầy đủ thông tin người tham gia, hàng hóa, quyền nghĩa vụ của DN BHĐC và người tham gia, gồm cả trách nhiệm DN BHĐC bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng, người tham gia nhằm bảo đảm quyền lợi cho họ nhằm hạn chế nguy cơ BHĐC bất chính. (ii) Có chương trình đào tạo người tham gia rõ ràng; gồm nội dung đào tạo, thời gian, trình tự, thủ tục cấp chứng chỉ đào tạo, thời gian và nội dung bồi dưỡng định kỳ cho người tham gia. (iii) Tăng cường phối hợp với cơ quan chuyên môn khác để tạo sự thống nhất trong quản lý như Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở y tế, công an khu vực.

Thứ tư, đối với các cơ quan chuyên môn khác

Một, Bộ Y Tế cần chỉ đạo tới các Sở y tế tỉnh, thành phố cần chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm liên quan đến chấ lượng hàng hóa của DN, người tham gia BHĐC thuộc lĩnh vực quản lý theo quy định; xử lý vi phạm pháp luật trong quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm, mỹ phẩm và sản phẩm khác của DN BHĐC trên địa bàn theo thẩm quyền. Đồng thời, thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền đối với hoạt động quảng cáo, hội nghị, hội thảo, tuyên truyền, cung cấp thông tin về các mặt hàng mỹ phẩm, thực phẩm chức năng và các mặt hàng khác của doanh nghiệp BHĐC thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

Hai, Bộ Khoa học và Công nghệ cần chỉ đạo các Sở Khoa học và Công nghệ địa phương tổ chức kiểm tra, phân tích, xác minh tính xác thực các sản phẩm công bố hợp chuẩn và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn với sản phẩm chưa được phổ biến rộng rãi. Và tiến hành thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật đối với DN BHĐC trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lượng và chất lượng sản phẩm hàng hóa, sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi thẩm quyền.

Ba, Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các sở Thông tin và Truyền thông định hướng các phương tiện thông tin đại chúng đóng trên địa bàn tăng cường các trang viết, phóng sự về

hoạt động BHĐC; phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BHĐC và cảnh báo cho người dân về hoạt động BHĐC bất chính; khuyến khích người dân tham gia tố cáo vi phạm lên cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tổ chức cá nhân liên quan.

Bốn, Bộ Công An cần chỉ đạo tới lực lượng cảnh sát kinh tế các cấp làm tốt công tác điều tra cơ bản nắm vững tình hình hoạt động của các doanh nghiệp BHĐC, sớm phát hiện những biểu hiện, dấu hiệu kinh doanh biến tướng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đồng thời, qua đó phát hiện những nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm trong hoạt động BHĐC để tham mưu cho lãnh đạo, các cơ quan chức năng có biện pháp khắc phục, ngăn ngừa vi phạm.

Đây là yêu cầu cần thiết, bởi lẽ khi mà các hoạt động BHĐC xuất hiện ngày càng nhiều, hoạt động càng đa dạng, phức tạp. Hơn nữa, quy định của pháp luật hình sự đã đưa hành vi không tuân thủ điều kiện BHĐC là một tội phạm thì việc cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn với lực lượng Cảnh sát nhân dân sẽ giúp cho việc quản lý và giám sát các hoạt động kinh doanh của các DN hiện nay diễn ra hiệu quả hơn.

Thứ năm, đối với Hiệp hội Bảo vệ người tiêu dùng

Theo luật BVQLNTD 2010 thì: "*Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là trách nhiệm chung của Nhà nước và toàn xã hội.*"(Khoản 1 Điều 4). Trên cơ sở đó, Luật này cũng quy định về chính sách của Nhà nước về BVQLNTD: "Tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân chủ động tham gia vào việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng." (khoản 1 Điều 5). Như vậy, các tổ chức xã hội thành lập theo quy định của pháp luật và hoạt động theo điều lệ được tham gia hoạt động BVNTD. Tại các tỉnh thành trên cả nước đã có các hội tiêu chuẩn, hội BVQLNTD nhằm đảm bảo tối ưu nhất những lợi ích thiết thực và cơ bản của người dùng Việt. Hiện nay, pháp luật đã có cơ chế xử lý vi phạm của DN BHĐC bất chính đối với người tham gia BHĐC và người tiêu dùng khá đang dạng và đồng bộ. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là những chủ thể này vẫn còn "lóng ngóng" chưa biết tự bảo vệ khi bị DN BHĐC bất chính xâm phạm vào lợi ích hợp pháp gây ra thiệt hại cho bản thân và gia đình. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến quyền lợi của họ, khi có thiệt hại xảy ra nhiều người tiêu dùng và người tham gia BHĐC chưa biết cách làm như thế nào để khởi kiện dân sự yêu cầu DN BHĐC bất chính bồi thường thiệt hại cho họ. Vì vậy, theo nghiên cứu sinh để khắc phục hạn chế này cơ quan quản lý nhà nước chủ quản nên ủy thác cho Hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng thực hiện công việc tập huấn, hướng dẫn cho người tham gia BHĐC và người tiêu dùng biết cách khởi kiện DN BHĐC bất chính để đòi bồi thường thiệt hại mà các DN này đã gây ra. Hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng sẽ giao nhiệm vụ cho các hội BVQLNTD địa phương thực hiện công việc tập huấn này trên địa bàn.

Theo Điều 28 Luật BVQLNTD 2010 có quy định các tổ chức xã hội tham gia bảo vệ người tiêu dùng thực hiện những nhiệm vụ: Hướng dẫn, giúp đỡ, tư vấn người tiêu dùng khi có yêu cầu; đại diện người tiêu dùng khởi kiện hoặc tự mình khởi kiện vì lợi ích công cộng; cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thông tin về hành vi vi

phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ; độc lập khảo sát, thử nghiệm; công bố kết quả khảo sát, thử nghiệm chất lượng hàng hóa, dịch vụ do mình thực hiện; thông tin, cảnh báo cho người tiêu dùng về hàng hóa, dịch vụ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thông tin, cảnh báo của mình; kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; tham gia xây dựng pháp luật, chủ trương, chính sách, phương hướng, kế hoạch và biện pháp về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; tham gia tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và kiến thức tiêu dùng. Căn cứ vào quy định này có thể thấy, giao cho Hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng công việc tập huấn và hướng dẫn cho người tham gia BHĐC và người tiêu dùng biết cách thực hiện khởi kiện dân sự là hoàn toàn phù hợp với nhiệm vụ mà pháp luật đã đề ra cho tổ chức này. Ngoài ra, để làm tốt công việc này Hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng phải cần có nguồn kinh phí để tổ chức. Vì vậy, khi thực hiện nhiệm vụ được cơ quan nhà nước giao, tổ chức xã hội này cần được Nhà nước hỗ trợ kinh phí và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

Tóm lại, cần phải khai thác hết khả năng của của Hiệp hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng để nâng cao hiệu quả công tác thực thi pháp luật bởi Hiệp hội có vai trò quan trọng và rất lớn trong việc bảo vệ quyền lợi cho người tiêu dùng ở Việt Nam hiện nay.

3.2.3.2. Tích cực tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thực xã hội về quản lý bán hàng đa cấp nhằm chống bán hàng đa cấp bất chính

Thứ nhất, đối với người dân

Tích cực tuyên truyền, phổ biến về pháp luật trong hoạt động BHĐC tới người dân, đặc biệt những người ở vùng sâu, vùng xa để họ hiểu rõ quyền, nghĩa vụ khi tham gia BHĐC. Mặt khác, cần phanh phui triệt để các DN BHĐC bất chính ở Việt Nam làm trong sạch môi trường BHĐC cũng như làm cho người dân tin tưởng và nhận thức đúng đắn về loại hình kinh doanh này. Việc tuyên truyền, phổ biến về BHĐC tới người dân là khá quan trọng, bởi hiện nay, gần như đa số người dân đã có cái nhìn không nhiều thiện cảm đối với loại hình kinh doanh này do thực tế có quá nhiều công ty, DN hoạt động bất chính, trục lợi. Những cái nhìn không thiện cảm từ người tiêu dùng là một "con dao sắc nhọn" đâm thẳng vào loại hình kinh doanh này và khiến cho mô hình BHĐC chân chính khó sống sót, tồn tại trong tương lai. Do đó, thay đổi và làm cho nhận thức của người dân trở lên đúng đắn là điều vô cùng quan trọng.

Thứ hai, đối với các DN và người tham gia BHĐC

Cần phải hướng dẫn thực hiện đúng quy định của pháp luật, phòng ngừa loại trừ vi phạm trong hoạt động BHĐC. Phổ biến, tuyên truyền pháp luật về quản lý hoạt BHĐC cho các DN, người tham gia để cho những chủ thể này hiểu rõ trách nhiệm, đạo đức trong kinh doanh BHĐC cần thiết và quan trọng như thế nào. Tuân thủ pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật là điều kiện cần để DN BHĐC tồn tại và thực hiện hoạt động kinh doanh.

Không thực hiện các hành vi kinh doanh không lành mạnh, lừa dối gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Bởi nếu thực hiện những hành vi này sẽ bị Nhà nước xử lý một cách nghiêm minh như bị rút giấy chứng nhận hoạt động BHĐC hoặc bị truy cứu TNHS. Ngoài ra, nhất thiết phải phổ biến, tập huấn cho các DN Việt Nam nói chung và các DN đang, sẽ kinh doanh đa cấp chân chính nói riêng về Bộ Quy tắc của Liên đoàn các Hiệp hội bán hàng trực tiếp thế giới (WFDSA). Bộ Quy tắc này bao gồm: Quy tắc ứng xử đối với người tiêu dùng; Quy tắc ứng xử giữa DN và người tham gia; Quy tắc ứng xử giữa các DN. Việc phổ biến, tập huấn Bộ Quy tắc này đến các DN là thực sự cấp thiết bởi nó sẽ giải quyết được tình trạng "làm bừa" hoặc "không theo khuôn khổ" của các DN Việt Nam. Thêm vào nữa, Bộ Quy tắc này sẽ là chuẩn mực để các DN BHĐC chân chính dựa vào thực hiện nhằm bảo đảm quyền lợi cho chính DN của mình cũng như tăng cường nhiều giá trị từ hoạt động BHĐC cho người tiêu dùng và XH.

Thứ ba, đối với các phương tiện thông tin đại chúng, cộng đồng xã hội

Phương tiện thông tin đại chúng có ảnh hưởng lớn đến mọi vấn đề xã hội, tác động đến nhận thức của công chúng, từ nhận thức sẽ tác động đến hành động và ứng xử của công chúng. Nhờ đến phương tiện thông tin đại chúng mà những vấn đề kinh tế, chính trị, pháp luật lan truyền nhanh trong trong cộng đồng. Vì vậy, Nhà nước cần thông qua phương tiện thông tin đại chúng, cộng đồng xã hội tuyên truyền phổ biến pháp luật về BHĐC, dấu hiệu BHĐC bất chính giúp người dân nắm rõ thông tin để biết cách tự bảo vệ trước những cám dỗ của DN BHĐC bất chính. Khi có hành vi BHĐC bất chính xảy ra phương tiện thông tin đại chúng cần giúp người dân phản hồi, lên tiếng để bảo vệ quyền lợi chính đáng khi bị DN BHĐC xâm hại. Tại các địa phương, các Sở Thông tin và Truyền thông cần chỉ đạo tăng cường tuyên tuyền công tác quản lý đối với hoạt động BHĐC trên địa bàn. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến trên hệ thống truyền thanh của địa phương về BHĐC, pháp luật về quản lý hoạt động BHĐC cho các DN BHĐC và người tham gia BHĐC để đảm bảo hoạt động BHĐC tuân thủ theo quy định của pháp luật. Tuyên truyền cần tập trung vào các nội dung quan trọng như: Hành vi bị cấm BHĐC, trách nhiệm của DN BHĐC, trách nhiệm và quyền lợi của người tham gia BHĐC, cách nhận biết hoạt động BHĐC bất chính. Ngoài ra, các phương tiện truyền thông cần phối hợp với các cơ quan chức năng thông tin kịp thời, chính xác, đúng pháp luật về hoạt động BHĐC, đặc biệt là các vụ việc vi phạm pháp luật trong hoạt động kinh doanh BHĐC để huy động tài chính, lừa đảo, chiếm đoạt tài sản người dân trên địa bàn.

Việc phương tiện thông tin đại chúng, cộng đồng xã hội cần tích cực trong việc tuyên truyền phổ cập chính sách và pháp luật của Nhà nước về quản lý BHĐC, nâng cao khả năng nhận biết và phân biệt giữa hoạt động BHĐC hợp pháp và BHĐC bất chính. Điều này, sẽ giúp cho người dân, những người muốn tham gia BHĐC để tăng thêm thu nhập và tiêu dùng có thể tự bảo vệ mình trước các hoạt động dụ dỗ, lôi kéo trái pháp luật

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Xuất phát từ tính tất yếu khách quan của việc đảm bảo lợi ích hợp pháp của người tham gia BHĐC, người tiêu dùng, các DN BHĐC chân chính và nhu cầu khắc phục những hạn chế, bất cập trong hệ thống pháp luật chống BHĐC bất chính ở Việt Nam đứng trước đòi hỏi cấp thiết phải hoàn thiện. Pháp luật về BHĐC nói chung phải đảm bảo hướng tới thực hiện mục tiêu kiểm soát hoạt động BHĐC phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và tạo môi trường kinh doanh đa cấp phát triển lành mạnh, hướng tới sự thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật và tiệm cận với xu hướng pháp luật về BHĐC tiến bộ trên thế giới.

Trên cơ sở những định hướng hoàn thiện, pháp luật chống BHĐC bất chính hiện hành cần sửa đổi, bổ sung một số quy định về khái niệm BHĐC bất chính, đối tượng được phép kinh doanh BHĐC, sửa đổi một số quy định về điều kiện kinh doanh, thẩm quyền của cơ quan quyển lý Nhà nước với hoạt động BHĐC. Bổ sung các quy định đảm bảo cơ chế tự bảo vệ của người tham gia BHĐC và người tiêu dùng cũng như quy định chặt chẽ hơn về các tài xử lý vi phạm BHĐC bất chính nhằm nâng cao hiệu quả chống các hành vi BHĐC bất chính

BHĐC bất chính là hình thức kinh doanh làm ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế-xã hội của nước ta. Hành vi này đang xâm phạm đến quyền và lợi ích của các chủ thể mà nó tác động đến. Với xu hướng toàn cầu hóa phương thức BHĐC sẽ tạo điều kiện tốt để các doanh nghiệp BHĐC từ nước ngoài "nhảy" vào thị trường Việt Nam. Điều này cũng đồng nghĩa với việc, hoạt động BHĐC tại Việt Nam sẽ có những thay đổi đáng kể, và kéo theo đó sẽ là những hành vi BHĐC bất chính tinh vi hơn. Trước thực trạng còn nhiều hạn chế về quy định pháp luật chống BHĐC bất chính, hoàn thiện cũng như điều chỉnh lại các quy định pháp luật sao cho phù hợp với thực tiễn đóng vai trò hết sức quan trọng. Việc đưa ra giải pháp kịp thời nhằm làm suy giảm, tiêu diệt hình thức bán hàng này là rất cấp thiết. Những đề xuất trong Chương 3 là một số những giải pháp theo nghiên cứu sinh là cần thiết trong giai đoạn hiện nay nhằm mục đích khắc phục hạn chế của pháp luật về chống BHĐC bất chính. Ngoài ra, để nâng cao hiệu quả trong việc chống BHĐC bất chính thì người dân cần phải trang bị, tìm hiểu thông tin về hoạt động BHĐC. Khi muốn tham gia mạng lưới BHĐC cần phải tích lũy cho mình kiến thức cần thiết để tránh việc bị dụ dỗ lôi kéo dẫn đến thiệt hại cho bản thân và gia đình. Người tiêu dùng cần phải trở thành người tiêu dùng *"thông thái"* tự bảo vệ mình với những lời quảng cáo dụ dỗ mua sản phẩm, tránh tình trạng bị lừa đảo "tiền mất tật mang" từ những doanh nghiệp BHĐC bất chính gây ra.

Để giải quyết triệt để hành vi BHĐC bất chính ngoài việc phải hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật về chống BHĐC bất chính, chúng ta còn cần có sự chung tay góp sức của hệ thống chính quyền, toàn dân và toàn xã hội.

KẾT LUẬN

Hoạt động BHĐC có xu hướng tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong tương lai và có sự áp dụng sâu rộng các công nghệ hiện đại. Bối cảnh đó đặt ra nhiều thách thức, khó khăn mới trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh này. Nhiều mô hình kinh doanh đa cấp biến tướng, lợi dụng các hình thức đầu tư như đầu tư tiền vào các dự án tài chính, tiền ảo, ví điện tử để lừa đảo, trục lợi đang có xu hướng phát triển và rất khó xử lý. Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh đa cấp chủ yếu có tính chất truyền miệng, người tham gia mạng lưới trong các hội nhóm kín thông qua các mạng xã hội nên lực lượng chức năng khó có thể nắm bắt được thông tin, các chứng cứ để xử lý vi phạm. Mặt khác, vấn đề quản lý hoạt động KDTPTĐC ở nước ta vẫn tồn tại nhiều bất cập. Điển hình như việc pháp luật hiện hành không yêu cầu DN BHĐC phải có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc cơ sở kinh doanh tại địa phương. Điều này gây ra rất nhiều khó khăn cho công tác quản lý, kiểm tra, giám sát của lực lượng chức năng. Do đó, tác giả đề xuất những giải pháp hoàn thiện pháp luật chống BHĐC bất chính nêu trên với mong muốn Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện hành lành pháp lý, khuôn khổ pháp luật cho hoạt động này. Trong thời gian tới Nhà Nước cần quản lý hiệu quả và đúng hướng hoạt động kinh doanh đa cấp. Đồng thời nghiên cứu xây dựng cơ chế quản lý hiệu quả hoạt động BHĐC ở địa phương; đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, cảnh báo để người dân sớm nhận diện và phòng tránh trước các hoạt động này.

Với những bất cập phát sinh từ nhưng quy định quản lý, kiểm soát hoạt động BHĐC hiện hành, những khó khăn nảy sinh trong quá trình thực thi các quy định pháp luật, đồng thời học hỏi kinh nghiệm quy định về BHĐC tại một số quốc gia có nền công nghiệp BHĐC phát triển. Vì vậy, Nhà nước nên tiếp tục chính sách quản lý theo hướng cho phép đăng ký hoạt động BHĐC đồng thời siết chặt quản lý: Có nhiều quan điểm khác nhau về chính sách cho phép hay không cho phép phương thức kinh doanh này hoạt động tại Việt Nam. Tuy nhiên, qua đánh giá thực tiễn, có thể thấy rằng chính sách theo hướng cho phép đồng thời quản lý chặt chẽ này đã phát huy tác dụng trong thời gian vừa qua khi Nghị định 40/2018/NĐ-CP được ban hành và có hiệu lực. Với những quy định mới tại Nghị định đã đưa hoạt động kinh doanh đa cấp vào quy củ và hạn chế các hoạt động bất hợp pháp, đem lại một số hiệu quả nhất định. Ngoài ra hiện nay, Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Do đó, việc tiếp tục thực hiện chính sách cho phép hoạt động nhằm tạo môi trường tự do kinh doanh cho các doanh nghiệp BHĐC một cách hợp pháp là một trong những điều kiện tiên quyết.

Để thực hiện tốt chính sách quản lý hoạt động BHĐC, cần có sự xem xét và phát triển tách biệt hai bộ phận khác nhau của chính sách này: Chính sách quản lý đặc thù đối với loại hình BHĐC, theo kinh nghiệm của nhiều quốc gia, chủ yếu tập trung vào việc ngăn chặn mô hình BHĐC biến tướng sang mô hình kim tự tháp ảo dùng tiền của người gia nhập cấp dưới để nuôi các cấp trên; cơ quan quản lý nhà nước chuyên trách cũng chủ yếu tập trung chú ý đến vấn đề này. Và chính sách quản lý chung: doanh nghiệp BHĐC cũng là doanh nghiệp với đầy đủ các quyền và nghĩa vụ như doanh nghiệp thuộc các loại hình kinh doanh thông thường khác; các nghĩa vụ về thuế, về lao động, về hoá đơn chứng từ hay quảng cáo khuyến mại, bồi thường thiệt hại .v.v. cần thực hiện theo các quy định chung của hệ thống pháp luật hiện hành và thuộc trách nhiệm quản lý của các cơ quan hữu quan.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Các văn kiện của Đảng và văn bản pháp luật

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2011, tr.395
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Nxb *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2011, tr.492.
3. Chỉ thị số 30/CT/TW ngày 22 tháng 01 năm 2019 *về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm quản lý của Nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng*
4. Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 *về việc tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động BHĐC.*
5. Quốc Hội (2010), Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 59/2010/QH12 ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2010
6. Quốc Hội (2004), Luật Cạnh tranh 2004 Luật Cạnh tranh số 27/2004/QH11 ban hành ngày ngày 03 tháng 12 năm 2004
7. Quốc Hội (2005), Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ban hành ngày ngày 29 tháng 11 năm 2005
8. Quốc Hội (2014), Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ban hành ngày ngày 26 tháng 11 năm 2014
9. Quốc Hội (2005), Luật thương mại số 36/2005/QH11 ban hành ngày ngày 14 tháng 6 năm 2005
10. Quốc Hội (2020), Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày ngày 17 tháng 6 năm 2020
11. Quốc Hội (2012), Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 số 15/2012/QH13 ban hành ngày ngày 20 tháng 6 năm 2012
12. Quốc Hội (2015), Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ban hành ngày ngày 24 tháng 11 năm 2015
13. Quốc Hội (2017), Bộ luật Hình sự số 01/VBHN-VPQH ban hành ngày ngày 10 tháng 10 năm 2017
14. Quốc Hội (2018), Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14 ban hành ngày ngày 12 tháng 6 năm 2018
15. Chính phủ (2005), Nghị định số 110/2005/NĐ-CP *về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp,* ban hành ngày ngày 24 tháng 8 năm 2005, Hà Nội.
16. Chính phủ (2005), Nghị định số 120/2005/NĐ-CP *quy định xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh,* ban hành ngày ngày 30 tháng 9 năm 2005, Hà Nội.
17. Chính phủ (2014), Nghị định số 42/2014/NĐ-CP *về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp*, ban hành ngày ngày 14 tháng 5 năm 2014, Hà Nội.
18. Chính phủ (2014), Nghị định 71/2014/NĐ *quy định chi tiết Luật Cạnh tranh về xử lý vi phạm pháp luât trong lĩnh vực cạnh tranh thay thế nghị định 120/2005/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2005,* ban hành ngày 21 tháng 7 năm 2014, Hà Nội.
19. Chính phủ (2015), Nghị định số 78/2015/NĐ-CP *về đăng ký doanh nghiệp,* ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2015, Hà Nội.
20. Chính phủ (2018) Nghị định số 40/2018/NĐ-CP *về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp*, ban hành ngày 12/3/2018, Hà Nội.

21. Chính phủ (2018) Nghị định số 141/2018/NĐ-CP *sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp*, ban hành ngày 08/10/2018, Hà Nội.
22. Bộ Kế hoạch và Đầu Tư (2015), Thông tư 20/2015/TT-BKHĐT – *hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp*
23. Bộ Công Thương (2018), Thông 10/2018/TT-BCT – *hướng dẫn nghị định 40/2018/ NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp*
24. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2018) Thông tư 29/2018/TT-NHNN *hướng dẫn việc xác nhận, quản lý tiền ký quỹ của doanh nghiệp bán hàng đa cấp*.

B. Tài liệu tham khảo tiếng Việt

25. Trần thị Bảo Ánh (2006) , *Bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật cạnh tranh Việt Nam,* Tạp chí Luật học số 5/2006, Tr10-14.
26. Nguyễn Sỹ Anh (2016) *Một số đề xuất đối với hoạt động kinh doanh đa cấp ở Việt Nam hiện nay*, tạp chí Dân chủ pháp luật (online) 07/6/2016. https://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/phap-luat-kinh-te.aspx?ItemID=111, Truy cập 21/1/2018
27. Luật sư Phạm Tuấn Anh, *Kinh doanh đa cấp bất chính và những tác động tiêu cực* http://luatsuphamtuananh.com/bai-viet---tin-tuc/kinh-doanh-da-cap-bat-chinh-va-nhung-tac-dong-tieu-cuc/, Truy cập 18/3/2018
28. Bộ Công Thương (2015), *Báo cáo tổng kết năm hoạt động bán hàng đa cấp*, Hà Nội.
29. Bộ Công thương Việt Nam - Cơ quan phát triển quốc tế Canada (2004), *Luật Cạnh tranh Canada và bình luận.*
30. Trương Văn Bảo (2012), *Pháp luật về bán hàng đa cấp bất chính ở Việt Nam hiện nay - Thực trạng và nhu cầu hoàn thiện*, Luận văn thạc sĩ Luật học Học viện Khoa học Xã hội.
31. Lê Hạnh, Lê Ngọc (2020), *Từ điển tiếng Việt*- Nhà xuất bản Dân Trí.
32. Đoàn Văn Bình và Đoàn Trung Kiên (2007), *Pháp luật về bán hàng đa cấp ở Việt Nam – một số vấn đề cần hoàn thiện* - Tạp chí Luật học số 7/2007, tr3-7.
33. Lê Bí Bo (2016), Học viện khoa học xã hội, *Quản lý nhà nước trong lĩnh vực bán hàng đa cấp ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Học viện Khoa học Xã hội.
34. Lê Bí Bo (2016), "*Thực trạng bán hàng đa cấp ở Thành phố Hồ Chí Minh",* Tạp chí Dân chủ pháp luật số 1/2016, tr34-39.
35. Cục cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng - Bộ Công Thương (2015*), Báo cáo tổng kết hoạt động bán hàng đa cấp 2015*
36. Cục cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng - Bộ Công Thương (2015), *Báo cáo thường niên năm 2015*
37. Cục cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng - Bộ Công Thương (2016), *Báo cáo thường niên năm 2016*
38. Cục cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng - Bộ Công Thương (2017), *Báo cáo tổng kết bán hàng đa cấp năm 2017*

39. Cục cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng - Bộ Công Thương (2018), *Báo cáo thường niên năm 2018*
40. Cục cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng - Bộ Công Thương (2019), *Báo cáo tổng kết bán hàng đa cấp năm 2019*
41. Cục cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng – Bộ Công Thương (2020), *Báo cáo ngành bán hàng đa cấp Việt Nam năm 2020*
42. Cục cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng – Bộ Công Thương (2005), Hỏi đáp về bán hàng đa cấp theo Luật cạnh tranh Canada, NXB Thế giới, Hà Nội.
43. Trương Văn Dũng (2017), *"Bán hàng đa cấp và những vấn đề pháp lý đặt ra"*, tạp chí Công Thương số 12 tháng 11/2017, Tr34-41.
44. Randy Gage (2007), "*Làm cách nào để xây dựng một doanh nghiệp trong kinh doanh theo mạng sản sinh lợi nhuận*", Nhà xuất bản Văn hóa thông tin.
45. Nguyễn Khánh Thu Hằng, Nguyễn Thị Đoan Trang (2019) *"Ký quỹ của doanh nghiệp bán hàng đa cấp tại Việt Nam hiện nay"*, tạp chí tài chính tháng 12/2018, Tr61.
46. Bảo Hân (2018) *"Quản lý kinh doanh bán hàng đa cấp: Vẫn lo biến tướng*", tạp chí Tài chính điện tử. https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-phap-luat/phap-luat-kinh-doanh/quan-ly-kinh-doanh-ban-hang-da-cap-van-lo-bien-tuong-138157.html, Truy cập 21/12/2018
47. Luật sư Nguyễn Văn Hậu, Diệp Khắc Cường (2012), *Tìm hiểu về bán hàng đa cấp*, NXB Tư Pháp.
48. Trần Văn Hùng (2018), *"Tội vi phạm về kinh doanh đa cấp"*, tạp chí Tòa án online. https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/toi-vi-pham-quy-dinh-ve-kinh-doanh-da-cap,Truy cập 21/1/2018
49. Don và Nancy Failla (2005 - Mỹ), *Kinh doanh theo mạng từ A đến Z* - NXB Thế giới, Hà Nội
50. Đại học Luật Hà Nội (2018), giáo trình Luật Cạnh tranh, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
51. Đại học luật Hà Nội (2005), *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, tr.11.
52. Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình lý luận chung về Nhà nước và pháp luật*, NXB Tư pháp Hà Nội, Tr. 433.
53. Đại học Kinh tế - Luật Thành phố Hồ Chính Minh (2010), giáo trình Luật Cạnh tranh.
54. Đại học Ngoại thương (2003), giáo trình Luật Cạnh tranh, NXB Giáo dục.
55. Hội nghị Tổng kết thi hành Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các văn bản hướng dẫn *http://www.tapchicongthuong.vn/bai-viet/can-tiep-tuc-hoan-thien-chinh-sach-bao-ve-quyen-loi-nguoi-tieu-dung-63218.htm,* Truy cập 03/1/2020.
56. Nguyễn Phương Liên (2017), "*Điều chỉnh hành vi bán hàng đa cấp bất chính dưới góc độ Luật Cạnh tranh*", Tạp chí dân chủ pháp luật số 10 (307) 2017, tr32-36.
57. Hà Linh (2019),*"Thu hồi giấy phép bán hàng đa cấp nếu doanh nghiệp không có website để công khai thông tin",* Báo điện tử An ninh thủ đô.
58. Đặng Long (2006), *"Quá trình hình thành phương thức bán hàng đa cấp",* Tạp chí thương mại số 7 năm 2006, tr23-25.

59. PGS.TS Nguyễn Thừa Lộc (2012), "*Phương hướng phát triển kinh doanh ở Việt Nam*", Tạp chí thương mại số 31, Đại học kinh tế quốc dân. , tr17-27.
60. Võ Đan Mạch (2019), *"Điều kiện kinh doanh bán hàng đa cấp theo pháp luật Việt Nam hiện nay từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh"*, Luận văn thạc sĩ Học viện Khoa học xã hội.
61. Lê Hoàng Oanh (2005), *Bình luận khoa học Luật cạnh tranh*, NXB Chính trị Quốc Gia.
62. TS. Hà Thị Ngọc Oanh, Bán hàng đa cấp và vai trò của quản lý nhà nước; Tạp chí Thương Mai số 14/2010, tr10-12.
63. TS. Nguyễn Minh Phong (2010), *5 bí kíp trong kinh doanh đa cấp*; Tạp chí Công nghệ ngân hàng số xuân Canh Dần 2010, tr39-41.
64. Ninh Thị Minh Phương (2012), *Pháp luật bán hàng đa cấp bất chính ở Việt Nam,* Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa Luật –Đại học Quốc Gia Hà Nội.
65. Dương Xuân Phúc & Nguyễn Thị Xuân (2018), *Về việc hoàn thiện pháp luật và cơ chế quản lý về kinh doanh đa cấp,* Tạp chí toàn án online, https://tapchitoaan.vn/bai-viet/kinh-te/ve-viec-hoan-thien-phap-luat-va-co-che-quan-ly-ve-kinh-doanh-da-cap, Truy cập 15/3/2018.
66. Richard Poe (2003), "*Làn sóng thứ ba kỷ nguyên mới trong ngành kinh doanh theo mạng*", Nhà xuất bản Thế giới.
67. Nguyễn Ngọc Sơn (2006), "*Pháp luật về quản lý đối với hoạt động bán hàng đa cấp tại Việt Nam*", Khoa học pháp lý, số 4.
68. Nguyễn Ngọc Sơn (2008), *Tính không lành mạnh của hành vi bán hàng đa cấp bất chính* - https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2008/04/07/89070/.
69. Th.s Lê Văn Sua,*"Hành vi bán hàng đa cấp bất chính theo Luật cạnh tranh năm 2004 và kiến nghị*"https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2118
70. Lê Anh Tuấn (2008), *Pháp luật về chống cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam*- Luận án Tiến sĩ Luật học, Khoa Luật –Đại học Quốc Gia Hà Nội.
71. Lê Anh Tuấn (2006), "*Điều chỉnh pháp luật đối với hành vi bán hàng đa cấp bất chính*", tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 83, tháng 9/2006; tr44-50.
72. Hoàng Đào Thu Thủy (2012), *Pháp luật điều chỉnh bán hàng đa cấp ở Việt Nam – Lý luận và thực tiễn* Luận văn thạc sĩ Đại học Luật Hà Nội.
73. Vũ Văn Tú (2014), *Hoàn thiện pháp luật về bán hàng đa cấp tại Việt Nam theo kinh nghiệm một số nước trên thế giới* - Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội.
74. Trần Thị Thu (2014), *Pháp luật về kiểm soát bán hàng đa cấp ở Việt Nam*· Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội
75. Trần Đình Thu (2015), "*Những hệ lụy từ kinh doanh đa cấp"* https://thanhnien.vn/toi-viet/nhung-he-luy-nguy-hiem-tu-kinh-doanh-da-cap-617444.html
76. Khiếu Mạnh Tường (2010), *Hoàn thiện quản lý nhà nước đối với hoạt động bán hàng đa cấp qua thực tiễn tỉnh Đồng Nai,* Luận văn thạc sĩ Hành chính công, Học viện Hành chính
77. Bùi Thị Ánh Tuyết (2020), *"Kiểm soát hành vi bán hàng đa cấp bất chính theo pháp luật Việt Nam",* Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật, Đại Học Huế.

78. Tổ chức thương mại thế giới (1995), *Hiệp đinh chung về thương mại dịch vụ* (GATS)
79. Nguyễn Văn Vinh (2016), *Thực trạng vi phạm pháp luật về kinh doanh đa cấp ở Việt Nam và giải pháp khắc phục*, tạp chí Khoa học giáo dục cảnh sát nhân dân số 83 -11/2016
80. Đoàn Trung Kiên (2008), Bản chất pháp lý của hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp; Tạp chí Luật học số 11/2008, tr51-57
81. John Kalench (2002), Cơ hội thuận lợi trong lịch sử thế giới loài người, NXB thế giới, Hà Nội
82. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1999), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa và thông tin, tr. 132.

C. Tài liệu tham khảo tiếng nước ngoài

83. Dr. Abdul Assis Koroth1, Dr. A.K.Sarada2 1Associate Professor (2012), 1Professo Dept of Commerce, Govt. College Madappally. Kerala, India 2Professor, DCMS, University of Calicut, India "*Significance of Relationship in Multilevel Marketing and its effect on Business Outcome*" *http://iosrjournals.org/iosr-jbm/papers/vol3-issue6/E0362636.pdf*, update 11/2/2018.
84. Prof. Bogdan Gregor, PhD Aron-Axel Wadlewski (2013), M.Sc. University of Lodz, Poland, *Multilevel Marketing as a business model*. https://www.researchgate.net/publication/307840626_Multi-Level_Marketing_as_a_business_model, update ngày 20/2/2018.
85. Bryan A.Garner (2010), *Từ điển Black's Law Dictionary* (tái bản lần thứ 9)
86. Ciongradi, I. M. (2017). *Multilevel Marketing for everybody is not forever*. Bulletin of the Transilvania University of Brasov. Series V: Economic Sciences, 10, 11-16. (Bản tin của Đại học Braşov Transilvania - Số đặc biệt. Loạt V: Khoa học Kinh tế • Tập. 10 (59) Số 2-2017. http://webbut.unitbv.ro/Bulletin/Series%20V/2017/BULETIN%20I%20SI/02_CIONGRADI.pdf, update 28/2/2018
87. Giáo sư Dipa Dube trường Luật sở hữu trí tuệ Rajiv Gandhi IIT Kharagpur và Girish S. N. sinh viên trường Luật sở hữu trí tuệ Rajiv Gandhi IIT Kharagpur (2015) "*Multi-level marketing:comparative perspectives and indian dilemma*" https://garph.co.uk/IJARMSS/May2015/9.pdf; update 15/2/2018
88. George A. Akerlof The Quarterly Journal of Economics, Vol. 84, No.3. (Aug.1970), pp. 488-500.
89. Luật chống bán hàng đa cấp bất chính Malaysia (Direct Sales and Anti-Pyramid Scheme Act 1993 (Law of Malaysia)) https://www.global-regulation.com/translation/malaysia/5959899/direct-sales-and-anti-pyramid-scheme-act-1993.html update 10/6/2020
90. Indian Penal Code 186 https://www.indiacode.nic.in/, update 06/4/2018
91. Luật Cạnh Tranh Canada (Competition Act) https://laws.justice.gc.ca/eng/acts/C-34/FullText.html update 18/1/2018
92. Luật quản lý bán hàng đa cấp của Đài Loan năm 2014 (Multi-Level Marketing Supervision Act) https://www.ftc.gov.tw/internet/english/doc/docDetail.aspx?uid=1233&docid=13426 update 15/5/2021
93. Luật bán hàng tận của của Hàn Quốc 2005 sửa đổi 2016 (Act on door-to-door sales, etc) https://elaw.klri.re.kr/eng_mobile/viewer.do?hseq=38509&type=part&key=28,update 8/1/2019
94. (Luật các giao dịch thương mại Nhật Bản 2016 (Specified Commercial Transactions Law)

https://www.global regulation.com/law/japan/277304/act-on-specified-commercial-transactions.html, update 10/1/2019

95. Luật chống bán hàng đa cấp bất chính Trung Quốc 2005 (China' Regulation on prohibition of pyramid selling); http://www.asianlii.org/cn/legis/cen/laws/ropops432/ update 29/12/2018

96. Luật quản lý bán hàng trực tiếp của Trung Quốc 2005 (China' Regulation on Direct Selling Administration 2005) http://www.lehmanlaw.com/resource-centre/laws-and-regulations/direct-sales/regulation-on-direct-selling-administration-page-1.html update 28/12/2018

97. Phillip V. Lewis (1985), *"Defining 'Business Ethics': Like Nailing Jello to a Wall"*, Journal of Business Ethics 4 (1985) 377-383. 0167-4544/85/.15

98. Tiến sĩ Jame A Muncy (2004)**,** *Ethical Issues in MLM Marketing: Is it a Legitimate Business or just Another Pyamid Scheme*, Đại học Công nghệ Texas Hoa kỳ. https://www.ftc.gov/system/files/documents/public_comments/2006/07/522418-05979.pdf. update 22/1/2018

99. John Milton Fogg, *"The Greatest Networld in the world",* NXB Currency - February 26, 1997

100. Giáo sư William W. Keep, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng New Jersey; Peter J. Vander Nat, Chuyên gia kinh tế cao cấp, Cục Kinh tế - thương mại Liên bang (Mỹ), *Mulitil level Marketing and pyramid schemes in the united*- ournal of Historical Research in Marketing , Vol 6, Issue 4 (November), 2014. http://business.tcnj.edu/files/2014/02/Keep-and-Vander-Nat_MLM-and_Pyramid-Schemes_Final102814.pdf, update 12/3/2019

101. Dai, F., Teo, S. T., & Wang, K. Y. (2017). Network marketing businesses and Chinese ethnicity immigrants in Australia. Journal of Small Business Management, 55(3), 444-459. doi:10.1111/jsbm.1224

102. Yu Tian (2008) Northwest University of Politics and Law, "*"On the Legal and Market Analysis of "Direct Selling" in China";* International Journal of Business and Management Vol.3, No.12 December 2008 https://pdfs.semanticscholar.org/6f02/316206974db1eee2f7f5ebe1de7d4e8bcee4.pdf; update 19/5/2021

103. Ranelli Williams (2018) *"Strategies for Building and Retaining a Productive Multilevel Marketing Downline Business Administration"*- Doctor of Business Administration Walden University.U.S https://scholarworks.waldenu.edu/dissertations/5959/, update 09/1/2019

104. Susan Ward (2017) Mỹ, "*Learn to Distinguish between Multi – Level Marketing and Pyramid Schemes*" https://www.thebalance.com/is-it-multilevel-marketing-or-a-pyramid-scheme-2947159, update 18/1/2019

105. Radha Rani and Dr. Narender Kumar Maharshi Dayanand University, Rohtak India (2013),*"Mulitil level Marketing versus pyramid schemes"*, India,

https://www.abhinavjournal.com/images/Management_&_Technology/Dec13/7.pdf;update 07/3/2019

D. Các trang web tham khảo

106. http://baochinhphu.vn/Utilities/PrintView.aspx?distributionid=347582 [Truy cập 25/9/2019]
107. https://baodautu.vn/23-doanh-nghiep-da-cap-thu-hon-5800-ty-dong-nop-886-ty-dong-tien-thue-d111525.html 22/11/2019
108. https://www.babla.vn/tieng-viet-tieng-anh/
109. http://congthuongthainguyen.gov.vn/
110. http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Phap-luat/825541/vu-lua-dao-o-cong-ty-lien-ket-viet-vi-sao-nhieu-nguoi-sap-bay
111. https://vnexpress.net
112. https://www.moit.gov.vn/
113. https://tuoitre.vn/gdp-dau-nguoi-viet-nam-moi-chi-bang-malaysia-cach-day-20-nam-20190130131444297.htm update 15/8/2020
114. http://tratu.soha.vn/dict/vn_vn/
115. http://tratu.coviet.vn/hoc-tieng-anh/tu-dien/lac-viet/
116. http://www.ilga.gov/commission/lru/consumerlaws2014.pdf, 07/1/2019
117. https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2019/12/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2019/#:~:text=%C6%AF%E1%BB%9Bc%20t%C3%ADnh%20thu%20nh%E1%BA%ADp%20b%C3%ACnh,%2C%20gi%E1%BA%A3m%2033%2C8%25, update 11/05/2020
118. http://www.skepdic.com/pyramid.html update 26/02/2019
119. https://www.elegislation.gov.hk *"Pyramid Schemes Prohibition Ordinance"* https://www.elegislation.gov.hk/hk/cap617!en@2012-08-02T00:00:00; update 11/5/2020
120. http://network-experience.com/en/multi-level-marketing/mlm-history.php, update 22/02/2019
121. https://wfdsa.org/wp-content/uploads/2021/07/Fact-Sheet-2020-1.pdf,update 05/07/2021
122. https://law.justia.com/codes/georgia/2010/title-16/chapter-12/article-2/part-1/16-12-38/, update 11/1/2019
123. https://www.ftc.gov/sites/default/files/documents/statutes/federal-trade-commission-act/ftc_act_incorporatingus_safe_web_act.pdf update 19/1/2019
124. https://cdn.thejournal.ie/media/2013/10/cannabis-regulation-bill-2013.pdf
125. http://mlma.org.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=675%3Athay-doi-khuon-kho-phap-ly-dieu-chinh-hoat-dong-bhdc-tai-viet nam&catid=37&Itemid=93&lang=vi Truy cập [08/1/2019]
126. https://www.mlmlaw.com/library/guides/doortodoor.htm update 11/1/2019
127. https://mlmlegal.com/statutes.html update 11/1/2019

PHỤ LỤC 1

Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh đa cấp ở Việt Nam

CƠ QUAN TRỰC TIẾP

THỰC HIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG BHĐC

Tại Trung ương

BỘ CÔNG THƯƠNG

- Cấp, sửa đổi, bổ sung thu hồi,xác nhận đăng ký hoạt động BHĐC;
- Thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;
- Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm;
- Phổ biến, tuyên truyền pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp cho các doanh nghiệp, người tham gia bán hàng đa cấp;

Tại địa phương

UBND CẤP TỈNH

- Cấp, sửa đổi, bổ sung , gia hạn, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động BHĐC;
- Thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động
- Phổ biến, tuyên truyền pháp luật về quản lý hoạt động BHĐC cho các DN, người tham gia bán hàng đa cấp;
- Xây dựng và trình các cấp có thẩm quyền ban hành hoặc sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý hoạt động BHĐC;
- Các trách nhiệm khác theo luật định.

CƠ QUAN PHỐI HỢP

THỰC HIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG BHĐC

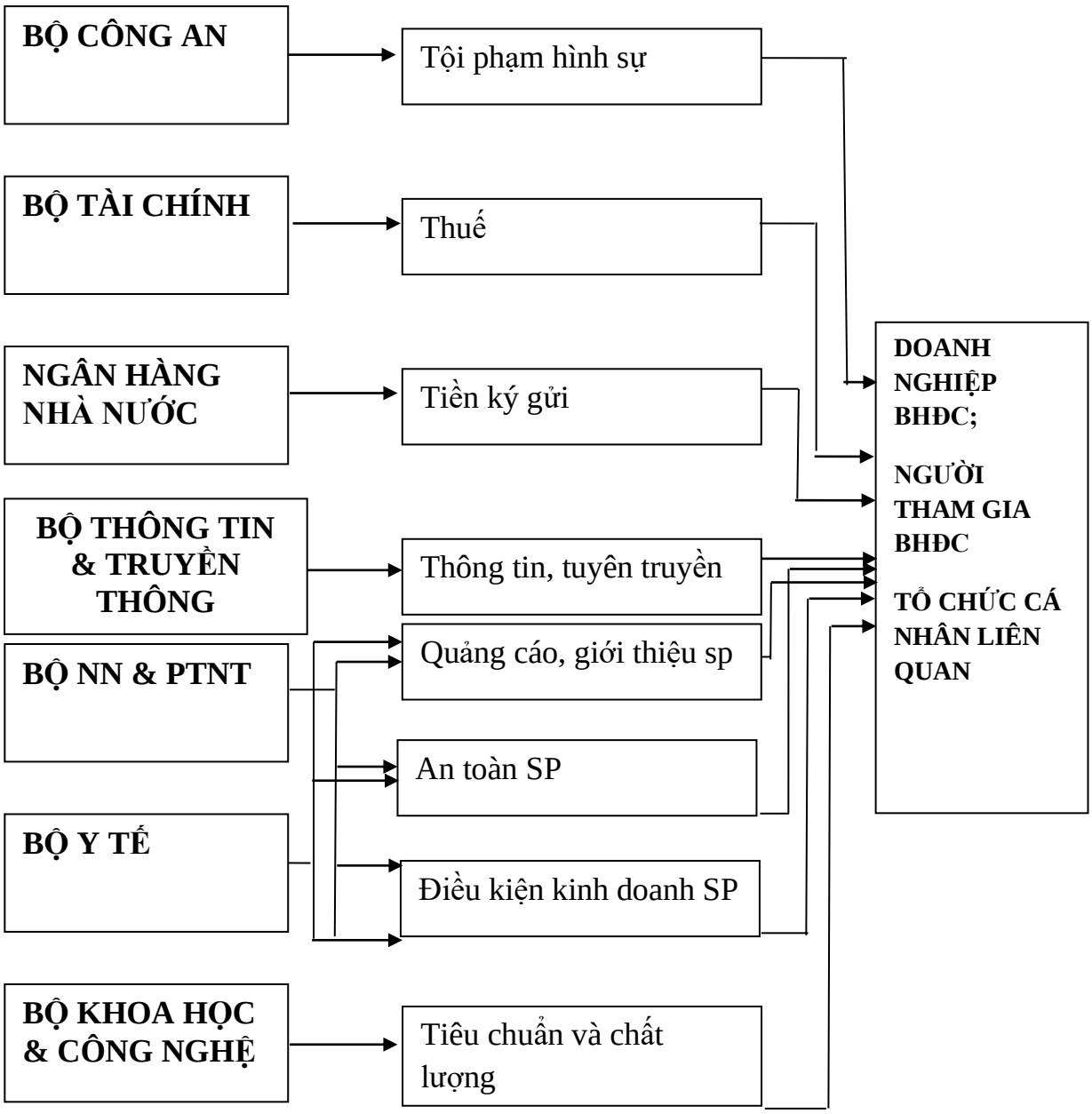

PHỤ LỤC 2

Danh sách các doanh nghiệp bán hàng đa cấp ở việt nam tính đến tháng 12 năm 2020

STT	Doanh nghiệp	Ngày GCN cấp lần đầu hết hiệu lực	Ngày GCN được gia hạn
1	Công ty TNHH AMWAY Việt Nam	17/10/2019	06/06/2019
2	Công ty TNHH Unicity MarketingViệt Nam	22/12/2019	20/12/2019
3	Công ty TNHH Thiên sư Việt Nam	23/12/2019	10/12/2019
4	Công ty CP Tập đoàn Liên kết Việt Nam	25/12/2019	18/12/2019
5	Công ty TNHH Thương Mại Lô Hội	31/12/2019	30/12/2019
6	Công ty TNHH Nu Skin Enterprises VN	15/01/2020	14/01/2020
7	Công ty TNHH Elken International Việt Nam	28/01/2020	16/12/2019
8	Công ty TNHH MTV Herbalife Việt Nam	05/02/2020	04/02/2020
9	Công ty TNHH Perfect Global (Việt Nam)	10/02/2020	07/02/2020
10	Công ty TNHH Total Swiss Việt Nam	10/02/2020	09/02/2020
11	Công ty TNHH Siberian Health Quốc Tế	12/02/2020	11/02/2020
12	Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ Hoằng Đạt	14/02/2020	12/02/2020
13	Công ty TNHH Một Thành viên New Image Việt Nam	27/02/2020	12/02/2020
14	Công ty TNHH Best World Việt Nam (Công ty TNHH Liên kết triển vọng)	09/03/2020	04/03/2020
15	Công ty TNHH Người Lái xe Mặt Trời	15/07/2020	05/06/2020
16	Công ty TNHH Phong cách sống Kim Cương	21/07/2020	20/07/2020
17	Công ty TNHH Homeway Việt Nam	28/09/2020	25/09/2020
18	Công ty TNHH MTV Thương mại Mỹ Lợi	02/12/2020	01/12/2020
19	Công ty TNHH Oriflame Việt Nam	12/11/2024	
20	Công ty TNHH Gcoop Việt Nam	19/11/2024	
21	Công ty TNHH Seacret	17/11/2024	
22	Công ty TNHH Kyowon The Orm Việt Nam	26/11/2025	

Nguồn: (Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng)

PHỤ LỤC 3

Sơ đồ 1 (mô hình bán hàng đơn cấp)

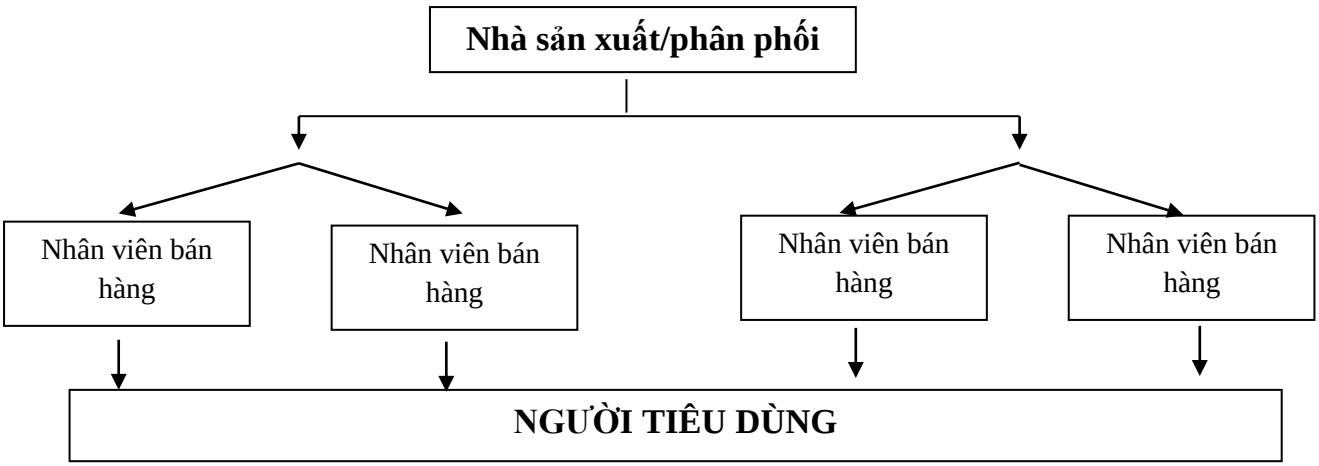

Sơ đồ 2 (mô hình bán hàng đa cấp)

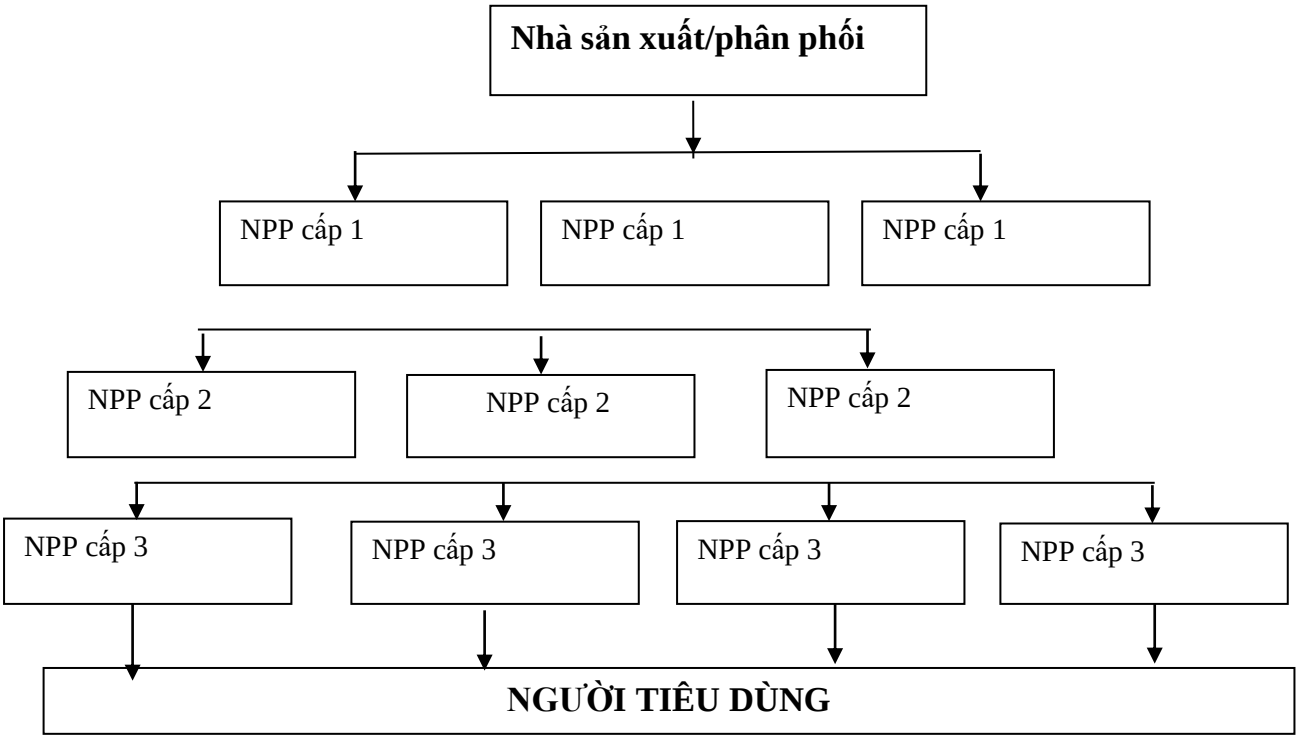

PHỤ LỤC 4

Mô hình bán hàng đa cấp bất chính: Pozi và kim tự tháp

Mô hình Ponzi:

Mô hình Ponzi - đặt theo tên của Charles Ponzi - một kẻ lừa đảo người Ý sống tại Bắc Mỹ đã trở nên rất nổi tiếng sau khi nghĩ ra mô hình lừa đào tài sản này. Đầu những năm 1920, Ponzi với mô hình của hắn tồn tại hơn một năm đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của hàng trăm nạn nhân. Về cơ bản, mô hình Ponzi là một hình thức lừa đảo đầu tư hoạt động theo cách lấy tiền của người đến sau trả cho người đến trước. Điểm mấu chốt của nó là những người đến sau cùng thường sẽ không nhận được một xu nào cả.

Một mô hình Ponzi thường sẽ hoạt động theo cách như sau:

Sẽ có một thành viên khởi xướng đầu tiên đứng ra quảng cáo về cơ hội đầu tư trong đó người tham gia phải đóng góp $1000. Người này được hứa hẹn sẽ nhận được lại toàn bộ khoản đầu tư ban đầu kèm theo đó là 10% lợi nhuận sau một chu kỳ đầu tư nhất định (90 ngày chẳng hạn).

Giả sử nhà đầu tư này kêu gọi được thêm 2 nhà đầu tư nữa tham gia trước khi thời hạn 90 ngày kết thúc. Khi đó người khởi xướng sẽ trích $1100 từ khoản $2000 thu được từ người thứ 2 và thứ 3 để trả lại cho người thứ nhất. Khi đó, nhà đầu tư thứ nhất sẽ bị hấp dẫn và nhiều khả năng tái đầu tư tiếp với khoản $1000 ban đầu.

Bằng cách lấy tiền từ những nhà đầu tư mới, kẻ lừa đảo sẽ có đủ khả năng tài chính để chi trả cho những nhà đầu tư đến sớm và thuyết phục họ tái đầu tư kèm theo việc kêu gọi theo nhiều người khác tham gia.

Khi hệ thống đã phát triển, người khởi xướng bắt buộc phải tìm kiếm thêm các nhà đầu tư mới gia nhập mô hình để có thể duy trì được khả năng trả lãi đã hứa.

Cuối cùng khi hệ thống đạt tới mức không thể duy trì được nữa, người khởi xướng hoặc sẽ bị bắt hoặc sẽ biến mất cùng với số tiền thu được từ các nhà đầu tư.

Mô hình kim tự tháp:

Mô hình kim tự tháp là một mô hình hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh trong đó các thành viên được hứa hẹn về lợi nhuận hoặc các phần thưởng bằng cách gia nhập mô hình và giới thiệu thêm người mới gia nhập.Ví dụ, một người khởi xướng (lừa đảo) giới thiệu tới A và B một cơ hội mua lại quyền phân phối trong một công ty với giá $1000 mỗi người. Khi đó họ sẽ có quyền tự mình bán lại các quyền phân phối này và kiếm được hoa hồng khi giới thiệu

được thêm thành viên mới gia nhập. Số tiền $1000 họ kiếm được từ mỗi lần bán được quyền phân phối sẽ được chia đều 50/50 giữa họ và người khởi xướng.

Trong ví dụ trên, A và B mỗi người cần phải bán được quyền phân phối 2 lần nhằm thu lại được khoản đầu tư ban đầu của họ, vì mỗi lần họ sẽ thu lại được $500. Khi đó, gánh nặng phải bán lại 2 quyền phân phối khác nhằm thu lại số vốn ban đầu sẽ được chuyển sang các khách hàng của họ. Mô hình này cuối cùng cũng sẽ sụp đổ bởi sẽ càng ngày càng có nhiều người phải tham gia vào quy trình đó. Sự phát triển không bền vững là nguyên nhân chính làm cho mô hình này mang tính bất hợp pháp.

Hầu hết các mô hình kim tự tháp đều không cung cấp sản phẩm hay dịch vụ nào cả mà chỉ duy trì dựa trên số tiền thu được từ việc tiếp nhận thêm người mới. Tuy nhiên, có một số mô hình kim tự tháp được giới thiệu dưới danh nghĩa các công ty 'tiếp thị đa cấp " bán sản phẩm và dịch vụ một cách hợp pháp. Đây chỉ là một cách che giấu bản chất lừa đảo vốn có của mô hình này mà thôi.

Tóm tắt điểm giống và khác của mô hình Pozi và Kim tự tháp

<table>
<tr><td colspan="3">Điểm giống:
- Cả 2 mô hình này đều là một dạng lừa đảo tín thuyết phục nạn nhân đầu tư bằng cách hứa hẹn mức lợi nhuận rất cao.
- Cả hai đều cần có dòng tiền liên tục đến từ các nhà đầu tư mới để có thể duy trì hoạt động và thành công.
- Thông thường đều không cung cấp sản phẩm hay dịch vụ nào cả</td></tr>
<tr><td rowspan="2">KHÁC</td><td>POZI</td><td>KIM TỰ THÁP</td></tr>
<tr><td>Mô hình Ponzi thường được giới thiệu là dịch vụ quản lý đầu tư, trong đó người tham gia tin rằng lợi nhuận họ nhận được là kết quả có được từ các khoản đầu tư hợp pháp. Kẻ lừa đảo thực chất là cướp tiền của người này để trả cho người khác.</td><td>Mô hình kim tự tháp dựa nên nền tảng marketing mạng lưới và yêu cầu người tham gia phải tuyển thêm người mới vào hệ thống thì mới kiếm được tiền. Từ đó, mỗi thành viên sẽ nhận được một khoản hoa hồng trước khi toàn bộ số tiền còn lại được chuyển dần lên đỉnh kim tự tháp.</td></tr>
</table>

PHỤ LỤC 5

Các thị trường dẫn đầu thế giới về doanh thu kinh doanh đa cấp năm 2019

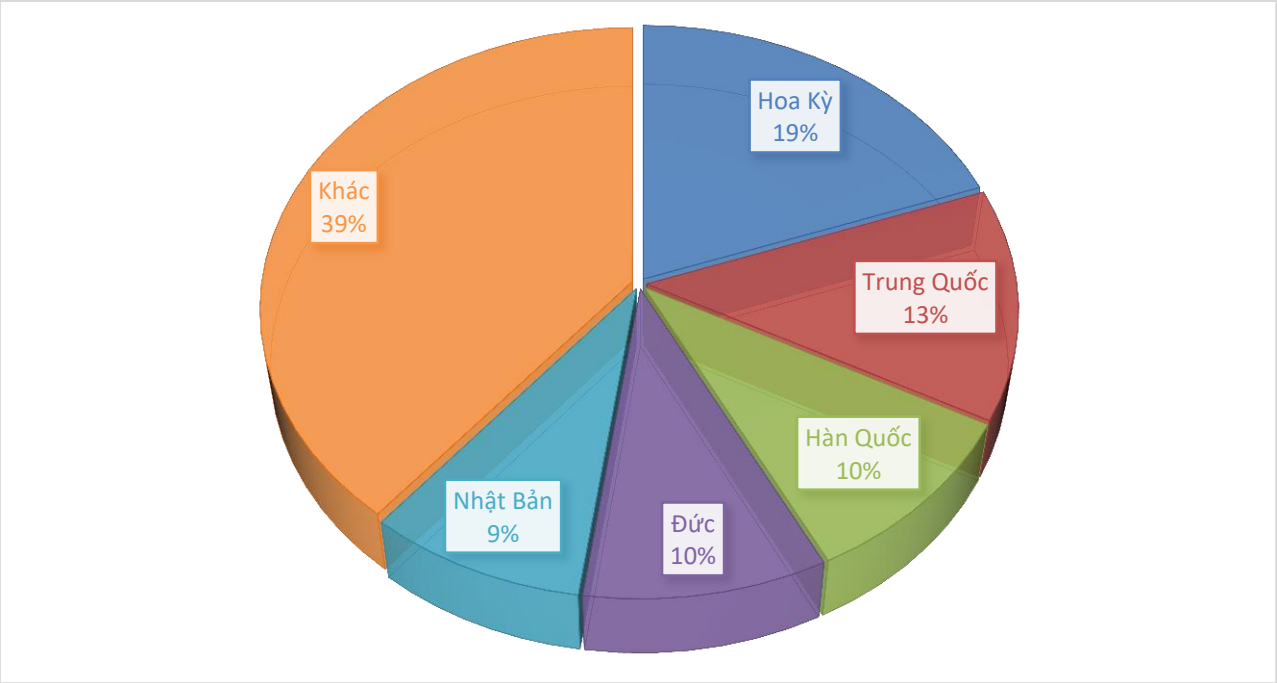

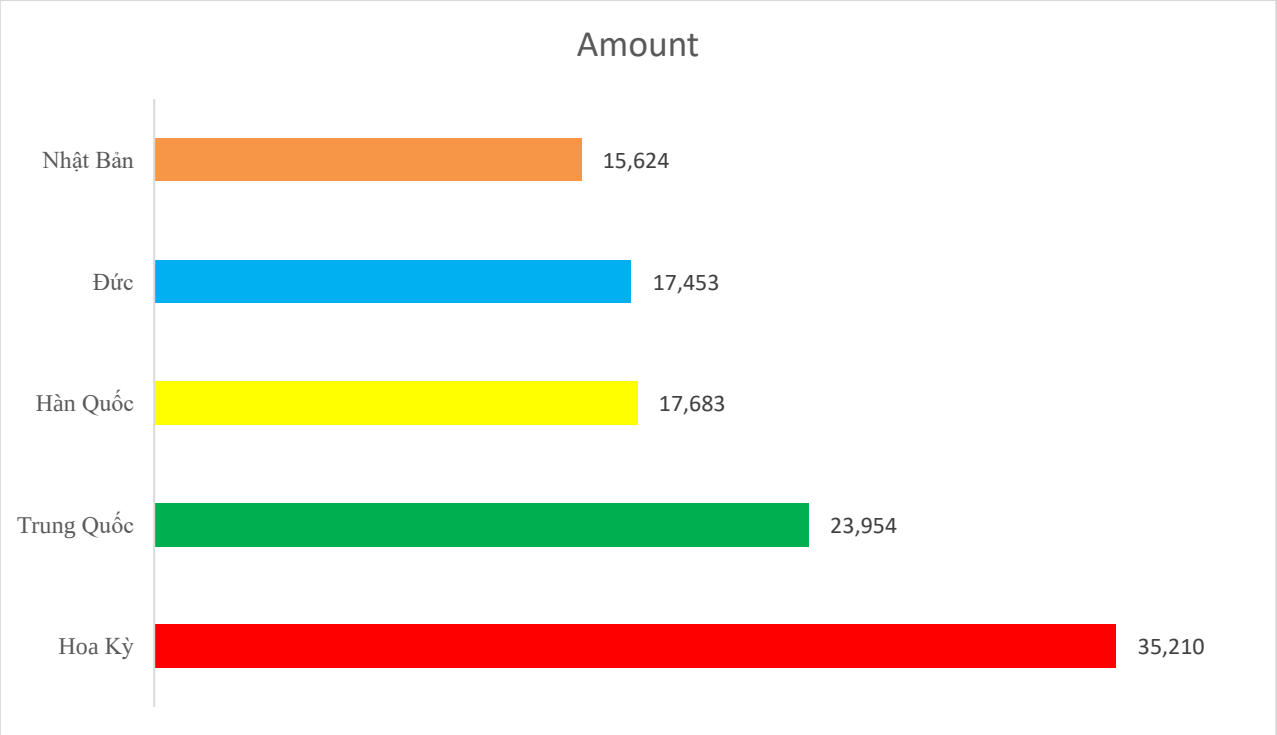

ĐVT: Tỷ đô la Mỹ *Nguồn: WFDS*

PHỤ LỤC 6

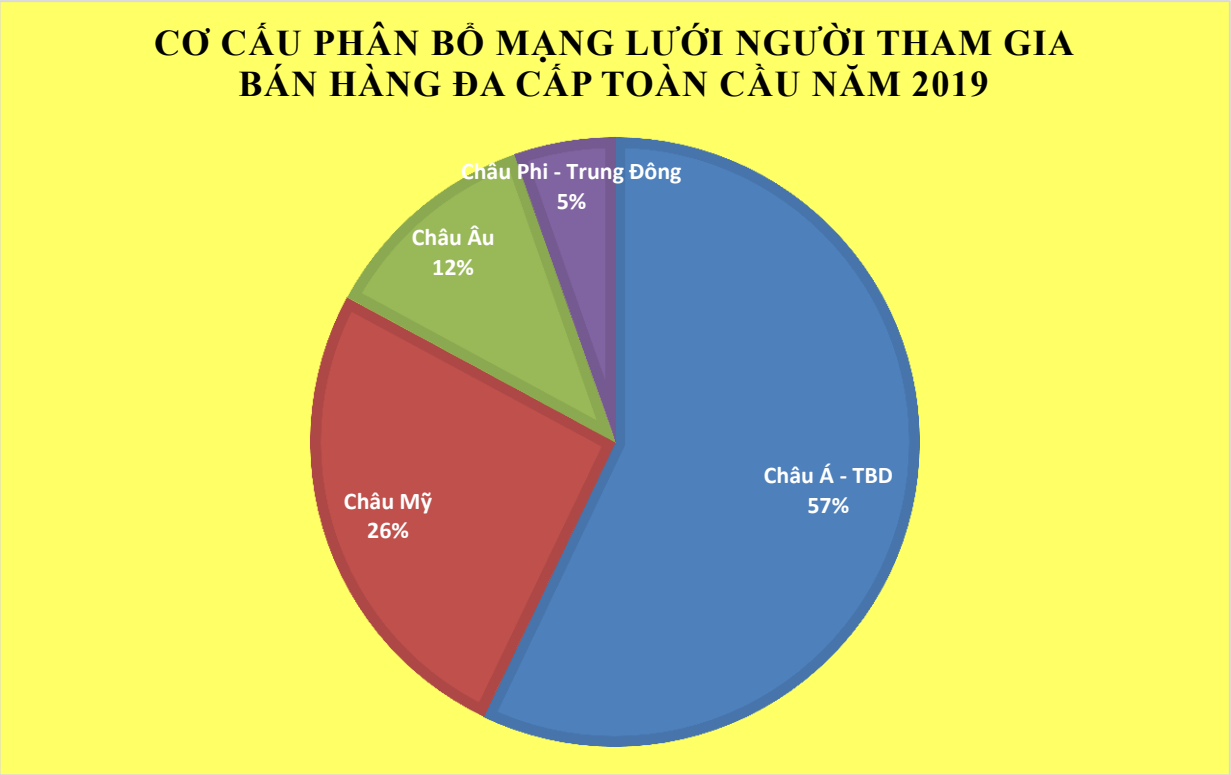

NGƯỜI THAM GIA BHĐC TOÀN CẦU
119,9 triệu người

Châu Á -Thái Bình Dương:	68,4 triệu người
Châu Mỹ:	30,9 triệu người
Châu Âu:	14.1 triệu người
Châu phi - Trung Đông:	6,4 triệu người

Nguồn: WFDSA,2020

PHỤ LỤC 7

Các thị trường thế giới lớn nhất về số lượng người tham gia năm 2019

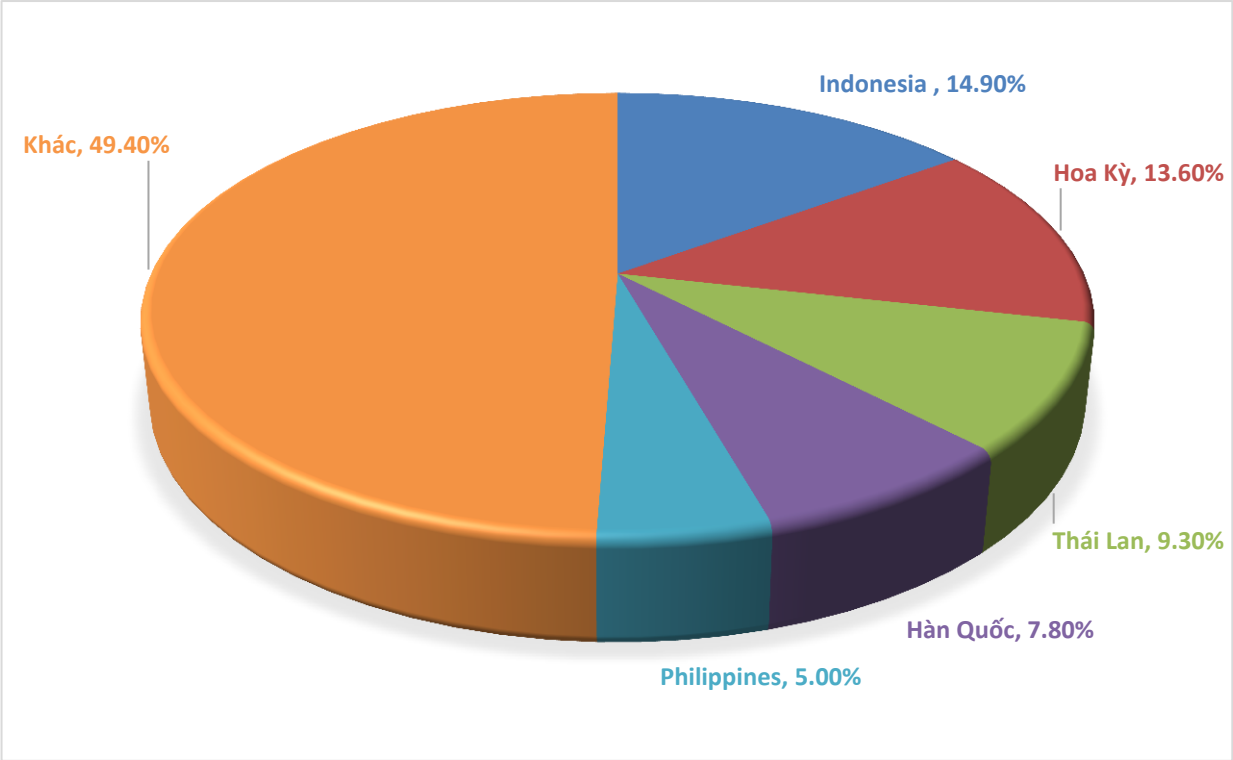

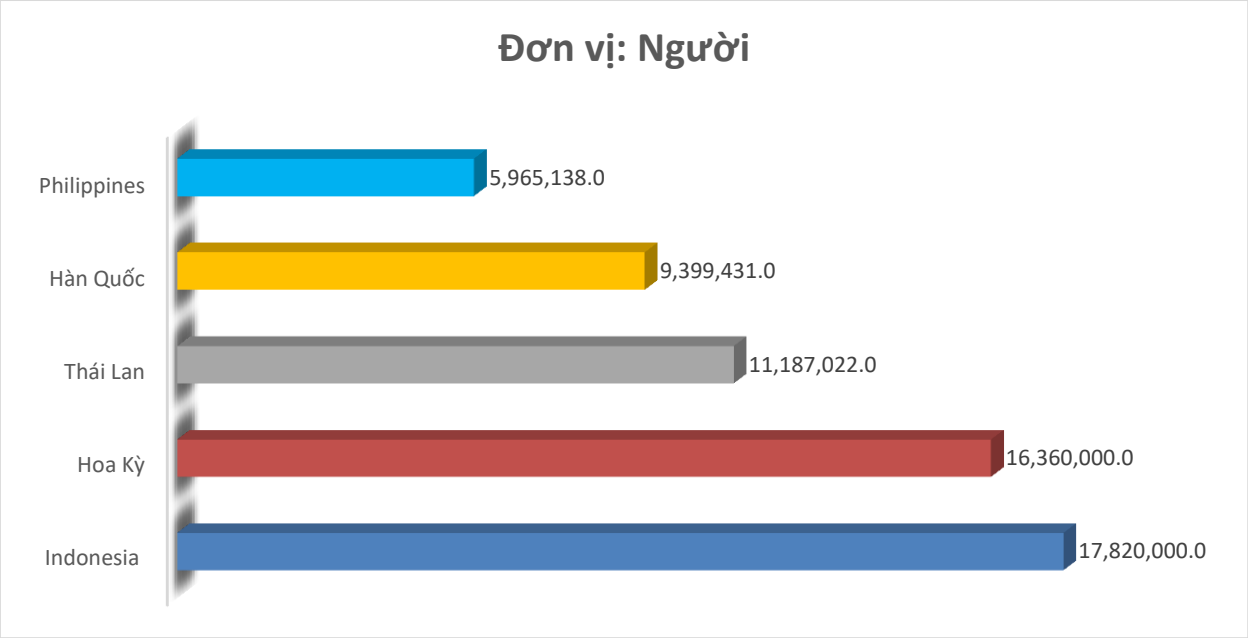

Nguồn: WFDSA, 2020

PHỤ LỤC 8

Sản phẩm được bán bởi các doanh nghiệp bán hàng đa cấp trên toàn thế giới

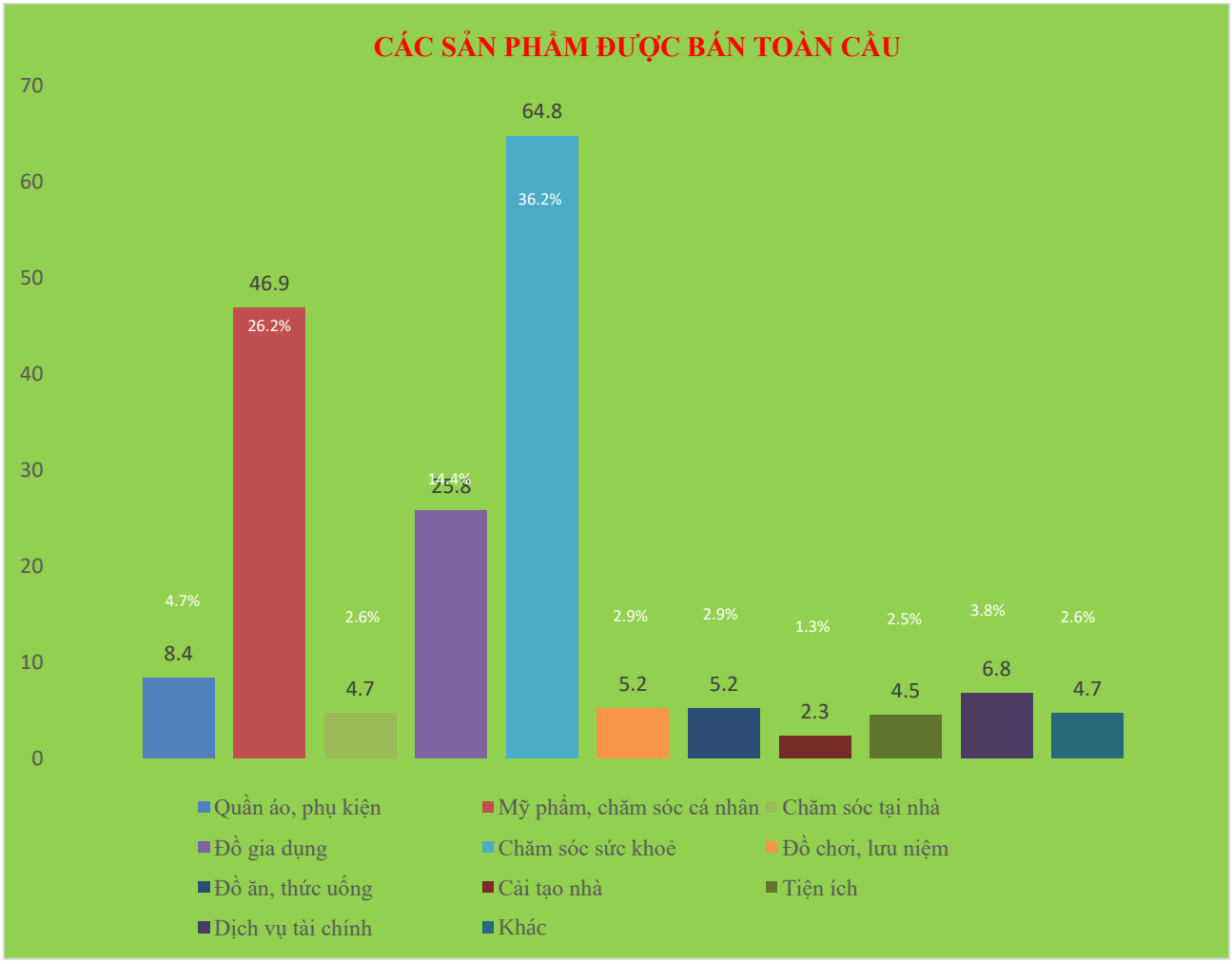

Mỹ phẩm, chăm sóc cá nhân (26,2%) và sản phẩm sức khỏe (36,2%) cùng chiếm hơn 62% doanh số ngành hàng. Hàng Gia dụng & Đồ dùng cao cấp tăng từ 11,7% vào năm 2019 lên 14,4% vào năm 2020, trong khi quần áo & phụ kiện giảm từ 6,2% xuống 4,7%.

Nguồn: WFDS 2021

PHỤ LỤC 9

Tăng trưởng của ngành bán hàng đa cấp từ năm 2017 đến năm 2020

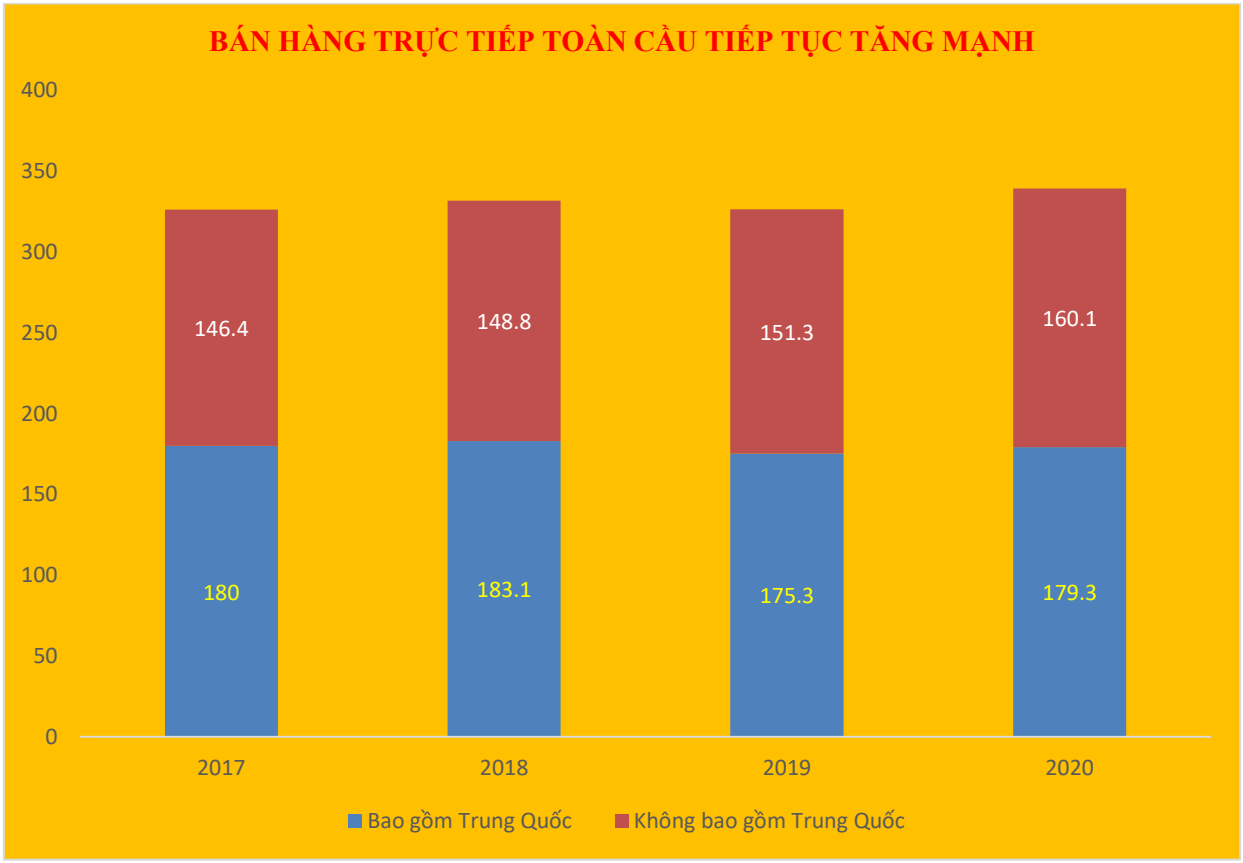

Nếu loại trừ doanh thu từ Trung Quốc, ngành công nghiệp này tiếp tục tăng trưởng với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm 3 năm là 3,0% trong giai đoạn 2017-2020. (CAGR bao gồm cả Trung Quốc là -0,1%).

Nguồn: WFDS 2021

PHỤ LỤC 10

Doanh số bán hàng đa cấp năm 2020 trên toàn thế giới

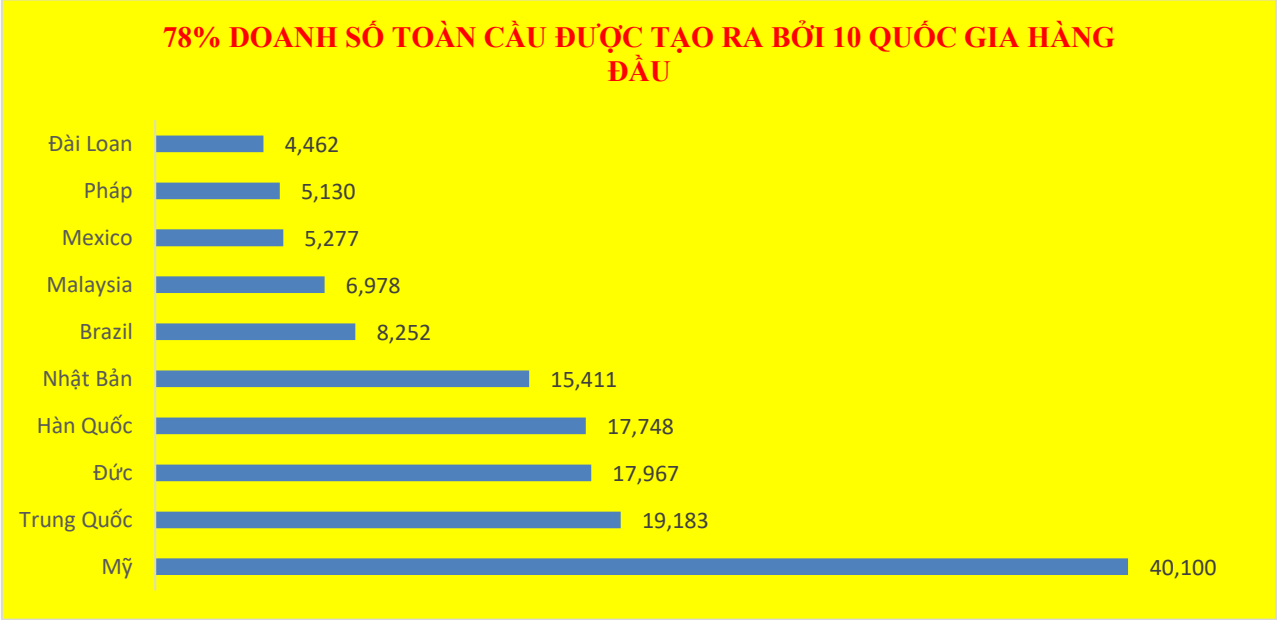

Số liệu bán hàng được thể hiện vào năm 2020 là USD không đổi theo giá bán lẻ ước tính, chưa trừ thuế giá trị gia tăng. Mỹ là Quốc gia đứng đầu trong bảng xếp hạng trên thế giới năm 2020. Kêt quả kinh doanh toàn cầu.

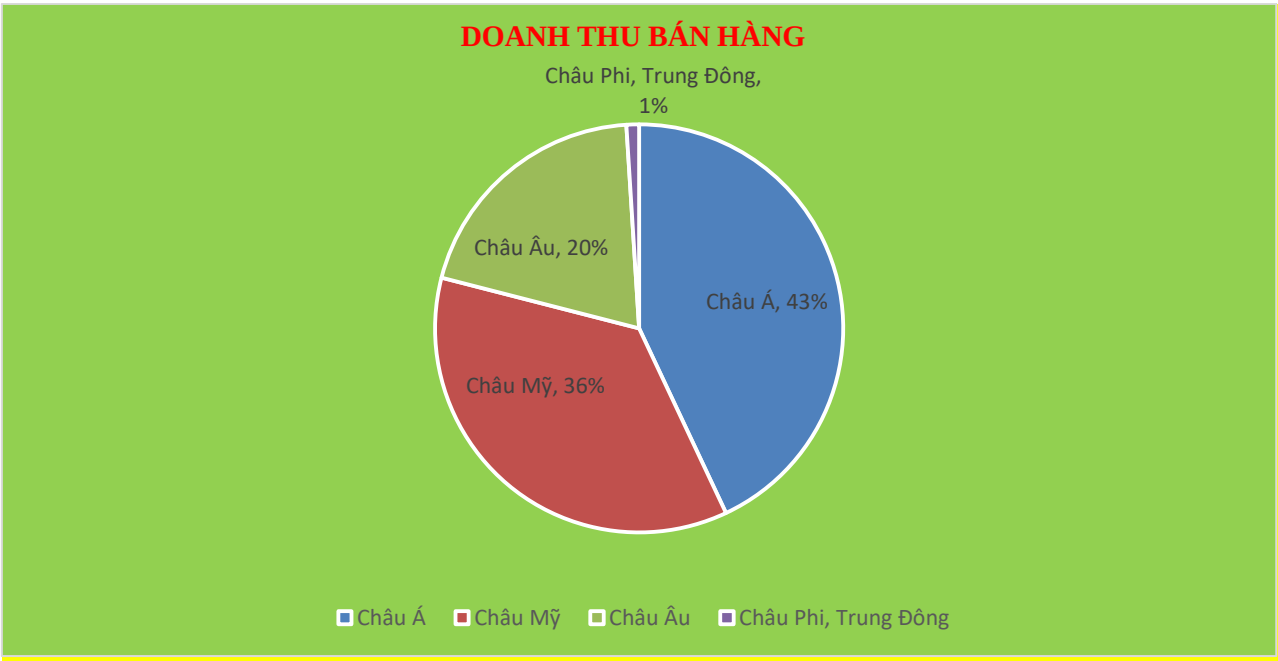

BÁN HÀNG TOÀN CẦU: 179,3 Triệu USD

Châu Á không bao gồm Trung Quốc * 57,3 - tăng 3,5%

Trung Quốc 19,2 - giảm 2

Châu Mỹ 64,7 - tăng 10,6%

Châu Âu 36,2 - tăng 1,6%

Châu Phi & Trung Đông 1,9 - tăng 4,0%

Nguồn: WFDS 2021

PHỤ LỤC 11

Số lượng người tham gia bán hàng đa cấp tính đến năm 2020

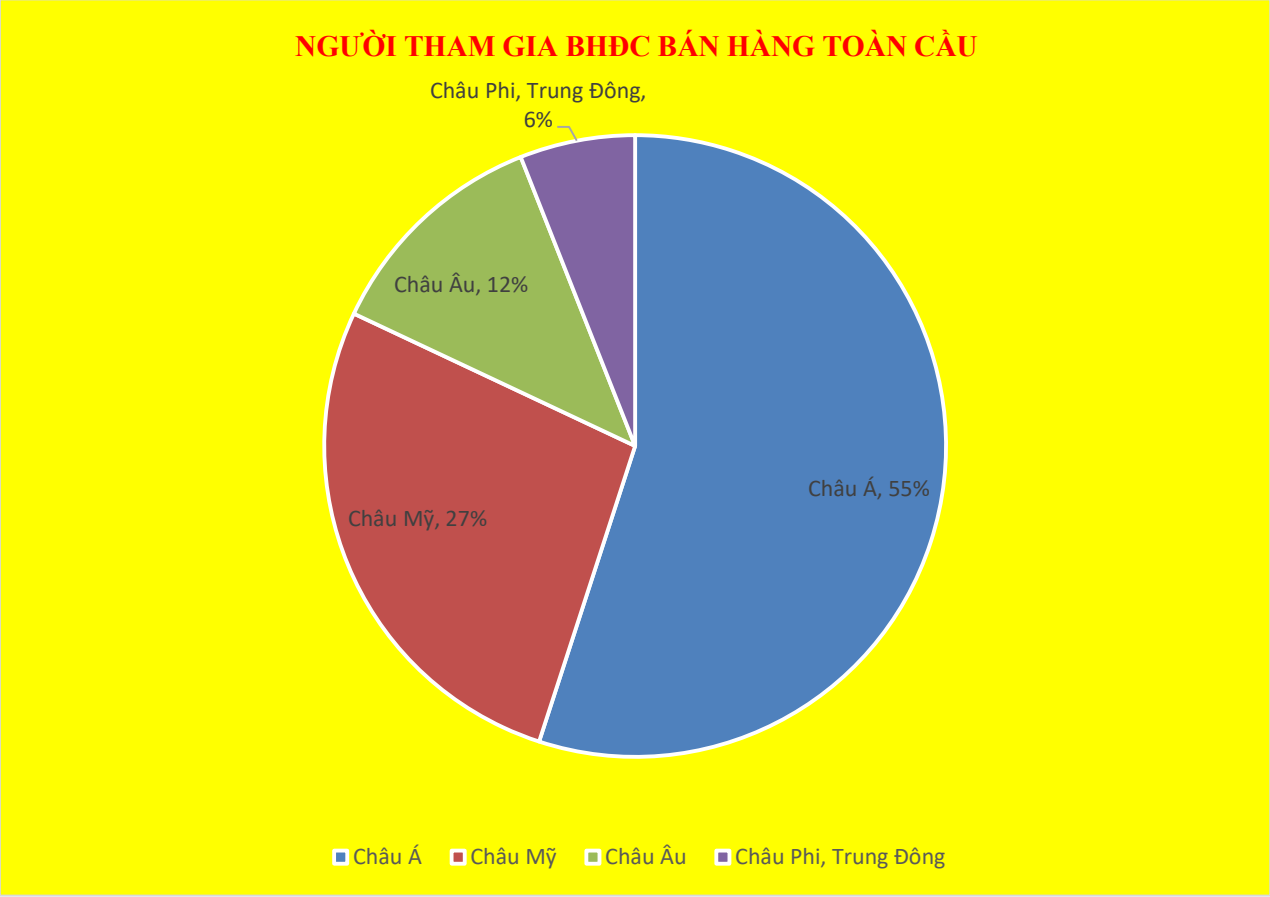

SỐ NGƯỜI THAM GIA BÁN HÀNG ĐA CẤP TOÀN CẦU: 125,4 TRIỆU

Châu Á không bao gồm Trung Quốc * 66,0 - tăng 2,2%

Trung Quốc * 3,6 - giảm 13,1%

Châu Mỹ 33,7 - tăng 9,0%

Châu Âu 14,5 - tăng 2,6%

Châu Phi & Trung Đông 7,6 - tăng 18,2%

Nguồn: WFDS 2021

PHỤ LỤC 12

BỘ QUY TẮC CỦA LIÊN ĐOÀN CÁC HIỆP HỘI BÁN HÀNG TRỰC TIẾP THẾ GIỚI (WFDSA)

WFDSA là một tổ chức phi chính phủ, được thành lập từ năm 1978, đại diện cho ngành bán hàng trực tiếp với sự tham gia của các Hiệp hội bán hàng trực tiếp từ những quốc gia khác nhau Một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu của WFDSA là xây dựng và duy trì bộ quy tắc ứng xử ở tiêu chuẩn cao nhất để áp dụng toàn cầu cho các thành viên của Liên đoàn. Bộ quy tắc ứng xử này tập trung vào 3 mối quan hệ lớn nhất trong hoạt động bán hàng trực tiếp (bao gồm cả bán hàng đa cấp) như sau:

• Quy tắc ứng xử đối với người tiêu dùng

• Quy tắc ứng xử giữa Doanh nghiệp và Người tham gia

• Quy tắc ứng xử giữa các doanh nghiệp

Dưới đây là một số quy tắc chính được WFDSA xây dựng và áp dụng cho các Hiệp hội thành viên cũng như các doanh nghiệp bán hàng trực tiếp là thành viên của mỗi Hiệp hội.

I. Quy tắc ứng xử đối với người tiêu dùng

1. Hành vi bị cấm: Người tham gia không được phép có các hành vi gian lận, lừa dối hoặc gây nhầm lẫn. 2. Giới thiệu: Không cần yêu cầu, Người tham gia phải giới thiệu rõ ràng, trung thực về bản thân, doanh nghiệp, bản chất của sản phẩm và nêu rõ mục đích của việc chào bán sản phẩm cho khách hàng tiềm năng.

3. Thông tin: Người tham gia phải cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác về giá cả và điều khoản tín dụng (nếu có); điều khoản thanh toán; chính sách trả hàng; bảo hành; dịch vụ hậu mãi và thời gian giao hàng. Liên quan tới hiệu quả sử dụng sản phẩm, Người tham gia chỉ đưa ra những tuyên bố đã được Doanh nghiệp cho phép.

4. Giải đáp: Người tham gia phải giải đáp mọi thắc mắc của khách hàng về sản phẩm và điều kiện giao dịch một cách chính xác và dễ hiểu; chỉ đưa ra các cam kết đã được doanh nghiệp cho phép.

5. Tài liệu: Tài liệu hỗ trợ bán hàng, tài liệu quảng cáo và thư tín không được phép chứa các thông tin mang tính lừa dối hay gây nhầm lẫn khi mô tả về sản phẩm, chức năng, công dụng, hình ảnh hoặc các minh họa về sản phẩm. Tài liệu hỗ trợ bán hàng phải rõ tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc của Công ty và số điện thoại của Người tham gia.

6. Tài liệu xác nhận: Người tham gia không được sử dụng bất kỳ tài liệu xác nhận hoặc chứng thực không được phép sử dụng, sai sự thật, hết hiệu lực hoặc không còn áp dụng nhằm gây nhẫm lẫn cho người tiêu dùng.

7. So sánh và gièm pha: Người tham gia không được đưa ra những so sánh có thể gây nhầm lẫn; không được, trực tiếp hoặc gián tiếp, gièm pha bất kỳ doanh nghiệp nào, hoạt động kinh doanh hay sản phẩm của doanh nghiệp khác.

8 Đổi, trả hàng: Người tham gia phải đảm bảo rằng đơn đặt hàng hoặc tài liệu tương ứng khác thể hiện điều khoản đổi trả hàng trong khoảng thời gian nhất định, theo quy định pháp luật, dành cho khách hàng và hoàn trả lại cho khách hàng khoản tiền hoặc các lợi ích đã nhận từ khách hàng.

9. Dịch vụ bảo hành và hậu mãi: Các điều khoản về bảo hành, chi tiết và giới hạn của dịch vụ hậu mãi, tên và địa chỉ của nhà bảo hành, thời gian bảo hành và hoạt động sửa chữa dành cho người mua hàng phải được thể hiện rõ trong các tài liệu đi kèm hoặc tài liệu khác được giao cùng với sản phẩm.

10. Tôn trọng sự riêng tư: Người tham gia chỉ được tiếp xúc hoặc điện thoại cho Người tiêu dùng với cách ứng xử hợp lý và trong thời gian thích hợp nhằm tránh việc xâm phạm sự riêng tư của Người tiêu dùng. Người tham gia phải ngay lập tức chấm dứt việc tiếp thị, bán hàng khi được yêu cầu bởi Người tiêu dùng. Người tham gia phải thực hiện các bước cần thiết để bảo mật các thông tin cá nhân do Người tiêu dùng, khách hàng tiềm năng hoặc Người tham gia khác cung cấp.

11. Sự công bằng: Người tham gia phải lưu ý đến việc thiếu kinh nghiệm của Người tiêu dùng và không được lợi dụng lòng tin hoặc khai thác các thông tin về tuổi tác, bệnh tật cũng như việc yếu kém, hạn chế về ngôn ngữ của Người tiêu dùng.

12. Trung gian bán hàng: Người tham gia không được thuyết phục khách hàng mua hàng của mình với lý do khách hàng đó có thể được giảm giá hoặc chiết khấu bằng cách giới thiệu khách hàng tiềm năng khác cho Đại diện Bán hàng Trực tiếp để mua hàng hóa tương tự.

13. Giao hàng: Người tham gia phải giao hàng cho khách hàng đúng thời hạn.

II. Quy tắc ứng xử giữa Doanh nghiệp và người tham gia

1. Tuân thủ của Người tham gia: Doanh nghiệp phải yêu cầu Người tham gia của mình tuân thủ các chuẩn mực của Bộ Quy tắc ứng xử WFDSA. Đây là điều kiện để Người tham gia tham gia vào mạng lưới bán hàng của doanh nghiệp.

2. Tuyển dụng: Doanh nghiệp và Người tham gia không được thực hiện các hành vi gian lận, lừa dối hoặc gây nhầm lẫn khi tiếp xúc với Người tham gia hiện hữu hoặc tiềm năng.

3. Thông tin kinh doanh: Doanh nghiệp phải cung cấp một cách đầy đủ và chính xác cho Người tham gia hiện hữu hoặc tiềm năng các thông tin về cơ hội nghề nghiệp, các quyền và nghĩa vụ; không được cung cấp các thông tin không thể thẩm định hoặc đưa ra hứa hẹn không thể thực hiện được cho Người tham gia tiềm năng của mình và không được thông tin gian dối về cơ hội bán hàng trong quá trình tuyển dụng Người tham gia.

4. Thưởng và thù lao: Doanh nghiệp phải thông tin bằng văn bản hoặc qua mạng internet cho người tham gia về các khoản tiền định kỳ dành cho người tham gia khi bán hàng, mua hàng và chi tiết của các khoản thu nhập, hoa hồng, tiền thưởng, chiết khấu, giao hàng, hủy đơn hàng và các thông tin có liên quan khác theo thỏa thuận giữa DN và Người tham gia. Tất cả các khoản tiền này sẽ được thanh toán hoặc giữ lại theo nguyên tắc ứng xử thương mại thích hợp.

5. Thu nhập: Doanh nghiệp và người tham gia không được làm sai lệch thông tin về các khoản thu nhập thực tế hoặc tiềm năng dành cho Người tham gia. Tất cả các khoản thu nhập hoặc kết quả bán hàng phải được thông tin bằng văn bản.

6. Quan hệ: Doanh nghiệp phải chuyển cho người tham gia hợp đồng bằng văn bản có chữ ký của cả hai bên hoặc văn bản tương tự khác bao gồm toàn bộ các thông tin cần thiết về mối quan hệ giữa người tham gia và DN. DN phải thông báo cho người tham gia các trách nhiệm pháp lý, bao gồm cả các nghĩa vụ về giấy phép, đăng ký, thuế với cơ quan có thẩm quyền.

7. Phí: Doanh nghiệp và Người tham gia không được yêu cầu Người tham gia tiềm năng trả những khoản chi phí cao và bất hợp lý như phí gia nhập, phí đào tạo, phí hoạt động, phí mua các tài liệu quảng cáo và các loại phí khác chỉ nhằm mục đích gia nhập vào hệ thống bán hàng của Doanh nghiệp. Tất cả các khoản chi phí để trở thành Người tham gia phải liên quan trực tiếp đến giá trị tài liệu được sử dụng để bán hàng hóa, tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam trong từng thời kỳ.

8. Chấm dứt hợp đồng: Khi Người tham gia yêu cầu chấm dứt hợp đồng, Doanh nghiệp phải mua lại hàng hóa tồn đọng của Người tham gia khi hàng hóa này trong tình trạng có thể bán lại được bao gồm cả tài liệu khuyến mại, tài liệu hỗ trợ bán hàng, dụng cụ bán hàng, đồng thời hoàn trả lại toàn bộ số tiền mà Người tham gia đã trả cho Doanh nghiệp trước đó sau khi đã trừ chi phí quản lý tối đa là 10%.

9. Lưu trữ hàng hóa: Doanh nghiệp không được yêu cầu hay khuyến khích Người tham gia lưu trữ hàng hóa với số lượng lớn không hợp lý; phải thực hiện các bước cần thiết nhằm đảm bảo rằng khi nhận thù lao cho doanh thu tuyến dưới của mình, Người tham gia có thể tiêu thụ hoặc bán hết lượng hàng hóa đạt chỉ tiêu để nhận tiền thù lao.

10. Hàng hóa khác: Doanh nghiệp phải nghiêm cấm Người tham gia thực hiện việc tiếp thị hoặc yêu cầu tuyến dưới của mình mua bất kỳ các tài liệu, hàng hóa khác không phù hợp với các chính sách và quy định của Doanh nghiệp.

11. Đào tạo và huấn luyện: Doanh nghiệp phải đào tạo và huấn luyện Người tham gia của mình để họ thực hiện việc bán hàng một cách đúng mực. Việc đào tạo có thể được thực hiện qua các buổi huấn luyện, các tài liệu, hướng dẫn bằng bản in hay đào tạo trên mạng, băng hình.

III. Quy tắc ứng xử giữa các doanh nghiệp

1. Nguyên tắc: Các Doanh nghiệp phải ứng xử với nhau trên tinh thần cạnh tranh lành mạnh.

2. Lôi kéo: Doanh nghiệp và Người tham gia không được lôi kéo hoặc chiêu dụ Người tham gia của Doanh nghiệp khác.

3. Gièm pha: Doanh nghiệp không được gièm pha và cho phép Người tham gia gièm pha hàng hóa của Doanh nghiệp khác, chương trình bán hàng và kế hoạch tiếp thị hay bất kỳ nguyên tắc nào của Doanh nghiệp khác.[3]

---

[3] Bản dịch đăng trên: Bản tin và người tiêu dùng số 46/2014 , Cục cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng [Tr7,tr8]